



Hồ Chí Minh

VỚI VĂN NGHỆ SĨ
VĂN NGHỆ SĨ VỚI HỒ CHÍ MINH

Tập 4

HỒ CHÍ MINH TRONG TRÁI TIM VĂN NGHỆ SĨ VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NỘI DUNG

Gs. Ts PHÙNG HỮU PHÚ (*Chủ tịch*)

Nhà thơ HỮU THỈNH (*Phó chủ tịch*)

Ts. NGUYỄN THẾ KỶ (*Phó chủ tịch*)

Cử nhân HOÀNG THANH KHIẾT

Nhà văn ĐỖ KIM CUÔNG

Pgs. Ts NGUYỄN HỮU THỨC

Pgs. Ts TRẦN MINH TRƯỜNG

Pgs. Ts PHAN TRỌNG THƯỜNG

Nhà văn PHẠM TRUNG ĐÌNH

BAN THƯ KÝ

DƯƠNG QUỐC HÙNG (*Trưởng ban*)

TRẦN QUANG QUÝ (*Phó Trưởng ban Thường trực*)

NGÔ MINH (*Phó Trưởng ban*)

LÊ THỊ BÍCH HỒNG (*Ủy viên*)

MAI LIỄU (*Ủy viên*)

HÀ ĐÌNH CÂN (*Ủy viên*)

BAN BIÊN SOẠN

Nhà thơ HỮU THỈNH (*Chủ biên*)

Nhà văn PHẠM TRUNG ĐÌNH

Nhà thơ TRẦN QUANG QUÝ

*Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận.
Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy.*

HỒ CHÍ MINH

LỜI TỰA

Trên báo Ogoniok (Liên Xô trước đây), số 39, ra ngày 23-12-1923, nhà thơ đồng thời là nhà báo Xô-viết nổi tiếng O.Mandenxtam trong bài “Thăm một chiến sĩ quốc tế cộng sản Nguyễn Ái Quốc” đã tiên cảm phê thường về Chủ tịch Hồ Chí Minh như sau: “Dáng dấp con người đang ngồi trước mặt tôi đây, Nguyễn Ái Quốc, cũng đang toả ra thật lịch thiệp và tế nhị. Từ Nguyễn Ái Quốc đã toả ra một thứ văn hoá, không phải văn hoá Châu Âu, mà có lẽ là một nền văn hoá tương lai”. Với dự cảm đặc biệt của một thi nhân, O.Mandenxtam phát hiện ra sự dồn tụ, kết tinh của văn hoá Việt Nam trong con người Việt Nam tiêu biểu nhất và khẳng định Bác là tinh hoa của Việt Nam và cũng là tinh hoa của nhân loại. Nhà thơ viết: “Dân An Nam là một dân tộc giản dị và lịch thiệp. Qua phong thái thanh cao, trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mênh mông của tình hữu ái toàn thế giới...”.

Gần một thế kỷ đã trôi qua, thời gian đã chứng minh linh giác đặc biệt sáng suốt của O.Mandenxtam. Đó là một phát hiện thiên tài về một thiên tài. Thời gian ấy Bác đang học tập tại Trường Đại học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản tại Matxcova. O.Mandenxtam không viết về Bác với tư cách lãnh tụ tinh thần, người tổ chức và lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Điều đó thế giới đã từng biết qua những hoạt động yêu nước nổi tiếng của Người ở Pháp và trong những ngày đầu đến đất nước của Lênin. Chọn tư cách là đại diện nền văn hoá tương lai, nhà thơ Nga đã nhìn thấy sự bất tử của Người, tiên đoán về những giá trị có tầm nhân loại vĩnh cửu của Bác từ khi Người mới bước sang tuổi ba mươi.

*Với một nguồn mạch cảm hứng như vậy, những người đề xuất và được Ban Bí thư ủng hộ việc tổ chức thực hiện bộ sách chuyên đề “**Hồ Chí Minh với Văn nghệ sĩ - Văn nghệ sĩ với Hồ Chí Minh**” mong*

muốn cung cấp cho bạn đọc rộng rãi, đặc biệt là cho tất cả những ai quan tâm đến việc xây dựng con người, quan tâm đến việc xây dựng nền văn hoá dân tộc, rất Việt Nam mà cũng rất hiện đại, nguồn tư liệu phong phú, sinh động, hệ thống, đa dạng, chọn lọc từ những trước tác quan trọng nhất của Bác về văn học, nghệ thuật và của những văn nghệ sĩ hàng đầu Việt Nam và thế giới viết về Bác. Hình tượng Hồ Chí Minh với ba chủ đề: lãnh tụ thiên tài, nhà văn hoá kiệt xuất, nhà nhân văn vĩ đại được các tác giả từ góc độ văn hoá thể hiện sống động và xuyên suốt bộ sách. Chúng ta bắt gặp ở đây sự kết hợp đẹp đẽ giữa những cái cao cả và bình thường, giản dị mà thanh cao, vĩ đại mà gần gũi, rất Việt Nam mà cũng rất nhân loại. Bức tượng đài ngôn ngữ này làm nổi bật chân dung Hồ Chí Minh, một con người trong tất cả, tất cả trong một con người.

Với những phẩm chất cao quý như vậy, hiển nhiên từ lâu Bác đã là một ngọn nguồn, ngọn nguồn của suy tưởng, của bồi đắp, của dẫn dắt và soi sáng. Và đúng như Tố Hữu đã viết:

*Ta bên Người, Người toả sáng trong ta
Ta bỗng lớn ở bên Người một chút.*

Bác vĩ đại nhưng không quá tầm với bất cứ ai.

Hôm nay và mai sau, tiếp nhận Hồ Chí Minh là tiếp nhận một sự sống không bao giờ ngơi nghỉ.

Và bây giờ, với thói quen bước vào một ngôi đền thiêng, xin chúng ta hãy lật từng trang sách với lòng chân thành nhất, để được chứng quả lời Phật dạy:

*Được đi trên đường chánh
Là Phước Đức lớn nhất.*

Hà Nội, 4-5-2010
Nhà thơ Hữu Thỉnh
Chủ tịch Liên hiệp các Hội
Văn học nghệ thuật Việt Nam
Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Hưởng ứng cuộc vận động *“Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”* và thực hiện Nghị quyết 23 của Bộ Chính trị *“Tiếp tục xây dựng, phát triển văn học, nghệ thuật trong tình hình mới”*, Hội Nhà văn Việt Nam đã được sự đồng ý của Ban Bí thư Trung ương Đảng giao cho Nhà xuất bản Hội Nhà văn xuất bản bộ sách **HỒ CHÍ MINH VỚI VĂN NGHỆ SĨ - VĂN NGHỆ SĨ VỚI HỒ CHÍ MINH**, nhằm quảng bá sâu rộng trong nhân dân, giúp cho các tầng lớp nhân dân hiểu biết sâu sắc hơn tình cảm của Bác Hồ với văn nghệ sĩ, cũng như tình cảm chân thành, sâu sắc của giới văn nghệ sĩ đối với Bác Hồ.

Bộ sách là sự thể hiện sinh động, chân thực tình cảm cao đẹp và đạo đức trong sáng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với dân với nước, và đặc biệt là, đối với các văn nghệ sĩ cách mạng - những người chiến sĩ tiên phong trên mặt trận văn hoá tư tưởng của Đảng; đồng thời là vũ khí sắc bén và hiệu quả, nhằm đấu tranh chống lại các luận điệu sai trái, xuyên tạc, bóp méo sự thật về nhân cách, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh và tư tưởng của Người.

“Hồ Chí Minh trong trái tim văn nghệ sĩ Việt Nam” tập 4, là tập tiếp nối với văn mạch và tình cảm của các tập 1 và tập 2 đã ra mắt bạn đọc. Chúng ta tiếp tục được hòa nhập cùng cảm xúc yêu thương của Bác với các nhà văn, các văn nghệ sĩ tiêu biểu như Đặng Thai Mai, Bùi Hiển, Chế Lan Viên, Nguyễn Kiên, Nhị Ca, Quang Huy, Đỗ Nhuận, Thuận Yến, Dân Huyền, Y Brom, Thảo Giang...

Tập 4 ra mắt bạn đọc đúng vào dịp 122 năm ngày sinh của Bác, chẳng những giúp bạn đọc tiếp tục tìm hiểu học tập và làm theo tấm gương cao đẹp của Người, mà còn góp phần thiết thực vào việc thực hiện nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 của Ban chấp hành

Trung ương Đảng *“Về một số vấn đề cấp bách trong công tác xây dựng Đảng”*.

Mặc dù đã rất cố gắng trong quá trình sưu tầm biên soạn, biên tập bộ sách nhưng chúng tôi vẫn khó tránh khỏi có những sơ suất, Nhà xuất bản Hội Nhà văn chân thành kính mong nhận được sự đóng góp xây dựng quý báu của quý độc giả để những lần tái bản sau, bộ sách sẽ hoàn thiện hơn, đáp ứng niềm mong mỏi và tình cảm của nhân dân cả nước nói chung và giới văn nghệ sĩ nói riêng đối với Bác Hồ kính yêu.

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN



Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đỉnh núi Trầm Lộng
19/5/1957

Ảnh: Đinh Đăng Định - Nguồn: Bảo tàng Hồ Chí Minh

BÁC HỒ TRONG KÝ ỨC CỦA TÔI

HUY CẬN

VINH DỰ ĐƯỢC BÁC HỒ TẶNG MỘT BÀI THƠ

Giữa năm 1963, tập thơ *Bài thơ cuộc đời* của tôi xuất bản, tôi gửi dâng Bác Hồ bản đầu tiên. Mỗi lúc ra một tập thơ tôi đều có gửi dâng Bác, và bao giờ tôi cũng xin Bác cho ý kiến nhận xét. Có lần Bác gặp tôi nói là Bác đã đọc tập thơ này, tập thơ kia và có chú ý một số bài. Khi Bác đọc bài *Năm người con gái anh hùng Cẩm Phả* đăng trên báo *Nhân dân*, thì Bác đã căn cứ theo bài thơ mà gửi 5 huy hiệu của Bác về cho Ủy ban Cẩm Phả để tặng năm gia đình có 5 cô con gái liệt sĩ này. Lần này sau mấy hôm, anh Việt Phương một buổi trưa mang đến cho tôi một tờ giấy của Bác có ghi bài tứ tuyệt Bác tặng tôi. Anh Việt Phương nói "Đây là vinh dự lớn nhất của thơ đây", mở giấy ra tôi thấy một bài tứ tuyệt viết theo lối phóng khoáng của Bác:

Cảm ơn chú biểu Bác quyền thơ.

Bác xem quyền thơ suốt mấy giờ.

Muốn Bác phê bình, khó nói nhì!

Bài hay chen lẫn với bài vừa.

Tôi sung sướng quá, anh Việt Phương cũng chia sẻ nỗi vui sướng với tôi, đồng thời anh Việt Phương cũng đưa cho tôi một bức thư nhỏ của đồng chí Phạm Văn Đồng đại ý khen ngợi tập thơ của tôi, nói là đồng chí đọc thấy có nhiều bài hay, và rất hứng thú được nói điều đó với tác giả.

Trong những năm kháng chiến ở Việt Bắc, mỗi lúc Bác Hồ có làm bài thơ mới nào bằng chữ Hán, hoặc bằng tiếng Việt thì tôi cũng được vinh dự Bác gọi đến đọc cho nghe, và bao giờ Bác

cũng hỏi có ý kiến gì góp không. Khi Bác sáng tác bài tứ tuyệt *Trăng vào cửa sổ* (tác giả muốn nói đến bài *Báo tiếp* - BT) bằng tiếng Hán, tôi được Bác giao cho dịch ra tiếng Việt bằng thể Đường luật hoặc lục bát tùy ý. Tôi đã cố gắng diễn ra lục bát bốn câu súc tích của Bác:

*Trăng vào cửa sổ đòi thơ
Việc quân đang bận, xin chờ hôm sau.
Chuông lâu chột tỉnh giấc thu
Ấy tin thắng trận liên khu mới về.*

Bài dịch này đã được in trong tập *Thơ Hồ Chủ tịch*. Trước khi tôi dịch anh Phạm Văn Đồng có trao đổi ý kiến với tôi, dặn tôi cố thể hiện qua câu thơ tiếng Việt cái phong thái ung dung của Bác giữa trăm công nghìn việc của kháng chiến. Nhân đây, tôi cũng xin kể là những phiên họp Hội đồng Chính phủ trong kháng chiến chống Pháp, ở Việt Bắc, gần thác Dải thường được kết thúc bằng một buổi tối lửa trại (sau hai ba ngày họp).

Ở buổi lửa trại ấy, Bác Hồ là người "trưởng trò". Bác nói chuyện vui, động viên mọi người có chuyện gì thích thú thì kể cho nhau nghe. Và bao giờ Bác cũng nói: "Chú Phan Anh đâu, phải có mấy câu tập Kiều". Anh Phan Anh cũng biết vậy nên thường đã chuẩn bị sẵn mấy câu lục bát tập Kiều, và đứng dậy đọc, giọng sang sảng bên ngọn lửa rất đượm của các khúc củi to chụm lại với nhau. Thơ và lửa làm cho buổi liên hoan thật là ấm áp.

Và đến lượt tôi cũng được Bác gọi "Còn thơ chú Cận đâu?". Tôi cũng cố gắng làm mấy câu ca dao tức cảnh và đọc nhanh như là nộp bài. Nhưng cũng có khi Bác bảo tôi đọc một bài thơ cũ của tôi, và tôi không thể thoái thác, đành phải đọc những bài tả thiên nhiên đất nước, có gửi gắm nỗi lòng mình trong đó như bài *Tràng giang*.

Có một lần đang họp Hội đồng Chính phủ bàn vấn đề chuyển lương của cán bộ từ hiện vật (gạo) sang tiền. Anh Lê Văn Hiến, Bộ trưởng Bộ Tài chính vừa trình bày xong phương án

chuyển gạo ra tiền thì có một đồng chí trong Hội đồng phát hiện rằng giá gạo rất chênh lệch nhau giữa huyện Đại Từ phía Bắc núi Tam Đảo, và tỉnh Vĩnh Yên phía Nam núi Tam Đảo. Tôi liền đứng dậy xin đọc mấy câu không phải là tức cảnh mà là nói lên sự lúng túng của Chính phủ trong quyết định giá lương tiền này:

*Mây Tam Đảo! Mây Tam Đảo!
Mây dừng lại khoan bay, cho ta bảo:
Cớ sao cùng một đồng lương
Mà bên cơm, bên cháo!*

Sau tham luận bằng văn vần của tôi, Hội đồng Chính phủ bèn hoãn lại việc chuyển lương gạo ra lương tiền.

MẤY ĐOẠN HỒI KÝ VỀ BÁC HỒ

Bác Hồ của chúng ta là một nguồn ánh sáng lớn. Mỗi chúng ta đều nhận những tia ánh sáng của Bác và giữ mãi ánh sáng ấy trong tâm trí ta suốt đời. Tôi cũng là một trường hợp có may mắn những khi được gần Hồ Chủ tịch, được Bác dạy bảo trong công tác. Lòng tôi nhớ mãi không quên. Lần theo kỷ niệm, tôi xin kể ra một số nét.

Sau ngày 2-9-1945, Bác đến làm việc đều ở Bắc Bộ phủ. Hội đồng Chính phủ trong những ngày đầu tiên họp luôn, có những tuần ngày nào cũng họp, có tuần thì một ngày họp hai, ba lần. Thường họp vào buổi sáng, từ 8 giờ đến 10 giờ, hoặc kéo dài đến 11 giờ. Buổi trưa, Bác ở lại Bắc Bộ phủ cùng ăn cơm với chúng tôi là cán bộ, ở tầng dưới cùng. Bác ngồi cùng bàn với chúng tôi và cùng ăn như chúng tôi, thỉnh thoảng Bác hỏi chuyện công tác, và đôi lúc nói chuyện đùa vui. Có một lần ăn cá gặp nhiều xương, Bác hỏi: "*Các chú có biết thứ cá gì không có xương không?*". Có anh em hỏi lại Bác: "*Thưa Cụ đó là cá biển hay cá sông?*". Bác nói: "*Không phải cá sông mà cũng không phải cá biển*", và đáp: "*Các chú không biết à? Đó là con cá gỗ*". Rồi Bác kể sự tích cá gỗ cho chúng tôi nghe. Về sau chúng tôi đề

ngợi Bác ăn riêng, và đem mâm cơm lên cho Bác tại phòng làm việc của Bác ở trên gác, như vậy để tiện với thì giờ của Bác, nhưng thức ăn thì không có thêm gì hơn. Nói cho đúng thì có thêm một món là cà muối theo lối cà Nghệ và dưa cải. Tôi nhớ lúc cụ Huỳnh Thúc Kháng ở Huế ra theo điện mời của Bác, thì Bác cũng mời cụ Huỳnh ăn dưa cà như vậy.

Bác thường thích ăn món quê hương là nhút, cá kho khô; sau này các đồng chí Nghệ An thường gửi nhút Thanh Chương ra biếu Bác. Mỗi bữa ăn, Bác uống một ly rượu thuốc. Bác uống nước trà không đặc lắm, anh em phục vụ có pha cả phê nhưng Bác tỏ ra không thích lắm. Tráng miệng, Bác thường ăn một nửa quả chuối tiêu. Bác hút thuốc lá vị nhẹ (Craven A).

Thỉnh thoảng tôi cũng được Bác gọi cho cùng ăn cơm những buổi làm việc với Bác muộn giờ. Bao giờ Bác cũng bảo phải ăn hết, không được để thừa trong bát đĩa. Về sau này, anh em cán bộ gọi lối ăn như vậy là ăn theo tác phong của Hồ Chủ tịch (tất nhiên như vậy là vì thức ăn không phải nhiều nhận gì). Buổi trưa ở Bắc Bộ phủ, Bác chỉ ngả lưng chừng nửa tiếng đồng hồ, có khi Bác ngả lưng trên cái ghế tựa mây dài, thiu thiu ngủ. Sau nửa giờ tạm nghỉ ngơi như vậy, Bác lại đến ngồi vào một bàn con làm việc, hoặc viết, hoặc xem báo, tài liệu, mà thường là Bác hay viết những bức thư con, những lời dặn dò công tác gửi đồng chí này, đồng chí khác. Bác ngồi làm việc hút thuốc lá, như tư thế trong bức tranh sơn dầu của họa sĩ Tô Ngọc Vân vẽ Bác. Tôi nhớ lúc đó anh Tô Ngọc Vân xin phép Bác được vào vẽ Bác; lúc đầu Bác không đồng ý, nhưng anh Vân và các đồng chí xung quanh Bác đề nghị mãi, thì Bác ra điều kiện, là mấy buổi sáng phải cho xong, và mỗi sáng được vẽ một tiếng, khi Bác ngồi làm việc thì anh Vân liệu mà vẽ chứ đừng bắt Bác ngồi làm mẫu. Anh Vân có nói: *"Thưa Cụ, chính ao ước của con là như vậy"*. Sau anh Vân, anh Nguyễn Đỗ Cung cũng được vẽ Bác mấy buổi.

Bác làm việc ở Bắc Bộ phủ thường đi một đôi giày vải rất nhẹ, chân Bác bước lại càng nhẹ, thường Bác đi tới không nghe tiếng.

Bác làm việc đến chiều tối mới về nhà riêng. Tôi nhớ là thường khoảng 7 giờ tối, Bác mới từ Bắc Bộ phủ ra về. Tôi cũng hiểu là do điều kiện bảo vệ Bác, nên Bác không cố định giờ. Buổi sáng thì Bác lại đến rất sớm, trước giờ mọi người làm việc.

Tôi nhớ giữa năm 1946, trước khi Bác đi Pháp, bà Thanh chị của Bác có ra thăm Bác, chị em gặp nhau có một sự cảm động nén lại, lúc đó tôi chứng kiến, cảm thấy rất rõ mà rất khó diễn tả. Bác có nói thoáng một câu: "*Chị ra thăm tôi đó à?*", thì bà Thanh bước tới, trong cử chỉ rất trù mến, gơ tay đầm nhẹ vào lưng Bác ba cái; Bác thoáng mỉm cười ngoảnh mặt đi, và tôi nhớ còn thấy mắt Bác long lanh ướt.

Bà Thanh chị của Bác, là con thứ hai của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc. Từ tuổi thanh niên, bà đã hoạt động cách mạng hồi đó, như Tân Việt Cách mạng đảng, về sau bà vẫn tiếp tục hoạt động. Để trá hình, có khi bà giả làm người đi buôn cau khô hoặc đi buôn hàng cấm, và như vậy bà vào Nam ra Bắc như con thoi. Cũng như Bác, bà Thanh vì mải miết hoạt động mà không lập gia đình. Diện mạo bà trông rất quắc thước, khuôn mặt chữ điền, và tôi nhớ hai tai lớn, vành hướng ra phía trước; giọng bà nói sang sảng nhưng bà vẫn giữ một nét e lệ của người phụ nữ thời trước. Bà mặc một áo dài lụa Hạ đã cũ (lụa Hạ là lụa dệt ở chợ Hạ, huyện Đức Thọ, Nghệ Tĩnh - nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh - BT). Cái cảnh tượng vị Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong bộ áo quần ka ki giản dị đã mặc được gần một năm tiếp người chị gái cũng suốt đời bên ba vì cách mạng trong bộ y phục đơn sơ của quê nhà, cảnh tượng ấy có một vẻ gì vừa hay, vừa xưa để lại trong lòng tôi một ấn tượng như là truyền thuyết.

Tôi có ghi ấn tượng ấy trong bài tứ tuyệt sau đây:

*Chị đến thăm em là Chủ tịch
Cho em thân thiết một bu gà*

*Chị em băm bốn năm xa cách
Chuyện nước tình quê: "Chị đó a?"*

Hồi cuối tháng 5-1946, trước ngày Bác đi Pháp, Bác chủ động đến nói chuyện với một số lính Pháp ở trong thành. Tên tướng Pháp Salan (Xa-lăng) đi theo Bác. Một số đồng chí tỏ ý lo ngại việc Bác đến nói chuyện với bọn chúng như vậy, trong lúc chỉ có vài đồng chí ta đi theo bảo vệ. Bác giải thích thì các đồng chí yên tâm, tin tưởng ở uy tín lớn của Bác, ở "uy phong" của Bác trước quân thù. Tên tướng Salan định màu mè làm những nghi thức này nọ, mà có lẽ dụng tâm của y là "tác động tinh thần" Bác. Nhưng với cử chỉ rất tự nhiên thoải mái, Bác nói chuyện với bọn lính Pháp. Bác nói đến tình yêu quê hương đất nước của mọi người dân đối với đất nước mình. Bác nói đến sự giải phóng nước Pháp khỏi nanh vuốt phát xít Hitler, và rất tự nhiên, Bác nói đến nguyện vọng và ý chí của nhân dân ta đấu tranh cho tự do, độc lập... Bọn lính Pháp bất giác vỗ tay nhiệt liệt hoan nghênh lời Bác nói... làm cho tên tướng Salan sững sốt, y vội mời Bác nghỉ... Y nói là "*sợ Chủ tịch mệt*", nhưng kỳ thực là y thấy nguy cơ mỗi lời Bác gieo vào bọn lính Pháp có thể là khối thuốc nổ sẽ nổ ra những cuộc phản chiến sau này. Sau ngày Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Bác ra Hà Đông rồi chuyển về Sơn Tây, trước khi đi lên Việt Bắc. Trong mấy ngày còn ở huyện Quốc Oai (Sơn Tây), Bác đã đi vào Thanh Hóa gặp các đồng chí lãnh đạo Đảng và chính quyền của tỉnh và thăm các nhân sĩ kháng chiến. Trên đường về Thanh Hóa, Bác có ghé Nho Quan (Ninh Bình).

Trưa hôm ấy, Bác ghé thăm đồn điền Chi Nê là nơi anh Lê Văn Hiến đang đóng trụ sở Bộ Tài chính, và là nơi đã sơ tán một cái nhà in nhỏ để in giấy bạc kháng chiến. Chúng tôi đến nơi thì một mặt anh Hiến cho tổ chức cơm nước ngay, và mặt khác bố trí bảo vệ Bác, kể cả phòng tránh máy bay địch bắn phá... Anh Hiến từ lúc về đó đã cho đào nhiều hầm tránh máy bay, nhất là anh đã có sáng kiến đào mấy cái hố cá nhân khá sâu và cũng

rộng. Các hố và hầm này chưa kịp xây kiên cố nhưng đất đồi rắn và lèn chặt nên cũng khá chắc chắn, mùi đất hơi ẩm ướt, nhưng hầm và hố đều thoáng khí, ở trên có lá che.

Y như rằng, chúng tôi đang ăn cơm thì máy bay địch tới. Không biết nó có đánh hơi thấy gì không mà bay lượn lâu trên đồn điền rồi nã súng 12 ly 7 xuống. Lúc đó Bác Hồ đã xuống hầm, xuống hố cá nhân thì đúng hơn. Tất cả chúng tôi, anh Hiến, mấy anh bảo vệ và tôi cùng xuống một hố với Bác, Bác ở dưới cùng, chúng tôi đan người, đan thân mình của chúng tôi lên Bác, để nhờ mà địch có bắn trúng vào hố này thì đạn trúng vào chúng tôi, để Bác được an toàn. Nhưng sau một chập bắn riết ở nhiều hướng, có thể là bắn vu vơ, máy bay địch lại bay đi. Chúng tôi thở phào đưa tay dìu Bác lên, trán Bác lấm tấm mồ hôi. Bác liền khen anh Hiến kịp thời đào hầm hố, kịp thời bố trí phòng chống máy bay được an toàn.

Sau này tôi có dịp kể chuyện này cho nhiều bạn quốc tế nghe, họ cho là một thiên anh hùng ca đẹp, đẹp hơn truyền thuyết. Bác với dân, Bác sống giữa lòng dân là thế... Từ Thanh Hóa, Bác cũng muốn về thăm Nghệ - Tĩnh, nhưng các đồng chí cùng đi đề nghị Bác để dịp khác. Bác nghe theo. Hôm sau, 4 giờ sáng Bác đã dậy. Bác tự đánh máy một bức thư gửi về cho các đồng chí và đồng bào ở hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh. Như thường lệ, Bác đưa cho chúng tôi xem thư và bảo góp ý kiến. Tôi còn nhớ ý thư rất cảm động, là lòng nhớ quê hương của một người con xa quê lâu ngày. Bức thư này về sau tôi hỏi các đồng chí ở hai uỷ ban Nghệ - Tĩnh, nhưng đến nay vẫn chưa tìm ra.

Bác rất thương cán bộ đi theo, thỉnh thoảng Bác kể những chuyện về công tác hoặc về đời hoạt động của Bác, và thỉnh thoảng lắm, Bác cũng gọi lại một vài quãng đời niên thiếu của Bác. Có lần tôi được nghe Bác kể: Hồi nhỏ Bác học ở Huế, Bác đi học ở trường Quốc học lúc trường này còn lợp bằng tranh, và Bác cho biết là có học với Thái Văn Toản, lúc đó là thầy giáo

dạy tiếng Pháp (về sau Thái Văn Toàn làm thượng thư Bộ Lại của Nam triều). Bác học hết năm thứ nhất cao đẳng tiểu học thì thôi học và đi vào cực nam Trung Bộ dạy học.

Bác cũng kể: Lúc bé ở Huế với cụ thân sinh là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, Bác còn chơi đùa chui vào ống nước bằng gang to (của nhà máy nước Vạn Niên mà bọn Pháp bắt đầu xây ở Huế). Bác nhắc lại những kỷ niệm tuổi nhỏ rất rành mạch, nhớ những chi tiết rất cụ thể, và bao giờ tôi cũng thấy Bác thoáng tủm tỉm cười khi kể lại như vậy. Có lần Bác lại kể thời Bác hoạt động ở Thái Lan mà Bác cứ gọi là Xiêm La. Bác cho biết: Bên đó có nhiều đồng bào Nghệ - Tĩnh, kiều bào làm đủ nghề để sinh sống: thợ mộc, nề, may, cúp tóc... kiều bào rất yêu nước và có tinh thần đoàn kết đùm bọc lấy nhau, nhờ thế mà chính quyền của vua Thái Lan muốn gây khó khăn, ta cũng có cách ứng phó. Có khi chính quyền trung ương của họ làm khó dễ, thì những chức trách địa phương lại tìm cách lờ đi cho kiều bào ta. Bác kể có dạy chữ quốc ngữ cho đồng bào. Và có lần bọn cảnh sát địa phương đã lùng tìm Bác, nhưng Bác được cứu thoát nhờ một phụ nữ kiều bào đã nhanh trí đưa cho Bác một cái nón, một sợi dây buộc trâu và bảo Bác ra đồng làm như bảo một người ở.

Trong khi công tác, Bác thường hay giáo dục cán bộ bằng nhiều cách: chỉ rõ những điểm đã làm tốt, và phân tích những điều thiếu sót, hoặc nhân những việc đang làm mà rút kinh nghiệm cho những việc tương tự v.v... Có điều là lúc nào Bác cũng chú trọng phân tích cái hay, cái đã đạt được làm cái đà phấn khởi cho cán bộ. Cũng có khi Bác cho những phương châm hành động, phương châm công tác. Hồi đầu trong Chính phủ lâm thời, tôi được phân công phụ trách Bộ Canh nông, tôi thấy lúng túng chưa biết nên làm việc như thế nào trong một công việc mới mẻ như vậy. Tôi thưa với Bác: *"Xin Cụ bày cho con cách làm việc... Việc đối với con mới quá"*. Bác mỉm cười bảo: *"Có việc gì mà không mới! Chú cứ tưởng việc tôi làm Chủ tịch Chính phủ là việc cũ hay sao? Chú cứ làm..."* và Bác lại nói: *"Chú cứ nhớ lấy,*

phàm việc gì cũng vậy, có mấy điều phải nắm chắc là: chương trình rõ rệt, một nhóm trung kiên, vừa học vừa làm, cùng nhau phê bình để tiến bộ".

Sau chiến thắng của quân dân ta trong chiến dịch Việt Bắc (cuối 1947), Đảng và Chính phủ ta quyết định phong tướng cho một số đồng chí chỉ huy quân sự. Đồng chí Võ Nguyên Giáp (lúc đó là tổng chỉ huy quân đội nhân dân) được phong làm đại tướng. Tôi còn nhớ rõ không khí phấn khởi và rạo rực của Hội đồng Chính phủ chiều hôm làm lễ phong tướng cho anh Giáp.

Nhân kể lại buổi lễ phong tướng này tôi lại nhớ sau khi Chính phủ ta quyết định phong tướng, có một nhà báo Pháp phỏng vấn Hồ Chủ tịch qua đài. Ý ngầm của nhà báo này là xỏ xiên, cho rằng ta đã có cơ sở quân sự gì đâu mà cũng phong tướng, phong tá... Nội dung các câu hỏi đáp, tôi còn nhớ như sau:

Hỏi: Thưa Chủ tịch, tôi xin mừng Chủ tịch có thêm mấy vị tướng giúp việc. Nhân dịp này, xin Chủ tịch cho biết dựa trên nguyên tắc nào mà phong tướng cho các vị chỉ huy?

Trả lời: Tôi xin cảm ơn ông về lời chúc mừng. Còn trên nguyên tắc phong tướng thì cũng giản đơn. Chúng tôi đang đánh du kích chống thực dân Pháp, nên phong hàm quân đội một cách du kích. Ví dụ: một cán bộ quân đội nào đánh thắng một quan ba thì được phong quan tư. Theo nguyên tắc du kích này (mà chắc ông cũng phải cho là hợp lý) đồng chí Võ Nguyên Giáp của chúng tôi đáng lẽ phải được phong mấy lần đại tướng và đô đốc vì đã thắng nhiều tướng và đô đốc của quân đội viễn chinh Pháp... Cuối cùng xin chúc ông khoẻ mạnh và dùng ngòi bút của nghề làm báo chân chính làm cho nhân dân Pháp biết rõ thực chất cuộc chiến tranh "bắn thiêu" ở Việt Nam.

Điều lý thú là nhà báo Pháp ấy đã đăng nguyên vẹn câu trả lời của Bác, và nhiều đài quốc tế đã phát lại câu trả lời đó.

Hội đồng Chính phủ hôm đó họp ở chân đèo, bên cạnh một dòng suối rộng mười bước, nước chảy trông thấy rõ mòn một tảng viên sỏi trắng, vàng. Nhà họp của Hội đồng Chính phủ vách bằng liếp nửa mới đan còn thơm mùi tươi, được trang hoàng đơn sơ, đặt một bàn thờ Tổ quốc, có cờ đỏ sao vàng và lọ hoa cắm một chùm hoa núi.

Sau khi một đồng chí trong Hội đồng Chính phủ đọc sắc lệnh về việc phong tướng, Bác đứng lên, đi đến bàn thờ Tổ quốc và cầm cái bảng (ghi việc phong tướng), với một giọng trang nghiêm và xúc động Bác nói: *"Hôm nay tôi xin thay mặt Chính phủ và nhân dân..."*, đến đó chúng tôi ai cũng đoán là Bác sẽ tiếp tục bằng giọng văn "chính quy nhà nước" cho hợp với tính tôn nghiêm của buổi lễ... Nhưng không, Bác nói tiếp với giọng có chút ghen ngào trong cổ: *"Tôi xin thay mặt Chính phủ và nhân dân trao cho chú Giáp bằng và chức đại tướng"*. Mọi người xúc động cảm thấy sâu sắc Bác là vị cha già, là hồn thiêng của đất nước. Bác nói mà tưởng nghe lời Tổ quốc, non sông, tưởng như nghe tiếng nói của cha ông từ mấy ngàn năm vọng về.

Bác lấy mũi soa gạt nhanh giọt nước mắt và Bác tiếp: *"Các cụ ta qua bao thế hệ chiến đấu cho dân tộc tự do. Chúng ta may mắn hơn. Nhưng còn phải bao nhiêu hy sinh, chiến đấu của đồng bào, đồng chí. Có những cháu thanh niên, thiếu nhi trong giờ phút hy sinh lại thương tôi mà gọi tên tôi... Chúng ta phải cố gắng, phải quyết giành cho được độc lập, tự do cho thỏa lòng những người đã mất..."*. Rồi buổi lễ phong tướng trở thành một buổi Bác nói chuyện về truyền thống cách mạng của dân tộc, mà không khí như là: một người ông, xung quanh quây quần con cháu, đang kể sự tích đời xưa, đời nay, mà lời nói như có phép nhiệm màu dựng lên trước mắt cảnh quá khứ và tương lai thu hút mọi người.

Anh Võ Nguyên Giáp chiều hôm ấy bận quân phục, nghĩa là có cái sơ mi ka ki màu cỏ úa, có hai cầu vai mới được may thêm. Bộ Quốc phòng vừa mới thêu cho anh phù hiệu đại tướng

để đeo vào hai cầu vai và ve áo sơ mi. Anh đọc mấy lời tuyên thệ ngắn trước bàn thờ Tổ quốc và Bác ôm hôn anh trong khi toàn thể Hội đồng Chính phủ đứng dậy để nghe lời Bác và chào vị đại tướng đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

*

* *

Hồi ở Việt Bắc, có hôm Bác Hồ kể với tôi: Có lần Bác phải chạy một mạch bốn mươi cây số, chạy bán sống bán chết, vừa chạy vừa cởi áo quần vứt bên đường, sau cũng chỉ còn bận cái quần đùi. Trong trường hợp nào mà Bác phải chạy như thế thì tôi không dám hỏi, mà Bác cũng không kể. Gần đây đoàn quay phim tư liệu của ta sang Trung Quốc dựng phim "Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Kông" về có kể: Ở Liễu Châu có một người kể rằng: Có lần cụ Hồ Chí Minh suýt bị ám sát, mà Bác Hồ phải chạy một mạch bốn mươi cây số, vừa chạy vừa vứt quần áo. Các nhà sử học nghiên cứu về cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh nên tìm hiểu kỹ về lần chạy này của Bác.

ẢNH HƯỞNG CỦA BÁC HỒ ĐỐI VỚI SỰ SÁNG TÁC, SÁNG TẠO CỦA TÔI

Cuộc đời hoạt động cách mạng cứu nước của Bác Hồ, tư tưởng và phong cách của Bác Hồ ảnh hưởng lớn đến sự sáng tác của tất cả các văn nghệ sĩ chúng ta, thuộc các thế hệ.

Tôi xin kể trường hợp của tôi. Lúc tôi còn học ở trường Quốc học Huế (Ban thành chung và Ban tú tài từ 1932 đến 1939) tôi đã được nghe nói đến ông Nguyễn Ái Quốc viết thư yêu cầu Hội nghị quốc tế Versailles công nhận quyền tự do của nhân dân Việt Nam. Sau đó tôi lại được vài anh lớn cho xem một cái ảnh Nguyễn Ái Quốc đội mũ phớt cao vành (*haut de forme*) đang hoạt động trong "Hội giải phóng các dân tộc bị áp bức" (*Société de libération des peuples opprimés*), với vai trò nhân vật chủ yếu. Thế là Nguyễn Ái Quốc đã trở thành thần

tượng phong trào cứu nước đối với thế hệ thanh thiếu niên, học sinh chúng tôi.

Mãi đến tháng 8-1945, lần đầu tiên tôi mới được gặp Bác Hồ (Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh) tại Quốc dân Đại hội ở Tân Trào. Hai giờ chiều hôm 16-8-1945, Bác đang ngồi tựa vào một cột đình Tân Trào nơi đại hội sắp họp. Lúc đó Bác gầy, da hơi tái vì còn mệt, nhưng hai mắt thì rất sáng. Bác ngoắc tay gọi tôi lại gần và hỏi "Chú hoạt động ở tỉnh nào về?". Lần đầu được lãnh tụ tối cao hỏi, tôi rất xúc động và bối rối trả lời: "Thưa Cụ, con mới hoạt động ba, bốn năm nay tại Hà Nội, trong đám thanh niên, sinh viên và trí thức khoa học yêu nước. Con noi gương Cụ và các anh đi trước, góp phần nhiệt huyết của mình vào phong trào cứu quốc...".

Bác bảo tôi ngồi xuống và nói: "Chú còn thanh niên, hoạt động trong thanh niên, trí thức là rất tốt. Còn như hoạt động cách mạng thì không kể kẻ trước, người sau. Người tham gia sau mà làm việc nhiệt huyết thì cũng góp phần vào sự nghiệp chung. Chú cứ tiếp tục hoạt động với anh em, lúc này cần mọi người hoạt động để cứu nước. Nhưng phải luôn luôn cảnh giác!".

Tôi suốt đời nhớ lời Bác lần đầu tiên nói với tôi và dặn tôi như thế.

Khi Bác từ Tân Trào về Hà Nội thì Bác (thay mặt Đảng và Chính phủ lâm thời) cử một đoàn ba người (anh Trần Huy Liệu - trưởng đoàn, anh Nguyễn Lương Bằng và tôi) vào Huế, thay mặt Chính phủ lâm thời nhận sự thoái vị của vua Bảo Đại.

Rồi Bác (thay mặt Chính phủ) cử tôi làm Bộ trưởng Bộ Canh nông và Thanh tra đặc biệt cùng cụ Bùi Bằng Đoàn - những công tác ấy tôi đã kể trong hồi ký.

Tôi có may mắn và hạnh phúc là được làm việc bên cạnh Bác Hồ, sống bên cạnh Bác trong nhiều năm, từ Cách mạng tháng Tám cho đến ngày Bác mất. Tôi được Bác giáo dục nhiều về cách làm việc, cách suy nghĩ và cách sống - Bác rất thương cán bộ làm việc gần Bác - Tôi cũng được hưởng lòng thương yêu như gia đình, ruột thịt ấy của Bác.

Năm đầu tiên của cách mạng (1945-1946) có lúc tôi vừa làm việc ở Bộ Canh nông, có lúc (buổi chiều) đến làm việc giúp Bác như là một thư ký riêng. Bác bảo tôi viết thư cho các địa phương, các cụ phụ lão, các thanh niên. Lần đầu tiên, Bác chữa gần đỏ cả trang. Lần thứ hai tôi viết thư khác, Bác chữa ít hơn. Thư thứ ba tôi thảo thì Bác không phải chữa nữa và khen: "Chú tiến bộ nhanh đấy! Nhanh hơn Bác hồi Bác tập viết báo "Humanité" mà ông Longuet chữa cho Bác".

Về sau, khi tôi viết văn xuôi (công văn, bài báo, bài nghiên cứu, bài bình luận...) tôi cố gắng viết: ý rõ ràng, lập luận khúc chiết, câu văn dễ hiểu, không rắc rối, đánh đố người đọc, tất nhiên có sự uyển chuyển của phong cách mình. Tôi tâm niệm sống điều độ, tiết kiệm, giản dị theo lời Bác dạy; chăm làm việc. Còn về thơ? Trước cách mạng thơ tôi rất buồn, không phải buồn về số phận cá nhân, mà buồn về cuộc đời; cái buồn ấy của tôi được các nhà nghiên cứu, bình luận gọi là cái buồn nhân thế, cái sầu đau đời.

Trước đây tôi cũng nhớ nhiều đến cha ông (như trong bài *Trò chuyện*, hay trong bài *Mai sau* với các câu "*Hay lòng chàng vẫn tủi nắng sầu mưa/ Cùng đất nước mà nặng buồn sông núi*").

Sau này, sống với cách mạng và sống bên cạnh Bác Hồ, thấm đẫm tư tưởng, tình cảm dân tộc của Bác, tôi nhớ nhiều đến cha ông, đến cái hào hùng và cả cái đau xót, đau đời của cha ông: Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Huệ, Bùi Thị Xuân, Ngọc Hân công chúa...

Và tôi sống mật thiết, thân thiết với con người của thời đại, bà con cùng thế hệ với tôi: Anh Tài Lạc, năm người con gái anh hùng Cẩm Phả, anh Phòng, các công nhân cầu Hàm Rồng, chị giao liên Lê Thị Hồng Gấm. Và tôi cũng sống với những anh em ở bốn cõi: Chê Ghêvara, Takanô. Nhắc những tên người trên đây không chỉ là đề tài, mà là luồng tình cảm xuyên qua dòng máu lịch sử, máu thịt của cuộc đời... Không phải ngẫu nhiên mà tôi đã viết: "*Cha ông năm tháng đè lưng nặng / Những bạn đương thời của Nguyễn Du / Nung nấu tâm can vò võ trán / Đau đời có cứu được đời đâu*".

Sau này, đã có một người đau đời (đau vận nước) và đã cứu được đời, cứu được nước, là Bác Hồ.

HỒ CHÍ MINH - NHÀ VĂN HÓA LỚN, MỘT NGƯỜI HIỀN CỦA THỜI ĐẠI CHÚNG TA

Một con người là sự tổng hoà. Trường hợp của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tượng trưng cho sự tổng hoà thành công của nhiều nền văn hóa, hơn thế nữa, của nhiều nền văn minh rực rỡ. Thực hiện một sự tổng hoà đẹp đẽ là một thành tựu lớn. Nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh còn vượt lên trên và chuyển hóa sự tổng hoà ấy bằng một sáng tạo độc đáo, sáng tạo ra bản lĩnh riêng của mình nhờ một thôi thúc bên trong mãnh liệt.

Trước hết, Chủ tịch Hồ Chí Minh là người con của dân tộc Việt Nam. Người đã cảm thụ từ những nguồn sâu nhất của lịch sử và văn hóa Việt Nam tinh thần yêu nước nồng nàn, lòng ngưỡng mộ những vị anh hùng cứu nước, lòng khao khát tự do. Chủ nghĩa yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh chứa chan chủ nghĩa nhân bản. Năm 1941, sau 30 năm xa nước, đến ngày Tết ở biên giới Việt - Trung, Bác không quên mừng tuổi các cháu bé bằng những đồng xu gói đẹp trong giấy hồng đơn, theo một tục lệ cổ truyền của đất nước.

Sau bấy nhiêu năm xa cách, một khi trở về Việt Nam, Bác lại nói với mọi người bằng tiếng nói xứ sở, bằng cái giọng xứ Nghệ quê nhà, tưởng như Bác chưa hề rời xa hàng xóm. Sự bắt rễ sâu vào đời sống và những truyền thống dân tộc chính là điều bất biến nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh, người chiến sĩ quốc tế đầy ý thức. Nhà cách mạng không phút sòn lòng đã từng đặt chân tới nhiều nơi trên thế giới và đã từng sống nhiều năm ở nhiều địa điểm khác nhau trên hành tinh.

Khi nói về những kỳ tích của nhân dân, khi điểm lại những chặng đường đấu tranh lâu dài của dân tộc và của Đảng Cộng sản để giành độc lập, Bác lại nhắc đến những câu Kiều, kiệt tác thơ dân tộc mà ai nấy đều thuộc. Bác vận dụng một cách tài tình

và có chủ đích những câu ca dao, tục ngữ, kể cả khi phân tích tình hình chính trị của đất nước và thế giới. Mọi người đều nhớ Bác Hồ đọc câu ca dao: *"Hôm nay châu chấu đá voi/ Mai thua châu chấu, voi lòi ruột ra"*, để nói triển vọng cuộc đấu tranh chống đế quốc của nhân dân ta.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp nhận được từ dân tộc Việt Nam một tình cảm sâu sắc và kín đáo đối với thiên nhiên và đối với con người; sự tinh tế trong cách suy nghĩ và trong cách biểu hiện; sự tế nhị trong những cử chỉ và thái độ. Tính giản dị, sự lễ độ, tính khiêm tốn của Người đã thành truyền thuyết.

Tính khiêm tốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh cơ bản là sự tôn trọng người khác, đó là tín hiệu của tình nhân loại. Ai cũng cảm động về tình cảm sâu lắng mà nhạy bén của Người. Có thể nào tưởng tượng được một vị Chủ tịch nước, người lãnh đạo tối cao của cuộc chiến tranh giành độc lập đang đứng trước những lực lượng đáng sợ của kẻ địch, lại có tâm hồn "trắng lòng cỏ thụ, bóng lồng hoa"? Đành rằng sự thanh thản của đêm đông năm 1947 ấy đã kèm theo những nỗi lo âu lớn: *"Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ/ Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà"*.

Nếu có một sự tổng hoà, thì trước hết là sự tổng hoà của những truyền thống đẹp đẽ và vinh quang của Việt Nam. Trong những hành động và lời nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người ta có thể nghe rất rõ vang vọng tư tưởng Nguyễn Trãi, nhà thơ lớn, nhà chiến lược lớn và là một trong những anh hùng cứu nước đầu thế kỷ XV *"Ôm gói trần trọc mãi cho đến bình minh"*.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không phải là người của một quyền sách, của một nền văn hóa duy nhất. Từ tuổi nhỏ, Người đã học chữ Hán và văn học cổ điển Trung Quốc với cụ thân sinh nhà nho khoa bảng. Sự tiếp xúc đầu tiên ấy với văn hóa Trung Quốc và những yếu tố cơ bản của nền văn hóa Việt Nam đã truyền cho Người cái thú văn thơ, và đặc biệt là sự hiểu biết về thơ Đường của Trung Quốc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp xúc trở lại với nền văn hóa Trung Quốc những năm 1925 - 1927, khi cộng tác với các đồng chí cộng sản Trung Quốc trong và sau thời kỳ Công xã Quảng Châu. Như vậy Bác đã có dịp cảm thông sâu sắc với phong trào Ngũ tứ, là một phong trào văn hóa và tư tưởng của nước Trung Hoa mới. Và cuộc đời trở trêu thay, lại chính trong những nhà tù của Quốc dân đảng Trung Hoa ở tỉnh Quảng Tây mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sáng tác những bài thơ nổi tiếng được tập hợp thành tập *Nhật ký trong tù* bằng tiếng Trung Quốc cổ điển, những bài thơ mà nhiều nhà phê bình Trung Quốc nổi tiếng (như Quách Mạt Nhược) đã đặt ngang hàng với những bài hay nhất của thơ Đường. Chúng ta hãy đọc lại:

*Hoa hồng nở, hoa hồng lại rụng
Hoa tàn, hoa nở cũng vô tình,
Hương hoa bay thấu vào trong ngực
Kể với tù nhân nổi bất bình.*

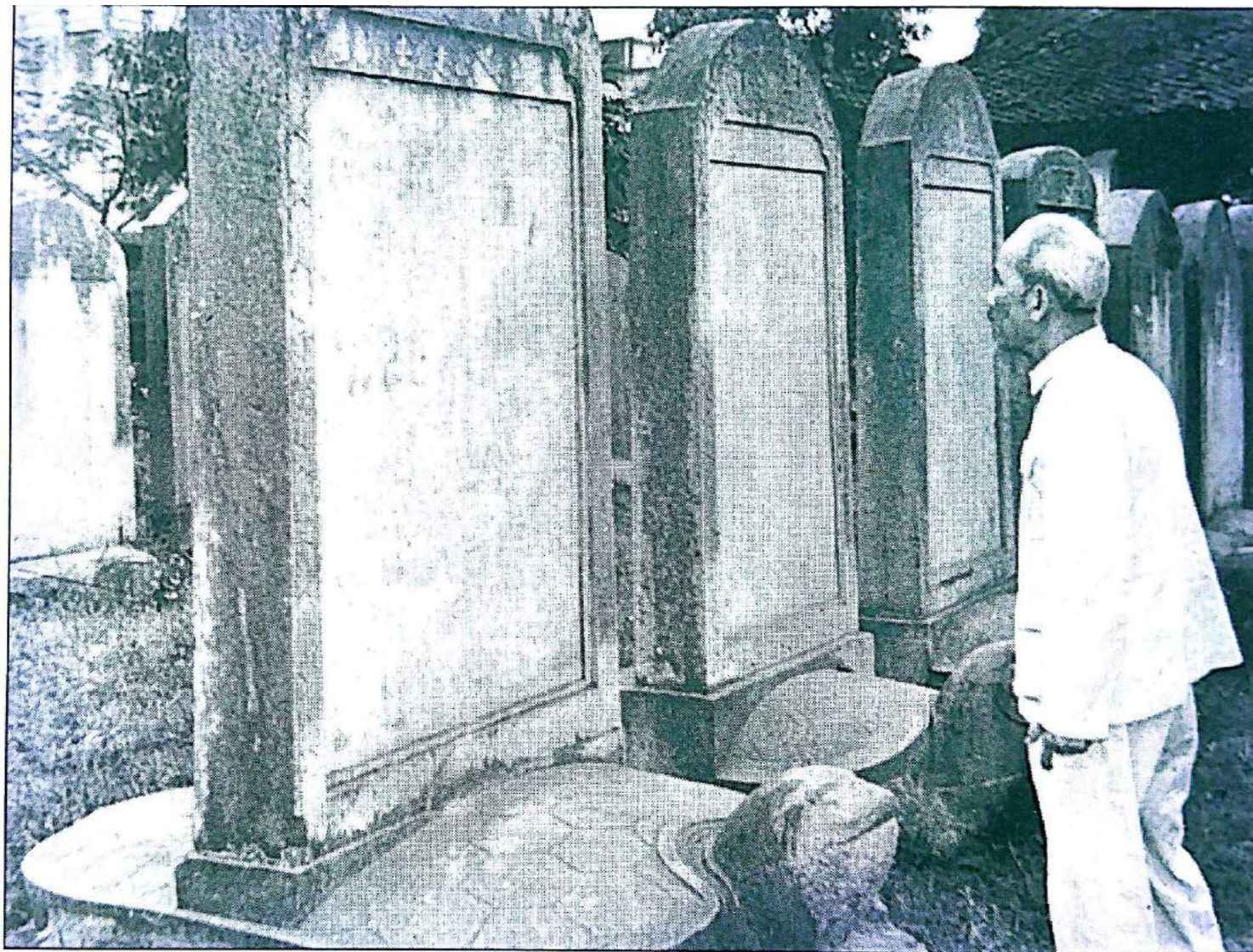
(Cảnh chiều tối - bản dịch)

Và bốn câu sau đây rất "hiện thực":

*Khiêng lợn lính cùng đi một lối
Ta thì người dốt, lợn người khiêng
Con người coi rẻ hơn con lợn:
Người có còn đâu được chủ quyền!*

(Lính gác khiêng lợn cùng đi - bản dịch)

Thật là một sự kỳ diệu về văn chương khi những tình cảm chứa chan chủ nghĩa nhân đạo hoàn toàn hiện đại lại có thể khuôn vào những câu thơ cổ điển của một ngôn ngữ khác với tiếng mẹ đẻ của tác giả. Rõ ràng tính phổ biến của văn hóa không phải là một lời nói suông. Chủ tịch Hồ Chí Minh hấp thụ văn hóa Trung Quốc không chỉ qua sách vở. Một sự tiếp xúc lâu dài với nhân dân Trung Quốc, những năm tháng sống chan hoà trong đời sống Trung Quốc đã truyền cho Bác cái tinh hoa của



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Văn Miếu - Quốc Tử Giám
(29/1/1960)

Ảnh: Đinh Đăng Định - Nguồn: Bảo tàng Hồ Chí Minh

nền văn hóa lớn ấy, một nền văn hóa gọi cho ta một nghệ thuật sống đẹp đẽ và một tư tưởng hiển minh độc đáo.

Còn tinh hoa của nền văn hóa Ấn Độ, nền văn hoá lớn của phương nam châu Á thì Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thu được qua ảnh hưởng của đạo Phật, là tôn giáo chính của dân tộc Việt Nam gần 2000 năm và qua sự tiếp xúc với rất nhiều người bạn Ấn Độ mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quen thân trong cuộc chiến đấu của mình. Bình sinh, Chủ tịch luôn luôn có một tấm lòng kính mộ sâu sắc và cảm động đối với Đức Phật Thích Ca, người sáng lập ra đạo Phật, cũng như đối với các vị giáo chủ đạo này trước hết là lòng cảm thương sâu sắc đối với số phận của những chúng sinh, và ý muốn tha thiết làm sao xoa nhẹ hoặc xoá bỏ những nỗi đau khổ của những con người trên trái đất này.

Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cuộc đời bôn ba của mình đã có may mắn (hay là sự chọn lựa may mắn) tự đào luyện bằng văn hóa phương Tây, đặc biệt là văn hóa Pháp ngay từ thời thanh niên. Khi Người sinh hoạt ở "câu lạc bộ ngoại ô" đã tự rèn đức mình về chính trị và văn hóa hàng năm trời bằng sự tiếp xúc với người Pháp. Nền văn hóa Pháp đẹp đẽ với chủ nghĩa nhân bản sâu sắc thoát thai từ thời đại Phục Hưng, với thiên hướng sâu sắc đã cùng nhân loại "cung ứng" cho Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lắm.

Và "thế kỷ ánh sáng" đã chiếu rọi ánh sáng vào tâm trí Người. Ham đọc Voltaire và Rousseau (và cũng đọc nhiều Victor Hugo, Anatole France), Người thật sự đã hấp thụ được tinh thần của cách mạng Pháp ngay từ nguồn. Suốt đời Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn mang dấu ấn của lòng ham mê đầu tiên ấy về những lý tưởng tự do và bác ái. Và sự tinh tế trí tuệ của Chủ tịch Hồ Chí Minh thừa hưởng được từ ông cha đã được trí tuệ Pháp làm cho nảy nở thêm, sắc bén thêm. Tất cả những điều đó sẽ giúp Chủ tịch Hồ Chí Minh có bước đi vững chắc mà lại ung dung, thoải mái giữa những trận đò bát quái của cuộc đời cách mạng và của cuộc sống hàng ngày.

Năm 1946 tại Pari, một nhà báo phương Tây hỏi: "*Chủ tịch ở tù có lâu không?*" thì với một nụ cười, Bác Hồ đã đáp: "*Ông biết đấy, thời gian trong tù bao giờ cũng lâu*". Vừa mỉa mai, vừa hài hước, một thứ uy mua kín đáo trong một câu trả lời giản đơn đã thể hiện tính cách của hai nền văn hóa.

Ở Pari, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khám phá ra Lenin và những luận điểm của Lenin về vấn đề giải phóng các dân tộc thuộc địa. Và sau đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sáng lập "*Liên minh những dân tộc bị áp bức*". Nhưng chính tại Liên Xô, vào những năm 20, Bác mới khám phá ra nền văn học Nga của thế kỷ XIX. Người đọc nhiều Turgenev, Tolstoi và cũng đọc một vài tác phẩm của Chekhov.

Tâm hồn Nga sâu thẳm được mô tả rất hay trong các pho tiểu thuyết Nga cấu trúc tầng tầng lớp lớp, giúp Chủ tịch Hồ Chí Minh bổ sung sự hiểu biết của mình về các dân tộc, một sự hiểu biết cần thiết cho một chiến sĩ cách mạng.

Cảm quan về bi kịch trong nền văn hóa Nga ưu việt lại nhắc Người nhớ đến cái bi kịch đã được cảm nhận và biểu hiện trong nhiều truyện và kịch sân khấu cổ điển của Việt Nam như: *Quan âm Thị Kính, Vợ chàng Trương, Xúy Vân giả dại, Đá vọng phu...* là những nhân vật không thể thoát khỏi cạm bẫy và nanh vuốt của số mệnh. Sự tiếp xúc với các dân tộc, một lần nữa, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại làm giàu thêm tâm hồn, trí tuệ mình.

Chúng ta nhận thấy rằng để tự đào luyện về văn hóa và chính trị, sự tiếp xúc trực tiếp, sinh động với những con người là yếu tố quyết định đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Và đúng như thế, cái bản lĩnh văn hóa mà Bác đã tự tạo cho mình cũng lấy sự tiếp xúc với những con người làm hạt nhân. Người ta có thể nói Chủ tịch Hồ Chí Minh có nghệ thuật, có thiên tài về sự tiếp xúc giữa con người với con người, dù là tiếp xúc với một dân tộc hay với một cá nhân, tiếp xúc với quảng đại quần chúng lao động hay với giới thượng lưu trí thức. Khi tiếp xúc với Bác người ta có thể gửi lòng tin, bởi vì

đứng trước Chủ tịch Hồ Chí Minh, người ta cảm thấy đây là con người đi tìm kiếm một sự hoà hợp thoả đáng với con người.

Tuy hiểu biết sâu sắc các nền văn hóa lớn của thế giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn giữ sâu đậm cốt cách người Việt Nam trong tâm hồn, trong cuộc sống. Người vẫn giữ được bản lĩnh độc đáo của mình với một cảm xúc sâu lắng, với chủ nghĩa nhân bản cổ hữu, với tâm hồn nhà thơ và nghị lực của người hành động, với sự ưu ái thường xuyên đối với số phận của những con người, với những nỗi lo lắng của người chiến sĩ cách mạng đối với thân phận chính trị - xã hội của những con người bình thường, của những người bị áp bức, với ngọn lửa chiến đấu không bao giờ tắt. Người đấu tranh giành độc lập, tự do, bảo vệ nhân phẩm cho đồng loại.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại một ấn tượng sâu sắc cho những người đã có dịp gặp Người: người ta tưởng được tiếp kiến một lãnh đạo Nhà nước, một lãnh tụ cách mạng thì người ta lại được gặp một con người. Nhiều khách quốc tế sau khi tiếp xúc đã có ấn tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh là một người hiền, một người hiền của Đông phương cổ đại. Đúng, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh không phải là một người hiền ngày xưa mà là của thời đại chúng ta. Bởi vì Người đã sống cái triết lý của mình, một người hiền đại. Người thực hành cái lý thuyết của mình về giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một người hiền vĩ đại của thế kỷ chúng ta, bởi vì Người đã tin tưởng ở con người, ở những dân tộc, bởi Người đã tin vào những khả năng vô tận của con người để tự cải thiện tâm hồn và cuộc sống của chính mình.

Chắc cá nhân bạn sẽ bảo đó là chủ nghĩa duy tâm! Chúng ta có thể nào nói đến chủ nghĩa duy tâm khi bàn đến một người đã cống hiến trọn đời mình để thực hiện những lý tưởng tự do và công bằng, không phải một cách chủ quan hay cuồng tín mà bằng những cuộc đấu tranh được tổ chức một cách hợp lý, một cách khoa học

với chiến lược và chiến thuật thích ứng. Khi bắt đầu cuộc chiến tranh chống thực dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trương "văn hoá hoá kháng chiến và kháng chiến hoá văn hoá".

Bản sắc văn hoá dân tộc, chính Người đã sống đầy đủ nhất bản sắc ấy và góp sức to lớn sáng tạo ra nền văn hoá Việt Nam hiện đại, cũng như trong mọi lĩnh vực khác. Về văn hoá nghệ thuật, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cổ vũ cái mới bằng cách nêu gương. Những bài thơ, những bài văn của Người đối với chúng ta là những mẫu hình về cách viết, trong đó sự trong sáng long lanh niềm xúc cảm, mỗi chữ khơi dậy những âm vang sâu thẳm.

KỶ NIỆM VỀ NHỮNG LẦN GẶP BÁC HỒ

GS. ĐẶNG THAI MAI

Tháng 8-1945, tôi bị đau dạ dày nặng, phải nằm tại Sầm Sơn, Thanh Hoá. Một số ngày trước khi cướp chính quyền ở Hà Nội, một số người bạn vào, nói công việc phải chuẩn bị và muốn tôi ra ngay.

Tôi định ra Hà Nội. Trên đường từ Sầm Sơn về Thanh Hoá, khi đi qua một sân bay cũ mà bọn Nhật đang sử dụng, tôi thấy một tên tướng Nhật cùng quân lính đang tập hợp ở đấy. Hình như chúng đang đốt một lá cờ. Khi tới bệnh viện Thanh Hoá, tôi bị giữ lại nằm viện.

Cuối tháng 8-1945, tôi mới ra Hà Nội. Đến Hà Nội, các bác sĩ lại bắt nằm bệnh viện, chưa được làm việc ngay.

Một hôm, tôi nghe tin Bác về. Lúc bấy giờ, tôi đã biết Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc, vì hôm trước, khi anh Hà Huy Giáp đi qua Thanh Hoá, đã có người chặn đường lại hỏi:

- Hồ Chí Minh là ai?

Anh Giáp trả lời:

- Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc.

Mấy hôm sau tôi được vào gặp Bác. Hôm đó là ngày 4-9-1945. Tôi đến gặp Bác ở phòng khách của Bắc Bộ phủ. Trong phòng có bàn làm việc và một bộ xa lông. Tôi đi vào, kính cẩn và rón rén. Bác nhanh nhẹn bước ra, tươi cười bảo tôi lại ngồi ở bộ xa lông. Bác nói:

- Bác bận lắm, chỉ gặp chú được một lát thôi.

Khi uống nước, Bác hỏi thăm chuyện gia đình, chuyện ông nội tôi bị đi tù, đến những năm cuối đời mới được tha; chuyện ông tôi ở Côn Lôn về được bao lâu? Bà nội tôi mất năm nào?...

Sau đó, Bác kể chuyện chú tôi là ông Đặng Thúc Hứa, lúc bấy giờ gọi là ông Hai Cày (ở bên Xiêm). Bác nói với tôi:

- Chú yếu lắm, phải lo mà chữa bệnh. Khỏe rồi ra giúp nước.

Tôi chào Bác ra về. Chiều hôm đó có rất nhiều nhà văn đến gặp tôi và hỏi:

- Anh gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh, cảm tưởng đầu tiên của anh như thế nào?

Tôi trả lời:

- Khó mà nói được cảm tưởng của mình, nếu như chỉ dùng một chữ để tóm tắt cảm giác của tôi thì phải dùng một chữ Pháp "Humain", có nghĩa theo quan niệm của tôi "Một con người rất thấu con người, thương người. Mục đích làm việc là làm thế nào cho con người được sung sướng hơn".

Tôi cũng nhắc lại với các bạn tôi là:

- Bác nói công việc ban đầu đang còn khó khăn, phải cố gắng nhiều. Cướp chính quyền mới là bước đầu. Bây giờ làm thế nào để củng cố chính quyền cho tốt. Đây là cơ hội ngàn năm có một. Phải xây dựng một nước Việt Nam độc lập, dân chủ. Nếu bỏ lỡ cơ hội này là trách nhiệm của cả một thế hệ.

Tôi rất sung sướng khi các bạn văn tỏ ý tán thành ý kiến đó. Nhiều tuần lễ sau, các bạn ở các tỉnh khác cũng như ở Hà Nội vẫn còn hỏi tôi về ấn tượng buổi ban đầu được gặp Bác. Tôi nhắc lại câu nói hôm đầu tiên. Và tôi còn nói thêm với họ là:

- Theo tôi nghĩ "Nếu ông Hồ Chí Minh mà không làm xong việc thì không có người Việt Nam nào làm xong việc". Tôi nói câu ấy vì lần gặp Bác vừa rồi tôi có nói, đại ý là: Không chỉ nhân dân Nghệ Tĩnh tin tưởng vào Bác, mà bây giờ cả nước đều tin

tương Bác và ai ai cũng nói, có Bác thì sự nghiệp của các lớp tiền bối lần này có thể thành sự thực.

Hôm đó Bác nói:

- Vấn đề không phải chỉ tin vào một con người, mà phải tin vào Đảng. Chú đã đọc Mác, Mác nói: "Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng".

Tôi nói với các bạn:

- Đánh rằng sự nghiệp cách mạng là của quần chúng, nhưng cũng cần có một người chỉ đường cho mà đi.

Tất nhiên, các bạn tôi tin rằng người đó là Hồ Chí Minh.

Sau đó Bác gọi tôi vào. Thấy sức khoẻ của tôi đã khá hơn, Bác bảo tôi tham gia vào Ban dự thảo "Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà". Tôi hết sức ngỡ ngàng vì từ trước tới nay tôi chưa hề quan tâm tới vấn đề này bao giờ. Tuy nhiên khi học lịch sử thế giới và theo dõi tình hình cách mạng Liên Xô, tôi cũng biết một ít về bản Hiến pháp của Pháp năm 1789 và Hiến pháp đầu tiên của Liên Xô năm 1936. Những người được cử vào Ban dự thảo Hiến pháp hình như có cố vấn Vĩnh Thụy, cụ Vũ Đình Hoè và Nguyễn Đình Thi, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Trường Chinh.

Hôm đầu tiên Bác chủ toạ cuộc họp, buổi trưa Bác giữ tôi và cố vấn Vĩnh Thụy ở lại cùng ăn cơm tại Bắc Bộ phủ. Bữa cơm hôm đó rất đậm bạc.

Mấy tuần sau, chúng tôi hoàn thành bản sơ thảo. Khi trình bày Bác hỏi:

- Các chú có ai thắc mắc gì không?

Tôi cười và thưa với Bác:

- Không biết chúng ta ban bố quyền bầu cử cho toàn dân có sớm quá không? Dân chúng ta hiện giờ người mù chữ còn tới 80, 90%.

Bác cười, giơ ngón tay chỉ vào tôi và nói:

- Chú là người thảo hiến pháp mà không khéo lại phản động đấy, người cách mạng trước hết phải tin vào nhân dân.

Câu nói đó đối với tôi mãi mãi là một bài học vô cùng thấm thía, và lại kết quả cuộc bầu cử ngày 6-1-1946 là một sự xác nhận hết sức hùng hồn đối với tôi.

Khoảng cuối năm 1945, đầu năm 1946, tôi có nhiều dịp được vào gặp Bác để bàn công việc. Có nhiều câu chuyện nhỏ nhưng lại rất có ý nghĩa, vì lúc này Chính phủ ta đang phải đối phó với tình hình hết sức khó khăn về đối nội cũng như đối ngoại. Tôi còn nhớ, một hôm có anh bạn vào thưa với Bác:

- Cháu nghe nói phái đoàn Liên Xô đã đến Trùng Khánh và sắp sang thăm Hà Nội, có lẽ chúng ta cũng nên chuẩn bị đón tiếp.

Bác cười trả lời:

- Thì cứ để cho họ sang xem thế nào, sao không nghĩ rằng đó là "tin vịt" do bọn Tây hay Tàu tung ra.

Một lần khác, trong khoá đào tạo cán bộ cấp tốc ở Hà Nội, thỉnh thoảng Bác đến nói chuyện. Hôm bé mạc Bác đến thăm và trả lời một số câu hỏi của học viên. Sau khi giải đáp các thắc mắc, Bác nói:

- Bây giờ còn một đồng chí hỏi: "Cần, kiệm, liêm, chính, nghe có vẻ cổ hủ quá"?

Bác nói tiếp:

- Không đâu. Cơm thì bao giờ người ta cũng phải ăn, nước bao giờ cũng phải uống, vấn đề là phải ăn, uống sao cho sạch sẽ.

Và có đồng chí hỏi:

- Liên Xô có giúp ta không?

Tôi hỏi lại đồng chí:

- Trong thời kỳ Liên Xô chống Hítler, đồng chí có giúp gì Liên Xô không?

Trong khoá học Quốc hội đầu tiên có một vấn đề gây nhiều tranh luận. Đó là bọn Việt cách và Việt quốc nêu lên việc sửa

Quốc kỳ và Quốc ca. Vấn đề được bàn cãi khá lâu trong các cuộc họp của Hội đồng Chính phủ, đã đến lúc phải đưa ra trao đổi. Hôm đó, trước giờ Quốc hội bế mạc, Bác đứng dậy, cầm lá cờ, mở ra và nói với các đại biểu, đại ý:

- Lá cờ này đã đi gần như khắp thế giới, nó tượng trưng cho nước Việt Nam độc lập, thống nhất. Không ai có thể đặt vấn đề sửa Quốc kỳ.

Sau khi Bác nói toàn thể đại biểu Quốc hội đứng dậy vỗ tay hoan hô, rồi hát Quốc ca. Các ngài Việt cách, Việt quốc cũng phải đứng dậy làm theo mọi người.

Khoảng tháng 4 hay tháng 5-1946, Đảng ta mua một toà nhà của một bác sĩ người Pháp, tên là Maxia. Ngôi biệt thự này lúc bấy giờ gọi là Liên Trang. Gia đình tôi được dọn về đây ở. Thường thường vào các buổi chiều thứ 7, Bác hay về đây nghỉ. Đây cũng là nơi thỉnh thoảng Bác họp cùng với các đồng chí Trung ương Đảng và tiếp khách. Có hôm Bác gọi tôi cùng đi xe từ Bắc Bộ phủ về Liên Trang. Trên đường đi tôi hỏi Bác về một vài câu chuyện trong thời gian Bác chưa sang Pháp, Bác chỉ cười và nói:

- Chú định điều tra lý lịch của mình phải không?

Bình thường khi về tới nhà, bao giờ Bác cũng xuống bếp xem người nhà làm cơm và bắt tay mọi người, rồi mới lên phòng làm việc. Buổi tối Bác thức rất khuya. Nhiều hôm đã 11, 12 giờ đêm rồi mà Bác vẫn còn đọc báo, báo cáo và viết chỉ thị, viết thư để hôm sau cho đánh máy. Một lần cùng đi với Bác và tôi về Liên Trang có một người Mỹ tên là Patti. Trên xe, Patti nhắc lại với tôi một câu, mà khi ấy người ta nói với các đồng chí Việt Nam:

- Thế là chiến tranh đã kết thúc đối với chúng tôi. Nhưng đối với các ông, chiến tranh bây giờ mới bắt đầu đây.

Một lần đi qua phố Hàng Dẫy, con đường này hồi đó còn nhiều quãng trống, chưa xây nhà gạch như bây giờ. Từ trên đường

đi, người ta có thể nhìn thấy một số ao, hồ. Trên bờ hồ trẻ em vui chơi, phụ nữ giặt giũ, còn các cụ già ngồi câu cá.

Một hôm, Bác chỉ vào một cụ già đang ngồi câu cá và nói với tôi:

- Thật tình, mình chỉ mong sao việc nước sắp xếp được ổn thoả, rồi về ngồi trên một hòn đá như ông già câu cá ấy là mình rất vui rồi.

Câu nói của Bác trong hoàn cảnh lúc bấy giờ đối với người nghe có thể nói là cảm cảnh vì hồi này bọn Việt quốc, Việt cách đang tìm mọi cách tung tin là có người này, người kia tham quyền cố vị, thậm chí chúng còn dùng đến từ bán nước.

Tôi đã nghĩ đến câu chuyện về các danh nhân Hy Lạp, La Mã, những anh hùng chí sĩ chỉ mong sao cho việc nước chóng thành để có thể về quê sống với người nông dân, được tự do đi săn bắn và câu cá ở những năm cuối của cuộc đời, một cuộc sống thanh thản.

CHUYỆN VỀ BÁC VÀ NGƯỜI CHỊ RUỘT

Câu chuyện tôi kể dưới đây có liên quan tới gia đình tôi. Đó là một tư liệu về mối liên quan giữa Bác và bà Thanh.

Bà Thanh đối với tôi là tuổi cô, tuổi thím, nhưng vì mối quan hệ giữa hai gia đình, nên tôi vẫn gọi bà là chị và bà xem tôi như một người em.

Chú tôi và cô tôi (bà Quỳnh Anh) từ năm 1908 đã có liên hệ khá mật thiết với chị Thanh. Sau này cô tôi sang Xiêm (Thái Lan) thì chú tôi ít gặp lại.

Vào khoảng năm 1916-1917, mỗi năm, mỗi tháng, tôi lại phải xuống Nghệ, làm đơn xin ân xá cho ông thân tôi, bị án chung thân đày đi Côn Lôn, xin tha cho ông nội tôi (cụ Đặng Thái Giai), hơn 70 tuổi, bị án giam ba năm ở Nghệ An.

Hồi này ở Cửa Hữu, thành phố Vinh, có một ngôi nhà của con ông Bạch Sỹ, một nhà nho yêu nước. Sau ngày phong trào văn thân tan rã, ông đi tu và không chịu nhuộm răng, để răng trắng, nên mọi người gọi ông là Bạch Sỹ. Ông có hai người con, một trai và một gái. Người con trai hình như bị bắt và bị đi đày, nên tôi không được gặp. Còn người con gái tên là Nga.

Chị Nga cùng một lứa tuổi với chị Thanh. Chị mua một ngôi nhà ở Cửa Hữu. Hai mẹ con nấu cơm hàng và cũng là một địa điểm liên lạc của các gia đình thân thuộc có bà con xuất dương làm cách mạng.

Năm 1916-1917, tôi thường gặp chị Thanh và chị Nga ở nhà bà Bạch Sỹ. Các chị hỏi tôi về tin tức của ông Đặng Thúc Hứa và thỉnh thoảng kể chuyện cụ Phó bảng. Đôi lúc nhắc đến tên cậu cả Khiêm.

Thời gian này chị Thanh hay gặp gỡ với một người thanh niên tên là Nho Hiên, có chân trong Việt Nam quang phục hội và qua lại với các gia đình cách mạng khác. Ít lâu sau hai người bị bắt. Nho Hiên bị đày đi Lao Bảo. Chị Thanh cũng bị kết án và hình như bị đưa về Huế.

Bẵng đi một thời gian khá lâu tôi không gặp chị Nga và chị Thanh nữa. Năm 1928, tôi tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm và vào dạy ở Trường Quốc học Huế. Một hôm chị tới tìm tôi, bảo lên nhà ăn cơm trưa và nói chuyện. Thời gian này chị ở trong một ngôi nhà có vẻ khang trang ở Kim Luông. Chị cho tôi biết chị đang bị giam lỏng và mật thám Huế muốn biết tin tức về Nguyễn Ái Quốc. Tất nhiên chị không biết gì. Chị bắt đầu uống rượu và trong khi nói chuyện thỉnh thoảng lại rơi nước mắt, khóc nức nở.

Tôi cũng không thể nói với chị về các tập sách báo ký tên Nguyễn Ái Quốc in ở Pháp mà chúng tôi đã được đọc từ ngày vào trường cao đẳng.

Gần hai chục năm qua, mãi đến sau ngày cách mạng thành công tôi mới gặp lại chị một lần nữa. Hồi này nhà tôi ở một góc

của Trường nữ trung học Trưng Vương. Thỉnh thoảng Bác ra chơi và gặp một vài người trong Nam hay ngoài Bắc. Hôm đó, Bác gọi tôi và bảo:

- Chị Thanh ra rồi đấy, chú đưa chị ấy về đây, mình sẽ ăn cơm một hôm, rồi chú tìm cách khuyên chị ấy về Nghệ An.

Tôi tìm đến chỗ chị Thanh ở. Hình như nhà số 16, phố Hàng Ngang. Sau khi nói vài câu hàn huyên, tôi mời chị về nhà tôi nghỉ, nhưng chị gạt đi, chị nói chị ra đây là muốn được gặp Bác. Tôi phải nói một hồi lâu, chị mới đồng ý về nhà tôi nghỉ. Chị mang theo một lồng vịt, một thùng đậu xanh và một lu rượu.

Khi tôi báo cáo với Bác là chị Thanh đã đến, Bác dặn tôi là đến chủ nhật Bác sẽ ra chơi, ăn cơm cùng với chị Thanh và gia đình.

Trong thời gian hai, ba ngày chờ đợi, tôi rất vui khi thấy chị ít uống rượu hơn, chuyện trò khá tỉnh táo và đặc biệt quan tâm đến sức khỏe của Bác.

Chủ nhật, gia đình tôi chuẩn bị cơm đón Bác. Gần 12 giờ thì Bác đến và ăn cơm với gia đình tôi.

Mấy hôm sau Bác bảo anh Vũ Đình Huỳnh ra bàn với tôi đưa chị Thanh về Nghệ An. Trước khi về chị dặn chúng tôi phải đưa lồng vịt và đậu xanh vào nhà bếp của Chủ tịch phủ.

THÁNG NĂM

PHẠM TIỀN DUẬT (*Tùy bút*)

Tôi viết những dòng này sau mười năm ở Trường Sơn và sau mười ngày ở biên giới phía Bắc trở về. Lại gặp tháng Năm bồn chồn. Hoa loa kèn trắng như hoa huệ trắng lại nở. Cái đội quân nhạc kỳ diệu này của thiên nhiên như tuân theo một mệnh lệnh nghiêm nhặt, cứ đúng vào tuần ấy lại từ dưới đất trời lên, hươu những cái loa kèn tinh khiết thổi một tuần hương vào bầu trời, xong việc lại nhất loạt rút xuống lòng đất. Nhưng hương thơm của hoa thì không rút đi đâu, nó thăng hoa vào ánh sáng, ánh nắng; nó làm cho con ong bay bồn chồn và mọi sinh vật như đều vào mùa sinh sôi. Thời tiết tháng Năm như một năng lượng được dồn nén trong suốt mùa xuân nay năng lượng ấy lại tự phát động làm nên sự náo nhiệt của mùa hè. Cái nóng tự bên ngoài làm con người phải cởi bớt áo ra, còn cái ngọn lửa cháy bên trong lại làm con người không ngồi yên được. Xin chào tháng Năm, chào mùa hè luôn luôn mới mẻ. Thời tiết này mới thật là hợp với tôi, không phải vì hình dáng tôi hơi gầy. Mùa thu trong thơ xưa và trong thời tiết thì phẳng lặng quá. Mùa đông vừa lạnh vừa trì trệ. Mùa xuân thì đẹp thật nhưng quá đề huề. Chỉ có mùa hè là náo nhiệt tuyệt vời trong bầu trời ấy vạn vật mới hiển hiện y như thực chất. Tôi hít thở cho căng lồng ngực cái không khí mát mẻ này. Tôi ao ước có nhiều thì giờ để thưởng thức cơn mưa rào tháng Năm ồ ạt, khoẻ mạnh. Tôi ao ước còn thì giờ để mà ca tụng mọi hoạt động cần lao tri từ cho sự sống nảy nở. Nhưng không thể được, chỉ vì có một lẽ giản dị, tôi là chiến sĩ, tôi là công dân của đất nước tôi muôn ngàn lần yêu dấu. Cái lý do ấy thật là giản dị nhưng cũng thật là vô lý: tại sao đến bây giờ, sau

bao nhiêu thế kỷ con người dành để tranh đấu với cái ác mà cái ác vẫn cứ hiện hình. Câu hỏi ngậy thơ ấy cứ xoáy vào tôi và tôi có cảm giác như có một bàn tay nào đặt nhẹ lên vai tôi, làm lòng tôi bình tĩnh trở lại. Bàn tay ấy của ông tôi, của cha tôi hay của chính bàn tay tôi; nói thế nào cũng đúng. Tôi muốn gọi to tên Người, niềm vui thiêng liêng và ấm cúng của mỗi một người dân Việt Nam. Với những gì thân thuộc, có sẵn ở trong lòng thì không nhất thiết lúc nào cũng phải cất lên thành lời. Nhưng giờ tôi muốn cất tiếng gọi tên Người, Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Đã bao nhiêu bài thơ, đã bao nhiêu bài hát trong nước và ngoài nước đã viết để tỏ lòng thành kính và mến yêu Người nhưng vẫn chưa phải, chưa đã, chưa nguôi. Tôi và bao bạn bè tôi cũng đã tìm một đầu đề nào đấy cho xứng đáng để viết về Người. Nhưng chỉ có một nhà thơ gần Bác nhất, hiểu Bác nhất mới tìm được một đầu đề xứng đáng nhất; đầu đề bài thơ ấy là một tiếng gọi: *Bác ơi!* Với Bác, không cần đến một đầu đề khoa trương. Người lúc nào cũng ở rất gần ta, gần như hơi thở của chính ta vậy. Người hiện hiện như chính sự sống ở trong ta. Cho nên bất kỳ ai là công dân của nước Việt Nam cũng đều có thể gọi *Bác ơi!* Xưa nay, ít có quốc gia nào mà thần dân lại có thể gọi vị nguyên thủ của mình bằng cách gọi tên gia đình ấm cúng như thế. Đến với Người, chỉ cần có lòng chân thành là đủ... Bác Hồ của nhân dân Việt Nam, của nhân dân lao động toàn thế giới vẫn còn đây! Người sống mãi mãi. Bởi vì Bác kính yêu chính là Đảng Cộng sản Việt Nam kính yêu. Người là tượng trưng cho Đảng ta và đồng thời, ý nguyện của Người cũng là ý nguyện của toàn Đảng ta. Những khái niệm Đất nước, Dân tộc, Nhân dân và Đảng ở đây đã gắn bó làm một trong mục đích chung, sự nghiệp chung. Những khái niệm ấy hoà trộn với nhau như sự hoà trộn để làm nên ánh sáng. Chính vì vậy mà Bác Hồ trong lòng nhân dân Việt Nam gần gũi đến nỗi Bác đã mất gần mười năm rồi mà vẫn cảm thấy Bác chưa hề đi xa.

Tính đến khi Bác trở về nước theo con đường qua mốc 108 của tỉnh Cao Bằng, Bác đã đi bốn ba hải ngoại tròn hai mươi năm. Trong hai mươi năm ấy, Bác đã ở Pháp năm năm, ở Liên Xô năm năm, ở Trung Quốc năm năm và năm năm ở các nước khác. Điều Bác quan tâm hàng đầu là vấn đề dân tộc và thuộc địa, là bằng cách nào để giải phóng dân tộc, đem lại độc lập tự do cho Tổ quốc. Vì giai cấp cần lao toàn thế giới, Bác đã là chiến sĩ xuất sắc của Độc lập và Tự do của dân tộc. Bác đã trở thành vị lãnh tụ lỗi lạc, vị anh hùng dân tộc xuất sắc nhất, trở thành người thân yêu của hàng triệu gia đình Việt Nam. Tiếp thu ý nguyện của Bác, Đảng ta đã trung thành tuyệt đối với lý tưởng của Người và mãi mãi vẫn đi con đường ấy... Cũng như hoài bão lớn lao của Bác, không gì hơn là muốn cho Đất nước ta giàu có, văn minh và hạnh phúc, sống hoà bình hữu nghị với các dân tộc bạn; Đảng ta, Nhà nước ta, quân đội ta, dòng văn hoá của cả dân tộc ta là tập trung vào ý nguyện ấy...

"Không gì quý hơn độc lập, tự do!". Câu nói ấy của Bác lại vang lên giữa tháng Năm này. Tháng Năm của Điện Biên Phủ, tháng Năm của tuyến đường chiến lược mang tên Bác, tháng Năm của phong trào công nhân quốc tế hô vang lên chân lý ấy, quyết tâm ấy. Sức sống kỳ diệu của tháng Năm cũng là sức sống kỳ diệu chất chứa sẵn trên đất nước này. Dưới lá cờ bách chiến bách thắng của Đảng, của Bác, Đất nước ta, Dân tộc ta đang bắt tay vào cuộc chiến đấu mới. Trong lòng mỗi người ngân vang tiếng hát đầy tin tưởng.

GHI NHỚ VỀ BÁC

BÙI HIỀN

Lúc bảy giờ khoảng bảy giờ tối. Bác vừa mới nói chuyện xong với anh em bộ đội, trên một khu đồi lộng gió - điểm cuối cùng trong chương trình một ngày Tết, cả một ngày tròn trặn. Bác đi thăm công trường đập Thác Huống, bà con nông dân một xã ở Thái Nguyên, đơn vị công nhân làm cầu Phủ Lạng Thương và một đơn vị quân đội đóng ở một điểm nào đó giữa Bắc Ninh - Bắc Giang. Trong dư âm tiếng vỗ tay sôi nổi xúc động và tiếng hô "Muôn năm! Hồ Chủ tịch muôn năm!", Bác bước xuống đồi trở về Hà Nội. Đêm đầu tháng, tối nhưng quang đãng; thấy mờ mờ những vương xám nhà cửa rải rác của một xóm dưới phía xa. Anh em đốt đuốc soi đường để Bác đi. Giữa hai bó đuốc cháy rùng rục trong gió lạnh, Bác rào bước, đôi dép cao-su quai đen - đôi dép đã thành lịch sử - dậm trên sỏi rào rào. Chợt Bác nhìn quanh trong quăng đêm tối, Bác bảo: "Đề thấp đuốc, kéo bay tàn lên nhà đồng bào". Vài ba tàn lửa nảy lép lép, rơi chéo xuống đất. Đang bước nhanh, bỗng dừng Bác quay mình sang trái, rồi sang bên phải, lấy dép dậm dậm cái đóm đỏ ấy đi. Rồi Bác lại rào bước, Bác vừa đi vừa nói chuyện, nhưng mắt vẫn không ngừng dõi theo đám ba cái đóm lửa theo chiều gió mạnh bốc bay vùn vùn về phía dưới kia, mắt hút trong bóng tối. "Thấp xuống, thấp xuống tí nữa", Bác nhắc người cầm đuốc. Lúc bảy giờ tôi quay nhìn lên gương mặt Bác; trong ánh đuốc rục hồng, hình ảnh vị lãnh tụ của cả dân tộc hiện ra rạng rỡ trong một vẻ đẹp xiết bao giản dị, xiết bao hồn hậu, thân thiết và gần gũi xiết bao!

Ấy là vào một ngày trong cái Tết đầu tiên sau tiếp quản Thủ đô. Người vừa kỹ lưỡng lấy chân di di dập dập mấy tàn lửa để khỏi ảnh hưởng, dù là tí chút đến đời sống yên lành của một xóm nhỏ, cũng chính là Người, chín năm ròng, đã nhen nhúm, xốc dậy ý chí quật cường của triệu triệu đồng bào thành ngọn lửa lớn thiêng liêng, chọi lại một công cuộc xâm lược vào cỡ quy mô nhất thời bấy giờ, và đã dùng tài trí của mình đánh tan xâm lược trong một trận lừng lẫy có tên gọi: "Điện Biên", cách đây chỉ vừa mấy tháng.

Sáng hôm đó, xe Bác rời khỏi Phủ Chủ tịch từ năm giờ trong sương mù lạnh, và tận tám chín giờ tối Bác mới trở về lại Thủ đô, giữa lúc phố xá tung bừng dưới những chùm đèn điện, đèn lồng lung linh màu sắc, trong cái reo vui thắm đỏ của một rừng cờ.

Khi Bác lên nói chuyện với đơn vị bộ đội đã chạng vạng. Ai nấy đều lo Bác mệt. Nên đều thấy tim mình rộn ràng sung sướng khi nghe giọng Bác cất lên vẫn ấm sang sang. Gió chiều se lạnh, khu đồi hoang phùn phụt gió, Bác - một cụ già sáu mươi lăm, khuôn mặt gầy còn nét kham khổ rừng kháng chiến - Bác lại vừa đi suốt cả ngày, có lúc xe phóng rất nhanh, đến bao nhiêu nơi, gặp bao nhiêu người, ghé thăm cả một số nhà dân. Giờ đây, cách gần trọn mười lăm năm, trí tôi vẫn còn ghi nhớ trọn vẹn âm vang tiếng Bác lúc bấy giờ, giọng Bác thật là khoẻ, cái khoẻ thể chất chắc không nhiều, nhưng nhờ cái rắn chắc, cái sang khoáng tinh thần làm cốt lõi. Những lời khuyên dặn của Bác toả bay trong gió lộng - có cảm giác không phải Bác chỉ đang nói cho một nhóm nhỏ người nghe, mà khắp bốn phương cả nước cũng đang lắng từng câu từng chữ ân cần của Bác.

Phải chăng do tình cờ, đồng chí chỉ huy đơn vị lại là một chiến sĩ đã từng hoạt động hồi bí mật ở Cao Bằng. Bác cháu gặp lại nhau trước đó trong một nhà dân dùng làm chỉ huy sở. Bác liền nhận ra ngay. Thế là Bác cháu cùng ôn lại những ngày "hàn vi" cũ. Giọng vui vui, Bác kể, lúc ấy ăn toàn ngô với bí, muối rất

hiếm, sáng ăn bí với măng, chiều thì măng với bí (Bác cười). Minh ăn đã nhiều, thấy bọn trẻ nó ăn mà mình phát sợ!

Nói về đồng bào địa phương, giọng vui của Bác chen tí xúc động, cái xúc động khiến giọng nói không phải là trầm xuống mà tròn gọn và ấm hơn, âm vang hơn. Nhân dân tốt, tốt lắm, Bác bảo. Làng chỉ có một cổng ra, một cổng vào, đêm đêm Tây nó rắc tro để xem có dấu chân mình không. Tối mình vào hoạt động, gần sáng phụ nữ trong làng kéo nhau ra đi đi lại lại xoa hết dấu chân, thế là thằng Tây chịu... Hồi đó, mình in báo bí mật mà thiếu giấy. Mua thì không có tiền. Phụ nữ liền chia nhau mỗi người đi mua năm ba tờ, mua nhiều nó nghi, đem về ủng hộ. Báo bán lấy tiền, nhân dân mua, đọc đến thuộc lòng. Lúc nào mình cũng chuẩn bị ba bốn hòn đá in, lấy những bìa mộ người ta vứt bỏ đem về mài rồi cất cách xa nhau, chỗ này một viên, chỗ kia một viên. Có động là mang giấy mực sang chỗ khác in, tờ báo không bao giờ bị gián đoạn...

Cuộc đời hoạt động của Bác phong phú, sôi nổi, rộn rập, khó mà tưởng tượng nổi, trong khối óc đầy rộ những suy nghĩ lo lắng có tầm cỡ đất nước và thế giới, liên quan đến vận mệnh hàng triệu con người, còn có chỗ dù là nhỏ nhỏ cho những kỷ niệm thời niên thiếu. Nhưng hồi trưa, lúc ghé nghỉ trên một đồi thông để ăn cơm, những người đi theo Bác lại có cái ngạc nhiên thích thú được nghe Bác tả lại trò chơi vật cù rất khoẻ của đất Nghệ An - nhân chiếc du tiêu thoáng thấy dọc đường - rồi Bác lại kể một vài câu chuyện ra câu đối oái oăm của những ông đồ Nghệ. Quang cảnh lúc bấy giờ rất đẹp và nên thơ hết sức. Bên sườn đồi, dưới một cây thông cổ thụ tán xoè xanh rờn, một ông cụ già râu tóc bạc ngồi xếp bằng tròn trên chiếu hào hứng nói chuyện văn thơ với ba bốn người cùng đi, tựa như với đàn con cháu, quanh mâm cỗ Tết thanh đạm - không, không có mâm, chỉ có miếng vải nhựa lót, và cỗ Tết của vị Chủ tịch nước cũng chỉ gồm đĩa bánh chưng, khoanh giò lụa và một đĩa dưa hành. Gương mặt Bác lúc đó càng rạm hồng lên, không rõ vì say câu

chuyện, vì cuộc đi bộ lên đồi, hay do làn gió xuân mát lạnh, hay đó chính là phản quang màu những lá cờ san sát suốt dọc đường mừng đón Tết hoà bình. Ăn xong, Bác nằm nghỉ một lát dưới bóng thông. Tay gác trán, Bác nằm lặng im, chỉ còn thấy chòm râu mơn phơ phất. Bầu trời thoảng đãng, không quang hảnh nhưng cũng không vẩn mây mờ. Gió đã lắng lại, chú ý lắm mới nghe được tiếng rì rào thăm thẳm của những gốc thông. Phía dưới kia, những chân mạ, những đồng lúa trải màu xanh lặng lẽ. Không ai bảo ai, những người quanh Bác cũng lặng im, hết sức nhẹ bước khi cần đi lại, sợ làm xao động phút nghỉ ngơi hay sự suy nghĩ của Bác.

Nhớ lại một thời kỳ công tác vùng phụ cận Vinh - Bến Thủy, tôi trú tại nhà một ông cụ khoảng ngoài sáu mươi, thỉnh thoảng bế đứa cháu ngoại, ru nó bằng một bài lục bát với giọng nửa ngâm nửa hát nghe lạ tai:

Hỡi ai cực khổ trên đời

Hỡi ai nô lệ đồng thời đứng lên

Đôi khi tôi hỏi chuyện về thời thanh niên của cụ - tôi biết cụ là một chiến sĩ Xô-viết Nghệ Tĩnh đã từng bị tù. Hứng khởi, cụ kể lộn xộn một số chuyện, nhớ đâu kể đấy. Những đoàn biểu tình rùng rùng kéo đi, băng đỏ, chữ phấn trắng... Những cuộc đấu tranh trong tù... Những cuộc kỷ niệm ngày Quốc tế lao động trong nhà lao, những buổi huấn luyện, nói chuyện về Lê Lợi, Hai Bà Trưng, "Răng Đác" (sau tôi đoán ra là bà Jeanne d'Arc)... Chuyện vận động lính lê dương, họ giác ngộ, giúp rải truyền đơn, lại đem cho anh em nào cà-phê, thuốc lá, thịt, ổ bánh mì to bằng bắp vế... Chuyện anh em tù chính trị ngồi hai hàng sập đồng thanh hát bài *Quốc tế ca*, nó càng khùng bỏ càng gào lên thật to, bắt chặp!

Cuộc đời nay đã biến ra

Xưa kia con đỏ nay đà chủ ông

Trận này là trận cuối cùng

Ấm ảm đoàn lực dùng dùng đảng cơ...

Khi tôi mách cho cụ rõ, người dịch bài *Quốc tế ca* sang thành những câu thơ lục bát Việt Nam ấy chính là Hồ Chủ tịch, thì ông cụ tỏ vẻ vui thích lắm, ngồi lặng đi một lát như trước một điều khám phá mới mẻ. Từ đó mỗi lần nằm võng ru đứa cháu, vỗ vỗ vào lưng nó, thấy cụ càng cao giọng ngâm ngợi, giọng vô cùng sáng khoái:

*Àm àm đoàn lực, ùng ùng đảng cơ
Anhtécnaxiônalo
Ấy là nhân đạo ấy là tự do.*

Ngâm hay là hát, ông không biết và chắc cũng không cần phân biệt. Ông đang sống lại một giai đoạn, không phải chỉ của đời mình, mà của cả lịch sử dân tộc. Người chủ biên trang sử đẹp ấy lại cũng chính là người đã ngồi hí húi chuyển lời ca đấu tranh quốc tế nổi tiếng thành những vần lục bát thân quen.

Anh con trai út ông cụ cũng không quên ghi lại bài hát của cha làm kỷ niệm.

Rồi đến lượt anh lên đường. Anh sắp phải vượt một chặng Trường Sơn. Theo kinh nghiệm những người đi trước, anh biết chặng đường sẽ hết sức gian khổ lúc đó một ống thuốc đánh răng dự trữ, một bìa cứng sổ tay cũng phải vứt bớt cho đỡ cháy vai. Anh chuẩn bị một cuốn sổ mỏng, kiếm chiếc ảnh Hồ Chủ tịch cắt ở báo dán vào, nắn nót chép lại mấy câu thơ Bác khuyên dặn thanh niên "*Không có việc gì khó...*", và thế là đủ, đủ lắm, anh khoác ba-lô ra đi, nhẹ nhõm và hăm hở.

Đầu năm 1950, tôi đi theo bộ đội vào một vùng vừa giải phóng ở Thừa Thiên. Chúng tôi ghé lại một xóm ăn Tết. Chị chủ nhà tôi ở tiếp đãi niềm nở. Anh em cho biết chị là một cơ sở tốt, đã cung cấp cho bộ đội nhiều tin quý giúp cho cuộc đánh đồn thành công. Tuy nhiên thấy nét mặt chị đôi khi thoáng buồn, chị lại mang khăn tang trắng. Hỏi ra thì chồng chị vốn làm tề, bị trúng đạn chết hôm ta tấn công đồn, ngay từ phút đầu, không rõ do đạn của ta hay vì thằng địch nghi anh làm nội ứng nên hạ sát

để trả thù. Đêm giao thừa, chị ra sân đứng hồi lâu giữa trời, khăn vải. Về sau chị nói với tôi: "Tôi cầu mong cho Cụ mình mạnh khoẻ sống lâu, để Cụ dìu dắt nhân dân mình mau tới Độc lập".

Vậy đó, trên đời sống và trong tâm khảm mỗi chúng ta, ánh sáng Bác Hồ lặng lẽ toả chiếu, mỗi người theo một góc độ khác nhau, nhưng đều chan hoà, thấm đượm.

Nghĩ rộng ra, tôi thấy: người làm văn nghệ may mắn bao nhiêu được sống trong thời đại Hồ Chí Minh! Thực tế đời sống, cái chất liệu để người nghệ sĩ nhào nặn làm nên tác phẩm. Cái thực tế đời sống của dân tộc kể từ ngày có Bác Hồ, tự nó đã chứa đựng bao nhiêu vẻ đẹp quý, bộc lộ hoặc tiềm tàng, mà Bác là người nghệ sĩ lớn tiên phong đã ý niệm, ước mơ, khơi gợi, đáp vùn, thể hiện. Nhìn khắp chung quanh, nhìn vào khuôn mặt mỗi người, có thể thấy mỗi việc to nhỏ xa gần, mỗi cuộc đời bất cứ ai đều có thấm nhuần niềm ưu ái của Bác, sự suy nghĩ, chăm lo, sáng tạo của Bác. Trong nụ cười em bé, trong giọng hát véo von đêm khuya của cô gái làm đường, trong tiếng rình rịch rên vang của máy xúc, máy ủi, máy trộn bê tông xây thêm nhà mới, trong tin vui đột ngột đến choáng ngợp người về cuộc tổng tiến công Tết Mậu Thân, trong niềm tin của người làm văn nghệ: biết mình đang ở đâu, đi tới đâu, đang chiến đấu cho cái gì, và biết rằng cái gì mình viết, bản thân nó đẹp vì nó góp cho cái đẹp, trong tất cả, tất cả mọi biến đổi, dựng xây trên đất nước và trong tâm hồn con người, đều có thể gặp ánh mắt tươi cười và nhân hậu của Bác Hồ bao trùm toả chiếu; tất cả đều như những hình thù đẹp để trên nền một bức thêu lớn mang hình ảnh Bác Hồ; tất cả tựa như đều đã có nét phác ngay từ ngày xa xôi một anh Ba ra đi đặt chân lên tàu làm phụ bếp, kéo lê những chảo nặng, đêm đêm ngồi dưới hầm tàu đọc đọc viết viết. Điều ấy trong mỗi chúng ta đã thành một sự thực cụ thể gắn bó đến nỗi, khi đọc cuốn sách của Trần Dân Tiên, đến chỗ anh Ba suýt chết đuối vì một ngọn sóng lớn quật qua tàu, bất giác thấy nhói một cái trong tim, một xúc động

hồi hộp gần như nỗi sợ hồi cổ sau một tai biến đe dọa trực tiếp sinh mệnh, vận mệnh của chính mình.

Giờ đây Bác nằm yên nghỉ.

Tôi hồi tưởng lại những giờ phút hiếm quý được gặp Bác, được trông thấy Bác. Cả một ngày mùng một Tết đi theo Bác cùng với vài ba anh phóng viên nữa, như đã kể ở trên. Trước đó nữa, một buổi sáng Bác về thăm bà con nông dân Đại Từ (Thái Nguyên). Bác bước đi trong ruộng giữa những cụm rơm rạ, lúc bấy giờ bà con đang gặt lúa "sớm mừng". Những lần Bác đi qua cơ quan báo Đảng ở Ấn toàn khu, đứng nhìn quang cảnh một lúc, rồi vén quần lội qua suối, chân Bác trắng và gầy, một chiếc khăn mặt vắt vai.

Rồi lần Bác đến Đại hội Văn nghệ - lời Bác khuyến khích thúc giục: "Quần chúng đang chờ đợi những tác phẩm văn nghệ xứng đáng với thời đại vẻ vang của chúng ta...". Và nhất là những lần Bác đến với các anh hùng chiến sĩ trong những kỳ Đại hội, ôi những lúc đó sao mà Bác vui, Bác rạng rỡ!

Rồi trí nhớ lại tìm thêm nữa. Những đoạn phim về Bác. Trong các hình ảnh được thấy qua màn ảnh đó, đọng lại nhất đối với tôi là hình ảnh Bác ở Pháp, hồi năm 1946. Phim do một Việt kiều không chuyên nghiệp quay, ánh sáng thiếu, ảnh mờ hoặc rung rinh, thế mà cách đây đã hai mươi ba năm, gần trọn một phần tư thế kỷ, tôi vẫn còn ghi rõ cảnh Bác hai tay rút túi quần, đầu hơi cúi suy nghĩ, sải bước rất nhanh trên bãi biển Bi-a-rít như để đuổi kịp ý nghĩ của mình, những đồng chí đi cùng gần như phải chạy mới theo kịp.

Trong niềm tiếc thương thành kính, tôi lần giở những đoạn ghi lời Bác khuyên răn các tầng lớp công nông và bộ đội, cái lần ngày Tết làm phóng viên tôi đi theo Bác. Những điều Bác nói, sao mà vui, sao mà rõ ràng, đơn giản! Và sao mà thấm thía! Đến nỗi ngay đến bây giờ, có những điều nghiền ngẫm lại, cảm thấy như Bác nói không phải chỉ cho một nhóm nhỏ, mà cho tất thảy

đồng bào, Bác nghĩ không phải chỉ về lúc đó, mà cả tới bao chuyện lâu dài mãi mãi về sau...

Chúng ta không thần thánh hoá lúc sinh thời, Bác kỳ điều đó hơn ai hết, như một cái gì hoàn toàn xa lạ với cách mạng. Nhưng rõ ràng là qua các cuộc đời trọn vẹn, sáng như gương, không một chút bợn của Bác, chúng tôi có quyền tự hào có vị lãnh tụ anh minh, đã cống hiến cả tâm hồn và cuộc sống của mình cho hạnh phúc nhân dân và nhân loại.

Bác thường viết và nói rất giản dị. Theo chỗ tôi biết Bác ít viết những bài lý thuyết thuần túy. Bác thích khuyên dẫn những điều cụ thể, thiết thực. Chúng ta mong một ngày kia sẽ được học hỏi sâu thêm, qua sự phân tích nghiên cứu những tư tưởng lý luận chủ đạo của Bác mà cái sâu sắc sáng tạo đã được chứng tỏ qua bao thắng lợi nhân dân ta đã giành được dưới ngọn cờ của Hồ Chủ tịch và Đảng tiền phong.

Ngay cả những điều giản dị Bác nói, dễ thường cũng không phải một lúc mà ta hiểu hết. Có lẽ rằng, tiếp tục làm theo những lời Bác khuyên dẫn, cố gắng thêm, phát huy thêm, dần dần ta càng nhuần thấm thêm ý Bác, lòng Bác, những điều suy tính xa rộng của Bác, nó bao trùm không phải chỉ một đời ta mà bao thế hệ mai sau.

Lúc bấy giờ, chúng ta, con cháu chúng ta, càng phát huy thêm mình, càng thấy thêm cái lớn lao của Bác. Lúc bấy giờ ở mỗi việc, mỗi hành động, mỗi thành công, mỗi thắng lợi mới, chúng ta sẽ luôn luôn thấy Bác, gặp Bác, sự gặp gỡ vô cùng và trong vĩnh cửu.

9-1969

LỜI BÁC KHÔNG CHỈ CHẤN ĐỘNG 31 TRIỆU TRÁI TIM

CHẾ LAN VIÊN

Nghe lời phát biểu của Bác, bỗng dưng tôi nhớ đến các đồng chí công nhân giữ đèn bễ trên đảo Long Châu, hòn đảo anh hùng mà tôi được đến thăm cuối tháng vừa qua. Hôm tôi đến, cũng là hôm đảo nhận được tin địch có thể tấn công đảo trở lại. Thế mà lạ kỳ thay! Cả đảo gần như phấn chấn hẳn lên, khi nghe tin ấy. Những người ở đây chưa biết giá chiến tranh, giá xương máu hay chăng? Họ mới vừa đến đảo đó chăng? Đâu có phải! Ít nhiều mỗi công nhân ở đây đều qua trên dưới 200 trận ác liệt chọi nhau cùng giặc Mỹ. Mỗi thước, mỗi tấc của cái hòn đảo rộng chưa đầy một cây số vuông này đều cày lên vì bom đạn, rốc-két, tên lửa Hoa Kỳ. Nhưng ba năm địch tấn công liên tục vào hòn đảo này, không những làm cho hòn đảo tai mèo màu đen hoá trắng, mà còn làm cho mỗi con người ở đây đánh giá đúng mọi sự việc ở đời.

"Nó đánh trở lại à? Thế là lại có dịp cho mình tiêu diệt nó. Chúng tôi ở yên thế này, mà nghe nó đốt rừng U Minh, ném bom đốt cháy nhà cửa đồng bào Sài Gòn, cho B.52 dội hàng vạn tấn bom xuống khu Tư, không sao chịu được... Anh xem, cứ nghe cái luận điệu Ha-ri-man ở Pa-ri mà điên tiết lên được. Bọn Mỹ huyền thiên nói hoà bình, mà ở đây không ngày nào không có tàu bay nó thả vào đất liền do thám, hoạt động thì có đều không? Phải đánh thôi anh ạ! Thằng Mỹ này nó thích ăn đòn. Không đánh không giải quyết vấn đề...".

Hôm nay, những đồng chí công nhân trên đảo ấy, hẳn là reo lên khi nghe lời của Bác. Bác nói những điều mà mỗi người dân đang nghĩ trong lòng. Khi Bác nói, chính là lòng dân, là cả dân tộc Việt Nam đang nói. Nhưng có phải khi Bác đã nói lên những điều ta nghĩ, ta mơ ước, ta lại càng ý thức được ta hơn!

Chúng ta đang tiến hành cuộc kháng chiến vĩ đại nhất trong lịch sử của mình... Chúng ta đang chiến đấu và chiến thắng một kẻ thù hung ác nhất trên thế giới... Quân và dân cả nước ta đang ở thế chủ động và tiến công... Trên đất nước ta đang diễn ra cuộc chiến đấu quyết liệt giữa chính nghĩa và phi nghĩa, giữa văn minh và bạo tàn... Cả dân tộc như bỗng có tầm vóc mới khi nghe lời của Bác. Cái tầm vóc bốn nghìn năm lịch sử, cái tầm vóc hơn hai mươi năm nay đánh cùng đế quốc Mỹ can thiệp, xâm lăng. Tầm vóc ấy đâu có phải chỉ chúng ta, người Việt Nam, mới tự nhận ra. Tôi nhớ lời phát biểu của nhà tiểu thuyết lớn công giáo Pháp Phơ-răng-xoa Mô-ri-ắc (François Mauriac): "Nhân loại mai sau sẽ biết ơn nhân dân Việt Nam ngày nay và điều ấy nhân loại không quên". Tôi cũng nhớ lời của nhà triết học và nhà văn lớn Giăng Pôn Xắc-tơ-rơ (Jean Paul Sartre), khi chúng tôi đến thăm ông tại nhà riêng: "Các bạn sẽ thắng. Nhưng nếu Việt Nam thua là toàn nhân loại thua. Việt Nam thắng là loài người thắng. Số phận con người ngày nay đang định đoạt tại Việt Nam. Và các bạn đang thắng".

Tôi nghĩ, không những nhân dân ta sung sướng khi nghe lời của Bác, mà tất cả bạn bè gần xa trên thế giới cũng cùng một cảm xúc như ta. Cuộc chiến đấu này đâu có phải chỉ có một vấn đề Việt Nam riêng cho người Việt Nam. Đây là cuộc chiến đấu của chính nghĩa chống phi nghĩa, của văn minh chống bạo tàn, của ánh sáng chống bóng đêm, của cái sống chống sự chết.

Và chính vì thế mà nó được sự ủng hộ của mọi tấm lòng có thiện chí trên đời.

O ĐI THĂM CỤ THÀNH

SƠN TÙNG (*Ghi chép*)

Những năm đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, tôi đang công tác ở Nghệ An. Tôi thường đến làng Sen thăm sức khoẻ hai cụ Nguyễn Thị Thanh, cụ Nguyễn Sinh Khiêm, là chị, là anh ruột Bác Hồ.

Lần nào đến thăm tôi cũng thường gặp cụ Thanh để ông bình vôi bên cạnh chỗ cụ ngồi viên thuốc tễ, hoặc ngồi đun bếp, ngồi nhổ cỏ trong cái sân đất rêu phong trước nhà tranh bé nhỏ. Tôi hiểu cụ Thanh ăn trầu luôn miệng, lại không ăn đậm vôi một lần mà nếm thêm từng tí chút cho tới lúc quết trầu đỏ được vành môi. Nhưng sự lạ là cụ không đặt bình vôi một chỗ mà xê dịch nó theo cụ.

Tôi đã hỏi một cách lễ phép:

- Thưa o, mẹ cháu cũng nghiện trầu nhưng ông bình vôi mẹ cháu treo cố định ạ.

Cụ nhìn tôi nói đùa, đùa mà xót xa pha lẫn:

- Cháu năng lui tới nhà o, cháu có thấy trong nhà o còn có người nào nữa không?

- Dạ chỉ có mỗi một mình o thôi ạ.

- Vì vậy mà o cặp kè ông bình vôi để "có ông có bà" cho đỡ phần cô đơn.

Cụ Thanh nở nụ cười héo hắt như đã quên cười từ lâu. Tôi sững sờ nhìn ra vườn tránh ánh mắt của cụ - ánh mắt của một con người đã đọc hàng ngàn trang sách "chữ thánh hiền", nhìn

tới muôn vàn cảnh vật với bao nỗi gian lao trên con đường gần mười năm đi đầy từ Nghệ An vào tận cực nam Trung bộ vì "tội" yêu nước chống giặc Pháp xâm lược. Nay cụ đã tới cái ngưỡng cửa gần đất xa trời mà không có được cuộc đời làm vợ, làm mẹ, làm bà để phải tự "gán" ông bình vôi làm bạn cho "có ông có bà".

Nụ cười tan nhanh trên môi và giọng cụ trở nên buồn lắng:

- O nói giỡn với cháu đó thôi. Thực ra o không hiểu vì sao đạo này o nhớ cha, nhớ mẹ có lúc nóng lòng nóng ruột như hun lửa vậy. Để ông bình vôi bên cạnh, một vật kỷ niệm của mẹ còn lại o cảm thấy mình đỡ phần trống trải. Mà ông bình vôi này đã nằm chung với hài cốt của mẹ o lúc bốc mộ bên chân núi Ba Tầng ở cố đô Huế để dời về núi Đại Huệ (Nam Đàn). Sinh thời mẹ o dệt vải thâu đêm thì cũng nhai trầu suốt sáng cháu ạ. Cho nên bà con láng giềng ở thành nội đã đưa ông bình vôi vào mộ để mẹ o ở dưới âm phủ có vôi mà ăn trầu...

Tôi ngắm nghía ông bình vôi hoàn toàn khác lạ: cái quai là hình con rồng xoắn thừng từ dưới đáy vươn lên rồi châu vào thành cái dáng "lưỡng long triều nguyệt". Cái miệng ông bình vôi lại là mặt hồ phù. Cụ Thanh kể tiếp:

- Cha mẹ o và hai em Đạt (cụ Khiêm) Thành (Bác Hồ) ở Huế. Còn o ở lại làng Chùa với bà ngoại. Ngày mẹ o qua đời chỉ có cậu Thành ở cạnh mẹ, cha o đang đi chấm thi Hương ngoài Thanh Hoá, cậu Đạt cùng đi hầu tráp cho cha. Ngày mới cướp chính quyền o ra Hà Nội thăm cậu Thành. O kể lại với cậu Thành việc dời mộ mẹ về quê, đem theo cả ông bình vôi về. Cậu Thành mới kể cho o biết cái bình vôi cổ ấy là của mấy chú lính khố vàng đào lỗ trồng cây bên chân thành Nội đã gặp một vĩa đồ gốm cổ, trong đó có ông bình vôi này. Mấy chú lính thường ngày đêm đến nhà mẹ o xin trầu và ngồi nghe lỏm cha o giảng sách cho học trò. Họ đã biếu mẹ o ông bình vôi ấy. Cậu Thành nói với o: "Cha rất quý ông bình vôi vì nó mang diện mạo của một nền văn hoá Huế. Cái ông bình vôi cổ này còn đáng quý ở chỗ nó

vẫn còn nguyên vẹn dưới chân vương thành đã từng đổ nát bao nhiêu vương triều, bao nhiêu vua chúa...".

Tôi chợt nhớ bốn câu thơ của nhà thơ Tân Trà tặng người thợ gốm:

*"Khai quật chân thành cổ
Nguyên vẹn ông bình vôi
Vua chúa đi lâu rồi
Ở lại người thợ gốm"*

Cám cảnh một thân thui thủi nơi góc vườn quê quanh quẽ của cụ, tôi chân thành hỏi:

- O đã ra thủ đô thăm Bác Hồ, giá o đừng trở về quê mà ở lại hai chị em gần gũi chăm sóc tuổi già của nhau...

Tôi chưa nói được trọn ý thì cụ đã ngắt lời:

- Cháu có học mà cháu suy nghĩ cái điều chật hẹp ấy? Cháu nên nhớ o là con gái ông Phó bảng Sắc, chị gái Tất Thành giờ là Hồ Chí Minh. Nhà o không có cái nòi "một kẻ làm quan cả họ được nhờ". Chúc càng cao phe cánh bỏ ơ càng đông, càng độc quyền gia đình trị.

Bà dịu giọng hơn:

- Con người ta lúc trái nắng trở trời, nhất là lúc tuổi xế bóng vẫn chiều có sự nương tựa nào bằng được nương tựa của đạo vợ chồng, tình con cái, nghĩa anh chị em ruột thịt... Nhưng hoàn cảnh o với cậu Thành bây giờ lại không thể ở gần nhau để nhờ vả nhau được. O phải tránh cho cậu Thành, nếu chị em o ở gần nhau sẽ tai tiếng là Cụ Hồ cũng có đầu óc "thượng vị gia hạ vị dân". Mà o cũng sẽ mang tiếng bám ghế em là Chủ tịch nước để được ăn sung mặc sướng...

- Thưa o, thiết tưởng o quá cẩn thận mà suy xét ra như vậy chứ đạo đức Bác Hồ sáng ngời dân ta chẳng có ai nở bì tị. Nếu o ở gần Bác Hồ sẽ được sự phụng dưỡng lúc tuổi già.

- Tám gương trong mà không siêng lau chùi để bụi bám sẽ hoen ố. Một người đã có được trăm điều hay mà phạm phải một

điều dở thì thói đời chỉ thấy cái dở che khuất những điều hay của người đó. Người ta khi đã có tên và cái tuổi càng phải gìn giữ đức sáng, cháu ạ.

Ngày ở Nghệ An một số bà con nghe phong phanh chuyện "cô Thanh ra Hà Nội thăm Bác Hồ" rồi được truyền đi qua dạng kể huyền thoại với bao chi tiết li kỳ. Trong không khí thân mật tình cô cháu, tôi ước hỏi cụ cái ấn tượng sâu sắc về cuộc gặp gỡ hai chị em sau bốn mươi năm xa cách. Cụ không phải là người dễ tính để nói ra những điều ấy. Đặc tính của cụ khi ngà ngà rượu, cụ mới nói ra như gởi gắm đôi lời tâm sự. Cụ không uống nhiều rượu, chỉ vài ba chén bạch định, thường uống vào lúc hoàng hôn, ngồi bên ngọn đèn dầu, nhấp một tí chút không có thức nhắm. Ít khi có người ngồi hầu rượu cụ, lúc ngà ngà say cụ trò chuyện với ngọn đèn, với cái bóng của mình. Ai hợp tính cụ được cụ giữ lại đãi rượu thì được hầu chuyện cụ sáng đêm.

Tôi đã ghi nhận được những điều cụ kể trong một đêm mưa:

-... O đã hết hạn tù khổ sai, chín năm ròng. Cậu cả Khiêm cũng phải đi đầy tám năm, đều là tội vào "hội kín Việt Nam quang phục" của ông Phan Bội Châu, hoạt động lật đổ nhà nước Pháp bảo hộ và Nam triều. Hết hạn tù khổ sai nhưng không được tha bổng mà tiếp tục chịu án quản thúc suốt đời. O ở Huế, hay xin về Nghệ An thì phải thường xuyên đến trình diện quan sở tại. Trước ngày Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945, o bị quản thúc tại huyện lỵ Nam Đàn. Hôm dân chúng nổi dậy cướp chính quyền ở Vinh, o vui như kẻ nằm mơ gặp mở vàng thì đã nghe tin Việt Minh lãnh đạo dân ta lật đổ chính quyền thực dân phong kiến khắp mọi nơi trong cả nước rồi. O xuống Vinh, đến các gia đình đã từng hoạt động thời Duy Tân với o, ai nấy đều vui mở tiệc ăn mừng nước mình đã độc lập, nhờ có Cụ Hồ, vị cứu tinh dân tộc. Bà Hàn Bình (mẹ chị Nguyễn Thị Minh Khai) nói với o nửa vui, nửa buồn khoăn: "Cụ Hồ Chí Minh đã đọc Tuyên ngôn Độc lập ở Hà Nội, dân chúng đông như nước lũ đến nghênh đón Cụ Hồ và

Chính phủ Việt Nam mới do Cụ Hồ đứng đầu. Anh Võ Nguyên Giáp của chúng tôi cũng tham gia Chính phủ Cụ Hồ, cô Thanh ạ. (Bà Hàn Bình là mẹ chị Thái, vợ đầu của anh Giáp. Chị Thái đã hy sinh trong tù trước Cách mạng tháng Tám 1945). Rất tiếc không biết ông Nguyễn Ái Quốc bây giờ ở đâu?". "Bây giờ o định ninh là cậu Thành không còn. Đã lâu lắm o không được một nhà hoạt động cách mạng nào ngấm báo với o về tin tức Nguyễn Ái Quốc cả.

Cụ nhìn ra sân mưa, bóng đêm thăm thẳm. Ly rượu nằm gọn trong lòng bàn tay cụ. Ông bình vôi ngồi im lìm dưới cánh tay co của cụ tựa lên. Tiếng nói cụ âm và sáng:

- O đang xem mạch cho một người em họ của mẹ o ở làng Chùa bị bệnh thương hàn nhập lý. Cậu Vương Thúc Oánh con cụ cử nhân Vương Thúc Quý, con rể cụ Phan Bội Châu, (Vương Thúc Quý là thầy dạy chữ nho của Bác Hồ) cầm tờ báo chạy tới bên o, vừa nói vừa thở gấp gấp:

- Ảnh cậu Thành!... Cậu Thành của chúng ta là Cụ Hồ đấy, chị ơi. Ảnh in trên báo đây này!

O cầm tờ báo tay run run, nhìn vào tấm ảnh in khá rõ. O buột miệng: "Cụ Hồ... Ô cậu Thành à?... Tất Thành"... Nước mắt giàn giụa che mờ. O nhìn không rõ nữa. Lau khô lệ, o ngấm kỹ chỉ còn nhận ra có thể là em trai mình ở hai con mắt sáng và hai cái tai không thể lẫn với ai khác. Nhưng khuôn mặt gầy và bộ râu thưa khiến o ngỡ ngợ! Cậu Vương Thúc Oánh quả quyết:

- Như chị đã biết, năm 1927 tôi được cụ Đinh Chương Dương đưa sang Quảng Châu dự lớp huấn luyện do ông Nguyễn Ái Quốc là người của Đệ tam quốc tế phụ trách. Lúc gặp ông Nguyễn Ái Quốc tôi nhận ra ngay cậu Nguyễn Tất Thành với tên gọi lúc đó là đồng chí Lý Thụy. Đến nay đã mười tám năm, tôi vẫn nhớ như in diện mạo ông Nguyễn Ái Quốc. Chắc chắn Cụ Hồ là Nguyễn Ái Quốc, là Nguyễn Tất Thành của chúng ta...

O bồi hồi nhớ lại ngày cha o vô kinh đô, nhận chức Thừa biện Bộ lễ, cậu Thành cùng cậu Cả Khiêm theo cha vào Huế tiếp

tục học chữ mới (chữ Quốc ngữ và chữ Pháp). Năm đó cậu Thành mười lăm tuổi. Bốn mươi năm rồi chứ đâu còn ít ỏi gì.

- Bác Hồ học chữ Nho đến trình độ nào thì chuyển sang học chữ mới, thưa o?

- Năm cậu Thành lên bốn tuổi thì mẹ o đã khai tâm cho cậu ấy. Mẹ o vốn được bà ngoại khai tâm rồi mới được cha dạy cho học tới năm mười lăm tuổi thì nghỉ. Bà ngoại o cũng là một người nhiều chữ, con cụ Tú Đụp ở xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên. Chính danh của cụ Tú là Nguyễn Văn Giáp. Nhưng cụ dự thi Hương tới bốn lần mà cả bốn lần đều chỉ đỗ Tú tài. Cho nên bà con đã gọi cái bằng Tú tài của cụ chồng dày lớp lớp như những miếng vá chằng vá đụp. Truyền thống hiếu học đẳng ngoại nhà o như vậy đó. Đẳng nội nhà o cũng nổi tiếng trọng bổ chữ hơn bổ thóc. Các cụ dám bán ruộng cho con cháu học chữ. Chữ sẽ đẻ ra ruộng, chứ ruộng không đẻ ra chữ. Để ruộng cả ao liền cho con cháu mà chúng nó dốt đặc cán mai thì sống tới tằm, lao vào một chậu đồ đen cờ bạc thì cũng sạch tay. Ba chị em o đều được mẹ và bà ngoại dạy chữ trước, sau đó cha o mới dạy cho các con học. Cậu Thành được cha dạy từ lúc lên năm tuổi. Cậu ấy ham học và sáng dạ. Năm cậu Thành lên mười bốn tuổi, khoa thi Hương năm đó cha o dự định cho cậu Thành và cậu Cả Khiêm ứng thi. Nhưng chẳng rõ vì sao cha o bỏ dự định ấy và khoa thi Hương Quý Mão số học trò của cha o có một người đậu cử nhân, hai người đậu tú tài.

- Năm đó Bác mười ba mười bốn tuổi cũng có thể thi Hương được ư, thưa o?

Cụ cười vui:

- Được lắm chứ cháu. Trong lịch sử nước mình thời nào, ở đâu cũng có người thông minh hiếu học... Ông Nguyễn Hiền làng Dương A, huyện Thượng Hiền, tỉnh Sơn Nam Thượng, nay là Nam Định, mười ba tuổi đậu trạng nguyên. Sau lễ vinh quy bái tổ ông cởi áo mào vua ban, chạy ra đồng chơi đùa với đám

trẻ trong làng. Đến năm mười sáu tuổi ông được bổ nhiệm Thượng thư Bộ Công dưới triều vua Trần Thái Tông (1255-1258). Ông Lê Văn Hưu đỗ Bảng nhãn còn ở tuổi vị thành niên. Ngay thời gần đây là ông Phan Bội Châu, bảy tuổi đã viết "Phan tiêu sinh chi luận ngữ". Năm ông lên mười tuổi, giặc Pháp chiếm Bắc Kỳ, ông viết hịch: "Bình Tây Thu Bắc" đem dán khắp làng Đan Nhiệm quê của ông... Cha o dạy học cho các con, cậu Thành là một đứa bé bình thường nhưng hé lộ những manh nha khác thường, cha o càng để tâm chăm sóc rất công phu. Những năm đầu thập kỷ thứ nhất của thế kỷ Hai mươi, ở Nghệ An có phong trào "bài Pháp triệt để". Ai cho con học chữ mới (chữ Quốc ngữ, chữ Pháp) là bị xếp vào "bè lũ bồi Tây". Nhưng cha o quan niệm: Ông cha ta chống nhà Hán xâm lược, nhưng cần phải học chữ Hán, học cái văn minh của người Hán, có biết rõ kẻ thù đại Hán thì mới có thể lật đổ được cái ách đô hộ giặc Pháp, phải chống lại chính sách ngu dân của chúng. Nhưng chúng ta không bài xích văn minh của người phương Tây... Giặc nước mỗi thời một khác. Phương sách cứu nước phải biết "tuỳ thời biến dịch". Cho nên, cuối năm Tân Sửu (1901) cho o cùng cậu Khiêm, cậu Thành bí mật học chữ mới với một ông thầy dưới thành Vinh.

Năm Ất Ty (1905) cậu Khiêm, cậu Thành vô Huế, đã trúng tuyển lớp Nhất Trường tiểu học Pháp - Việt Đông Ba. Sau đó hai cậu vào học Trường Quốc học. O xa cậu Thành từ ngày ấy cho tới bây giờ...

Cụ Thanh nói trầm trầm như từ trong xa vắng vọng về:

- O xuống chợ mua hai con vịt bầu, bỏ vào cái lồng mới, xách vào ga Vinh mua một cái vé tàu hạng nhất đi Hà Nội. Lúc lên tàu o vào số ghế của mình, trong toa khang trang sạch sẽ lắm. Hành khách họ nhìn chăm chăm vào cái lồng vịt trong tay o và liếc mắt vẻ khó chịu. Ông nhân viên coi toa tàu đến đuổi o:

- Cái bà già này sao vô chỗ đây? - Ông ta chỉ tay vào cái lồng vịt - Đem cái của nợ kia xuống toa hàng hôi hám ngay.

O chìa cái vé tàu hạng đắt tiền ra trước mặt ông ta. Hai con mắt tròn xoe của ông ta nhìn o vẻ nghi ngờ, nghi ngờ từ đôi dép da bò mỏng đế dưới chân đến cái váy nâu nhuộm bùn, cái áo dài vá vai trên mình o.

Ông ta quát to:

- Tôi đã bảo với bà là cái của nợ này phải xuống toa đen. Bà muốn ngồi ở hạng toa sang này thì phải vứt cái lồng vịt xuống sân ga đi.

Khốn khổ, hai con vịt lại hét tướng lên khiến ông nhân viên nhà tàu càng cáu tiết, quát om sòm. Hành khách cũng nhao nhao đuổi o ra khỏi toa hạng nhất. Vì ra Hà Nội gặp Cụ Hồ để xem có phải Nguyễn Tất Thành nhà mình không, o đành nín nhịn đi xuống toa đen. Tàu chạy ra tới ga Quán Hành, o đang suy tính cách nào tựa lưng đến đêm mà ngủ được một chốc một lát để lúc thầu Hà Nội mặt đỡ bơ phờ. Bỗng có một người ăn mặc kiêu công chức cùng đi với anh nhân viên nhà tàu đã đuổi o ở toa hạng nhất xuống đây. O nhìn qua chỗ khác tránh mặt họ. Anh nhân viên nói từ tốn hơn lúc nãy:

- Đây, bà lồng vịt có vé hạng nhất đây, ông nhận xem có phải là chị Cụ Hồ không?

O vẫn ngồi im, nhìn họ một cách lơ đãng. Ông kia nói với o:

- Thưa cụ, anh em công tác trên tàu vì không biết cụ là chị Cụ Hồ. Cho nên anh em đã sơ suất với cụ. Xin cụ thứ lỗi cho chúng cháu. Xin mời cụ lên toa trên ạ.

O nói ngay:

- Sang thời dân chủ rồi mà đầu óc quan quyền của các anh vẫn chưa gột rửa à? Các anh thấy người mặc đồ xuềnh xoàng quê mùa thì khinh rẻ, xua đuổi, nhưng lại sợ sệt cả người nhà của hạng có chức có quyền. Các anh nên nhớ là Cụ Hồ có chức nhưng không cậy quyền với dân đâu. Tôi là chị Cụ Hồ thì cũng là người dân thôi.

O nói theo cái bụng nghĩ của mình chứ vẫn còn thấp thỏm chưa dám chắc Cụ Hồ là cậu Tất Thành. Thấy thái độ o thẳng thắn, bộc trực, ông ta liền xưng tên, nói rõ lai lịch gia đình của mình. O nhận ra ông ta là con một người học trò của cha o.

- Tên ông ta, o còn nhớ không ạ?

- Nguyễn Thiệu. Người nho nhã. Một con người của một gia thế, một nếp nhà có phong hoá cháu ạ.

Về sau này tôi dò tìm được cụ Nguyễn Thiệu. Cụ công tác ở ngành đường sắt. Cụ ở trong một căn gác bé nhỏ trên tầng hai tại góc đường Nam Bộ - Đỗ Hạnh, đối diện với số nhà 13 thuốc gia truyền Kim Liên chuyên chữa bệnh dạ dày. Cụ Thiệu đã kể lại với tôi những kỷ niệm sâu sắc:

-... Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An được tin cụ Nguyễn Thị Thanh đi tàu hoả ra thủ đô gặp Cụ Hồ. Biết được tin quá muộn nên Ủy ban tỉnh vội giao cho nhà ga Vinh cử người giúp đỡ cụ trên tàu cho ra thầu Hà Nội rồi mời cụ nghỉ tại nhà khách của Sở hoả xa. Sau đó báo với Văn phòng Phủ Chủ tịch để họ đón tiếp cụ. Tôi được giao công việc này. Ủy ban tỉnh cho xe đưa tôi đuổi theo tàu ra tới ga Quán Hành thì tàu vừa đỗ lại. Tôi lên tàu đi tìm cụ Thanh mà Ủy ban tỉnh cho biết một đặc điểm duy nhất là "bà cụ tay xách cái lồng đựng hai con vịt bầu". Lúc lên tàu tìm được cụ ngồi chen chúc ở cái toa đen, tôi ái ngại, ái ngại và băn khoăn cả bộ đồ cụ mặc, cái nón lá cụ đội quá tồi tàn. Tôi năn nỉ mãi cụ mới chịu trở lại toa hạng nhất. Cái lồng vịt của cụ, chúng tôi đưa xuống toa ăn uống của nhân viên trên tàu. Khi cụ đã ngồi ổn chỗ, cụ chuyện trò với tôi đã thân mật, tôi mới nói ra điều băn khoăn:

- Thưa cụ.

Cụ ngắt lời ngay:

- Thôi. Cháu gọi bằng o nghe gần gũi. Gọi bằng cụ xa cách quá cháu ạ.

Tôi cảm thấy lòng mình nhẹ hẳn và nói một cách chân thành:

- O ra thủ đô thăm Bác Hồ, Chủ tịch của nước Việt Nam độc lập mà o bận đồ mặc quá, cháu không đành lòng.

Cụ Thanh cười giọng xuề xoà:

- Ô, cháu xấu hổ thay cho o về sự ăn mặc quê mùa à? Cháu ngẫm coi: O ra Hà Nội thăm em trai của mình chứ đâu phải đi thăm ông Chủ tịch nước? Vả lại, nước mình mới giành được độc lập, dân còn đói khổ mà ông Chủ tịch nước lại khinh người mặc đồ rách rưới thì ông Chủ tịch ấy là của ai vậy? Huống chi o là người chị ruột của ông Chủ tịch, hà cháu?

Cụ nói như phân trần:

- Nói thật tình với cháu, o không đến nỗi thiếu bộ áo quần tươm tất, cái nón lành lặn để mặc đi ra ngoài thiên hạ. Chị em o xa nhau đã quá lâu rồi. Cậu Thành đã mấy chục năm bôn ba khắp bể Á trời Âu, ăn cơm tây cơm tàu nay trở về giúp dân giành lại được giang sơn gấm vóc. O chưa rõ cậu Thành còn giữ được nếp nhà không, còn giữ được cốt cách người Việt Nam không? O còn lo cậu ấy quên nhiều tiếng mẹ đẻ, nói như một chú khách nói tiếng Việt thì đáng buồn.

Những điều cụ Thanh nói tôi càng thấm thía những điều cha tôi thường nhắc nhở các con "Cha rèn cặp các con kỹ lưỡng, nghiêm ngặt đó là bài học của thầy Nguyễn Sinh Sắc dạy. Thầy Sắc dạy con, dạy học trò cái cốt tuỷ là dạy làm người, thành nhân trước khi thành nghiệp".

Cụ Nguyễn Thiệu giọng đầy xúc động lúc kể lại hình ảnh cụ Nguyễn Thị Thanh xách cái lồng vịt lếch tha lếch thếch trên đường phố Hà Nội hùng hực không khí nhân dân đi mít tinh biểu tình bảo vệ chính quyền cách mạng:

-... Tàu về tới Hà Nội. Tôi đưa cụ Thanh ra tận đầu đường Trần Hưng Đạo bây giờ. Tôi năn nỉ để được thuê xe tay đưa cụ đến Bắc Bộ phủ nơi Bác Hồ làm việc. Nhưng cụ một mực từ chối: O đi bộ tới đó đường dài chẳng đáng là bao. O đã từng ném

mùi cổ đeo cái gông gỗ lim, hai tay phải đỡ hai đầu gông, chân không có một mảnh mo nang lót mà phải lết đi từ ngày này qua tháng khác. Nhiều khi o đi không kịp đoàn tù còn bị bọn cai, đội quát roi gân bò bong da lưng. Giờ đây o đang đi trên đường phố Hà Nội đầu ngẩng cao, chân rộng bước... Miệng cụ nói, chân cụ đi thoăn thoắt, cái lồng vịt lắc lư theo nhịp bước bên dòng người đi diễu hành, hô vang: Việt Nam độc lập muôn năm!... Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà muôn năm! Nam Bộ của nước Việt Nam!... Hồ Chủ tịch muôn năm!

Tâm trạng cụ Nguyễn Thị Thanh ở phút giây lịch sử này, cụ đã hồi tưởng lại như sau:

-... Trên đoạn đường từ ga Hàng Cỏ đến nơi cậu Thành làm việc. O choáng ngợp trong biển người và cờ đỏ sao vàng. Tiếng hát tiếng đàn, tiếng hô khẩu hiệu, tiếng hò reo dậy đất. Lòng khát vọng độc lập tự do của dân mình thật như trời như biển. O thâm suy ngẫm: chắc là hàng triệu sinh linh tiền bối, các anh hùng hào kiệt, các đảng sĩ phu cho đến những nhà hăng tâm hăng sản đã ngã xuống vì độc lập tự do đều hả lòng hả dạ nơi chín suối với con cháu trên dương thế hôm nay.

Cháu biết không, lúc o đến Bắc Bộ phủ gặp lính gác cửa. O xin với chú lính cho vào gặp Bác Hồ. Chú lính nhìn o đầy ngờ vực, soi mắt khắp dưới chân lên đầu o, cho tới cái lồng vịt! Hình như mấy chú lính canh gác Bắc Bộ phủ đều là người Nùng, người Tày, người Mường? Họ nói tiếng Kinh không sôi, giọng lơ lớ:

- Cụ là ai mà đến đây xin gặp Cụ Hồ?

- Chú cứ vào thưa với Cụ Hồ là có người ở trong Nghệ An ra thăm.

Mấy chú lính nói nhỏ với nhau: "Bà cụ này hao hao giống Bác Hồ". Một chú lính nói nhẹ nhàng: "Cụ đứng dẹp sang một bên này, đợi sẽ có người ra gặp". O cảm thấy phiền hà khó chịu, muốn quay về nhưng lòng mong mỏi được gặp em nên đành ráng đợi. O lấy miếng trầu trong âu đồng mang theo nhai đã dầm dập

thì một người trạc bốn mươi tuổi, mặt chữ điền, trán chữ nhật, lông mày chữ nhật, mắt long nhãn, mũi chữ cồn, miệng chữ tú, dáng oai vệ đi tới gặp o. Ông ta nhìn o về cảm kích về sự ăn bận quê mùa của o chẳng? Ông ta hỏi rất ân cần:

- Thưa cụ, có phải cụ là... Nguyễn Thị Thanh?

- Sao ông đã biết tên tôi?

- Dạ, cháu được nghe Bác Hồ nhắc đến tên cụ và cụ cả Khiêm ạ.

O mừng thầm: "Cụ Hồ đúng là cậu Thành rồi!". Ông ta mời o vào phòng khách. Cái lồng vịt của o được để vào một góc phòng. Mời o uống nước rồi ông ta tự giới thiệu:

- Thưa cụ cháu là bí thư, tức là người giúp việc của Bác Hồ. Tên cháu là Huỳnh, Vũ Đình Huỳnh.

Ông Huỳnh dẫn o ngồi nghỉ ngơi, đợi ông đi báo cáo với Cụ Hồ. Một lần nữa o lại cảm thấy phiền phức và sốt ruột...

Tôi, người viết bài này lại tìm đến ngôi nhà số 5, đường Hai Bà Trưng, Hà Nội gặp cụ Vũ Đình Huỳnh. Diện mạo cụ Huỳnh quả như lời cụ Thanh đã phác họa. Phong độ cụ Huỳnh sang mà lại bình dị, dễ gần. Cụ kể, giọng nói rất ấm:

-... Cụ Nguyễn Thị Thanh có nhiều nét giống Bác Hồ. Đặc biệt hai con mắt rất sáng, nhưng hơi buồn hơn hai mắt Bác. Tôi đón cụ Thanh vào phòng khách của Phủ Chủ tịch tại Bắc Bộ phủ. Tôi lên tầng hai, Bác đang bàn bạc với anh Võ Nguyên Giáp, anh Hoàng Hữu Nam, anh Hoàng Minh Giám về việc bọn Lư Hán, Tiêu Văn đòi được gặp Hồ Chủ tịch.

Tôi đến bên bàn thưa với Bác: "Cô Thanh ở Nghệ An ra thăm Bác. Cháu đã đón cô vào phòng khách...". Bác đặt cây bút chì đỏ xuống bàn, hai tay Bác nắm chặt lấy cái bàn, nhìn tôi.

Tôi được gặp Bác từ Đại hội Quốc dân Tân Trào cho đến khi làm bí thư cho Bác, chưa lần nào thấy mắt của Bác ngấn lệ rưng rưng như lần này. Các anh Võ Nguyên Giáp, Hoàng Hữu

Nam, Hoàng Minh Giám đều hoà chung vào niềm xúc động bất ngờ của Bác. Chỉ giây lát, Bác điềm tĩnh dặn dò tôi:

- Bốn chục năm! Bây giờ chị em mới có điều kiện gặp lại, tôi nhớ chị tôi... Nhưng phải nén nhịn. Tôi gặp chị tôi tại đây ngay bây giờ e có nhiều điều bất lợi cho công việc chung. Chú Huỳnh xuống gặp chị tôi, chú nói cách nào đó để chị tôi thông cảm được tình thế ngặt nghèo này. Rồi chú đưa chị tôi về ở nhà chú Đặng. Gia đình chú Đặng với gia đình tôi vốn có tình thân thiết từ lâu ở Nghệ An. Chị tôi ở đó thân thuộc như ở nhà. Tôi sẽ về đó, chị em gặp nhau hàn huyên được nhiều.

Tôi trở lại phòng khách, cụ Thanh nhìn vọng ra cửa có ý chờ đón Bác Hồ. Tôi rót nước mời cụ để rồi thưa chuyện với cụ, nhưng cụ hỏi ngay:

- Ông Hồ đi vắng à?

Tôi lúng túng thưa:

- Dạ thưa cụ... Bác còn dở dang một công việc hệ trọng. Bác giao trọng trách cho cháu đưa cụ về nghỉ ngơi tại gia đình ông giáo sư Đặng Thai Mai. Bác sẽ về gặp cụ tại đó...

Tôi chưa nói xong, cụ Thanh đã đứng phắt dậy, sải bước đến góc phòng, xách lồng vịt lên, nghiêm giọng:

- Tôi trở về Nghệ An đây. Ông lên nói với ông Hồ: Tôi không ngờ đứa em trai Nguyễn Tất Thành của tôi bốn chục năm về trước hiếu với cha mẹ, thảo hiền với chị với anh trong nhà, kính thầy yêu bạn, vậy mà... Bây giờ là ông Chủ tịch nước - Cụ đây nghiêng giọng - Chủ tịch nước là vua chứ còn gì? Vậy là, em tôi đã thay đổi, đã "quan dân lễ cách" ngay cả với chị gái của mình. Hẹn giờ gặp chị chỗ khác. Sợ chị rách rưới nơi quyền cao chức trọng này xấu hổ cho em chăng?

Đợi cụ nói cho đỡ phần giận dữ, tôi đến bên cụ, nói vừa đủ hai người nghe:

- Thưa cụ, được tin cụ ra thăm, Bác mừng đến nỗi chảy cả nước mắt. Bác muốn chạy xuống ngay với cụ. Nhưng Bác đã

phải níu chặt tay vào cái bàn để nén chịu nỗi nhớ nhung. Vì hiện giờ, chính quyền cách mạng còn trứng nước mà thù trong giặc ngoài như kiến cỏ, chúng đang cố truy tìm cho ra tung tích Hồ Chí Minh có đúng là Nguyễn Ái Quốc không? Vì lẽ đó...

Tôi chưa nói hết cụ Thanh đặt cái lồng vịt xuống, đặt bàn tay vào cánh tay tôi, mắt cụ ánh ngời ngấn lên:

- À, vậy tôi hiểu rồi. Vì việc lớn... đã vì nghĩa lớn mà bấy lâu xa cách, gác lại tình riêng... Chị em tôi... Thôi, ông đưa tôi về nhà ông Đặng đi. Thân sinh ông Đặng, thân sinh của tôi vốn là bạn đèn sách, cùng hàng Phó bảng triều Thành Thái mà.

Cụ Nguyễn Thị Thanh kể tiếp:

-... O đến nhà cậu giáo Đặng. Cậu mợ ấy mừng đón o như đón một người chị gái lâu ngày gặp nhau. Vậy mà o không ăn không ngủ nổi. Cả đến ngồi cũng thấp tha thấp thỏm không yên chỗ. Mợ giáo Đặng hỏi: "Người Bắc có tục lệ kiêng ăn thịt vịt đầu tháng, sợ xúi quẩy. Cho nên không ai đem vịt đi biếu lễ tết. Giá chị đem một đôi gà làm quà biếu Bác Hồ hợp với phong tục ngoài Bắc này chị ạ". O không nỡ giận mợ giáo Đặng, nhưng phải nói vì mợ ấy cũng là con nhà có tiếng gia phong: "Mợ nói vậy là trái đạo nhà ta rồi đó. Tôi đi thăm em trai đã lâu ngày chưa được gặp lại, tôi có thứ gì thì đem cho em thứ đó. Tôi đâu có biện lễ đi Tết người thượng cấp?". Mợ giáo Đặng biết đã lỡ lời, ngượng ngập nói với o: "Em trót buột miệng nói điều không phải, chị thứ lỗi cho em". Nhân thế, mợ giáo Đặng hỏi o làm những món gì để đãi cơm cậu Thành. O nhờ mợ ấy làm theo ý định của mình: "Tôi đem hai con vịt từ quê nhà ra đây là có tích chuyện của nó. Nhờ mợ làm cho chỉ một món vịt luộc, chấm muối gừng. Vì cậu Thành sợ mùi tỏi sống. Còn nước luộc mợ cho gia vị làm nước dùng. Chỉ từng ấy, đừng làm thêm món gì nữa". "Hai con vịt bầu tới ba cân có thể chế biến nhiều món ăn vừa ngon vừa sang trọng, mâm bát. Chỉ một món luộc phí quá chị ạ". O nói "Những bữa khác mợ tha hồ trổ tài nấu nướng đãi khách. Còn bữa nay mợ làm theo ý tôi đã".

Vào buổi non trưa thì có tiếng xe hơi ngoài cửa. Cậu giáo Đặng về mừng rỡ từ phòng ngoài vào nói với o: "Chị ơi... Bác về, Bác về rồi!".

O vui đến nghẹn thở, nhưng cái giận dỗi ở đâu tặn trong bụng trào lên. O gắt với cậu giáo Đặng: "Cậu đang nói với ai vậy? Tôi là chị cậu Thành kia mà. Cậu Thành đi làm cách mạng giúp dân giúp nước chứ đâu phải đi làm cố đạo để bố mẹ, ông bà cũng phải gọi bằng "cha", xưng "con". Bác Hồ là Bác với thanh niên, nhi đồng...".

Cậu giáo Đặng im lặng đi ra ngoài. O nghe tiếng cậu giáo Đặng nói về hồi hộp từ phía ngoài. Tiếng chân đang đi gần vào nơi o ngồi. Tự nhiên như có ai xoay người o ngoảnh mặt vào tường. O lắng rõ tiếng chân của cậu Thành đang bước, nhưng cái dỗi tỳ kéo o không quay mặt ra với em. Cậu Thành ngồi khẽ khàng xuống bên mép giường, sát người o, giọng nói vẫn trong, vẫn còn hơi hướng giọng Nghệ Tĩnh. Hai bàn tay cậu Thành áp lên hai vai o: "Chị ơi! Chị nữ nào dỗi với em!". O khóc oà lên. O quay ra ôm lấy em. Nhìn em Thành đã hoá ra một ông cụ tóc muối tiêu, râu thưa dài loà xoà trước tầm ngực. Cậu Thành cũng khóc, nói những gì o nghe không rõ nữa. Bao điều dự định để than thở với em bỗng bay biến mất. Chỉ hiện ra cái hình ảnh trên sân nhà bà ngoại ở làng Chùa, năm Tân Sửu (1901) o ngồi thái rau lợn, nhìn ra ngõ thấy em Thành khi đó còn gọi là bé Côn theo cha mẹ vô Huế từ năm năm trước nay trở về, o mừng reo lên: "Mẹ về!... Bà ơi... Cha mẹ cháu đã về". Nhưng em Thành chạy sà vào lòng o khóc to: "Chị ơi mẹ đã chết trong Huế rồi... Cha đang đi về kia...". Cái hình ảnh ấy bám riết lấy o mãi tới lúc cậu Thành đứng lên dìu o ra phòng khách. Hai chị em xa nhau đã hàng vạn ngày mà gặp nhau hàn huyên không được một giờ. Bởi cậu Thành đâu có nhiều thời giờ.

Mợ giáo Đặng đã làm xong cơm. Hai chị em o, hai vợ chồng cậu giáo Đặng ngồi vừa một mâm. Nhìn vào mâm thấy đầy thịt vịt luộc, cậu Thành đùa vui: "Chà vợ chồng chú Đặng

đãi chị em tôi món thịt vịt đây lút mất thế này rồi tha hồ được nghe "tin vịt".

Cậu giáo Đặng cười không nói gì. Mợ giáo hồ hởi nói: "Thưa Bác...". Cậu Thành đỡ lời ngay: "Gọi tôi là anh thôi. Người nhà với nhau gọi tôi bằng Bác mà gọi o Thanh của chúng ta bằng chị khác nào cầm đũa lệch gắp cơm".

Cậu Thành nói vậy rồi, mợ giáo Đặng vẫn gọi Bác. Mợ ấy nói luôn món thịt vịt là của o mang từ làng Sen ra. Cậu Thành đặt đôi đũa xuống mâm, đứng dậy, hai cánh tay khép vào phía trước người mình, nói với o: "Hồi bé em thích món thịt vịt luộc hơn các thức ăn khác. Em cũng hay vùi bà ngoại, vùi vĩnh mẹ món thịt vịt mỗi khi nhà có cỗ bàn. Em xa quê từ ngày tóc còn để chỏm, nay hai chị em tóc bạc mới được gặp nhau. Chị vẫn còn nhớ được sở thích khi còn trẻ nít của em, chẳng quản tuổi già sức yếu, đem từ quê ra cho như thế này...".

O mừng thoả dạ như lúc khát được uống nước giếng khơi vậy. O nói ra điều canh cánh bên lòng với cậu Thành: "Chị cứ lo ngay ngáy về việc cậu đi khắp thế giới sẽ quên mất những thú quê vị quán, nơi mình cắt rốn chôn nhau. Giờ gặp cậu, chị yên lòng. Cậu có còn nhớ cái tích chuyện hai anh em với cái chân vịt luộc không. Cậu Thành cười: "Em làm sao quên được chuyện đó. Em vẫn còn nhớ cái khoản "nợ" bà ngoại cho em chịu bầy roi ạ".

Vợ chồng cậu giáo Đặng cùng cười vui với hai chị em o, nhưng không rõ đầu đuôi câu chuyện. Trong bữa ăn o đã kể lại cho cậu mợ ấy nghe: Nhà ngoại có giỗ. Năm đó cỗ bàn bà bày biện khá to. Tể lễ xong, đang chặt thịt vịt, thịt gà bày lên đĩa. Bà ngoại cho cậu Khiêm, cậu Côn mỗi cháu một cái chân vịt luộc. Cậu Khiêm chia cái chân vịt phần mình ra trêu em: "Chân giò anh to hơn". Cậu Côn tưởng thật, bỏ cái chân vịt của phần mình xuống, giành cái của anh. Cả hai anh em không chịu nhường nhau, kéo co mãi, rốt cuộc, cậu Khiêm thả tay ra bất ngờ, cậu Côn ngã sòng xoài ra, tay quơ phải chồng đĩa cỗ của bà võ bầy

chiếc. Cả hai anh em lúc đó xanh tái mặt, ngồi như tượng đá. Bà ngoại lấy cái roi cành dâu bằng chiếc đĩa gọi hai cháu nằm lên giường. Nằm sấp duỗi thẳng tay chân, bà cho cậu Khiêm tự nhận phần lỗi trước. Bà hỏi: "Làm anh mà không biết nhường nhịn em thì chịu phạt mấy roi?". Cậu Khiêm nhận: "Thưa bà cháu xin nhận mười roi ạ". Bà ngoại gật đầu: "Được. Cháu biết nhận lỗi mau lẹ, bà chỉ đánh năm roi, cho cháu chịu năm roi nếu còn phạm lỗi trở lại thì số roi còn nợ này sẽ lên gấp ba lần". Cậu Khiêm ngồi dậy vui vẻ ngay. Đến lượt bà cho cậu Côn tự nhận phần lỗi của mình. Côn thủ thủ với bà: "Bà ơi, cháu đã có lỗi giành phần hơn với anh, cháu cũng xin nhận mười roi như anh Khiêm, nhưng xin bà tạm đánh ba roi thôi, cho cháu nợ bảy roi ạ". Bà cố nén cười, hỏi lại: "Cháu là em lại tranh giành phần hơn với anh, chính cánh tay đã làm vỡ bảy cái đĩa quý của bà. Lẽ ra cháu phải nhận số roi phạt nhiều hơn chứ sao lại đánh ít hơn anh cháu". Cậu Côn nũng nịu bà: "Bà ơi, chính anh cả đã khoe với cháu là chân vịt này to hơn. Cháu là em còn dại dột hơn anh, nên lỗi của cháu được nhẹ hơn ạ". Bà ngoại phì cười. Cả nhà lúc đó đều cười ran lên. Bà ngoại đành phạt cậu Côn ba roi, cho nợ bảy roi...

Khi kể đến đoạn chót câu chuyện này, cụ Thanh để chén rượu trong lòng bàn tay rất lâu. Im lặng sâu thăm thẳm. Tiếng thở dài của cụ như một dấu nối câu chuyện:

- O có nhờ ông bí thư Vũ Đình Huỳnh đừng để cậu Thành biết, dẫn o vào Phủ Chủ tịch một lần. O đi khắp lượt nơi làm việc, nơi ngủ của cậu Thành. Một cái bàn làm việc, cái ghế tựa, chung quanh các giá sách, bản đồ to trải khắp bức tường. Cái giường nhỏ, một tủ đựng các đồ dùng, không một thứ gì xa hoa đắt tiền.

Ông Huỳnh đưa o xuống nhà bếp. Các chú bếp không biết o là ai cả. Thấy đi với ông Huỳnh họ tưởng o là một bà trên nguồn về thăm thủ đô chẳng. Lúc đi ra gần lối rẽ sang phòng ăn,

o đứng sau một cánh cửa nhìn vào. Cậu Thành đang cùng ngồi ăn với nhiều người chung trong một dãy bàn dài. Ông Huỳnh nói thầm với o: "Bác cùng ăn với anh em cận vệ". Cơm xới vào cái rá to. Thức ăn chỉ có bát nước rau, đĩa thịt rim, không nhiều lắm, đĩa rau muống luộc đầy có ngọn. Ông Huỳnh vào đứng bên bàn ăn nói chuyện với cậu Thành để o được nhìn kỹ. Đĩa thịt chưa thấy ai đụng đũa, đĩa rau thì đã vơi nhanh. O thấy cậu Thành gấp thịt lên bát cho từng người. Đến lượt mình o thấy cậu Thành chỉ gấp có một miếng nhỏ xíu.

Cụ Nguyễn Thị Thanh khơi to ngọn đèn. Cái bóng cụ ngồi dài ra tận sân mưa. Cụ vẫn cầm gọn trong lòng bàn tay cái chén đã cạn rượu nhìn lên tấm chân dung Bác Hồ treo trên vách, dòng chữ Nho dưới chân dung của Người ngời sắc mực mờ mờ ảo ảo của ánh sáng đèn khuya:

“Quốc Chính Thiên Tâm Thuận - Quan Liêm Dân Tự An”.

NHỚ VỀ CÁI TẾT GẶP CỤ NGUYỄN SINH KHIÊM ĐỌC THƠ BÁC HỒ TẠI LÀNG SEN SƠN TÙNG

Một ngày giáp Tết Canh Dần - tháng 2-1950, gặp dịp đi qua làng Sen, tôi ghé vào thăm nơi đã lưu lại những kỷ niệm tuổi thơ của Người. Thật là may mắn, tôi đã được gặp bà Nguyễn Thị Thanh. Dân làng Sen thường gọi bà là o Thanh, người chị ruột của Bác. Bà ở trong một nếp nhà tranh lợp xúp tại góc vườn vắng lặng. Trước sân là bụi mía và các cụm cây thuốc nhiều nhất là tía tô, ngải cứu, mã đề, đinh lăng, sả, gừng, nghệ, riềng... Mảnh sân hẹp, cỏ gấu, cỏ chỉ mọc lúa thừa, về rêu phong lấp tằm vào tận hè nhà. Cửa ra vào che chắn bằng cái nong đã cũ kỹ, cạp nong đã gãy một vài chỗ. Bà nằm trong một xó tối trên chiếc chõng tre, chiếu trải nửa nằm nửa đắp. Quanh nơi bà nằm không có đồ đạc gì đáng kể mà chỉ có mấy cái hũ đựng thuốc hoàn tán, hũ tương, hũ gạo... Trên con xỏ kèo nhà treo mấy cái niêu con toòng teng trong dóng mây ba tao, có vòng thắt tóm.

Gặp phải lúc bà bị cảm cúm, trên đầu bà còn bó một nắm lá thuốc, hai bên thái dương, cổ, hai lòng bàn tay đều xoa nghệ vàng khè cho nên tôi không dám ngồi lại lâu hỏi chuyện...

Tôi sang khu vườn nhà thờ họ của Bác Hồ, gặp cụ Nguyễn Sinh Khiêm, anh ruột của Bác. Cụ cả Khiêm ở trong một nếp nhà chẳng khác mấy cái nếp nhà của bà Thanh. Căn nhà này ở kề bên ngôi nhà thờ họ. Gặp cụ, ngay phút đầu tôi đã cảm thấy như được gặp Bác Hồ: Từ diện mạo đến phong thái ung dung tự tại của cụ Khiêm rất giống Bác. Nhưng cụ Khiêm thì không

đề râu mà chỉ đề mỗi vành ria tương đối dày, màu muối tiêu. Đầu cụ cuốn một cái khăn kiểu mỏ rìu bằng lụa tơ tằm nhuộm nâu đã ngả màu.

Cụ ngồi trên một phản gỗ, trái chiếu cạp điều đã sờn mép, có hai chỗ rách cũng được vá bằng vải đỏ. Cụ ngồi tựa vào vách, phía trước là ấm nước chè xanh và mấy cái vũa (một loại bát to bằng đất nung thô sơ chuyên dùng để uống nước của bà con nông dân vùng Thanh Nghệ Tĩnh). Cụ ngồi tư thế xếp bằng, bên cạnh đùi là chồng sách phần nhiều bằng chữ Hán, bìa sách ám màu bồ hóng. Cạnh chồng sách là hai ba cút rượu của những người bà con đem đến xin cụ đôi câu đối Tết. Nhưng cụ chưa viết. Trên tay cụ đang cầm đọc một bài thơ chữ Hán, viết bằng ngòi bút sắt. Khi cụ để bài thơ xuống chiếu, rót nước mời khách, tôi được cơ hội đọc luôn. Cụ nhìn tôi, nói:

- Anh học cái chữ ni có được nhiều không?

- Dạ, thưa bác, cháu học được ít lắm ạ.

- Dù còn ít, nhưng đã là có vốn thì cố học thêm. Biết được thêm cái gì đều là bổ ích cả. Ở đời nỏ có cái chi là vô dụng mô.

Cụ đưa bài thơ cho tôi, nói:

- Anh đọc đi, bài thơ ni nỏ có chữ khó mô.

Tôi đón nhận bài thơ trên tay cụ và vô cùng xúc động khi nhận ra bài thơ này là của Bác Hồ tặng cụ Võ Liêm Sơn:

TẶNG VÕ CÔNG

*Thiên lý công tâm ngã
Bách cảm nhất ngôn trung
Sự dân nguyện tận hiếu
Sự quốc nguyện tận trung
Công lai ngã hân hỉ
Công khứ ngã tư công*

*Tặng công chi nhất cú:
Kháng chiến tất thành công^(*).*

Cụ Khiêm thấy tôi đọc được hết bài thơ mà không phải hỏi một chữ nào, liền hỏi:

- Anh hiểu và thấm nhuần được cái tứ, cái thần của bài thơ chứ?

- Dạ, thưa bác, cháu chỉ mới hiểu ý, hiểu nghĩa của từng chữ từng câu của bài thơ thôi ạ.

- Thơ hay không phải ở chữ đẹp mà ở sự cảm xúc. Cảm xúc càng mạnh, càng cao thì tứ bài thơ càng sâu, thần bài thơ càng rộng, người đọc phải ngẫm nghĩ, phải suy diễn nhiều có như vậy mới là bài thơ hay.

Cụ giục tôi uống nước và nhận lại bài thơ trên tay tôi, nói:

- Bài thơ này tuy là thơ thù tạc nhưng tứ nó lớn, thần nó sáng và dào dạt. Vì người làm thơ và người được tặng thơ là đồng điệu, là chí cao, tâm lớn nên nó bao quát được cả thời cuộc, cả tình riêng...

Cụ nhận biết tôi còn chưa rõ xuất xứ của bài thơ này, cụ nói chậm rãi:

- Ông Chủ tịch nước ta hiện nay (Bác Hồ) và ông Võ Liêm Sơn đã quen biết nhau từ hồi còn học Trường Quốc học Huế, hồi 1905, 1906... Hồi đó tôi cũng thường trò chuyện với ông Võ Liêm Sơn trong giờ chơi ngoài sân Trường Quốc học. Ông Sơn và tôi cùng tuổi Mậu Tý (1888), cùng quê xứ Nghệ với nhau. Cho nên vừa qua, ông Võ Liêm Sơn đi học ngoài Việt Bắc, trên

^(*) Dịch thơ:

Tặng cụ Võ Liêm Sơn
Ngàn dặm cụ tìm đến
Một lời trăm cảm thông
Thờ dân tròn đạo hiếu
Thờ nước vẹn lòng trung
Cụ đến tôi mừng rỡ
Cụ đi tôi nhớ nhung
Một câu xin tặng cụ:
Kháng chiến ắt thành công.

(Theo bản dịch của Nhà xuất bản Văn học trong tập Thơ Hồ Chủ tịch - Hà Nội, 1976).



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm lại quê nội của Người ở
Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An (9/2/1961)

Nguồn: Bảo tàng Hồ Chí Minh

đường về, ông đã ghé thăm tôi và ông kể với tôi việc ông được tiếp kiến ông Hồ. Ông Hồ đã làm thơ tặng ông Sơn...

Gặp dịp may hiếm có này, tôi thành tâm hỏi cụ về những kỷ niệm thời niên thiếu của cụ với Bác Hồ. Lúc đầu cụ nói lảng sang chuyện khác. Nhưng thấy tôi tha thiết và rất chân thành nên cụ đã kể cho nghe một số mẩu chuyện thời hai anh em cụ cùng đi săn chim cuốc, đuổi bắt chuồn chuồn ông voi, bướm cánh gấm, đi học chữ Hán, học Trường Pháp - Việt, Trường Quốc học Huế... Cụ nhớ lại và kể một cách hào hứng về chuyến đi theo mẹ vào Huế lần thứ nhất, mùa xuân năm Ất Mùi (1895). Cụ còn nhớ cái hình ảnh chân của cha đi bằng đôi dép da bò mỏng, quai xỏ qua kẽ ngón chân cái rồi rẽ hình đuôi én trên mu bàn chân xuống sau gót. Còn mẹ và hai anh em cụ thì đi bằng dép mo cau. Trong hai đầu gánh của bà mẹ còn đeo thêm mấy tệp dép mo cau dự trữ cho chuyến đi bộ đường dài vào kinh đô. Cụ nói, giọng bồi hồi:

- Chuyến đi vô kinh năm Ất Mùi với cha mẹ, tôi mới lên bảy, còn chú Côn thì chỉ mới có bốn hay năm tuổi... Tên là Côn, chứ không phải là Công - Cụ vừa nói vừa viết chữ Côn... chữ Công lên giấy - khởi thủy là tên Côn do ông ngoại và cha tôi chọn cái tích con cá còn hoá chim bằng để đặt tên cho chú ấy (Bác Hồ). Nhưng các bà con cứ gọi là Công, gọi mãi thành quen. Chú Côn tuy là em, ít hơn tôi vài tuổi, nhưng hóm hơn tôi, sớm biết xem xét, biết lập ngôn và suy đoán hơn tôi. Tôi còn nhớ rất rõ về chuyến đi Kinh lần đầu ấy, cha tôi phải cõng chú Côn. Thịnh thoảng chú ấy cũng đi bộ với tôi một quãng rồi lại ôm cổ cha, bám trên lưng cha nhưng mắt chú ấy ít bỏ qua những vật lạ trên dọc đường và hỏi cha tôi cặn kẽ các thứ đó. Có lúc cha tôi cảm thấy mỗi miệng phải giả vờ không nghe rõ, nhưng chú Côn cứ hỏi cha miết. Cái hôm thấy đèo Ngang, cha mẹ tôi cùng với những người đi vô Kinh đã dừng lại dưới chân núi, nghỉ và ăn cơm nắm cho chắc dạ để có sức mà vượt đèo. Mọi người ngồi quây quần trên bãi cỏ, chú Côn vừa chạy tung tăng vừa hỏi: "Cha ơi... trên núi kia có cái chi màu đỏ đỏ mà lại dúc da dúc dắc rứa cha?". Cha tôi ngược nhìn lên đèo Ngang, giải thích: "Đó là con đường mòn. Lát nữa cha con mình sẽ leo lên đó để sang bên kia đèo, con ạ!". Thế là, chú Côn nhảy cò cò chân và nói líu lo, thành văn:

*Núi cống con đường mòn
Cha thì cống theo con
Núi nằm ì một chỗ
Cha đi củi lom khom
Con tập chạy lon ton
Cha siêng hơn hòn núi
Con đường lười hơn con.*

Cha tôi nhìn chú Côn, mỉm cười, gật gật đầu. Mẹ tôi thì xoa xoa đầu chú Côn: "Con nhìn phong cảnh mà vận ngay thành văn thành vè. Còn anh cả (cụ Khiêm) thì chậm chạp, thua em rồi đó". Rồi khi leo dốc tôi bỏ cả hơi tai, cho nên lúc lên tới đỉnh đèo, mọi người lại phải ngồi nghỉ chân. Tôi phụng phịu mặt, muốn khóc vì hai chân như rã rời, bàn chân thì bỏng rát. Chú Côn từ trên lưng cha bước xuống bãi đá bằng liền la to: "Cha ơi cha! Cái ao... cái ao lớn quá!". Cha tôi cười, bảo: "Biển đó con ơi!". Tôi ngược lên nhìn theo hướng chú Côn chỉ trỏ - "Ồ biển!". Đây là lần đầu tiên anh em chúng tôi được nhìn thấy biển cả trải mênh mông dưới chân đèo Ngang. Chú Côn lại chỉ trỏ, nói: "Ồ! Bò... bò... con bò to lội trên biển". Cha tôi lại giải thích: "Không phải con bò đâu, con ơi! Thuyền đó. Thuyền chạy bằng buồm theo chiều gió... con nhớ chưa?". Chú Côn lại nói líu lo:

*Biển là ao lớn
Thuyền là con bò
Thuyền ăn gió no
Lội trên mặt nước
Em nhìn thấy trước
Anh trông thấy sau
Ta lớn mau mau
Vượt qua ao lớn.*

Cụ Khiêm bồi hồi, giọng nói thường ngắt quãng:

- Sinh thời, mẹ tôi thường hay nhắc lại chuyện đi vào Kinh lần đó và chú Côn lại ngân nga những câu ứng khẩu thành vè ấy. Vì thế mà tôi cũng thuộc được nó và nhớ cho đến giờ đây là ngót năm mươi lăm năm rồi (1895 - 1950).

Tôi xin cụ được chép lại hai bài thơ mà cụ vừa đọc cho nghe. Cụ khoát tay: "Anh chép những câu nói bập bẹ mà thành văn của chú Côn liệu có ích gì? Đó chẳng qua là chuyện ấu thời của anh em tôi...". Song thấy tôi tha thiết được ghi lại hai bài thơ, cụ đành phải vui lòng.

Một thời gian sau, tôi trở lại làng Sen thì... cụ Nguyễn Sinh Khiêm đã tạ thế ngày 11-5 năm Canh Dần (25-6-1950). Cụ về nơi yên nghỉ cuối cùng đã hơn năm tháng, nhưng hôm tôi đến thăm cụ thì cả làng Sen xúc động vì cái tin: Bác Hồ gửi điện thọ tang về...

Tôi lại sang thăm bà Thanh, bà khoẻ hơn lần tôi gặp trước. Bà đang ngồi ở cửa, nỗi đau buồn đọng đầy trong đôi mắt mệt mỏi. Trên tay bà còn cầm tờ giấy chép lại bức điện của Bác Hồ chữ viết bằng mực tím:

"... Nghe tin anh cả mất, lòng tôi rất buồn rầu. Vì việc nước nặng nhiều, đường sá xa cách mà lúc anh đau yếu, tôi không thể trông nom, lúc anh tạ thế, tôi không thể lo liệu.

Than ôi! Tôi xin chịu tội bất đễ trước linh hồn anh và xin bà con nguyên lượng cho một người con đã hy sinh tình nhà vì phải lo việc nước.

9-11-1950

CHÍ MINH"

Đọc nỗi lòng Bác Hồ qua bức điện thọ tang trên tay bà Nguyễn Thị Thanh, hình ảnh cụ Nguyễn Sinh Khiêm một ngày giáp Tết ngồi đọc thơ của em trai Nguyễn Sinh Côn cứ hiển hiện ra dòng nhớ tưởng của tôi. Tôi bồi hồi nhìn ra nơi yên nghỉ của cụ. Dãy núi Chung, núi Trắc Lĩnh sừng sững giữa quê hương hoà sắc xanh xa của đất trời. Và bên tai tôi như văng vẳng giọng cụ đọc câu đối của Nguyễn Sinh Côn lúc cùng học chữ Hán với cụ:

*Chung sơn vượng khí thành kiên cố
Trắc Lĩnh đa vân thị lão niên^(*).*

^(*) Dịch nghĩa

Núi Chung khí vượng trở thành kiên cố
Non Lĩnh nhiều mây đó là lâu năm.

CẢM XÚC DƯỚI GIÀN HOA BÁC HỒ

SƠN TÙNG

Có nơi đâu ghi sâu hình ảnh Bác thao thức thương nhớ miền Nam như dưới giàn hoa trong vườn Bác ở Thủ đô. Bác đã từng có những giây phút lặng người tại Bắc Bộ phủ khi nghe báo cáo quân đội Pháp núp sau bóng quân Anh vào Sài Gòn và đã gây chiến..., đồng bào Nam Bộ đã phải cầm vũ khí để bảo vệ nền độc lập mà Bác đã khai sinh tại vườn hoa Ba Đình - Hà Nội mới được hai mươi ngày! Giữa tiết thu, đồng bào Hà Nội đang sống trong niềm vui hân hoan của Ngày - Mới - Độc - Lập - Tự - Do. Mọi người dân Thủ đô đang ngon giấc giữa đêm thu cách mạng thì Bác vẫn thức. Bác nghĩ về Nam Bộ kháng chiến. Từ trong ngôi nhà số 8 bên hồ Hoàn Kiếm, Bác nhớ miền Nam. Bác viết thư gửi về Nam:

"Hà Nội ngày 26-9-1945

Gửi đồng bào Nam Bộ

Hỡi đồng bào Nam Bộ!

Nước ta vừa giành quyền độc lập, thì đã bị gặp nạn ngoại xâm. Khi còn chiến tranh với Nhật thì bọn thực dân Pháp hoặc đầu hàng, hoặc chạy trốn. Nay vừa hết chiến tranh thì bọn thực dân Pháp hoặc bí mật hoặc công khai mò lại. Trong bốn năm, họ đã bán nước ta hai lần. Nay họ lại muốn thống trị dân ta một lần nữa.

Tôi chắc và đồng bào cả nước đều chắc vào lòng kiên quyết ái quốc của đồng bào Nam Bộ. Chúng ta nên nhớ lời oanh liệt của các nhà đại cách mạng Pháp: "Thà chết tự do hơn sống nô lệ".

Tôi chắc và đồng bào Nam Bộ cũng chắc rằng Chính phủ và toàn quốc đồng bào sẽ hết sức giúp những chiến sĩ và nhân dân đang hy sinh tranh đấu để giữ vững nền độc lập nước nhà. Tôi chắc và đồng bào đều chắc rằng những người và những dân tộc yêu chuộng bình đẳng tự do trên thế giới đều đồng tình với chúng ta.

Chúng ta nhất định sẽ thắng lợi vì chúng ta có lực lượng đoàn kết của cả quốc dân.

Chúng ta nhất định thắng lợi vì cuộc đấu tranh của chúng ta là chính đáng...^().*

Từ ngày ấy, ngày Nam Bộ kháng chiến, trong trái tim Bác đau đáu nỗi nhớ về miền Nam.

Rồi kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Bác rời Thủ đô Hà Nội. Thủ đô theo Bác lên ngàn và từ những nơi đó, trái tim mệnh mông của Bác thao thức với hàng trăm ngàn việc lớn của cả nước, của thế giới mà bên lòng vẫn canh cánh một nỗi nhớ miền Nam, nơi Bác cất bước đi tìm đường cứu nước và đã từng trải bốn bề năm châu, những tưởng bước chân Bác khép kín vòng sau ngày Bác đọc Tuyên ngôn độc lập!...

Nỗi nhớ miền Nam canh cánh trong tim Bác từ sau ngày đất nước chịu nỗi đau phân chia hai miền Nam - Bắc!

Bác lại trở về Thủ đô Hà Nội. Dinh toàn quyền cũ trở thành Phủ Chủ tịch. Bác đã tự lựa chọn một ngôi nhà nhỏ của người coi vườn làm nơi Bác ở và làm việc, dành Dinh toàn quyền đồ sộ, nguy nga làm chỗ hội họp, tiếp khách. Năm 1958, nhân dịp Bác đi thăm nước ngoài các đồng chí giúp việc của Bác đã dựng một ngôi nhà sàn bằng gỗ thường trong vườn Phủ Chủ tịch. Ngày 17 tháng 5 năm 1958, ngôi nhà đã xây dựng xong và Bác cũng ưng ý cái nếp nhà thanh bạch đó. Bác chỉ đề nghị thêm:

^(*) Báo *Cứu quốc* số 54 ngày 29-9-1945.

Dời cây vú sữa từ bên trái bờ ao gần ngôi nhà cũ đến nhà sàn ở sát với buồng làm việc của Bác.

Cây vú sữa trong vườn Bác là một hình ảnh của lòng nhân dân miền Nam với Bác, tình Bác với "miền Nam". Trên chuyến tàu chở cán bộ miền Nam ra Bắc tập kết năm 1954, đồng bào ở "đất miền Nam luôn trong trái tim..." của Bác đã gửi theo cây vú sữa ra ở với Bác. Mùa xuân năm 1955, cây vú sữa đã được Bác đón vào cạnh nơi Bác ở và làm việc. Bác hàng ngày chăm nom cây vú sữa như chăm sóc đứa con thơ. Có những hôm, Bác bận công việc trọng đại, Bác vẫn không quên vun, tưới cho cây vú sữa. Về mùa đông, Bác cùng các đồng chí giúp việc bện rơm quấn từ dưới gốc cuốn lên quanh thân cây vú sữa chống rét. Cây vú sữa đã lớn cao, cành lá xum xuê toả bóng mát quanh nơi Bác làm việc, hương hoa thơm, mùi trái chín phảng phất trong phòng Bác nghỉ. Và, hương sắc hoa vú sữa hoà quyện với sắc hương giàn hoa trong vườn Bác.

Giàn hoa tạo dựng bằng 8 trụ vuông và 32 cột tròn theo đường cánh cung của khu sân sau Phủ Chủ tịch; những cái xà bằng bê tông đúc sẵn đan kết tầng trên vững chãi. Những nhánh hoa của loài hoa leo đã đan khắp các đường xà thành giàn hoa hình bán nguyệt. Bác Hồ thường đặt bàn làm việc dưới giàn hoa này vào tiết hè, thu. Bác cũng thường tiếp một số khách quý dưới giàn hoa. Đặc biệt đại biểu của các tầng lớp nhân dân miền Nam ruột thịt vào thăm miền Bắc, Bác đều tiếp dưới giàn hoa.

Tháng 10 năm 1962, nhà giáo Nguyễn Văn Hiếu và nhà thơ Thanh Hải dẫn đầu một đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam lần đầu tiên chính thức ra thăm miền Bắc đến Phủ Chủ tịch chào Bác Hồ. Bác đã ôm chặt từng đại biểu miền Nam vào lòng mình dưới giàn hoa và mắt rưng rưng lệ, giọng nghẹn ngào: Miền Nam luôn trong trái tim tôi!

Có nơi đâu ghi sâu hình ảnh Bác thao thức nhớ miền Nam như dưới giàn hoa trong vườn Bác ở Thủ đô!

Lại cũng tháng 10, nhưng là của năm 1965, đoàn đại biểu Hội Lao động Giải phóng miền Nam ra thăm miền Bắc, Bác Hồ đã tiếp đoàn dưới giàn hoa. Bác chăm chú nghe các đại biểu kể về đời sống, về tinh thần đấu tranh chống giặc bắt lính, chống áp bức bóc lột và lòng luôn luôn hướng về Bác Hồ của các tầng lớp lao động miền Nam.

Và liên tiếp các đoàn đại biểu của lực lượng vũ trang nhân dân Giải phóng miền Nam đã quây quần bên Bác dưới giàn hoa như đàn con cháu đi xa lâu ngày được về thăm cha. Anh hùng Tạ Thị Kiều, Anh hùng A Vai, Chí Nguyễn, Trần Dưỡng... đã oà lên khóc, ôm chầm lấy Bác dưới giàn hoa này! Từ giàn hoa này các chiến sĩ Giải phóng miền Nam đã được lồng cánh tay mình vào vòng tay Bác, cùng sóng bước hàng ngang, dạo dưới bóng cây vú sữa, quanh nhà sàn, ao cá...

Đã có một ao lớn, cá quẫy đặc nước, Bác còn nuôi một chậu cá vàng để đón các cháu ngoan là con em miền Nam, miền Bắc vào chơi được vui mắt thêm.

Cũng dưới giàn hoa này, Bác đã đón tiếp các đại biểu của Mặt trận Liên minh Dân tộc Dân chủ miền Nam ra thăm đất Tổ, thăm Bác. Được gặp Bác, mỗi người xúc động một vẻ mà tâm hồn cũng âm vang lời Bác, lời truyền hịch từ những ngày đầu Nam Bộ cầm gậy "tầm vong" giữ nước: *"Nam Bộ là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam... Sông có thể cạn, đá có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi"*...

Ôi! Có nơi đâu ghi sâu hình ảnh Bác thao thức thương nhớ miền Nam như dưới vườn hoa trong vườn Bác ở Thủ đô.

Tôi được Đại tướng Lê Trọng Tấn dành cho một số buổi ghi chép những kỷ niệm của ông về Bác Hồ, với anh Văn. Những tưởng còn làm việc với nhau sẽ còn dài, nào ngờ buổi trò chuyện trước ngày Đại hội VI, 1986 của Đại tướng Lê Trọng Tấn với tôi và họa sĩ Lê Duy Ứng, đó lại là lần cuối cùng! Đại tướng Lê

Trọng Tấn mở đầu cuộc chuyện với chúng tôi một niềm cảm thương: "Bữa nay tôi kể về Bác Hồ với một nhà văn thương binh nặng, một họa sĩ thương binh nặng! Hai chiến sĩ nghệ sĩ "tàn mà không phế" - Đại tướng Lê Trọng Tấn lặng hẳn một lúc! Ông bùi ngùi kể - Khi ở mặt trận phía Nam về, Bác gọi vào nơi làm việc của Bác. Đại tướng đã báo cáo tình hình ngoài mặt trận với Bác. Bác không ưa lối báo cáo chung chung, kiểu báo cáo dựa theo các báo cáo. Bác nhấn với Đại tướng: "Chú Tấn kể cho Bác nghe những chuyện thật, người thật, những sự thật diễn biến ngoài mặt trận, đừng có làm cái việc "tuyên truyền" cho Bác nhé".

Tôi xúc động mạnh thưa với Người - Thưa Bác, cháu báo cáo với Bác, với anh Văn, cháu không bao giờ thêm, bớt giấu giếm điều gì...

Bác đã khóc! Đại tướng nói - Chưa bao giờ tôi thấy Bác khóc nhiều như thế, nước mắt ướt đầm khăn mùi xoa lúc tôi thưa thật với Bác về sự hy sinh của chiến sĩ trên các chiến trường và xóm làng ở miền Nam bị bom đạn nghiền nát biến dạng cả từng vùng rộng lớn, đồng bào nhiều nơi phải sống trong địa đạo... Nhiều gia đình bị xoá trắng cả làng!...

Ngay cả lúc Đại tướng Lê Trọng Tấn thuật lại với tôi, giọng nói vẫn còn xúc động. Và, giọng nói của Đại tướng như còn chưa nguôi hận -... Có lần tôi báo cáo với Bác ba tiếng liền... Được đi bên Bác dưới giàn hoa, dưới bóng cây vú sữa, quanh nhà sàn, tôi thấy mình có lỗi... Bác tin, dân tin đã giao cho mình nhiệm vụ đuổi giặc ngoại xâm... tóc Bác đã bạc, tóc mình cũng đã ngả màu muối tiêu mà vẫn chưa thực hiện được nguyện vọng của cả dân tộc. "Nhân dân miền Nam đón Bác về, dân toại nguyện, Bác cũng được thoả lòng!".

Giọng nói của Đại tướng bồi hồi - Mỗi lần tôi ra trận, tôi thường được vào chào Bác. Và, Bác thường giữ lại ăn cơm với Bác, trong bữa ăn, Bác thường tiếp thức ăn như mẹ tiếp cho con sắp phải xa nhà. Những bữa ăn thường thấy có anh Văn (Đại tướng



Chủ tịch Hồ Chí Minh cho cá ăn tại ao cá trước nhà sàn
trong vườn Phủ Chủ tịch.

Ảnh: Đinh Đăng Định - Nguồn: Bảo tàng Hồ Chí Minh

Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp) cùng dự. Bữa cơm Bác tiễn tôi lần cuối vào tiết thu năm 1968. Bữa đó Bác đãi cơm anh Phạm Hùng và tôi. Bác Tôn, anh Ba (đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn), anh Năm (Chủ tịch Trường Chinh), anh Tô (Thủ tướng Phạm Văn Đồng) anh Văn cùng dự. Gần cuối bữa ăn, Bác hỏi khá đột ngột:

- Chú Hùng, chú Tấn định bao giờ cho Bác vào với bà con trong đó?

Thấy chúng tôi lúng túng, Bác nói tiếp:

- Bác Tôn đã tròn 80 tuổi rồi. Cánh già chúng tôi mà không được về thăm đồng bào miền Nam một lần thì...

Đại tướng như thấy một "món nợ" khôn nguôi khi nhớ, nghĩ về Bác kính yêu!

Như chúng ta đã nghe nói, trước ngày Bác sắp đi xa, Bác cùng với anh Vũ Kỳ, thư ký của Bác đã nhiều đêm mang ba lô nặng, chống "gậy Trường Sơn", tập hành quân đường dài quanh giàn hoa, ra vườn bách thảo, leo lên núi Nùng, tập vượt dốc Trường Sơn! Bác còn khuyên anh Vũ Kỳ nuôi râu dài để dễ cài trang nếu cần lúc Bác cháu vượt Trường Sơn vào Nam. Nhưng Bác đã không thực hiện được. Sức khỏe Bác ngày một giảm sút, Bác không thể nào cưỡng lại quy luật "sinh - lão - bệnh - tử".

Bộ Chính trị rất lo lắng và quan tâm sức khỏe của Bác, nếu Bác có mệnh hệ nào xin được giữ hình hài Bác lại để đồng bào miền Nam và con cháu của mai sau được nhìn thấy.

Bác ở miền Nam! Ôi có nơi đâu ghi sâu hình ảnh Bác thao thức thương nhớ miền Nam như dưới giàn hoa trong vườn Bác ở Thủ đô!

Những giờ phút đi bên anh Vũ Kỳ dưới giàn hoa vườn Bác, đi trong vườn Bác tôi bồi hồi nhớ tại giàn hoa này, 14-7-1969, Bác Hồ đặt bàn tay lên trái tim mình nói với nhà báo Mácta Rohát, Cu Ba cùng chung chiến hào chống Mỹ:

"Ở miền Nam mỗi người, mỗi gia đình đều có nỗi đau khổ riêng, và gộp cả nỗi đau khổ riêng của mỗi người, mỗi gia đình lại thì thành nỗi đau khổ của tôi..."

Tôi nghĩ rằng, tôi chưa tròn nghĩa vụ cách mạng của tôi đối với đồng bào miền Nam; mặc dầu vậy, tôi biết rằng đồng bào miền Nam rất yêu quý tôi, cũng như tôi luôn yêu quý đồng bào. Ở miền Nam tôi không phải là Chủ tịch Hồ Chí Minh mà là Bác Hồ".

Và, tại nơi đây Bác Hồ mời các nhà hoạt động văn hoá tư tưởng thuộc Ban Tuyên huấn Trung ương, Bộ Văn hoá để bàn về việc viết và xuất bản sách "Người tốt, việc tốt". Người mở đầu cuộc họp: "Hôm nay Bác mời các chú đến để bàn cách thực hiện điều mà Bác đã đề nghị với Ban Bí thư Trung ương Đảng. Bác muốn bàn luận dân chủ, các chú có ý kiến gì trái với Bác thì cứ cãi, nhất trí rồi về làm thì mới tốt được. Không nên Bác nói gì, các chú cứ ghi vào sổ mà trong bụng thì chưa thật rõ, rồi các chú không làm, hay làm một cách qua loa..."

... Chúng ta đánh giặc và xây dựng xã hội mới bằng những việc làm muôn hình muôn vẻ của hàng chục triệu con người... Chứ không phải chỉ bằng một vài việc làm nổi bật và vang dội của một số cá nhân..."

Bác nêu vấn đề với các nhà tư tưởng - văn hoá:... "Như vậy là các chú cũng đồng ý với Bác: Một người phải biết học nhiều. Hơn nữa, cần làm cho món ăn tinh thần được phong phú, không nên bắt mọi người chỉ được ăn một món thôi. Cũng như vào vườn hoa, cần cho mọi người được thấy nhiều loại hoa đẹp. Ta xây dựng con người cũng phải có ý rõ ràng như kiến trúc xây dựng những ngôi nhà..."

Bác không quên căn dặn các nhà lãnh đạo ngành Tư tưởng - Văn hoá của đất nước trước ngày Người "đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác".

"... Các chú dạy cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về chủ nghĩa Mác-Lênin, chắc có nhiều người thuộc, nhưng các chú có

làm cho mọi người hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin là thế nào không? Theo Bác, hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin tức là cách mạng phân công cho việc gì, làm Chủ tịch nước hay nấu ăn, đều phải làm tròn nhiệm vụ. Không nên đào tạo ra những con người thuộc sách lâu lâu, cụ Mác nói thế này, cụ Lênin nói thế kia, nhưng nhiệm vụ của mình được giao quét nhà lại để cho nhà đầy rác... Nhân dân ta đã từ lâu sống với nhau có tình có nghĩa như thế nào. Từ khi có Đảng lãnh đạo và giáo dục, tình nghĩa ấy càng cao đẹp hơn, trở thành tình nghĩa đồng bào, đồng chí, tình nghĩa năm châu bốn biển một nhà. Hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin là phải sống với nhau có tình có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin được!

... Trước đây Bác và các chú bước vào con đường cách mạng ai cũng sẵn sàng nhận lấy hai cái này: Một là tù đầy, hai là lên máy chém. Ngoài cái được lớn là độc lập tự do cho nhân dân, Tổ quốc, không ai nghĩ sẽ dành phần danh lợi cho cá nhân mình... các chú dạy rất nhiều điều, nhưng có một điều phải thật rõ: Làm cán bộ tức là một đời làm đầy tớ trung thành của nhân dân. Máy chữ a, b, c này không phải ai cũng thuộc đâu, phải học mãi, học suốt đời mới thuộc được.

Mấy chục năm nay nhân dân ta phải tập trung sức lực để đánh giặc cho nên về xây dựng đời sống ta chưa làm được nhiều. Nhưng đánh thắng giặc Mỹ rồi thì những việc chính của cách mạng là làm thế nào để giải quyết ngày càng tốt hơn những vấn đề ăn, mặc, ở, đi lại, học hành, phòng và chữa bệnh...; tóm lại là không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân. Những điều này, lớp người này chưa làm xong, thì lớp người sau phải tiếp tục làm...

Bác nhắc các chú điều này: Bây giờ do cuộc chống Mỹ cứu nước của ta có một vị trí rất lớn đối với thế giới, ta lại đánh thắng đế quốc Mỹ, nên càng ngày càng có nhiều người nước ngoài tìm hiểu rất kỹ về Việt Nam. Coi chừng có nhiều người

Việt Nam lại không hiểu rõ lịch sử đất nước, con người và cái vốn quý báu của mình bằng người nước ngoài!... Một số trường hợp khiến Bác không vui.

Trước đây khi cách mạng còn trong bóng tối, hoặc khi còn ở chiến khu, chúng ta chỉ có hai bộ quần áo nâu, đi công tác thì ba lô lên vai và đi bộ. Khó khăn, thiếu thốn, ốm đau ta đều dựa vào nhân dân. Nay tình hình khác trước. Đời sống nhân dân khá hơn xưa, cán bộ ta ăn ở cũng khá hơn, đi công tác có xe đạp, có ô tô nữa. Nhưng có một số người không nhớ lúc hàn vi, lại đề chủ nghĩa cá nhân nảy nở. Đã có xe rồi lại "phấn đấu" để có chiếc xe đẹp hơn, chiếm mất phần của người khác. Đã có nhà ở rồi lại "phấn đấu" theo kiểu như thế để có nhà đẹp hơn. Làm như vậy là trái với đạo đức cách mạng. Các chú có biết rằng dân tộc ta vĩ đại, Đảng ta vĩ đại, ta được anh em bầu bạn khắp năm châu yêu mến, và ca ngợi là cái gì không?

Vì cuộc chiến đấu chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta do Đảng ta lãnh đạo là chí công vô tư, mình vì mọi người.

Từ nay về sau, nhân dân ta và Đảng ta phải giữ gìn và phát huy mãi mãi đạo đức trong sáng ấy. Một dân tộc, một đảng và một con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi nếu lòng dạ không còn trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân"...

Dưới giàn hoa vườn Bác... lời Bác... "Nếu lòng dạ không còn trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân^() thì..."*

... Lời Bác xanh xuân.

*... "Theo lịch sử
xanh
sinh*

^(*) Xem: Hồ Chí Minh tuyển tập, tập II, Nxb. Sự thật, 1980, trang 476.

Việt Nam
mời xuân
mở xuân
Sáng xuân
Quả xuân
Nhớ Người
Trông xuân
Bác
vẫn
hồ xuân
Cả nước
Xuân
Xuân
Xuân^()*

Chiều Vãn mùa đông Ất Sửu - Xuân Giáp Thân 2003

(*) Thơ Lê Đạt "*Trường ca Bác*", Nxb. Thanh niên, 1990 - Kỷ niệm 100 năm ngày sinh Bác Hồ.

ĐIỀU THUỐC LÁ

DƯƠNG DUY NGŨ

Giáp Tết, sau khi học xong trường huấn luyện chiến sĩ mới, tôi được bổ sung về khẩu đội 6 đại đội I pháo cao xạ bảo vệ Thủ đô. Trận địa đặt trên mũi nhọn một cồn cát nổi giữa lòng sông, trông giống một chiến hạm khổng lồ đã nhả neo sẵn sàng bảo vệ thành phố. Ngay tối hôm đầu tiên, khi trăng lên, khẩu đội trưởng Đại đã rủ tôi ra bờ công sự. Anh kể những chặng đường khẩu đội đã đi qua, những chiến công đơn vị đã lập được. Nào là trận đánh xuất sắc trong hai ngày mùng 3 và mùng 4 tháng 4 năm 1965 góp phần cùng quân và dân Hàm Rồng, Thanh Hoá bắn rơi 47 máy bay Mỹ lập chiến công lịch sử, được Bác Hồ tặng cờ *"Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược"*. Nào là cuộc hành quân an toàn hơn một vạn cây số trên các chiến trường rừng núi, đồng bằng. Hoặc có lần đại đội phải dùng ba xe xích mới kéo nổi một khẩu pháo bò lên đồi cao, rồi kéo pháo qua ao giữa đêm mưa bão, chiếm lĩnh trận địa trước khi trời sáng đảm bảo ngày hôm sau chiến đấu thắng lợi, bắn rơi tại chỗ chiếc A.4. Và anh còn hỏi thăm quê hương, gia đình, bạn bè, nguyện vọng của tôi...

Tình đồng đội đang mỗi ngày một thêm thân mật gắn bó thì, tiếc quá, Đại có lệnh đi xây dựng đơn vị mới. Khẩu đội phó của chúng tôi là Khánh được cử làm khẩu đội trưởng. Và lễ bàn giao giữa hai khẩu đội trưởng cũ và mới được tổ chức ngay tại hầm pháo, vào khoảng nửa đêm, lúc khẩu đội tôi đang trực chiến.

Khi đó vầng trăng đã lên cao quá nòng pháo của chúng tôi. Ánh trăng lấp lánh trong công sự, trên những vạt cỏ non xanh và

dòng sông. Gió đem theo hơi sương thổi vào lạnh ngắt. Da mặt ai cũng tê buốt. Những khóm chuối xung quanh công sự rải lá kết thành một vòng tròn nhảy múa lao xao, từ mặt lá hắt ra những tia sáng như những vệt sóng bạc. Tiếng phi lao reo khe khẽ rì rầm lẫn với tiếng sóng vỗ nhẹ nhàng đều đặn như tiếng nhạc. Khẩu pháo như cũng trang nghiêm vươn nòng vừa ngắm cảnh trời rộng, sông dài, vừa thưởng thức mọi âm thanh kỳ diệu trên mảnh đất bát ngát phù sa.

Đối với tôi, tôi chưa bao giờ thấy ai chọn giờ bàn giao như thế này cả. Tôi ngạc nhiên chờ đợi. Chắc có chuyện gì là lạ đây. Đúng vậy, đây là một buổi lễ bàn giao - rõ ràng là buổi lễ bàn giao - khác hẳn với những cuộc bàn giao mà tôi đã được chứng kiến khi còn ở nhà công tác trong đội sản xuất, trong chi đoàn thanh niên, hay gần đây nhất là cuộc giao quân của trường huấn luyện cho chúng tôi về đại đội I anh hùng này.

Bắt đầu lễ bàn giao, Đại không nói gì đến nhà cửa, pháo đạn, súng bộ binh, quân số... Anh nói rằng những thứ ấy đã trao đổi với Khánh từ chập tối, ngay sau khi được lệnh rồi.

Giờ tôi xin trao cho các đồng chí một vật này - Đại nói, đoạn anh chỉnh đốn quân phục, sửa quai mũ sắt, vuốt cổ áo, buộc dây giày cẩn thận rồi đưa tay lên túi áo ngực mở khuy, lấy ra một cái gì mà tôi đoán là chiếc bút máy Hồng Hà của Đại thường dùng.

Nhưng khi Đại trình trọng gior lên ngang mặt, bấm đèn pin rọi vào cho tất cả chúng tôi nhìn rõ thì không phải là cái bút mà tôi đã tưởng. À! Tôi nghĩ ra rồi! Tôi muốn reo lên! Tôi lắng nghe và mắt không rời đoạn ống trúc, - đúng là đoạn ống trúc - đặt trên lòng bàn tay anh, vì tôi biết bên trong ống trúc đó, anh có đựng một điều thuốc lá sợi màu vàng như sáp ong. Hơn nữa điều thuốc lá ấy lại được gói vào mấy lần giấy bóng kính, ngoài còn bọc thêm một lần vải nhựa trắng muốt nữa. Anh vẫn cất kỹ nó trong ba-lô. Hôm nào nắng đẹp mới đem hong lại. Ngay trưa nay thôi, khi khẩu đội đang thiêu thiêu ngủ, anh nhẹ nhàng trỗi dậy cổ

làm cho giường không phát ra tiếng động rồi mở ba-lô, êm ái lấy điều thuốc lá ấy và bốn cái que dài bằng chiếc đũa nhưng chỉ nhỏ hơn ống rơm - có lẽ anh đã vót sẵn từ lâu - mang lên bờ công sự. Anh cắm chéo những chiếc que vào nhau thành từng đôi một như hai vò kèo nhà bé xíu, đầu trên cố ý để dài ra một chút rồi cẩn thận đặt điều thuốc lá lên trông như khung của một cái nóc nhà. Chắc anh làm như thế để khi gió thổi mạnh, điều thuốc lá không thể bay đi được. Nhưng chỉ mấy phút, hình như anh sợ mùi thơm của điều thuốc lá bay mất, anh lại rón rén cầm lên gói vào một miếng vải nhựa. Ấy thế mà vẫn chưa yên tâm, chắc anh lại sợ hơi nước đọng trong vải nhựa nên anh vội chạy bỏ xuống bờ sông lấy một mảnh lá chuối khô vàng gói điều thuốc lá lại...

Tôi cứ để ý xem Đại làm và cảm thấy vui vui. Mấy lần tôi định lên tiếng hỏi nhưng sợ khẩu đội mất ngủ và làm anh mất tự nhiên nên cố nén lại và định bụng đến tối sẽ rủ Đại ra công sự hỏi cho rõ đầu đuôi câu chuyện. Song Đại đã có lệnh lên đường. Thấy anh có nhiều nhiệm vụ chung và riêng cần phải làm tôi đành thôi. Thôi mà lòng vẫn tiếc, vẫn băn khoăn hoài. May sao điều tôi đang tiếc, đang băn khoăn thì đến lúc này anh sắp nói ra. Tôi càng háo hức chờ đợi.

Bằng một giọng sôi nổi, tự hào, anh nói tiếp:

- Ở khẩu đội ta các đồng chí cũ đều biết hết cả chuyện này rồi. Chỉ vài đồng chí mới là tôi chưa có dịp nói nên trước khi đi tôi xin nhắc lại niềm vinh dự lớn lao của khẩu đội để tất cả chúng ta cùng nghe. Các đồng chí đã biết đấy! Có điều mình ước ao ấp ủ hết ngày này sang ngày khác mà vẫn không được, nhưng rồi nó cũng lại đến với mình thật bất ngờ như một giấc mơ tuyệt đẹp và thật diệu kỳ.

Hôm ấy là một buổi sáng mùa thu, ở trận địa phía Tây - Nam Hà Nội. Vòm trời trong vắt không một gợn mây. Đại đội ta nhận trực ban sớm. Bỗng vào khoảng bảy giờ chúng mình nghe thấy tiếng còi ô-tô ở ngoài cổng doanh trại. Rồi ba chiếc xe con

từ từ dừng lại. Một cụ già râu tóc bạc phơ, mặc quần áo màu gụ và những người đi theo cụ thông thả bước xuống xe, cả đoàn đi thẳng vào trận địa. Đứng ở vị trí số 5, mình trông đúng dáng đi của Bác Hồ mà mình đã được thấy trên phim ảnh. Sướng quá, mình nhảy lên, hai tay đập đập vào máy nạp đạn, hò reo liên tục:

- Bác! Bác! Bác đến các cậu ơi!

Áp, Vang, Phú cũng nhóm người khởi ghế pháo, tay cuống lên không biết làm gì, cũng hươ lên ngang mặt đất rồi rít.

- Hoan hô! Hoan hô! Bác! Bác! Bác!

- Bác khoẻ quá! Bác hồng hào quá!

- Bác cười đầy! Bác vui quá!

- Tóc Bác bạc trắng như bông ấy các cậu ạ!

- Râu Bác óng lên, đẹp như những sợi cước ấy nhỉ?

- Bác đi nhanh quá!

- Bác đi dép lốp cao-su đen quai to quá nhỉ?

- Có lẽ đôi dép Bác đi từ hồi kháng chiến chống Pháp nên mòn nhiều rồi các cậu ạ!

- Ô! Bác đi về khẩu đội ta!

Khẩu pháo cũng như rung lên vì sung sướng! Trận địa nhộn nhịp quá. Mình không còn mắt nào mà để ý đến các khẩu đội bạn, nhưng biết chắc rằng mọi người cũng hò reo, vui sướng như khẩu đội ta và chắc chắn hơn nữa là các bạn ấy đang tị với chúng ta vì khẩu đội ta được vinh dự đón Bác vào thăm trước nhất.

Đứng trước khẩu đội, Bác ân cần hỏi han rất tỉ mỉ về tình hình ăn, ở, ngủ của chúng ta. Nào là mỗi đêm các chú ngủ mấy tiếng, trực ban mấy tiếng? Mỗi bữa các chú ăn được mấy bát cơm, có thịt không, nào là chú này học lớp mấy, cháu kia học lớp mấy, có học bổ túc văn hoá không? Nào là cháu này bao nhiêu tuổi, chú kia bao nhiêu tuổi, quê ở đâu, đã có vợ chưa, gia đình có khoẻ không? Bác còn dặn: Các cháu viết thư về nhà nói là

Bác đến thăm. Cho Bác gửi lời hỏi thăm gia đình và bà con cô bác... Bác lại hỏi thêm:

- Các chú đã đánh địch bao nhiêu trận, bắn rơi mấy tàu bay Mỹ?

Nghe đồng chí khẩu đội trưởng báo cáo xong, Bác ôn tồn căn dặn, đại ý:

- Vừa qua các chú đã chiến đấu và chiến thắng như thế là rất tốt! Nhưng chớ có vì thắng lợi mà chủ quan khinh địch. Các chú phải thường xuyên rèn luyện nhiều hơn nữa để đánh thắng địch trong mọi điều kiện; phải luôn luôn nêu cao tinh thần lập công tập thể, đoàn kết nhất trí, học giỏi, bắn trúng và tiết kiệm đạn.

Rồi Bác thân mật hỏi tiếp:

- Có chú nào biết hút thuốc lá không?

Bọn mình sượng run người. Anh nọ nhìn anh kia rồi lại nhìn Bác, mắt cứ hoa lên. Trống ngực mình đập rộn lên thành thịch, thịch thịch...

Thượng tướng Văn Tiến Dũng nhìn chúng mình, cười âu yếm và bước đến bên Vang nói nhỏ:

- Kia! Biết hút thì thừa có đi! Bác cho thuốc lá đấy!

Thế là tất cả chúng mình reo to:

- Thừa Bác, có ạ!

- Có ạ!

- Cháu biết hút ạ!

Bác quay sang hỏi đồng chí khẩu đội trưởng:

- Khẩu đội chú có mấy người để Bác cho mỗi chú một điếu thuốc lá.

- Thừa Bác khẩu đội cháu có sáu người ạ!

Bác giơ tay đếm từng người rồi hỏi:

- Sao Bác đếm thừa ra một chú! Có lẽ chú quên đếm mình rồi!

- Thừa Bác, vâng ạ!

Bác, cháu cùng cười rộ lên.

Bác mở hộp thuốc lá đưa tận tay cho chúng mình mỗi đứa một điếu. Tay đón điếu thuốc lá mà lòng tưởng như Bác đang truyền cho mình tình thương yêu và sức mạnh. Tim mình đập liên tục, hai gò má nóng ran, cổ mình nghèn nghẹn, mình cứ đứng ngây ra như tượng không biết nói với Bác câu gì...

Dường như quá xúc động, Đại dừng lại một chút, rồi nói tiếp:

... Ngay từ lúc ấy, không ai bảo ai, tất cả chúng mình đều chung một ý nghĩ là: để dành những điếu thuốc lá của Bác cho này tới khi nào đánh thắng một trận thật to mới mang ra liên hoan mừng công.

Rồi, câu sao được vậy, chỉ sau bảy ngày Bác đến thăm, chúng mình đã chiến đấu một trận quyết liệt với bọn "không lực Huê Kỳ". Mà lần ấy lại là lần đầu tiên, bọn chúng dờ cái chiến thuật bay thấp, để hòng tránh đòn của chúng ta. Hôm đó, trận địa phục kích trên một quả đồi sỏi trọc lóc, không có lấy một cụm sim già. Bọn kẻ cướp Mỹ thường lợi dụng dãy núi Ba Vì và mạn sông Đà, sông Thao lên vào đánh mục tiêu chúng ta bảo vệ. Đã quá trưa, trời nắng hoa cả mắt. Lá nguy trang nở trắng đến mức bóp một cái là có thể tan ra từng mảnh vụn. Có bốn chấm đen xuất hiện ở phía sông Thao rồi bốn chấm nữa... Chấm đen càng tới gần càng dài ra như con trạch xám. Chúng mình phát hiện rất kịp thời, nhưng ác quá, nòng pháo đã chạm bờ công sự vẫn không tài nào thu được lũ quỷ ló vào kính ngắm. Lo quá, chẳng lẽ chúng mình chịu bó tay hay sao? Chưa bao giờ sắp bước vào trận đánh lại căng thẳng đến tức thở như thế này. Dòng khẩu hiệu: *"Kiên quyết thực hiện lời Bác dạy, bắn trúng ngay từ loạt đạn đầu, bắn rơi tại chỗ và tiết kiệm đạn"* trên lá chắn pháo như nhắc nhở chúng mình về tình thương yêu, chăm sóc rất tỉ mỉ, ân cần của Bác hôm vào thăm khẩu đội. Tất cả bọn mình cắn môi, nín thở tìm cách bắt được kẻ thù mới hả lòng. Bỗng tiếng của Sáng bật lên rất đột ngột và rất to:

- Đề nghị khẩu đội trưởng cho bạt thắp công sự!

Lập tức ý kiến đó được chấp nhận và không riêng khẩu đội ta, mà toàn thể các khẩu đội bạn đều cử ngay các số phụ hồi hả bạt công sự, giành giật từng phút từng giây với tốc độ phản lực của máy bay Mỹ. Cuộc xằng va vào đá mạnh đến toé lửa. Trận địa ta nhộn nhịp, rộn rã. Hễ pháo bắn hướng này, Phú và Sang lao người sang hướng khác, thoăn thoắt bạt công sự, có lúc cả hai người phải nằm xoài ra dùng hai tay bới, đẩy đất sỏi ra ngoài.

Chưa đầy ba mươi phút, trận đánh đã kết thúc. Năm chiếc "thần sấm" bị tan xác. Có chiếc chạy không kịp đã phải quăng lại một mảnh sườn to bằng hai cánh phan, trên có vẽ nhãn hiệu Huê Kỳ và dòng chữ F.105D nham nhở dưới chân đồi mà sau này ta vẫn xem trong phòng truyền thống đây.

Chúng mình sung sướng quá! Không ai bảo ai, từng đưa một thắp thỏm mong sao chóng đến tối để liên hoan hút thuốc lá của Bác cho hôm nào. Chỉ có riêng Vang - Cậu em út mới nhập ngũ được ba ngày thì Bác đến thăm - Suốt từ sau trận đánh đến tối mịt cứ ngồi thừ trong hầm pháo, dựa lưng vào hòm đạn, chốc chốc lại đưa tay lên dụi mắt, chẳng nói năng gì. Bọn mình gọi chuyện mãi mà không ai hiểu nổi. Mãi đến khi sắp liên hoan, đồng chí khẩu đội trưởng bảo Vang về lấy thuốc lá ra thì cậu ta phụng phịu, hàm răng trên cắn chặt lấy môi dưới, mãi mới nói được một câu:

- Em có lỗi! Em chưa lập công... Em không dám liên hoan!

Thì ra trong lúc chiến đấu túi bụi, vì là trận đầu, Vang lắp đạn chưa quen, đã lúng túng đánh rơi mất hai viên nên không tiếp kịp đạn làm cả khẩu đội lỡ mất một loạt bắn! Chúng mình ân hận quá! Khuyết điểm ấy đâu phải của riêng Vang mà là của tất cả khẩu đội vì chưa biết huấn luyện Vang thành thạo các động tác cơ bản.

Cũng vì vậy khẩu đội đã quyết định để dành thuốc lá đến một trận thắng khác to hơn, hiệp đồng tốt hơn, và trước tiên là tập trung huấn luyện cho Vang. Cũng từ quyết định ấy, bất cứ

lúc nào, kể cả khi đang ngủ trưa, hề nghe ai nói có máy bay ta hay một con chim bay qua là chúng mình hò nhau tập. Áp, Phú quay tầm hướng, khẩu đội trưởng hướng dẫn Vang lắp đạn, vác đạn chạy quanh mâm pháo...

*

* *

Cho tới một dịp khác, chúng mình đánh thêm một trận lớn trên vùng trời phía Bắc. Lần này thẳng địch lại giờ thủ đoạn mới. Chúng dùng toàn loại hải quân A.4, A.6... kéo ồ ạt hàng đàn bay rối loạn như đám nhặng xanh đánh thốc vào chiếc cầu sắt trên trục đường số I. Lũ bay trên cao nhào lộn loạn xạ trên đầu chúng mình, lũ lẳng vẳng vòng ngoài, lũ lượn sát khe núi rền rẹt, âm ỉ... Chỉ cần chúng mình sơ hở, thiếu cảnh giác, thiếu tỉnh táo một giây là biến thành miếng mồi ngon cho chúng. Nhưng không, bọn chúng đã lầm. Theo lệnh của khẩu đội trưởng, chúng mình khẩn trương chọn đánh từng chiếc rất ăn khớp với khẩu đội bạn. Có lúc cậu em út Vang cởi phăng cả áo ra lau đạn. Tầm lưng cậu ta để trần, đọng đầy cát bụi, trộn nhều với mồ hôi chảy thành từng dòng ngoằn ngoèo. Mặc, cậu ta cứ xoay bên này sang bên kia lắp đạn roàn roạt. Vang chạy nhịp nhàng quanh mâm pháo tiếp đạn cho mình rất đầy đủ.

Và chỉ trong hai đợt chiến đấu ngắn ngủi, đơn vị ta đã cùng quân và dân địa phương bắn tan xác tám chiếc A.4.

Tối hôm ấy chúng mình lại quây quần bên mâm pháo đợi giờ liên hoan chiến thắng. Anh nọ nhìn anh kia thích, cười cười, nói nói luôn miệng. Cậu Phú nhảy tâng tâng trên mâm pháo. Đồng chí khẩu đội trưởng đặt trước mặt một bao diêm mới nguyên và một bát kẹo vùng thơm phức mà Năm, chiến sĩ mới, vừa mua nhân chuyến đi chặt lá nguy trang hồi chiều. Những điếu thuốc lá của Bác cũng được đặt ngay ngắn trước mặt từng người. Sau lời tuyên bố khai mạc của đồng chí khẩu đội trưởng, theo thứ tự của chương trình, chúng mình đều nhón mỗi đứa một

cái kẹo ăn trước. Kẹo của cửa hàng mua bán xã mới cất về, giòn quá, nhai nghe cứ rau rầu. Nhưng mình để ý không hiểu sao Ấp chẳng ăn tí gì cả. Cậu ta cứ mơ mơ, màng màng nhìn tít tận chân trời như một ông nhà văn đang mãi suy nghĩ. Khẩu đội trưởng thấy vậy nhắc Ấp, Ấp mới chậm chạp nhặt lấy một chiếc bỏ vào miệng mà lại không nhai, cứ ngậm lúng búng mãi. Còn Phú vẫn là tay nhanh nhẩu nhất. Cậu ta nhai kẹo chưa xong, đã chuyển ngay sang "tiết mục" thứ hai. Cậu ta cầm điều thuốc lá lên, đồng thời với luôn bao diêm đặt trước mặt khẩu đội trưởng, mở ra, móc lấy một que, xoè lửa. Nhưng khi cậu ta sắp đưa điều thuốc lá lên môi thì Ấp giật mình như vừa tỉnh cơn mê, xua xua bàn tay, nói rất vội.

- Khoan đã! Khoan đã! Trận đánh sáng nay chúng ta đã hiệp đồng tốt, chiến thắng rất lớn, liên hoan là phải. Song tôi thấy số đạn ta bắn đã vượt gấp rưỡi số đạn Bác cho phép hôm đến thăm khẩu đội ta. Vậy tôi đề nghị chúng ta chỉ nên ăn kẹo, còn thuốc lá lại để dành đến khi nào thực hiện đúng lời Bác dạy mới hút. Các đồng chí thấy có nên không?

Chúng mình chẳng phải suy nghĩ gì lâu, tất cả đều hoan nghênh ý kiến của Ấp. Riêng Phú, giữa tràng vỗ tay rộn rã của khẩu đội, cậu ta cứ vò đầu, vò tai kêu: "Tôi mắc bệnh chủ quan rồi! Tôi mắc bệnh tự mãn rồi", làm cho chúng mình cứ bò ra mà cười...

Nói đến đây, Đại dừng lại một chút, rồi giọng trầm hẳn xuống, anh tiếp:

- Đến nay các đồng chí cũ trong khẩu đội đã lần lượt lên đường... và mang cả phần thuốc lá của mình đi theo. Còn tôi, người đi cuối cùng, không biết lấy gì để lại cho khẩu đội, tôi xin bàn giao cho các đồng chí vật kỷ niệm quý báu nhất đời tôi - Đại vừa trao điều thuốc lá cho Khánh vừa kết thúc câu chuyện - Tôi chân thành chúc các đồng chí lập chiến công thật to lớn để được liên hoan bằng điều thuốc lá này. Nếu Bác có cho nữa thì nhớ để dành cho tôi với nhé!

Nghe Đại kể, chúng tôi tưởng như chính mình cũng đang được gặp Bác. Bác vẫn đang đứng trước mặt khẩu đội hỏi chuyện thân mật và lại cho chúng tôi mỗi đứa một điều thuốc lá giống như ngày nào Bác đến thăm. Chúng tôi xúc động nghẹn ngào. Ai cũng muốn cầm thật lâu điều thuốc lá của Bác mà Đại vừa trao cho.

Bên ngoài trời rất rét nhưng người tôi cứ rạo rục và nóng bừng bừng.

*

* *

Từ khi Đại lên đường, chúng tôi đã chiến đấu liên tiếp thêm một số trận nữa nhưng chưa ai dám bàn đến chuyện hút thuốc lá của Bác và chỉ nhắc nhủ với nhau rằng: Phải thắng to hơn nữa. Cho đến ngày 19 tháng 5 năm 1967, kỷ niệm ngày sinh của Bác, chúng tôi mới đem điều thuốc lá đó truyền tay nhau, cùng nhau ôn lại lời Bác đã trực tiếp dạy bảo khẩu đội. Ai cũng thầm thừa: nếu địch dám liều lĩnh mò vào bầu trời Thủ đô, phá hoại ngày vui lớn của dân tộc thì chúng tôi quyết trừng trị chúng một đòn thật đau, lập chiến công mừng thọ Bác 77 tuổi. Đồng chí Tám, pháo thủ số 5, lấy phần trắng tô đi tô lại lời Bác dạy: *"Với cỡ pháo này Bác cho các chú X viên đạn một tàu bay Mỹ và các chú cứ bắn rơi thật nhiều tàu bay Mỹ là Bác mạnh khỏe sống lâu"*. Nhìn Tám viết mà lòng tôi bồn chồn xốn xang vô cùng! Tôi đứng lên ngồi xuống, cầm nắm giẻ miết đi, miết lại những viên đạn cho đến lúc sáng bóng lên không còn một hạt bụi. Đồng chí Năm lên gân tay quay pháo ro ro mấy vòng liền... Tất cả chúng tôi đều trong tư thế sẵn sàng.

Trời hôm ấy rất đẹp. Nắng nhiều, nhưng không gay gắt, oi bức như mấy hôm trước.

Giữa lúc cả đại đội chúng tôi đang tranh thủ ôn luyện thì có lệnh báo động. Hàng đàn, hàng lũ máy bay Mỹ căn đuôi nhau lách theo dòng sông Cái, lao vào thành phố. Lập tức cả một lưới

lửa dày đặc của quân và dân Thủ đô Hà Nội tung lên bủa vây lấy bọn cướp trời. Trong khoảnh khắc, đúng một chục tên cướp Mỹ đã biến thành những đồng đũa-ra vụn nát dưới chân người Hà Nội. Trong số ấy có một chiếc RA.5C đã bị chúng tôi cho "đo ván" nằm chềnh ềnh ngay hè phố Lê Trực. Cả Thủ đô Hà Nội hôm đó vui lắm! Khẩu đội chúng tôi cũng rất vui. Bầy anh em vừa lau súng, đạn, vừa củng cố công sự, vừa tán chuyện về hai tên giặc lái bị bà con phố Thụy Khuê tóm cổ, trói gọn. Sầm tối, khẩu đội trưởng Khánh được gọi lên lán đại đội bộ nhận bốn chai bia Trúc Bạch và ba bi-đông nước chè tươi đặc sánh pha đường của các mẹ cho mang về liên hoan.

Khi mọi người đã tề tựu quanh "bàn tiệc", nhưng chưa một ai có ý kiến gì về điều thuốc lá của Bác thì năm người đã từng mắt thấy tai nghe cuộc "vò đầu vò tai" của Phú bữa trước, đề nghị khẩu đội trưởng cho phép cậu ta nói phần khai mạc. Được Khánh đồng ý, cậu ta, vẻ mặt nghiêm trang hẳn lại, nói rành rọt như một người chỉ huy thật sự. Cậu ta bảo:

Trận đánh lập công mừng thọ Bác hôm nay, chúng ta đánh hay hơn các trận trước thật! Hiệp đồng tốt, tiết kiệm được đạn. Nhưng thắng rồi, tôi tự nhủ ngay mình chớ chủ quan, chớ tự mãn. Tâm sự của tôi là như vậy, tôi báo cáo ra để anh em tham khảo trước khi đưa thuốc lá của Bác ra hút liên hoan. Tôi nói hết!

Thế là điều thuốc lá quý ấy lại được một lần nữa chúng tôi quyết định để dành...

*

* *

Ngày 19 tháng 11 năm 1967, mười bảy máy bay Mỹ bắn rơi trên miền Bắc; vẫn trên trận địa này, chúng tôi lại góp phần cùng quân dân Hà Nội hạ 12 chiếc, bẻ tan chiến thuật mới "đội hình bàn tay xòe" của giặc Mỹ, ghi thêm một thắng lợi lớn nhất của Thủ đô từ hơn hai năm nay. Nhưng cũng như mọi lần, chúng

tôi vẫn chưa liên hoan điệu thuốc lá của Bác cho. Vì chúng tôi nghĩ giặc Mỹ giao quyết, còn giờ nhiều âm mưu thâm độc, chúng tôi còn phải vươn lên nhiều hơn nữa để giành những chiến công to lớn hơn...

Ngày nay Khánh đã lên đường nhận nhiệm vụ mới. Đồng chí Tám được cử làm khẩu đội trưởng. Những ngày nắng đẹp thỉnh thoảng Tám lại đem điệu thuốc ra hong trên bờ công sự. Không chỉ một mình Tám mà tất cả chúng tôi đều chung một ý nghĩ là phải gắng sức làm thêm gì đây để gìn giữ cho điệu thuốc lá của Bác mãi mãi được nguyên vẹn màu sắc đẹp đẽ, hương vị đậm đà như lúc Bác mới thưởng cho khẩu đội chúng tôi...

Tháng 7-1968

(Rút trong tập *"TRỜI CỦA TA"* Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân nhân dân Việt Nam xuất bản năm 1968)

BÁC HỒ SỐNG VÀ VIẾT Ở PÁC BÓ

TRẦN QUANG VINH

Đúng 60 năm trước đây, cũng năm Tân Tỵ, ngày 2 Tết, Bác Hồ đã về đến biên giới nước ta, ở cột mốc 1800 Cao Bằng. Hôm sau ngày 3 Tết, Người về đến Pác Bó, chọn đây là đại bản doanh của phong trào cách mạng.

Nơi Bác ở và làm việc là hang Cốc Bó, thuộc xóm Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Cốc Bó, tiếng Nùng, nghĩa là "Đầu nguồn". Địa thế nơi đây hiểm trở. Hang thông ăn ra một con đường kín dẫn sang bên kia biên giới, có thể rút lui an toàn khi bị lộ, phía dưới cách cửa hang chừng 50 mét là con suối nước trong, được Bác Hồ đặt tên là "Suối Lê Nin". Một ngọn núi hùng vĩ bên bờ suối được Người gọi là "Núi Các Mác".

Cùng đến Cốc Bó với Bác Hồ còn có các đồng chí Lê Quảng Ba, Phùng Chí Kiên, Hoàng Văn Lộc, Thế An, Đặng Văn Giáp. Ở nơi đây, người mang bí danh là "Già Thu".

Và bắt đầu những ngày tháng gian khổ, luôn luôn đề phòng sự săn lùng của thực dân, sự phá hoại của bọn thổ phỉ. Đêm ngủ trong hang lạnh thấu xương. Những ngày mưa, nước rỉ theo khe đá. Buổi tối hạn chế đốt lửa sưởi, để giữ bí mật. Ban ngày muốn đọc, dịch, viết, Bác phải ra chỗ bàn đá do Người xếp bên bờ suối Lê Nin để làm việc. Bác thường nhặt đá về xếp thành từng bậc cạnh chỗ nằm. Trên các bậc, Bác để tài liệu. Ấm chén, bút mực cũng có chỗ để hẳn hoi. Bác xếp máy chữ vào một túi riêng, còn tài liệu thì bỏ vào thùng sắt đập lại cẩn thận...

Một hôm có báo động, vì sự sắp xếp gọn gàng, cơ động như trên, chỉ mấy phút sau, Bác đã xếp xong mọi thứ gọn gàng, còn các đồng chí khác thì lúng túng. Ăn uống thì chủ yếu là cháo bẹ (ngô xay), rau măng, rau rừng...

Sáng nào Bác cũng dậy sớm tập thể dục. Bác thường tắm sớm, sau giờ tập thể dục để chống lạnh. Ngoài ra, Bác còn tập leo núi. Những quả núi xung quanh Pác Bó, Bác đều đặt chân lên tới đỉnh. Công việc của Bác thường là viết báo, dịch sách, viết sách. Tại nơi đây, Bác đã dịch các cuốn sách *Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô*, *Vấn đề chủ nghĩa Lê Nin*, *Binh pháp Tôn Tử*... Buổi trưa, Bác gặp cán bộ, nghe báo cáo hoặc bồi dưỡng cho cán bộ; chiều, Bác lại tiếp tục công việc buổi sáng. Sau giờ làm việc, dù bận đến mấy, Bác vẫn dành thì giờ để tặng gia... Tối, thường Bác đọc sách, nói chuyện với cán bộ hoặc đi đến với đồng bào. Bác thường dành thời gian thăm dân và cũng có khi chữa bệnh cho các cháu nhỏ. Vì đời sống thiếu thốn, mất vệ sinh, nên các cháu hay chốc đầu, lở loét. Bác đã dùng lá cây, đun nước nóng rửa sạch chỗ lở, chốc, chữa bệnh cho các cháu.

Bác viết bài thơ *Tức cảnh Pác Bó*:

*Sáng ra bờ suối, tối vào hang
Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng
Cuộc đời cách mạng thật là sang.*

Những ngày tháng ở Pác Bó, Bác đã lo chỉ đạo rất nhiều việc trọng đại của Đảng, của nước. Từ 10 đến 19 tháng 5 năm 1941, Người chủ trì Hội nghị lần thứ VIII của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương. 19-5-1941 thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Việt Minh, thay cho Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương, nhằm "*liên hiệp tất cả các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt giàu nghèo, già trẻ, trai gái, không phân biệt tôn giáo và xu hướng chính trị, đứng cùng mưu cuộc dân tộc giải phóng và sinh tồn*".

Tuyên ngôn của Việt Minh, công bố ngày 25 tháng 10 năm 1941, ghi rõ: "...nguy cơ diệt vong đã bày ra trước mắt. Hiện thời ta chỉ có một con đường mưu sống là đoàn kết thống nhất, đánh đuổi Nhật - Pháp, trừ khử Việt gian". Chương trình cứu nước, 14 điểm của Việt Minh gồm các chính sách về chính trị, kinh tế, văn hoá và những chính sách cụ thể đối với các tầng lớp nhân dân, cốt thực hiện bằng được hai điều mà toàn thể đồng bào đang mong ước: 1 - Làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập. 2 - Làm cho dân tộc Việt Nam được sung sướng, tự do.

Người chăm lo công tác huấn luyện đào tạo cán bộ quân sự cho sự nghiệp của Đảng, của Mặt trận Việt Minh. Lớp chính trị, lớp quân sự, lớp dân vận, lớp đi học vô tuyến điện. Một dòng thác cách mạng đang ào ào tuôn chảy, chuẩn bị ra đại dương cách mạng cứu nước.

Bác đã viết bài thơ *Pác Bó hùng vĩ*:

*Non xa xa, nước xa xa
Nào phải thênh thang mới gọi là
Đây suối Lê Nin, kia núi Mác
Hai tay xây dựng một sơn hà.*

Người sáng lập ra báo *Việt Nam độc lập*, trước hết phát hành ở Cao - Bắc - Lạng. Từ tháng 7 năm 1941 đến cuối năm đây mạnh công tác tuyên truyền, huấn luyện, dân vận, Bác đã viết một loạt bài đăng trên Báo *Việt Nam độc lập*: bài *Hoan nghênh thanh niên học quân sự* (thể lục bát, gồm 44 câu); bài *Khuyến đồng bào mua báo Việt Nam độc lập* (17 câu, thể song thất lục bát); hai bài thơ *Việt Nam độc lập* gồm 4 câu in dưới bức tranh cổ động và bài *Dân cày* gồm 18 câu lục bát; bài *ca phụ nữ* (20 câu); bài thơ *Công nhân* (20 câu); diễn ca *Mười chính sách của Việt Minh*; *Bài ca binh lính* (thể lục bát); bài *Ca đội tự vệ* (có cách dạy hát); bài *ca sợi chỉ* (10 câu); bài thơ *Hòn đá*; bài thơ *Thượng Sơn* (Lên núi); bài thơ *Con cáo và tổ ong* (14 câu); bài thơ *Tặng Thống chế Pê*

Tanh (8 câu đường luật); bài thơ *Nhóm lửa* (14 câu); *bài ca du kích*; bài thơ *Tặng toàn quyền Đơ Cu...*

Người cũng viết văn xuôi gồm các bài báo và các cuốn sách như: *Mười điều kỷ luật và chiến thuật cơ bản của du kích*; *Thế giới đại chiến và phận sự dân ta*; *Cách đánh du kích* (sách); *Mười điều nên*; *đối với mỗi hội viên Việt Minh*; *Lịch sử nước ta* (Diễn ca lịch sử) gồm 236 câu lục bát, trình bày lịch sử nước ta từ thời vua Hùng dựng nước (năm Nhâm Ngọ 2879 trước Công nguyên) đến năm 1942, ca ngợi truyền thống yêu nước bất khuất và đoàn kết của dân tộc ta, cuối tác phẩm có mục: *Những năm quan trọng* ghi những sự kiện lớn trong lịch sử dân tộc *Trước Tây lịch, sau Tây lịch* kết thúc bằng lời đoán trước - Tiên tri của Bác Hồ là: năm 1945 - Việt Nam độc lập.

Ngày 6 tháng 6 năm 1941, Bác Hồ đã viết thư *Kính cáo đồng bào* kêu gọi toàn dân đoàn kết, đánh đuổi Nhật - Pháp. Người khẳng định: *Hiện thời muốn đánh Pháp - đuổi Nhật, ta chỉ cần một điều Toàn dân đoàn kết*. Với tinh thần tiên công cách mạng, Người kêu gọi: *Hỡi các chiến sĩ cách mạng! Giờ giải phóng đã đến. Hãy phát cao cờ độc lập, lãnh đạo toàn dân đánh tan thù chung. Tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc đang vang dội bên tai các đồng chí! Máu nóng của các bậc anh hùng đang sôi sục trong lòng các đồng chí! Chí phấn đấu của quốc dân đang chờ đợi sự lãnh đạo của các đồng chí! Chúng ta hãy tiến lên! Toàn thể đồng bào tiến lên! Đoàn kết thống nhất đánh đuổi Pháp - Nhật! Việt Nam cách mạng thành công muôn năm!*

Thế giới cách mạng thành công muôn năm!

Từ tháng 2 năm 1941 đến tháng 2 năm 1942, Bác Hồ đã sống và hoạt động cách mạng ở Pác Bó (Cao Bằng). Pác Bó trở thành một địa chỉ Đỏ - một địa danh lịch sử của cách mạng Việt Nam. Xuân nay, xuân Tân Ty, 2001, bước vào thế kỷ XXI, chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, đọc lại thơ, văn của Bác viết từ đầu xuân Tân Ty, 1941, chúng ta có cảm giác như

đứng ở nơi dòng sông lớn trào tuôn ra biển cả và hướng về nguồn cội - dòng suối Lê Nin, bên núi Các Mác, trên đó có hang Cốc Bó. Lại băng khuâng nhớ lại bài thơ Bác Hồ viết vào xuân Tân Sửu 1961, khi Người về thăm lại Pác Bó:

*Hai mươi năm trước ở hang này
Đảng vạch con đường đánh Nhật Tây
Lãnh đạo toàn dân ra chiến đấu
Non sông gấm vóc có ngày nay!*

ĐI ĐẾN CÙNG LÝ TƯỞNG CỦA CỤ HỒ

NGUYỄN ĐẮC XUÂN (ghi chép)

Năm 1982, tôi hân hạnh được đưa anh Chế Lan Viên đến thăm vườn An Hiên. Lúc ấy bà Nguyễn Đình Chi đang thăm gia đình ở Pháp, anh Chế đã ghi vào sổ lưu niệm mấy dòng sau đây để gởi lại cho chủ nhân:

“Đến thăm vườn An Hiên, chúng tôi bước chậm từng bước một và bước nhẹ. Tiếc người thân yêu ở xa không cùng mình thưởng thức khu vườn. Tiếc không có một ngày ngồi làm thơ ở trong khu vườn ấy. Đến đây như đi trong thời gian xưa, trở về với hồn dân tộc. Chỉ có Huế nơi com đùm trong một lá sen, trái ớt chẻ ra thành hoa năm cánh, mới có những khu vườn như vậy. Nghe chị nói có ý muốn sau này sẽ hiến nó cho xã hội, mong sao nó trở thành một khu vườn văn hoá, một điểm du lịch, một nơi thưởng ngoạn để người mệt nhọc đến đây lấy lại sự yên tĩnh của tâm hồn, tôi càng quý chị. Đồng chí Lê Duẩn đã đến, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã đến, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đến, nhiều nhà thơ nhà văn cũng đã đến. Tỉnh uỷ cũng rất nâng niu chăm sóc khu vườn. Nó là công trình lao động của người xưa, thì nó phải được người nay và người sau thưởng thức. Thế mà tôi vẫn lo lo. Lỡ ai đó sau này biến nó thành tập thể và dẫn cây hồng dính líu tới Nguyễn Du trong vườn mà chụm thì sao? Có thể xảy ra lắm chứ. Không được, ngày nay ai đến đó cũng đều như ý, thì sau này phải được như ý hơn. Không phải vì càng đi xa trong thời gian ta càng quý cái gì hôm qua để lại, mà còn vì sau này ta sẽ đủ thư thả mà trồng thêm hoa trái cho vườn”. (Chế Lan Viên - 17-7-1982).

Hơn một năm sau, nhà thơ Huy Cận cùng với Thanh Tịnh đến thăm An Hiên, được dùng cơm với chủ nhân và trước lúc chia tay anh để lại mấy vần thơ:

*Về thăm một sáng An Hiên
Cành lan soi nước, cây liễn núi mây
Tâm hồn thư thái... dừng đây
Ai qua ngõ ấy, bến này sao quên!
Không tu, áo cũng màu thiền
Yêu đời, đời vẫn gắn bên niềm thương*

(4-8-1983, Huy Cận)

Lúc còn làm việc tại quê nhà, nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm hay lên thăm An Hiên, và lần nào anh cũng có thơ. Xin trích một bài ngắn:

*Sông lặng màu xưa cũ
Nắng chiều xanh núi xa
Đình ninh lời non nước
Vườn xưa một khóm hoa*

(Ngũ ngôn 1986)

Trong mấy cuốn lưu niệm còn giữ tại An Hiên, có lưu bút của hàng trăm nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, nhà văn hoá, nhà khoa học, nhà chính trị trong và ngoài nước. Trong một bài báo chúng tôi không thể trích dẫn hết được. Đây là những tình cảm ý vị, chân thực, xuất thần rất quý, chúng tôi sẽ công bố trong thời gian tới.

Vườn An Hiên là một suối nguồn văn thơ, có viết mấy cũng không cùng. Qua bút ký *Hoa trái quanh tôi* của Hoàng Phủ Ngọc Tường, độc giả hẳn đã cảm nhận được cái thi vị của ngôi vườn nhà này. Ngôi vườn nhà An Hiên đẹp, quý hiếm, nổi tiếng từ lâu. Nhà hàng đặc sản Việt Nam ở quận XII Paris của nhà văn nữ Diệu Tâm mang tên An Hiên. Nhưng nếu chủ nhân của ngôi vườn nhà An Hiên không phải là bà quả phụ Nguyễn Đình Chi thì chưa chắc An Hiên được nổi tiếng như thế. Các nhà làm vườn

cho biết: Ngày nay, nếu có một số tiền vừa phải người ta có thể tạo lập được một ngôi nhà vườn ấy không có gì khó khăn. Nhưng không có tiền bạc nào có thể có được một bà chủ nhân như bà Nguyễn Đình Chi. Biết thế nên mấy chục năm qua tôi đã bám theo để hỏi chuyện bà.

Bà là một người tiêu biểu của phụ nữ Huế thế kỷ XX, nữ danh Đào Thị Xuân Yển (1909-1997), con gái cụ Tuần vũ Đào Thái Hanh (người Sa Đéc) và bà Trần Thị Giáo (người Quy Nhơn). Bà là vợ thứ ba của ông Tuần vũ Nguyễn Đình Chi (người Huế), người nữ sinh nổi tiếng đẹp đã cầm đầu cuộc bãi khoá năm 1927 tại trường Đồng Khánh (Huế). Khi trưởng thành, bà đã từng giữ các chức vụ Hiệu trưởng trường Đồng Khánh (1953-1955), Phó Chủ tịch Mặt trận Liên Việt Thừa Thiên - Huế (1947), Phó Chủ tịch Liên minh các Lực lượng Dân tộc Dân chủ và Hoà Bình Thừa Thiên - Huế (1968), Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Cách mạng Thừa Thiên - Huế, Ủy viên Hội đồng Cố vấn Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam (1969), Ủy viên Đoàn Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại biểu Quốc hội khoá VI và VII.

Nhà vườn An Hiên được xây dựng từ cuối thế kỷ XIX. Người chủ đầu tiên là ông Hường Thập, họ Phạm Đăng - cháu bà Hoàng Thái hậu Từ Dũ. Ông Hường Thập rất giàu, có tiền cho vay khắp cả tỉnh Thừa Thiên. Một ngày kia ông cho gọi các con nợ đến tập trung chung quanh đồng lửa nhóm giữa vườn nhà ông. Ông đem tất cả các giấy nợ chồng chất bao năm đọc cho mọi người nghe. Các con nợ hoảng hồn, khóc lóc vì không tìm đâu ra tiền trả nợ. Họ sợ không trả được thì chết với ông. Đọc xong xấp giấy nợ, ông hỏi: "Có còn ai nhớ số nợ của mình không?". Các con nợ đồng thanh: "Dạ nhớ cả, nhưng chưa chạy được tiền để trả!". Ông bảo: "Vậy là được rồi!". Nói dứt lời ông bất ngờ ném bó giấy nợ vào đồng lửa. Ngọn lửa cháy bùng lên. Tất cả nợ nần đều phải sạch. Các con nợ mừng rỡ khôn xiết sụp

lạy cảm ơn ông. Sau đó ít lâu ông qua đời và khu vườn nhà An Hiên bán qua tay người khác.

Để chuẩn bị về hưu, ông bà Tuần vũ Nguyễn Đình Chi đi tìm mua một ngôi nhà vườn để an dưỡng tuổi già. Khu vườn nhà An Hiên xa thành phố, nhưng vì cảm phục lòng thương dân nghèo của ông Hoàng Thập - người chủ xây dựng lên nó, ông bà đã quyết tâm xin mua lại ngôi vườn nhà này để được hưởng cái phước ấy. An Hiên theo ông bà hiểu là một mái nhà an lành. Nhiều lần bà tâm sự: "Nhờ khu vườn An Hiên mà tôi đã giữ được hai sự thuỷ chung của một người đàn bà goá". Tôi hỏi: "Thưa bà, hai sự thuỷ chung ấy là gì ạ?". Bà bảo: "Người đàn bà thì chỉ lấy chồng một lần. Tôi chung sống với ông Tuần chỉ được năm năm, ông Tuần qua đời, tôi ở vậy chung thuỷ với ông trọn đời. Sự chung thuỷ thứ hai là với Cách mạng, với lý tưởng của Cụ Hồ. Tôi được các vị lãnh đạo Cách mạng và Cụ Hồ tin cậy cho nên tôi phải đi đến cùng lý tưởng của Cụ Hồ".

Bà là người phụ nữ Trung Kỳ đầu tiên đỗ Tú tài Tây. Bà chịu làm vợ thứ ba của ông Tuần vũ Nguyễn Đình Chi - một ông Cử nhân Hán học, để trả ơn ông đã cứu mang giúp đỡ gia đình mẹ con bà, nuôi dạy chị em bà học hành đỗ đạt. Một hôm Ngô Đình Diệm gặp bà với tư cách gặp bà Hiệu trưởng trường Đồng Khánh, hỏi: "Ở thôn quê vậy mà bà có sợ Việt Minh không?". Bà trả lời: "Tôi là người yêu nước, Việt Minh cũng là người yêu nước, can chi mà sợ?". Bà thấy không thể làm việc với chế độ Diệm nên xin thôi giữ chức Hiệu trưởng trường Đồng Khánh để lui về An Hiên chuyên làm công tác xã hội đời ngày Cách mạng đến.

Năm 1968 bà thoát ly lên chiến khu Thừa Thiên - Huế và sau đó ra miền Bắc. Bà biết tôi có cuốn sách Bác Hồ, thời niên thiếu ở Huế, bà kể cho tôi nghe, những lần bà được gặp Bác Hồ. Bà kể:

- "Giữa hai mùa thu (đầu thu 1968 - cuối thu 1969) Đoàn Liên minh Huế trong đó có tôi được vinh dự lớn lao, ngoại trừ những buổi lễ lớn được thấy Bác trên Đoàn Chủ tịch ở Hội trường Ba Đình, chúng tôi được trực tiếp gặp Bác ba lần. Cuối thu 1969 tôi lại được vinh dự lớn lao, nhưng lại là một vinh dự đau xót đầy nước mắt: dự lễ Quốc tang Hồ Chủ tịch (tôi được dự với tư cách Hội viên Hội đồng Cố vấn Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam và Liên minh Huế).

Lần gặp Bác để lại trong tôi nhiều ý tưởng sâu sắc nhất diễn ra vào ngày 28 Tết Nguyên Đán năm 1969. Khoảng 10 giờ 30, Đoàn Liên minh các Lực lượng Dân tộc Dân chủ và Hoà bình Huế vào Phủ Chủ tịch chúc Tết Bác. Anh Dương Tiềm và anh Nguyễn Thúc Tuân giúp tôi mang 4 thẩu mứt. Buổi tiếp có Tổng bí thư Lê Duẩn, Chủ tịch Quốc hội Trường Chinh, Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp... Tôi kính tặng Bác 4 thẩu mứt do chính tay tôi làm. Bác nhận quà và bảo người phục vụ ở phòng bên sắp mứt vào đĩa và đem dọn liền, không cần chờ có người dùng thử để kiểm nghiệm. Bác rất vui vẻ mời mọi người cùng ăn. Thật là đột ngột, cử chỉ giản dị tự nhiên của Bác làm tôi hết sức xúc động. Bác đã dành cho tôi một sự tin cậy tuyệt đối. Vinh dự cho tôi biết bao! Nhưng càng vinh dự bao nhiêu, tôi càng lo lắng bấy nhiêu. Lỡ trời lạnh, Bác đau bụng một chút thôi, tôi cũng gánh không hết trách nhiệm.

Thấy Bác chỉ dùng món mứt chanh, tôi thưa Bác xin Bác xơi mứt bí, mứt cam hoặc mứt cam quất vì mứt chanh đắng. Bác cảm ơn và đáp một cách thâm thúy:

- "Phải có cam, có khổ chứ!".

Bác vui vẻ miệng nói và tay xóc mứt cam ăn. Tôi nghĩ câu nói ấy Bác có dụng ý răn dạy tôi: "Làm cách mạng phải chịu cam khổ".

Trong câu chuyện cuối năm vui vẻ, nhân nói về sức mạnh của tinh thần đoàn kết, Tổng Bí thư Lê Duẩn nêu câu châm ngôn của dân tộc: "Thuận vợ thuận chồng tát bể Đông cũng cạn". Bác liền góp chuyện một cách bất ngờ rằng:

"Những người một mình thì thuận với ai?"

Tất cả những người có mặt hôm ấy đều cảm thấy thích thú. Không ngờ Bác lại bình dị và vui đến thế! Không ai dám trả lời câu hỏi của Bác. Tôi nghĩ trong lòng: "Thì Bác thuận với nhân dân", nhưng cũng không dám nói ra. Rồi Bác nói:

- "Một mình thì phải làm việc bằng hai".

"Dễ vậy, sao mình nghĩ không ra!". Tôi tự trách mình là người nông cạn. Nhờ câu nói của Bác, tôi thấy vấn đề sáng tỏ, dễ dàng.

Sau đó Bác hỏi chuyện dân gian Huế như hỏi các o bán chè gánh mặc áo dài, chè đủ thứ sắp trên những cái tre, xếp thành chồng cao. Bác hỏi chợ Xếp, chợ Đông Ba nay có còn không? Chúng tôi trả lời đều còn cả. Bác kể những kỷ niệm của Bác ở Huế, có lúc giọng Bác trở nên sâu lắng có một chút gì đã gợi cho Bác một chút xót xa. Biết thế nên chúng tôi không dám gợi chuyện cũ thêm nữa.

Sau lần được tặng mứt Bác, tôi tự nghĩ bản thân mình là tiểu tư sản, xuất thân trong một gia đình dù nghèo nhưng cũng mang tiếng mấy đời quan lại, mà hôm nay được Bác và các vị lãnh đạo tin cần như thế thì thật "cái ơn tri ngộ" này một đời người không lấy gì đền đáp được! Từ phút giây đó những trăn trở, vướng mắc trên con đường đi theo Cách mạng của tôi có thể nói được tháo gỡ hết".

Hai điều thủy chung khó nhất đối với một người đàn bà trẻ đẹp ở goá, bà đã thực hiện được. Dù bà đã qua đời năm 1997, nhưng An Hiên vẫn còn đó, hoa trái vẫn xanh tươi. Hằng ngày, những người muốn lấy lại sự yên tĩnh của tâm hồn vẫn không ngừng đến thăm.

Gác Thọ Lộc, 20-8-1999

"... ÔM HÔN ẢNH BÁC..."

THANH HẢI kể

Tháng 10 năm 1962, hai năm sau khi Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam thành lập, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận cử một đoàn đại biểu chính thức ra thăm miền Bắc. Tôi được cử làm thành viên. Lần đó, vinh dự vô cùng to lớn đối với chúng tôi là được gặp Bác. Cũng như tất cả đồng bào, chiến sĩ, cán bộ ở miền Nam - những người làm công tác văn nghệ chúng tôi đều mong được gặp Bác và niềm khao khát vô bờ bến ấy thật là thiêng liêng.

Sau hai ngày đến miền Bắc, sáng ngày 21 tháng 10 năm 1962 chúng tôi được vô thăm Bác. Giờ phút đó biết bao hồi hộp. Được tin sẽ gặp Bác từ hôm đầu, vậy mà tôi vẫn thấy bất ngờ. Đồng chí Xuân Thuỷ đưa chúng tôi đến Phủ Chủ tịch. Xe vừa dừng, chúng tôi đã thấy Thủ tướng Phạm Văn Đồng chờ sẵn. Thủ tướng vồn vã đưa chúng tôi về một góc vườn có bộ bàn ghế mây lịch sự đã bày sẵn bánh kẹo, hoa quả. Chúng tôi vừa ngồi vào bàn thì Bác đến. Bác ôm hôn chúng tôi và hỏi ngay sức khoẻ của mỗi người. Bác hỏi thăm sức khoẻ luật sư Nguyễn Hữu Thọ và các vị lãnh đạo khác đang công tác ở chiến trường. Anh Nguyễn Văn Hiếu trân trọng thưa với Bác nỗi xúc động, niềm vui sướng được gặp Bác và Thủ tướng. Anh chuyển đến Bác và Thủ tướng lời kính thăm sức khoẻ của Luật sư Nguyễn Hữu Thọ và của Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng. Anh nói:

- Đồng bào miền Nam luôn luôn nhắc tới Hồ Chủ tịch với tấm lòng kính yêu vô hạn.

Bác xúc động, nhưng lúc nào Bác cũng chủ động. Bác hỏi và nghe anh Hiếu kể chuyện đi thăm các nước. Thủ tướng Phạm Văn Đồng chỉ vào tôi và giới thiệu với Bác tôi là nhà thơ. Bác gật đầu:

- Có, biết, Bác có đọc rồi.

Rất thân thiết quay sang tôi, Bác hỏi:

- Cháu có gặp Giang Nam không?

- Thưa Bác, vì anh ấy ở xa cháu chưa gặp.

Bác khen Giang Nam viết có tình và Bác hỏi thăm một số anh em văn nghệ sĩ giải phóng.

Bác hỏi chúng tôi nhiều về tình hình, về phong trào, về đời sống của đồng bào và chiến sĩ miền Nam. Chúng tôi kể lại với Bác những tội ác tày trời của Mỹ Ngụy. Chúng tôi báo cáo với Bác về phong trào đấu tranh các mặt và kể với Bác những gương bất khuất kiên cường tiêu biểu cho tinh thần đấu tranh anh dũng của nhân dân miền Nam. Anh Hiếu trân trọng thay mặt mười bốn triệu nhân dân miền Nam thưa với Bác: "Dù phải chịu muôn vàn khó khăn đau khổ, nhân dân miền Nam vẫn kiên quyết và bền bỉ đấu tranh, giữ vững niềm tin chói sáng vào thắng lợi cuối cùng".

Và, buổi sáng hôm đó đoàn miền Nam vinh dự được dâng lên Bác và Thủ tướng những tặng phẩm của đồng bào, chiến sĩ miền Nam. Trong tặng phẩm dâng lên Bác có tập thơ chép tay của anh Trọng Tuyển. Trước khi hy sinh, anh có mơ ước duy nhất là được gửi kính tặng Bác tập thơ do tự tay anh viết. Ước mơ đó của anh hôm nay đã thành sự thật, Bác cầm tập thơ lặng đi một lúc - với niềm xúc động và tình thương bao la đối với miền Nam. Bác đưa tay lên ngực ngay chỗ trái tim mình và nói:

- *Bác chẳng có gì tặng lại cả, chỉ có cái này.*

Ngừng một chút, Bác nói tiếp giọng đầy xúc động:

- *Hình ảnh miền Nam yêu quý luôn luôn ở trong trái tim tôi.*

Suốt ngày hôm đó và mãi mãi sau này, mỗi lần nhớ lại câu nói đó tôi cứ thấy bồi hồi. Miền Nam yêu quý ở trong trái tim

Bác. Tình thương của Bác đối với miền Nam quả như nước biển Đông không bao giờ cạn. Năm 1946, khi đi Pháp đàm phán về, trong lời tuyên bố với quốc dân, Bác đã nói với đồng bào miền Nam: *"Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên"*. Như thế đó, trong từng giấc ngủ, trong từng bữa ăn, trong mỗi niềm vui Bác đều giành trọn cho miền Nam.

*

* *

Mấy hôm sau, đến thăm kỳ họp của Quốc hội, chúng tôi lại được gặp Bác. Hôm ấy, chúng tôi thấy Bác rất vui, Bác chủ trì phiên họp dạt dào tình nghĩa Bắc Nam ấy. Sau khi Chủ tịch Quốc hội Trường Chinh đọc lời chào mừng, anh Nguyễn Văn Hiếu đọc lời đáp, các đại biểu Quốc hội ra nghỉ giải lao ở những phòng gương. Trong lúc các đại biểu quây quần hỏi thăm chúng tôi thì Bác đến. Bác kéo tôi đến gần bên Bác. Bác thân mật giới thiệu với các đại biểu:

- Các chú có biết chú này không? Chú này là miền Nam trợ trợ đây (Ý nói người Trị Thiên - Huế).

Bác và tất cả chúng tôi cười vui vẻ. Bác bảo tôi:

- Cháu ngâm cho Bác nghe một bài thơ.

Thật bất ngờ! Tôi là một người làm thơ mà trong những năm chiến đấu ở chiến trường tôi đã viết về những bài về miền Nam... Nhưng biết ngâm bài gì bây giờ. Tôi bồi hồi xúc động quá. Bỗng tôi nhớ đến bài *"Cháu nhớ Bác Hồ"* là bài thơ tôi làm bên bến Ô Lâu (Thừa Thiên). Bài thơ này tôi làm với tình cảm của tuổi thơ và của nhân dân miền Nam nhớ thương và biết ơn Bác Hồ. Tôi nín hơi cho xúc động lắng xuống và thưa với Bác:

- Thưa Bác, cháu xin ngâm bài thơ *"Cháu nhớ Bác Hồ"*.

Lúc này các đại biểu và các nhà báo đến vây quanh Bác rất đông. Mọi người đều vỗ tay hoan nghênh ý định của tôi...

Mùa thu năm 1956, khi làm bài thơ này, tôi chỉ có mỗi mong ước bài thơ được Bác đọc, qua đó Bác sẽ hiểu thêm tình cảm của nhân dân và thiếu nhi miền Nam: Dù sống trong gian khổ, đau thương nhưng ngày đêm vẫn hướng về Bác, về miền Bắc thân yêu. Tôi có ngờ đâu, giờ đây tôi được ngâm bài thơ này để Bác nghe. Trong đời tôi, vinh dự này luôn luôn là nguồn sức mạnh to lớn.

*"Đêm đêm bên bến Ô Lâu
Cháu ngồi, cháu nhớ chòm râu Bác Hồ..."*

Tôi chỉ mới ngâm được hai câu đầu đã thấy nghẹn ngào, tôi cố nén xúc động để ngâm tiếp. Đến đoạn:

*"Đêm đêm cháu những băng khuâng
Giờ xem ảnh Bác cắt thắm bấy lâu...
Nhìn mắt sáng, nhìn chòm râu
Nhìn vàng trán rộng, nhìn đầu bạc phơ".*

thì tôi thấy Bác cũng xúc động, đôi mắt Bác cũng chớp chớp. Tôi chỉ ngâm tiếp được hai câu:

*"Càng nhìn càng lại gần
Ôm hôn ảnh Bác mà ngờ Bác hôn..."*

Rồi nghẹn ngào không ngâm tiếp được nữa. Tôi chỉ nhìn Bác và nước mắt trào ra. Bác liền quàng tay qua vai tôi và ôm hôn thật thiết. Bác nói:

- Đây! Hôm nay Bác hôn thật đây!

Tôi sung sướng, cảm động đến ngây ngất. Tất cả các đại biểu và các nhà báo có mặt cũng đều xúc động, nhiều người lấy khăn lau nước mắt. Và may sao một phóng viên nhiếp ảnh đã kịp ghi lại phút thiêng liêng đó. Đến hôm nay, mỗi lần mở tấm ảnh ra xem tôi vẫn thấy như còn hơi ấm Bác...

*

* *

Sau đó chúng tôi còn được Bác cho gặp một lần nữa. Những ngày đó Bác tiếp chúng tôi rất đơn giản nhưng vô cùng

âm cúng. Lần nào gặp, Bác cũng hỏi hoặc dạy bảo tôi về nghiệp vụ sáng tác. Có khi Bác hỏi:

- Cháu đang viết những gì? Ở miền Nam các cháu viết như thế nào?

Nghe tôi kể lại cuộc sống và sáng tác của anh chị em làm công tác văn nghệ miền Nam, Bác gật đầu:

- Đúng, làm nhà văn, nhà thơ phải có thực tế như vậy thì tác phẩm mới phục vụ được đồng bào, chiến sĩ.

Bác nhắc tôi phải cố gắng viết cho có tình và Bác dặn thêm:

- Muốn viết cho có tình cháu phải sống như người chiến sĩ, sống gần gũi với đồng bào, phải hiểu thật nhiều về họ...

Và có lần, Bác nói một câu tôi nhớ mãi, lấy đó làm bài học cho mình. Lúc đó, Bác tặng cho anh Nguyễn Văn Hiếu một cuốn tạp chí "Châu Âu" số đặc biệt đăng toàn tác phẩm Việt Nam. Nhân đó tôi cũng muốn khoe với Bác một chút. Tôi thưa:

- Thưa Bác, trong này họ cũng có dịch thơ của cháu.

Tôi tưởng Bác sẽ khen. Nhưng không, Bác bảo:

- Ủ, chú thì chỉ biết có thơ chú.

Tôi biết Bác muốn nhắc tôi không nên đề cao mình, tác phẩm mình, mà không biết, không đọc, không học hỏi anh em khác.

Nói chuyện với chúng tôi bao giờ Bác cũng nói, cũng hỏi cụ thể, tỉ mỉ. Tôi nhớ mãi lần Bác hỏi tôi về chuyện vợ con, như một người ông hỏi đứa cháu trai đi xa về. Bác cười và bảo:

- Học Bác cái gì thì học, chứ đừng học chuyện vợ con.

Bác khuyên tôi nên lấy vợ như thế nào. Cho mãi đến hôm nay, khi nghĩ tới những lời này tôi vẫn không khỏi bồi hồi. Bác ơi! Sao Bác lo cho con cháu ân cần, tỉ mỉ đến như vậy. Suốt đời tôi, những lời dạy bảo của Bác sẽ mãi mãi là niềm vui, là cuộc sống đầy đề tài cho thơ, cho văn, cho sự cống hiến của tôi với quê hương.

HỒNG PHÚ ghi

NHỮNG CUỐN SÁCH CỦA BÁC HỒ DẪN CHÚNG TÔI ĐI...

NHỊ CA

Bác Hồ mất rồi. Bác Hồ không còn nữa. Chúng tôi bàng hoàng, muốn kêu to lên sự thật ác nghiệt đó, cảm thấy đây là một điều vô lý, không sao chấp nhận được.

Lớp người vào lứa trung niên chúng tôi, gặp Cách mạng tháng Tám giữa tuổi đẹp đẽ nhất của một đời người, sẵn sàng tin tưởng vào những điều tốt lành, tiến bộ và rất giàu mơ ước, dự tính táo bạo. Chúng tôi đến nay vẫn thường kiêu hãnh là đã được sống vào đúng thời đại này, thời đại anh hùng mang tên Hồ Chí Minh, đầy những biến cố lịch sử to lớn, quyết định số phận một dân tộc, vận mạng mỗi con người.

Trải mấy nghìn năm dựng nước, những thời đại hùng vĩ, thời đại một ngày bằng hai mươi năm như hôm nay, không phải thường xuyên thế kỷ nào cũng có, đời người nào cũng gặp được đâu! Chúng tôi nhớ lại những ngày nô lệ tăm tối xưa kia, tưởng không thể sống nổi, mà quãng đời nhỏ bé chúng tôi đã trôi qua còm cõi, héo hắt.

Cái đau khổ, từng trải đó không phải hoàn toàn vô ích, nó giúp chúng tôi thâm thía so sánh được cuộc đời mới với cuộc đời cũ... Thế rồi Bác Hồ về. Lớp người trẻ chúng tôi lập tức đi theo Bác. Có thể còn bỡ ngỡ ít nhiều, nhưng chúng tôi đã có ý thức rõ rệt về hành động của mình.

Từ đó đến nay, và mãi mãi về sau này, Bác là người thầy, người cha. Bác đã chỉ dẫn chúng tôi từng điều, trong suốt hăm

nhăm năm đánh giặc cứu nước, với một lòng thương yêu rộng lượng vô hạn. Bác là nguồn năng lượng vô tận đủ sức phân phát ánh sáng cho mọi trí tuệ, sức nóng cho từng trái tim.

*

* *

1945. Một ngã ba đường lịch sử, một năm bản lề cách mạng.

Đối với học sinh non dại chúng tôi hồi đó, tình hình xã hội Việt Nam hiện ra còn có phần rối ren, phức tạp. Cái nhục mất nước vì Pháp đã rõ rồi, nhưng có cả người lớn tuổi hơn chúng tôi cũng còn lầm tưởng lối thoát là dựa vào thuyết Đại Đông Á của Nhật Bản.

Rồi đủ các loại cặn bã giả danh cách mạng, nào Quốc dân đảng, nào Đại Việt ra sức phỉnh nịnh, lừa bịp quần chúng, nặn ra các thứ đảng phái ma trôi thoát hiện thoát biến, chỉ lăm le đục nước béo cò. Chúng nổi lên bều trên dòng thời cuộc sôi sục đục ngầu. Vài người nhẹ dạ bị chúng cuốn theo.

Nhưng đã có cái luồng phù sa mệnh mệnh, sâu thẳm, mạnh mẽ của chính con sông, bồi đắp thành lực lượng cách mạng, xô đẩy lịch sử tiến lên, đó là Mặt trận Việt Minh. Các thứ tà thuyết hoả mù lập tức bị xua tan trước ánh sáng uy danh Nguyễn Ái Quốc.

Chúng tôi háo hức tìm đọc các sách a b c về chủ nghĩa Mác, học ngấu ngiến, lộn xộn, đọc *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, *Duy vật biện chứng*, *Duy vật lịch sử*, nhiều khi hiểu còn lồm bồm, câu được câu mất, chưa kịp nhớ đã vội tranh cãi, truyền bá trong bạn bè thân thuộc. Tuy nhiên, với nhiệt tình yêu nước và lương tri tuổi trẻ, vững tin ở mình và chính nghĩa, kiên tha lâu cũng đầy tổ, cứ thế dần chúng tôi vỡ vạc nắm được các nguyên lý cơ bản của cách mạng vô sản, đi từ tự phát đến tự giác, từ cảm tính đến lý tính.

Để giúp chúng tôi được giác ngộ về lý luận một cách nhanh chóng, sâu sắc, hợp với trình độ nhất, trước hết đó là các bài báo

của Bác viết vào khoảng những năm 20, đăng trên các tờ *Người cùng khổ*, tờ *Nhân đạo*, tạp chí *Thư tín quốc tế* và đặc biệt cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp*.

Vốn khinh ghét bọn cử nhân, thạc sĩ bồi bút Tây Nhật, chúng tôi càng tự hào về vị lãnh tụ tài giỏi, uyên bác của mình. Với tư cách là một người Việt Nam yêu nước, một người đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, Bác đã bền bỉ, đánh thép vạch mọi tội ác xảy ra trên các thuộc địa, tranh thủ sự đồng tình của nhân dân chính quốc để ủng hộ các cuộc cách mạng dân tộc giải phóng.

Ngòi bút Bác, khi khiêm tốn, lúc trào lộng, đầy khí phách tiên công dũng cảm, đã đấu tranh để các Đảng Cộng sản Tây Âu phải quan tâm đến vấn đề thuộc địa, để chứng minh rằng nếu không có nhân dân các nước thuộc địa tham gia thì không thể có cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công.

Đến nay, riêng tôi vẫn còn giữ lại ấn tượng sâu sắc về cái hình tượng dễ hiểu, sinh động của chủ nghĩa tư bản do Bác đưa ra, đó là con giãi hút máu có hai vòi lớn, một vòi bám vào giai cấp vô sản chính quốc, một vòi cắm vào nhân dân thuộc địa. Muốn giết nó, phải chặt cả hai, nếu chỉ cắt một thì cái vòi còn lại sẽ tiếp tục hút máu, con quái vật sẽ hồi sinh và cái vòi bị chặt sẽ mọc lại.

Lần đầu tiên, chúng tôi hiểu rằng cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận của cách mạng thế giới, đằng sau chúng tôi là giai cấp vô sản chính quốc. Tự nhiên, chúng tôi cảm thấy mình vụt lớn mạnh như một người khổng lồ, mình chiến đấu không lẻ loi, đủ sức đi xa.

Chú học sinh thuộc địa nhỏ dại bưng bình, nghĩ có thể trở thành một chiến sĩ cộng sản chân chính.

Ôi, ước mơ kỳ diệu đó chưa bao giờ xuất hiện trong đầu óc chúng tôi, thế mà nay đồng chí Nguyễn Ái Quốc, con người đến lúc đó mới nghe nói tới như trong truyền thuyết, đã thực sự gọi ra để chúng tôi suy nghĩ, lựa chọn và còn tạo ra các điều kiện thuận lợi, cụ thể nhất để đạt tới.

Ở những trước tác đó, theo thích thú riêng, tôi còn khâm phục Bác là một nhà báo đầy tài nghệ, đi nhiều hiểu rộng, biết thuyết phục bạn đọc bằng những tài liệu cụ thể, tỉ mỉ, chính xác, lấy gậy ông mà đập lưng ông, bằng những luận điểm chính trị nhất quán, khoa học, bằng cách đặt và giải quyết vấn đề thật trí tuệ, linh hoạt, và bằng giọng văn sáng sủa thấp thoáng nụ cười hồn hậu hoặc chua cay.

Nếu sau này tôi trở thành người viết văn, làm báo trong quân đội, thì đó chính là những bài mẫu vỡ lòng dạy nghề giúp ích tôi nhiều nhất.

*

* *

Những năm đầu kháng chiến chống Pháp, chú học sinh đã trở thành anh Vệ quốc quân. Con đường đấu tranh vũ trang giành độc lập, xây dựng chính quyền dân chủ mới đã vạch ra rõ ràng.

Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng vào Bác, vào Đảng và hăng hái đi lên. Nhưng bao nhiêu bờ ngõ, lúng túng đã xảy ra!

Về ở nông thôn, đồng bào rất thương yêu chúng tôi nhưng đôi lúc không khỏi buồn cười hoặc phật lòng. Chúng tôi chưa biết cách cư xử, chúng tôi còn cách biệt với nhân dân, chiến sĩ, nói năng dài dòng, khó hiểu, làm việc qua quýt, đánh trống bỏ dùi...

Có người chưa phân biệt nổi hạt gạo nếp với hạt gạo tẻ, nhưng lại thích nói hàng giờ cho các cụ, các bà nghe nào ba giai đoạn, bốn mâu thuẫn, nào thặng dư giá trị, tiếm tiền bột phát. Có người ra trận bố trí quân kiểu mảnh mảnh, về nhà quát mắng chiến sĩ, nằm ngủ quay chân vào bàn thờ nhà chủ, nhưng viết báo cáo nghe đọc rất kêu, câu chữ dài hơn thành tích.

Làm cán bộ, chúng tôi hàng ngày phải bắt tay vào những việc cụ thể, thiết thực, phải lo lắng từ việc to đến việc nhỏ, tiếp xúc với bao nhiêu hạng người... Lúc đó, tôi mới hiểu rằng mình chưa biết làm ăn gì cả!

(Trong sự nghiệp cách mạng vô cùng rộng lớn của Bác, ngoài công lao lãnh đạo mọi mặt đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế, văn hoá, chỉ riêng một vài việc làm cụ thể như dùng tiếng Việt, khuyến khích trồng cây, khen thưởng người tốt việc tốt, cũng đã ảnh hưởng rất lớn đến đời sống bình thường của nhân dân, đủ khiến chúng ta đời đời nhớ ơn Bác).

Như một người cha ân cần, chu đáo, quả là Bác đã dạy chúng tôi học ăn, học nói, học gói, học mở. Là một người viết phê bình văn học, riêng tôi vẫn lấy những điều đã chỉ dẫn trong cuốn *Sửa đổi lối làm việc* làm phương châm, nguyên tắc, biện pháp cho công việc của mình.

Thời gian trôi qua, kiến thức có thể tích lũy nhiều hơn, kinh nghiệm nghệ thuật phong phú hơn, nhưng mỗi lúc gặp khó khăn, vấp vấp trong viết lách, cuốn sách trên lại gọi tôi trở về với các nguyên lý và những câu hỏi then chốt lại tự đặt ra: viết để làm gì, viết cái gì và viết ra sao, viết cho ai đọc?

*

* *

Cuốn *Nhật ký trong tù*, tập *Thơ Hồ Chủ tịch* và những bài thơ khác của Người cho tôi thấy thêm một khía cạnh kỳ thú, bất ngờ của con người Bác Hồ, vốn đã rất phong phú, đó là tâm hồn một nhà thơ.

Bác đã lớn vì sự nghiệp cách mạng, vì tư tưởng chính trị và tài năng lãnh đạo, Bác còn lớn vì đạo đức và tình cảm.

Thơ vốn là cái thâm trầm và thành thực nhất trong con người. Thiếu cái đó, thơ khó mà hay. Đọc thơ Bác, ta có thể hiểu thấu những tâm tình sâu kín nhất, thấy rõ cả con người chung và con người riêng của Bác.

Bao gian khổ đắng cay Bác đã trải qua, nhưng trước sau Bác vẫn kiên trinh bất khuất, một lòng nhớ nước thương dân, trong tù vẫn giữ cái khảng khái lạc quan của khách tự do, "đáng khóc mà ta cứ hát tràn!".

Hiểu cho được cái hay của thơ Bác, đây cũng là một dịp thử thách đối với tư tưởng, tình cảm và khiếu thẩm mỹ của riêng tôi. Thơ Bác dễ hiểu mà khó thưởng thức. Phải biết khát mới thấy được vị ngọt mát của nước giếng khơi. Có nâng tâm trí mình lên tới mức trong sáng nhất định thì mới nắm được cái tinh túy, lõi cốt trong ý tình câu thơ; có gạt bỏ thị hiếu thông thường quen với thói hoa mỹ, sang trọng thì mới nhìn rõ vẻ đẹp chân chất của những câu chữ, vần điệu mộc mạc, tự nhiên.

Cái hay ở đây phải chịu khó tìm tòi, nghiền ngẫm trong từng câu chữ, rồi cả bài, rồi toàn tập và ngược lại: có thấm thía được vẻ đẹp của một tâm hồn lớn thì mới thấy được cái hay kín đáo ẩn sau câu thơ dễ dàng. Phải rèn luyện mình để biết yêu mến cổ vũ một nền văn học *"Nay ở trong thơ nên có thép/ Nhà thơ cũng phải biết xung phong"*, cũng như phải biết thông cảm với những hoàn cảnh đau khổ, xót xa *"Ở tù năm trọn thân vô tội/ Hoà lệ thành thơ tả nỗi này"* nó vốn có thực ngoài cuộc đời và trong sáng tác.

Thơ Bác đã dạy tôi những điều đó, những điều cốt tử, tôi thiếu đối với một người phê bình văn học.

*

* *

Tôi không có tham vọng nói đến tất cả những tác phẩm của Bác. Tôi chỉ muốn, trong những giờ phút thiêng liêng này, hết sức thành thực với mình, soi vào tấm gương đời Bác vô cùng cao quý, trong sáng, để kiểm điểm lại toàn bộ tư tưởng, tình cảm, đạo đức, xem mình đã làm theo những lời dạy bảo của Bác đến đâu.

Lời Di chúc của Bác, lời thề của đồng chí Lê Duẩn thay mặt toàn đảng, toàn dân, toàn quân còn vang động trên quảng trường Ba Đình, vang động khắp núi sông, vang động trong lòng mỗi chúng ta.

Tất cả những lời lẽ sắt son đó đang biến thành hành động.

Bác ra đi còn để lại một khối đoàn kết keo sơn toàn Đảng, toàn dân, toàn quân không gì lay chuyển nổi. Đó là sức mạnh, đó là điều kiện để giành lấy thắng lợi cuối cùng.

Tin tưởng ở Trung ương và bản thân mình, trước anh linh Bác đời đời sống mãi, chúng tôi sẽ biết tự nâng mình lên hơn nữa để xứng đáng là con cháu của Bác, tiến lên làm tròn mọi công việc cách mạng.

“BÀN TAY CON NẮM TAY CHA...”

HỒ MẬU ĐƯỜNG

Chuyện xảy ra vào đầu xuân Nhâm Thìn (năm 1952), đúng dịp kỷ niệm một năm Đảng ta chính thức ra mắt quốc dân với tên gọi Đảng Lao động Việt Nam, công khai lãnh đạo cuộc kháng chiến kiến quốc, được tổ chức tại xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hoá.

Trước Tết mấy hôm, anh Lành gặp tôi trao đổi với thái độ chân tình:

- Tổ chức lễ kỷ niệm tất nhiên phải có một chương trình biểu diễn văn nghệ. Đoàn văn công hiện đang đi phục vụ tiền tuyến. Chúng mình phải tự biên tự diễn thôi. Cậu lo được không?

Tôi thật sự bị bất ngờ; ngập ngừng giây lát rồi đáp một cách dứt khoát:

- Nếu không còn cách nào khác, các anh giao, tôi xin nhận.

Anh Lành dặn thêm:

- Ngoài múa hát, cố gắng có một tiết mục sân khấu, một vở kịch ngắn chẳng hạn, ca kịch càng tốt.

Lúc này anh Lành là thủ trưởng của tôi. Anh vừa được Đại hội II của Đảng bầu vào Ban chấp hành Trung ương và được cử làm Phó Ban Tuyên huấn do đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh trực tiếp làm Trưởng ban. Sở dĩ anh Lành giao tôi tổ chức buổi biểu diễn đặc biệt này vì sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, khi còn công tác ở Thường vụ Tỉnh bộ Việt Minh Nghệ

An, tôi từng làm Trưởng đoàn ca kịch tuyên truyền lưu động mang tên Lý Tự Trọng, vừa làm công việc sáng tác, đạo diễn vừa kiêm luôn vai trò diễn viên như một con dao pha. Mọi hoạt động của đoàn ca kịch này cũng như khả năng văn nghệ của tôi thì anh Lành, lúc ấy là Xứ uỷ Trung Kỳ, đều đã biết rất rõ.

Nhận nhiệm vụ anh Lành giao, tôi không khỏi phân vân lo lắng, bởi lẽ đây không phải là một buổi công diễn thông thường, người xem cũng không phải là những công chúng bình thường, hơn nữa lại có mặt cả Bác và tất cả những đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng và nước ta. Tác phẩm trình diễn phải là kịch dân ca, nghĩa là tiết mục phải làm sao đảm bảo được tính dân tộc đậm đà và sâu sắc. Thời gian lại quá gấp gáp!

May thay, đúng lúc này tôi được gặp bác Tú Mỡ - nhà thơ trào phúng nổi tiếng - lên làm việc với anh Lành để cho xuất bản tập thơ đánh địch *Bút chiến đấu* và ở lại Ban Tuyên huấn để chờ dự Hội nghị thi đua toàn quốc. Bác Tú Mỡ là người rất sành các làn điệu dân ca, chèo cô và bác đã tận tình hướng dẫn cho anh em trẻ chúng tôi một số làn điệu thông dụng. Coi như đã nắm được bảo bối trong tay, tôi tranh thủ mấy ngày nghỉ Tết ra sức sáng tác, cuối cùng cũng viết ra được vở kịch ngắn với tiêu đề *Tất cả cho tiền tuyến*. Vở kịch xoay vào chủ đề khuyến khích bà con nông dân phát triển sản xuất, ủng hộ tiền tuyến thông qua câu chuyện tranh luận của một cặp vợ chồng trẻ xung quanh việc nên đẩy mạnh trồng thuốc lá hay trồng lạc trên một cánh đồng. Anh chủ trương trồng thuốc lá thu nhập cao, trái lại chị vợ lại đòi trồng lạc để cung cấp thực phẩm cho anh em bộ đội. Cuộc tranh luận chưa ngã ngũ thì được anh bộ đội Cụ Hồ vừa tham gia chiến dịch giải phóng Hoà Bình về, kể tình hình chiến thắng và ủng hộ quan điểm trồng lạc của chị vợ, nhờ đó khúc mắc đã được giải quyết.

Viết xong kịch bản, tôi liên hệ với mấy cơ quan bạn đóng gần để mời diễn viên, chủ yếu là cơ quan Nông vận và Phụ vận.

Anh Năng ở Nông vận nhận đóng vai chồng, chị Thảo, nguyên du kích đường Năm, cán bộ Ban Phụ vận đóng vai vợ; anh Duyệt kéo nhị, anh Du đánh trống (cùng ở Nông vận).

Cùng tham gia biểu diễn văn nghệ còn có chị Vũ Thị Thanh (vợ anh Lành), phụ trách tổ chức điệu xoè Thái, điệu múa mà chị đã biểu diễn trong dịp đi dự Festivan Thanh niên Sinh viên thế giới ở Beclin (CHDC Đức). Diễn viên gồm chủ yếu là mấy cô thanh niên bên Ban Phụ vận như Ngọc Trâm, Thanh Tâm, Kim Oanh, Bích Phượng và Bạch Hường (bên Thông tấn xã), do chị Thanh dàn dựng.

Thấm thoát sau Tết nguyên đán không lâu, buổi lễ kỷ niệm đã diễn ra trong một đêm xuân giữa rừng Việt Bắc, thủ đô kháng chiến. Ngoài trời giá rét như cắt, nhưng trong hội trường có Bác Hồ, tự nhiên chúng tôi cảm thấy ấm áp hẳn lên. Bác ngồi đó ung dung, vây quanh Bác là các đồng chí Trung ương, bộ trưởng, các cán bộ cao cấp tiêu biểu và một số anh em bộ đội cận vệ.

Buổi lễ do Bác chủ trì. Bác nói mấy lời khai mạc vắn tắt rồi giới thiệu đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh lên trình bày một bài diễn văn quan trọng. Sau đó là phần văn nghệ của chúng tôi mà xoè Thái là tiết mục mở màn. Tiếp đó là vở kịch dân ca *Tất cả cho tiền tuyến*, tác phẩm "nóng" của tôi mà tôi cũng là một diễn viên sắm vai anh bộ đội. Trong khi diễn, chúng tôi vẫn để ý quan sát những biểu cảm của khán giả. Thật thú vị khi từ trên sân khấu, chúng tôi bắt gặp đôi mắt hiền từ của Bác đang chăm chú theo dõi diễn xuất của mình. Bác lắng nghe từng làn điệu dân ca, vừa đánh nhịp tay vừa gật gù tán thưởng, khiến chúng tôi vô cùng phấn chấn, càng biểu diễn càng nhiệt tình.

Buổi biểu diễn kết thúc, diễn viên vào hậu trường còn chưa kịp thay đồ hoá trang thì Bác cùng đồng chí Trường Chinh và anh Lành đã vào gặp chúng tôi chúc mừng sự thành công của các nghệ sĩ nghiệp dư và thân mật thăm hỏi từng người. Không khí đang vui vẻ, bỗng Bác quay sang hỏi anh Lành:

- Ai là tác giả vở kịch dân ca vừa diễn?

Anh Lành tươi cười chỉ vào tôi và báo cáo với Bác.

Lập tức, Bác chìa tay ra bắt chặt tay tôi. Ôi, đúng là: "*Bàn tay con nắm tay Cha/ Bàn tay Bác ấm vào da, vào lòng*"! Hai câu thơ của Tố Hữu đã nói giùm tôi tất cả! Rồi, Bác âu yếm nhìn tôi, khích lệ:

- Văn nghệ kháng chiến phải như vậy! Đối tượng phục vụ trước nhất là công nông binh. Nội dung phải mang đậm tính chất dân tộc và phải được đông đảo quần chúng hưởng ứng.

Tôi lại bị bất ngờ! Trong một khoảng thời gian gấp gáp, vở kịch ngắn ra đời còn nhiều sơ lược về nội dung lẫn hình thức nhưng nó đã đáp ứng kịp thời nhiệm vụ chính trị và đề cao văn nghệ dân tộc. Ưu điểm cơ bản của tác phẩm là ở chỗ ấy.

Ngày nay, khi chúng ta đang nỗ lực phấn đấu xây dựng một nền văn nghệ Việt Nam tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc, đó chính là tư tưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật, mà Đảng ta đang chủ trương. Bản thân tôi cũng đã trưởng thành là một nhà văn với hàng chục đầu sách, đôi lúc ngẫm lại những bước đường chập chững vào nghề cầm bút của mình, tôi càng thấm thía hơn lúc nào hết những lời dạy chân tình, sâu sắc và trước sau như một của Bác về tính dân tộc trong văn nghệ cách mạng.

Tháng 11-2005

GẶP NGƯỜI THƯ KÝ MỘT THỜI CỦA BÁC HỒ

HOÀNG HÀ (*Ghi chép*)

Tôi còn nhớ rất rõ cái thời khắc ấy, tháng 9 năm 1989, Đài Truyền hình Việt Nam đã phát sóng bộ phim được công bố lần đầu tiên *"Những giây phút cuối đời của Bác"*. Phim đã gây xúc động mạnh trong lòng người xem, và có một gương mặt đọng lại trong tôi, ông Vũ Kỳ, người thư ký của Bác. Được biết ông là người thư ký suốt 24 năm, từ ngày Bác về Thủ đô cho tới năm 1969. Ông trở thành thư ký của Bác vào tháng 8 năm 1954, sau một thời kỳ hoạt động gian khổ. Lúc đó, ông còn rất trẻ, mới 24 tuổi. Rời gót quê nhà xã Nguyễn Trãi, Thường Tín, Hà Tây, ông sớm tham gia cách mạng. Năm 1941, nằm trong tiểu ban địch vận Trung ương. Năm 1942-1943, hoạt động bí mật thành Hà Nội, phụ trách công tác dân vận của Thành uỷ. Ông nhớ lại: "Ngày 25-8-1954, Bác Hồ từ chiến khu về ngoại thành Hà Nội và tối 26, vào nội thành (tại số 8 phố Hàng Ngang). Tối 27, tổ chức giới thiệu với Bác 3 người, trong đó có tôi, để chọn ra một thư ký. Cuối cùng, Bác chọn tôi. Bác hỏi: "Chú hoạt động thế nào?". Tôi phồng mũi lên, kể lể các thành tích của mình, tham gia cách mạng, tích cực như thế nào, vào tù mấy lần ra làm sao. Nghe xong, Bác bảo: "Chú tưởng hoạt động cách mạng bị bắt là ưu điểm đấy à? Khuyết điểm đấy, không khéo mới rơi vào tay địch chứ".

Vào thời điểm năm 1946, nước nhà lâm vào những tình cảnh khôn khó. Quân Tưởng kéo tràn qua biên giới. Quân Anh

gây hấn ở Nam Bộ. Ta chấp nhận nhượng bộ bước đầu với quân Tưởng để thủ thế. Một lần, thư ký Vũ Kỳ hỏi Bác: "Tàu Tưởng những nhiều cướp bóc dân ta, sao Bác không lệnh cho tiêu diệt?". Bác ôn tồn: "Chú đã từng ở chiến khu, hẳn chú thấy cảnh gỗ cây mục chắn ngang khe suối. Rác trên đấy đọng lại nhiều. Chú ngồi mà nhặt rác thì bao giờ cho hết. Chú phải làm cách nào để lấy cây gỗ đi chứ. Dùng bạo lực với Tưởng chỉ gây khó khăn cho chính mình. Quân nó lớn mạnh, phải tìm cách đưa nó đi cả". Thế đấy, Bác luôn dạy bảo cán bộ qua những ví dụ hết sức cụ thể, rõ ràng. Với thư ký Vũ Kỳ, Bác rèn từng ly từng tí. Bác bảo: "Mỗi lần ngồi lên xe, chú phải hỏi Bác ba câu". Thấy thư ký ngồi yên, chả nói được câu gì, Bác lại nói: "Chú tưởng chú giỏi rồi, chẳng cần hỏi gì nữa đấy phỏng". "Dạ thưa, cháu đặt câu hỏi nhưng rồi cháu lại trả lời được". "Trước khi hỏi, chú phải trả lời cách giải quyết. Chú nên đọc nhiều sách kinh điển Mác-Lê để tham khảo, chỗ nào không hiểu phải hỏi". Một lần khi soạn thảo tài liệu đến chỗ gạch dòng, thư ký Vũ Kỳ dùng tay. Bác liền quay lại bàn của mình, cầm chiếc thước sang: "Việc to, việc nhỏ chú phải cẩn thận".

Ông đưa cho tôi tập album ảnh tư liệu đã lưu giữ suốt bao nhiêu năm qua, những hình ảnh gắn liền với các hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tôi để ý tới một bức ảnh có bố cục khá đẹp: Bác đang ngồi dưới gốc cây nói chuyện với đồng bào. "À, đây là lần Bác trồng cây lưu niệm ở Hà Tây Tết năm 1969". Ông nhớ lại mùa xuân đáng nhớ cách đây tròn 30 năm ấy - Năm đó, 1969, sức khoẻ Bác giảm sút, đi lại khó khăn. Một trận cảm đã dẫn đến viêm họng kéo dài, về sau truyền sang tim. Một ngày cũ áp Tết, buổi tối làm việc, Bác bảo: "Này, chú Kỳ, mai là ngày Ông Táo đấy. Mấy năm nay, Bác yếu, không đi xa được. Lâu rồi, không được gặp bộ đội, nông dân. Chú xem thế nào, chuẩn bị cho Bác đi chúc Tết này". Hai ba hôm sau Bác hỏi: "Thế chú chuẩn bị được đến đâu rồi?". Bác đọc báo, thấy có bài viết về đơn vị Binh chủng Thông tin truyền thống anh hùng ở Ba Vì (Hà

Tây) nên muốn sắp xếp chương trình ở đây. Tiện thể, Bác cũng sẽ ghé qua trại chăn nuôi của Anh hùng Hồ Giáo. Năm ấy, mọi người rất lo cho tình hình sức khỏe của Bác nên không muốn Bác đi lại nhiều. Các bác sĩ đã dặn kỹ điều này rất nhiều lần. Làm cách nào đây? Từ Hà Nội về tới Sơn Tây 41 km, lại về đến Ba Vì 30 km. Tổng cộng cả đi về hết 140 km. Tôi đáp "Vâng ạ", nhưng bụng nghĩ ngợi lung lăm. Bác nói tiếp: "Chú có đọc báo Nhân dân không? Có bài viết "Đội cây đón Bác Hồ" đấy. Số là, sáu năm trước, đi công tác Vĩnh Phú, đến đầu Vật Lại, Hà Tây thấy đội trọc. Bác bảo mấy vị lãnh đạo tỉnh: "Các chú phải nên phát động phong trào trồng cây đi". Mấy năm sau, nơi đó thành đội cây thật và có tên "Đội cây đón Bác Hồ". Bác bảo: "Người ta nói thế mình không đến không được". Bác lại còn tính đến cả chuyện tới trường dành cho con em cán bộ miền Nam đi tập kết Nguyễn Văn Trỗi. Tình hình "gay" quá, không biết làm cách nào, tôi bèn báo cáo với anh Tô (Phạm Văn Đồng) nhờ anh thuyết phục. Anh Tô đồng ý. Trưa hôm đó, anh đến ăn cơm với Bác. Anh Tô xin phép đi chúc Tết để được chuyển lời của Bác tới đồng bào, Bác gật đầu: "Thế là tốt". Tôi nói, lên chương trình, các bác sĩ lo quá. Bác bảo: "Lại chú Kỳ. Các chú chưa đi đã kêu vất vả, cứ cản trở Bác, không được". Thấy thế, anh Tô lui ra ngoài. Anh nói: "Tuỳ Kỳ". Tôi bèn lại nói chuyện với anh Lê Đức Thọ, lúc bấy giờ làm công tác phụ trách bảo vệ sức khỏe của Bác. Song, cũng không được, Bác nói: "Các chú yên tâm, Bác thấy mệt, Bác bớt chương trình, chưa đi các chú đã bớt là thế nào". Cuối cùng, tôi đành nghĩ ra cách, bàn với anh Phùng Thế Tài - Tư lệnh phòng không, không quân, chuẩn bị để Bác đến chúc Tết ở sân bay Bạch Mai. Phải cố gắng đến tám rưỡi, chín giờ càng tốt. Tối 30, Bác hỏi, tôi báo: "Thưa Bác, thêm chương trình ạ". Bác phấn khởi lắm...".

"... 6 giờ 30 sáng mùng một, Bác đi chúc Tết, cùng đi còn có anh Nguyễn Lương Bằng và con gái anh Nguyễn Hữu Thọ (Bác nhận làm con nuôi). Hôm đó, Bác rất vui. Ở sân bay Bạch

Mai, tề tựu đầy đủ 500 cán bộ chiến sĩ. Bác hỏi Anh hùng Nguyễn Văn Cốc: "Tại sao chú bắn rơi được máy bay?". Anh hùng báo cáo: "Dạ, do cháu đã chấp hành mệnh lệnh của Quân uỷ Trung ương, được sự quan tâm của Đảng" v.v. và v.v.. Bác thủng thẳng: "Chú nói không sai, nhưng mà chưa cụ thể, chú Ngân đâu?" (Phạm Thanh Ngân), anh Ngân đáp: "Như anh Cốc nói, cháu cũng ra sức tập luyện ạ!". Bác cười: "Chú nói cũng không sai, nhưng chưa cụ thể. Máy bay địch đến, chú học Nghị quyết giỏi, tập luyện giỏi. Nhưng đến lúc bắn thì lại đau bụng quá do ăn cơm ôi, lúc đó thì làm thế nào? Thế đấy, còn có những người hậu cần, lo lau chùi máy móc, cơm ngon canh ngọt nữa chứ". Nói đoạn, Bác lên tiếng: "Có anh nuôi ở đây không?". "Có ạ". "Các cháu lên đây". Các cô gái ngày thường lấm lem than nôi thế mà giờ đây lại được Bác quan tâm, cảm động quá cứ ôm lấy Bác mà khóc. Bác hỏi vui: "Các cháu làm gì?". "Chúng cháu làm anh nuôi ạ!". "Gái mà làm anh nuôi à?".

Bác cháu bật cười vui vẻ. Một cán bộ đoàn đứng lên thưa: "Chúng cháu tích cực chăn nuôi, cải thiện đời sống, có con lợn 300 kg muốn biếu Bác ăn Tết ạ".

"Cám ơn các chú. Bác nhận mà ăn thì mang tiếng tham ăn, không ăn mà chia cho văn phòng thì lại mang tiếng tham ô. Thôi, cứ để lại cho anh em. Nhưng trung đoàn không được ăn một mình mà phải chia cho các trung đoàn khác đấy".

"... Lúc này là 9 giờ, nếu lên Ba Vì rồi đi Vật Lại thì không kịp. Tôi đã hẹn Bí thư và Chủ tịch Hà Tây ở Vật Lại (thuộc huyện Bất Bạt) lúc 10 giờ. Bác hỏi: "Thế chú đã nói với Bình chủng Thông tin chưa?". "Dạ thưa, cháu giữ bí mật, chưa nói ạ!" (đi đâu Bác cũng không muốn cơ sở được biết trước, "tiền hô hậu ứng" để tìm hiểu sự thật). Bác lại bảo: "Thế thôi, ta đi Vật Lại vậy". Tôi thở phào, thế là bớt được một quãng đường không nhỏ. Đến Vật Lại, gặp các chủ nhiệm Hợp tác xã gái làm ăn giỏi tặng hoa, kể chuyện, Bác rất vui. Bác ân cần hỏi chuyện đời sống

bà con, rồi tới chuyện đòi cây. Đến phần trồng cây lưu niệm, trước lối vào đồi cây "Đón Bác Hồ", lãnh đạo địa phương cho chuẩn bị chiếu hoa và một số bộ bàn ghế mời Bác ngồi. Bác bảo quét sạch dưới gốc cây to mà ngồi cho mát. Mọi người cùng ngồi theo. Tôi mời Bí thư và Chủ tịch lên Hà Nội ăn Tết, Bác cười: "Chú Kỳ thật thà quá. Mình về đây, Bí thư, Chủ tịch phải mời mình ăn Tết chứ". Các đồng chí ấy thưa: "Dạ, chúng cháu đã chuẩn bị rồi". Bác cháu cùng cười vui vẻ.

Cây đa Bác trồng ngày nào giờ đã tốt xanh tươi, có ai ngờ, đó cũng là cây đa cuối cùng Bác trồng...

... Suốt ba giờ đồng hồ, ông Kỳ vẫn giữ nguyên giọng nói trầm ấm. Thảng hoặc trong đôi mắt của ông, tôi bắt gặp những ánh loé lên niềm xúc động. Hai mươi tư năm trời bên Người, những kỷ niệm của ông về vị Cha già dân tộc luôn âm ập, ngập tràn. Từ năm 1970-1990, ông đảm trách công tác thường trực Ban xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh. Ngay từ năm 1987, ông đã nói trước với cấp trên rằng, ngày ông làm Giám đốc cũng là ngày ông xin... từ chức. Mà đúng vậy, sáng 19-5-1990, ông dự lễ cắt băng với trọng trách Giám đốc Bảo tàng Hồ Chí Minh thì buổi chiều ông thôi chức. "Ước nguyện đã đạt, đào tạo được một đội ngũ cán bộ bảo tàng, thế là mình sung sướng lắm rồi" - Ông cười. Tháng 3 năm 1993, ông đã vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh. Tôi nhìn quanh nhà ông, chỉ là những đồ vật giản dị. Ông đã ở căn nhà này từ 1956 tới nay. Ông có bốn người con, tất cả đều đã thành đạt. Sau cuốn "Bác Hồ viết di chúc", bác sẽ viết tiếp những tài liệu về Người? "Tôi đang ấp ủ một cuốn sách đầy đặn. Trước mắt, đã có nơi xin tái bản di chúc của Bác với tựa đề "Cùng nhớ Bác Hồ".

Tạm biệt ông Kỳ, tôi thầm cầu trời mong cho ông thọ lâu để hoàn thành những cuốn sách đang ấp ủ.

Đông chí năm Dần

NGHE THƯ CHÚC TẾT ĐẦU TIÊN CỦA BÁC HỒ

HỌC PHI

Đêm 30 Tết, sau khi thụ trai với các sư ở chùa Bà Đá - trụ sở Trung ương của Hội Phật giáo cứu quốc Việt Nam - tôi đi dạo quanh Hồ Gươm một lúc, rồi đến thăm bác sĩ Nguyễn Văn Luyện ở phố Ngõ Trăm. Bác sĩ Luyện là một trí thức tiêu biểu hồi ấy, được mọi người kính nể. Khi từ bỏ ngành y sang làm báo, ông có một câu nói rất hay: "Làm thầy thuốc thì chỉ chữa được bệnh cho một số ít người, còn làm báo thì có thể chữa cùng một lúc cho hàng ngàn, hàng vạn người".

Tối hôm ấy tôi đến nhà ông thì đã gần nửa đêm. Trong nhà đèn nền sáng trưng. Ông đang tiếp chuyện mấy người bạn thân trong phòng khách. Toàn là những nhân vật có tiếng tăm trong xã hội mà tôi đã được gặp ở đây vào một ngày cuối tháng 8-1945. Một ông nhạc sĩ, một ông giáo sư trường thuốc, một ông tiến sĩ luật, một ông kỹ sư hoá. Tất cả đều đã du học ở Pháp về. Bác sĩ Luyện vừa giới thiệu tôi với mọi người thì ông tiến sĩ luật đã nhanh nhẩu nói:

- Ô, tưởng ai, chứ ông *Facede guerre* này thì chúng tôi đã được gặp ở đây mới mấy tháng trước - Đoạn ông quay lại phía tôi, gọi ngay tôi bằng *toa* một cách thân mật - phải thế không *toa*?

- Vâng! - Tôi đáp.

Ông ta nói tiếp luôn:

- Bọn *moa* vừa tranh cãi với nhau xem cụ Hồ Chí Minh có phải là Nguyễn Ái Quốc không? *Toa* là *Việt Minh chính cống* tất

phải biết rõ hơn bọn moa. Hôm nay toa phải nói thật cho bọn moa biết.

Tôi cười:

- Nếu tôi nhớ không lầm thì lần trước, ở đây một vị đã nói cứ đợi mấy hôm nữa Chính phủ ra mắt đồng bào thì sẽ rõ, vì vị ấy đã được gặp ông Nguyễn Ái Quốc ở Pa-ri.

Ông kỹ sư hoá chỉ tay vào mình nói với giọng pha trò:

- Vị ấy là tôi đây ạ. Vì chính tôi đã mấy lần được nghe ông Nguyễn Ái Quốc diễn thuyết ở ngoại ô Pa-ri. Vào những năm 1921-1922 gì đó. Nhưng nhà lãnh tụ cộng sản hồi ấy mới khoảng trên dưới 30 tuổi, mặc Âu phục, nói tiếng Pháp rất trôi chảy và hùng hồn nữa, còn ông Hồ Chí Minh mà tôi được nhìn thấy hôm 2-9 ở lễ đài Ba Đình thì là một ông già gầy còm, có râu, ăn mặc xuềnh xoàng, và đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* một cách khoan thai, như một nhà Nho. Ông bảo như thế thì dù có biết đích xác ông Hồ Chí Minh là Nguyễn Ái Quốc cũng không dám khẳng định.

Ông giáo sư trường Y tiếp lời ông kỹ sư:

- *Moa* cũng đã được gặp ông Nguyễn Ái Quốc ở Pa-ri, và cũng đã được nghe ông Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* ở Ba Đình. Nhưng vẫn còn phân vân.

Bỗng tiếng còi thành phố vang lên rồi tiếng chuông trống đổ dồn, tiếng pháo nổ giòn giã khắp nơi. Bác sĩ Luyện vội đứng dậy, vừa mở to ra-đi-ô vừa nói:

- Hãy nghe cụ Hồ Chí Minh chúc Tết đã.

Tin Hồ Chủ tịch đọc thư chúc Tết đã được thông báo trên đài, mọi người đã biết, nên cùng im lặng ngồi chờ. Khi hồi còi và tiếng chuông trống vừa dứt thì từ trong máy thu thanh phát ra bài nhạc Quốc ca rồi đến tiếng nói ấm áp của Bác Hồ. Bác chúc Tết đồng bào ở trong nước và kiều bào ở nước ngoài, chúc các cụ phụ lão, các cháu thanh, thiếu niên và nhi đồng, các chiến sĩ

đang chiến đấu ở ngoài mặt trận. Bức thư kết thúc bằng bốn câu thơ lục bát:

*Bao giờ kháng chiến thành công
Chúng ta cùng uống một chung rượu đào
Tết này ta tạm xa nhau
Chắc rằng ta sẽ Tết sau sum vầy.*

Không khí trong phòng ắng đi một lát, rồi bác sĩ Luyện lên tiếng trước:

- Từ khi biết làm người, chưa bao giờ tôi được nghe một vị nguyên thủ quốc gia chúc Tết dân.

Ông giáo sư trường Y nói:

- Các *toa* có đề ý đến giọng nói Cụ Hồ không?

- Sao? - Một người hỏi.

- Không phải giọng Nghệ, không phải giọng Nam, càng không phải giọng Bắc.

- Thế thì là giọng chung của nước Việt Nam - Ông thạc sĩ nói vui rồi chậm rãi tiếp - Không biết các *toa* nghe thế nào, chứ *moa* thì nghe rõ là tiếng Nghệ. Tiếng Nghệ pha tiếng các nơi khác. Vì Ông Cụ đã đi nhiều nước, ở nhiều nơi. Ngay như *moa* cũng vậy.

- *Toa* vẫn cho Cụ Hồ là Nguyễn Ái Quốc? - Ông tiến sĩ luật hỏi.

- Không phải là cho, mà *toa* tin chắc như thế. Vì ở nước ta còn có ai giỏi hơn ông Nguyễn Ái Quốc.

Ông tiến sĩ luật phác một cử chỉ không tin:

- Biết đâu đấy, nước Nam ta thiếu gì anh tài. Thời đại nào có anh hùng của thời đại ấy. Ngày xưa thì sau Trần Hưng Đạo, có Nguyễn Trãi, Quang Trung. Từ ngày Pháp sang thì hết Thủ Khoa Huân đến Phan Đình Phùng, Tán Thuật, Hoàng Hoa Thám, rồi Phan Bội Châu, Nguyễn Thái Học...

Ông giáo sư trường Y nói xen vào:

- Lúc đầu *moa* cũng nghĩ ông Hồ Chí Minh là Nguyễn Ái Quốc, nhưng sau nghĩ lại Nguyễn Ái Quốc là một lãnh tụ cộng sản nổi tiếng thế giới, được mọi người khâm phục, việc gì ông ấy phải đổi tên.

Ông thạc sĩ giải thích:

- Người cộng sản nào mà chả có vài ba cái tên. Ngay như Lê-nin cũng có phải tên thật là Lê-nin đâu.

Ông kỹ sư hoá đứng về phía ông giáo sư:

- Nhưng đây là khi còn hoạt động bí mật, phải giấu tung tích của mình để trốn tránh mật thám, chứ bây giờ cách mạng thành công rồi, còn sợ gì mà phải giấu giếm.

Ông thạc sĩ tấn công lại ngay:

- Thế sao cách mạng Nga thành công rồi mà Lê-nin vẫn giữ cái tên chiến đấu của mình?

Ông giáo sư trường Y có vẻ suy nghĩ một lát rồi nhỏ nhẹ:

- Cứ lấy lý mà suy thì học thuyết của cộng sản là đấu tranh giai cấp, là chuyên chính vô sản, dùng giai cấp vô sản để chuyên chính các giai cấp khác: Nhưng *moa* hỏi Tạ Quang Bửu về ông Hồ thì *lúy* nói: đã gần nửa năm được làm việc gần Ông Cụ, chưa bao giờ *lúy* được nghe Ông Cụ nói một tiếng về những vấn đề trên, mà lúc nào cũng chỉ thấy Ông Cụ lo lắng làm thế nào để giữ được nước, làm thế nào cho dân khỏi phải đói khổ, khỏi bị thất học.

Bác sĩ Luyện từ nãy vẫn ngồi yên, lúc ấy mới nói:

- Còn cần phải nhìn vào việc làm nữa. Mà việc làm của Cụ Hồ từ khi thành lập Chính phủ đến nay thì đúng như Bửu *lúy* nói. Như thành phần trong Chính phủ chẳng hạn, số bộ trưởng là đảng viên cộng sản chỉ chiếm không quá một phần ba, còn thì là những người ở các đảng phái khác, hoặc không đảng phái. Như Nguyễn Văn Tố, Nguyễn Mạnh Hà, Đặng Phúc Thông, Vũ

Hồng Khanh... Nghe nói nay mai còn mở rộng hơn nữa để thành lập một chính phủ gọi là Chính phủ lập hiến - Bác sĩ quay lại phía ông thạc sĩ - Chắc thế nào Việt Minh họ cũng lại mời *toa* tham gia.

Ông thạc sĩ khẽ lắc đầu:

- Không đâu. Vì lần trước *moa* đã trả lời dứt khoát: chỗ ngồi của *moa* là ở trong phòng nghiên cứu, chứ không phải ở trong Chính phủ.

- Chưa Victoire finale (thắng lợi cuối cùng) đâu. Bữa *luty* cho biết tình hình còn gay go lắm. Pháp đã chiếm được một số tỉnh ở miền Nam, Tàu thì phá phách ở ngoài Bắc, lại còn các đảng phái thân Tàu, thân Pháp đang âm mưu lật đổ Chính phủ Việt Minh. Theo ý *moa*, nếu được mời *toa* nên ra làm việc. "Quốc gia hưng vong thất phu hữu trách kia mà! Nghĩ vậy nên khi ông Hồ Chí Minh giao cho *moa* khôi phục cái trường Y, *moa* nhận ngay.

- *Moa* giúp nước bằng cách khác - Ông thạc sĩ nói - Bằng công trình nghiên cứu của *moa*. Trước mắt là tập Folklore (Văn học dân gian) Việt Nam...

Ông tiến sĩ luật vội ngắt lời:

- Này, các *toa* đi xa quá rồi đấy, chúng ta đang nói chuyện về ông Hồ Chí Minh, đang cần biết ông Hồ là ai kia mà - Ông quay lại phía tôi - Thế nào, ông cán bộ Việt Minh? Sao không thấy ông phát biểu gì thế? Các ông Việt Minh là bí mật lắm.

Không phải vì tôi muốn giữ bí mật, mà vì không hiểu ý của trên thế nào, vì có lần Bác đã nói với anh em: "Mình cũng ví như người đàn bà chửa, người ngoài trông thấy khắc biết, hà tất phải vỗ bụng nói: tôi chửa đây". Tôi còn đang nghĩ cách biện bạch thì người nhà đã bê khay rượu và mang bánh trái ra, ông Luyện liền đứng dậy nói:

- Xin lỗi các vị, chúng ta hãy nâng chén mừng năm mới đã. Tết này là Tết độc lập đầu tiên của nước ta. Lần đầu tiên chúng

ta được ăn một cái Tết thật sự vui vẻ, hạnh phúc. Vinh quang này trước hết thuộc về Chủ tịch Hồ Chí Minh, người đã lãnh đạo toàn dân đứng dậy chống đế quốc Pháp và phát-xít Nhật, giành lại non sông gấm vóc. Dù ông Hồ Chí Minh là Nguyễn Ái Quốc hay là ai đi nữa thì chúng ta cũng rất sung sướng và tự hào có được một lãnh tụ vĩ đại như ông.

Mọi người cùng cạn chén, rồi không ai bảo ai, tất cả cùng hướng lên tấm ảnh Bác Hồ treo ở trên tường trầm ngâm một lúc lâu.

*

* *

Mấy năm sau, cũng vào dịp Tết, được dự một lớp học về cải cách ruộng đất của các nhà trí thức ở Việt Bắc, tôi đã gặp lại ở đây mấy ông bạn cũ của bác sĩ Luyện. Chỉ thiếu có bác sĩ đã hy sinh trong những ngày đầu kháng chiến, và ông thạc sĩ nghe nói đã rời nước ta sang Pháp. Lúc này mọi người đều đã biết Bác Hồ là ai rồi, không ai còn thắc mắc gì nữa, vì đều đã nhận thấy ở Bác lòng yêu nước và chủ nghĩa xã hội đã nhuần nhuyễn thành một thể thống nhất.

MỘT LẦN TÔI ĐƯỢC BÁC HỒ BẢO HÁT ĐÀO VŨ

Có một lần, và cũng chỉ một lần duy nhất ấy trong đời tôi, Bác đã bảo tôi hát.

Tôi đã hát.

Nghe xong, Bác mãi vẫn không nói gì.

Tới nay đã hơn năm mươi năm qua, làn điệu cũng như lời của bài hát ấy tôi không còn nhớ. Nhưng, tôi không những còn hình dung ra được, mà vẫn như đang còn sống trong tiềm thức những giây phút của sự lặng thinh ấy.

... Những năm kháng chiến chống Pháp, tôi công tác ở một cơ quan Trung ương, đóng trong rừng sâu khu căn cứ địa Việt Bắc, gọi là “An toàn Khu” (A.T.K) thuộc tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang. Một lần khoảng thời gian đầu của cuộc kháng chiến, tôi phải qua Đèo Gie sang làm việc với bên Bộ Nội vụ. Tuy cùng ở trong A.T.K, nhưng làm việc xong thì trời đã tối, tôi không về được, đành ngủ lại đêm ở cơ quan Bộ.

Đang mùa đông, một đồng lửa được đốt lên giữa nhà, lửa sáng lại đỡ rét. Già trẻ ở cơ quan bộ quây quần, chuyện trò.

Bất thành linh, Bác Hồ bước vào, trong sự rất đổi vui mừng, có phần ngạc nhiên của tôi. Nói sự ngạc nhiên của tôi bởi vì tôi có được biết Bác ở đâu, từ đâu tới, lại đêm hôm rét mướt thế này! Mãi đến mấy năm trước đây, tôi mới có dịp lên thăm lán Nà Lừa và những nơi, những hầm Bác đã ở thời kháng chiến chống Pháp. Lán ấy, hầm ấy, nước nơi ấy, thời kháng chiến, tôi chưa được đến bao giờ.

Nay được biết, mới hình dung ra có thể là rất gần cơ quan Bộ Nội vụ khi xưa ấy. Ngạc nhiên nhưng đâu dám hỏi ai. Chỉ còn biết vui mừng bất ngờ được gặp Bác, thấy Bác hiện ra như một ông tiên trong truyện cổ!

Bác xuất hiện thành linh như tiên, nhưng lại chan hòa nhập cuộc rất xuề xòa với đám các bác và anh chị em chúng tôi đang ngồi quanh đồng lửa. Hình như Bác chỉ sang chơi, không có công việc gì to tát. Cho nên, Bác còn hỏi, có lửa sao không hát lên cho vui nhà, vui rừng? Mọi người còn đang ngơ ngác, chưa biết bắt đầu từ đâu làm theo lời Bác. Thì Bác đã nhìn quanh một lượt rồi chỉ vào tôi và bảo: “Chú trẻ tuổi nhất, phải hát trước”.

Chưa hết bất ngờ nọ đã đến bất ngờ kia. Chưa hết bàng hoàng, bối rối gặp Bác, lại được Bác chỉ định ngay như vậy, tôi biết làm sao bây giờ! Đưa mắt tìm sự cầu cứu xung quanh, ở người quen biết thì Bộ trưởng Trần Duy Hưng, đồng lý sự vụ Trần Hữu Dục, đồng lý văn phòng Phạm Khắc Hòe... còn nhìn thúc giục tôi thêm.

Cho đến bây giờ, tôi vẫn không thể hiểu đầu óc tôi lúc ấy nghĩ gì và nghĩ thế nào, để rồi thưa với Bác xin hát bài *Tiếng công quân y*. Tôi còn mang máng hình như khi ấy tôi vừa học được, lòng dạ đang còn phập phồng với bài hát mới. Thế là tôi đã thể hiện bài hát với tất cả niềm cảm xúc của mình. Và hình như cũng đạt hay sao ấy? Ai nấy lắng nghe. Bác Hồ cũng lắng nghe.

Bác nghe với một vẻ mặt thật bình tĩnh. Nghe hết bài rồi, Bác vẫn bình thản và... không nói gì.

Giây phút qua đi, cũng không ai còn nói gì. Sự lặng thinh làm tôi chợt dạ, một thoáng rất nhanh, tôi tự ý ngắt lại bài vừa hát. Bài *Tiếng công quân y* lời kể lại và phục hiện không khí một trạm quân y giữa rừng, mỗi khi có một thương bệnh binh không cứu được phải qua đời, hồi công rền rĩ vĩnh biệt đồng đội và làm rung lên lòng người chiến sĩ ốm yếu, xa nhà.

Bác Hồ nghe mà chưa nói ngay. Giây lát sau, Bác mới hỏi: Sao chú hát một bài buồn đến thế?

Bác hỏi bằng một giọng rất âm áp. Bác có ý nghiêm, nhưng lại rất hiền từ, độ lượng. Ở tuổi nông nổi, và trong bầu không khí thân tình ấy, một cách loanh quanh, trong có ý muốn thừa, muốn cãi: trước sự phải vĩnh biệt đồng chí của mình, sự hy sinh của đồng đội, làm sao mà không buồn được! Tôi áp ứng, không dám nói rõ, nhưng Bác hình như quá hiểu điều tôi nghĩ trong bụng.

Người càng tỏ ra âm áp và độ lượng hơn nói lời giảng giải, bảo ban mà như tâm sự. Để cho tôi nghe mà cảm nhận được rằng, vui buồn là tình cảm tự nhiên của con người. Người cách mạng cũng vui buồn như mọi người, trước sự mất mát, sự hy sinh của đồng chí, đồng đội, đau buồn là thường tình, mà còn chính đáng, cao cả nữa chứ. Nhưng điều cần biết và phải biết là, làm sao làm chủ được tình cảm của mình, khi cần, phải chế ngự được tình cảm của mình. Vui cũng như buồn đều phải xem là để làm gì. Nói sự buồn mà đến buồn rũ xuống, buồn không còn muốn sống, (chưa nói sống để chiến đấu) thì sự buồn ấy có đáng không, có nên chăng? Nghệ thuật có chân lý của nó; có tác dụng dẫn dắt của nó, nghệ thuật biểu hiện sự buồn vui như thế nào đó mới là nghệ thuật chân chính.

Tôi không làm sao ghi được từng lời của Bác. Nhưng ý của Bác thì cho dù đã nửa thế kỷ qua đi rồi, tôi vẫn định ninh trong dạ. Một việc nhỏ lại bao hàm một chân lý lớn. Những lời nói nhẹ nhàng nhưng ý tứ sâu xa, có sức vang vọng và chấn động lâu dài.

Quả thực mấy chục năm, tôi đã quên hẳn mất lời và điệu bài hát. Chỉ còn nhớ được tên bài *Tiếng công quân y* để nhiều lần hỏi các bạn nhạc sĩ. Tôi muốn trở lại tìm hiểu rõ hơn tác giả và tác phẩm ấy để được lĩnh hội cho sâu bài học, thấm nhuần cho kỹ lời dạy của Bác. Tiếc thay, không gặp được bạn nhạc sĩ nào biết và còn nhớ bài hát.

Tình cờ vừa mới đây, một bạn nhà thơ đã cho tôi mượn cuốn sách “Tây Tiến 50 năm nhìn lại”. Trong sách đã chép một cách đầy đủ tác giả lời thơ và bài hát là Như Trang. Anh vốn là một đại đội trưởng thuộc đoàn quân Tây Tiến năm 1947. Anh bị thương phải nằm điều trị tại Quân y xá Trung đoàn 52 Tây Tiến. Chính thời gian này, anh đã sáng tác bài hát, bài *Tiếng công quân y* đã ra đời đồng thời với những câu thơ Tây Tiến vẫn còn day dứt đến giờ của Quang Dũng:

*Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi*

...

*Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm*

...

*Tây Tiến người đi không hẹn ước
Đường lên thăm thẳm một chia phôi*

Từ người bạn đồng nghiệp thân thiết Quang Dũng, tôi kính trọng hình ảnh cuộc đời của đại đội trưởng Như Trang, người đã đổ máu bị thương nơi Mường Bi của Tây Bắc.

Từ nỗi buồn day dứt của những câu thơ Quang Dũng, tôi cảm thông đọc lại những dòng thơ - lời bài hát bài hoai của Như Trang mà tôi đã từng hát với sự chân thành quá ấu trĩ của mình:

*Anh nghe... những hồi công rên rĩ
Tiếng công rên cây lạng run run*

...

*Công âm y từng đợt tiếng lâm ly
Tới tai người chiến sĩ ốm yếu xa nhà
Lòng run lên công đưa một đồng chí quá đói
Nơi quân y đã bao lần công rên rĩ*

Và từ tất cả những cái đó, tôi suy ngẫm về những lời dạy bảo của Bác, những lời đã ăn sâu vào tận nơi sâu thẳm của lòng mình.

Như Trang cũng như Quang Dũng đều đã qua đời. Tôi không bao giờ có cơ hội được hàn huyên với hai anh câu chuyện kể trên! Đối với tôi, một lần được Bác Hồ bảo hát, một lần được hát Bác nghe, thêm một lần được nghe Bác nói, đã trở thành kỷ niệm đời người, đã trở thành son sắt.

Hà Nội, tháng ba năm 2000

TẬP THƠ CHÉP TẶNG BÁC HỒ

TRẦN ĐĂNG KHOA

Tôi thực sự cảm động và bất ngờ khi được tin Bảo tàng Hồ Chí Minh phối hợp với Nhà xuất bản Giáo dục công bố tập thơ **Từ góc sân nhà em** (tập thơ chép tặng Bác Hồ) của tôi nhân dịp kỷ niệm 116 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Từ góc sân nhà em là tập thơ đầu tay của tôi gồm 52 bài viết trong năm học lớp hai. Tôi lọc ra 20 bài mà hồi đó tôi thích nhất rồi chép tặng Bác Hồ nhân dịp sinh Nhật Bác tháng 5 năm 1968.

Đối với lũ trẻ con chúng tôi thời bấy giờ, Bác Hồ rất gần gũi và thân thiết. Vì thế, làm được điều gì tốt lại viết thư khoe với Bác. Thậm chí có đứa bị bố mẹ mắng cũng viết thư mách Bác Hồ.

Ở lớp tôi có phong trào “Làm nghìn việc tốt”, các bạn viết thư kể cho Bác nghe chuyện mình nhất được của rơi đem trả lại người mất, chuyện làm phân xanh, chuyện mang lá ngụy trang ra trận địa pháo cho các chú bộ đội. Còn tôi, cô giáo bảo làm thơ cũng là việc tốt, hãy kể cho Bác nghe chuyện làm thơ của mình và chép thơ tặng Bác Hồ...

Tập thơ của tôi gửi ở thùng thư bưu điện xã cùng với nhiều thư của bạn bè tôi. Ngoài bì thư vền vện có mấy dòng:

“Cháu Khoa

Kính dâng Bác Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Cháu nhờ các bác, các chú chuyển giúp cháu”.

Rồi thời gian qua đi và tôi cũng quên dần, vì cứ nghĩ tập thơ còn con với địa chỉ như thế khó mà đến tay Bác được. Bởi thế, tôi rất ngạc nhiên khi Bảo tàng Hồ Chí Minh thông báo cho tôi là tập thơ chép tay hồi ấy đang được Bảo tàng Hồ Chí Minh lưu giữ.

Bây giờ đọc lại, tôi vô cùng xúc động. Đây là bản thảo chép tay duy nhất còn lại của tôi. Tập sách mỏng nhưng có quá nhiều lỗi chính tả, câu chữ lại ngô nghê. Vậy mà dám chép tặng Bác Hồ. Tôi cũng không hiểu sao mình lại liều lĩnh đến thế?

Những bức thư trong tập sách này, có thể bạn đọc cũng đã biết, vì ít nhiều chúng đã có mặt trong các bản in thơ tôi. Nhưng đây là văn bản đầu tiên, nên một số câu chữ còn vụng dại. Sau này tôi đã chỉnh sửa trong quá trình đăng báo và in sách.

Hà Nội, tháng 5/2005

BÁC HỒ TẬP KIỀU, LẤY KIỀU

NGUYỄN THANH TÚ

Truyện Kiều của đại thi hào Nguyễn Du đã đi sâu vào tâm hồn tính cách, tâm lý người Việt Nam, chính vì thế mà hầu như từ những người có học đến những người không biết chữ đều thuộc Kiều, không ít thì nhiều. Bác Hồ rất thuộc và hiểu Kiều, Người tập Kiều, lấy Kiều rất đúng hoàn cảnh, trí tuệ mà hóm hỉnh. Theo tác giả Trần Lam, năm 1928 Bác từ châu Âu về tới nước Xiêm. Một tối Bác nghe thấy một người mẹ ru con bằng Kiều. Sáng hôm sau, lúc đi đường, với một giọng âu yếm Bác bảo tôi:

Xa nhà chốc mấy mươi niên

Tôi qua nghe giọng mẹ hiền ru con!

Mỗi khi đi đường xa, Bác thường bảo chúng tôi ngâm Kiều, đọc *Chinh phụ ngâm*, hoặc kể chuyện để cho đỡ mỏi. Kinh nghiệm ấy ngày càng được nhiều người áp dụng” (*Chuyện giả mà có thật*, báo *Nhân dân*, số 2242, ngày 9-5-1960 in trong cuốn *Bác Hồ* - Nxb Văn học, 1960, tr.110).

Tập Kiều - một cách tập cổ - vốn là thú chơi tao nhã của người thời xưa, là cách tập hợp các câu thơ có sẵn của người đời trước ghép lại thành bài thơ theo ý mới. Lấy Kiều là cách lấy ra một câu hoặc cặp câu trong *Truyện Kiều*, có thay đổi chút ít để biểu hiện một nội dung mới phù hợp với ngữ cảnh mới. Như vậy tập Kiều mang tính chất mô phỏng, còn lấy Kiều thì thường là lấy ra những câu có trong Kiều. Các dẫn chứng trong bài, ngoài những chú thích ghi rõ xuất xứ, còn lại chúng tôi lấy từ *Hồ Chí Minh toàn tập* - Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 1996, 2004.

Bác Hồ tập Kiều, lấy Kiều rất đa dạng về sắc thái hoàn cảnh, ở bài viết ngắn này chúng tôi xin chỉ đi vào lĩnh vực trữ tình biểu lộ tâm trạng, trong ngoại giao, trong giao đãi bạn bè vui vẻ.

Đầu năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh bí mật đi thăm Trung Quốc và Liên Xô, ngày 11-3-1950 trên đường từ Bắc Kinh về nước Bác có bài thơ *Ly Bắc Kinh* (Rời Bắc Kinh):

*Ký Bắc thiên tâm huyền hạo nguyệt,
Tâm tùy hạo nguyệt cộng du du.
Hạo nguyệt thùy phân vi lương bán?
Bán tùy cữu hữu, bán chinh phu.
(Trời Ký Bắc treo vàng trăng rọi,
Lòng theo trăng vời vợi sáng ngời.
Vàng trăng ai xẻ làm đôi?
Nửa theo bạn cũ, nửa soi lẽ hành)*

Phan Văn Các dịch - (Tập 6, tr. 19)

Ai cũng thấy Bác tập Kiều, khi Thúc Sinh đang nồng nàn với Kiều thì phải chia tay: *Người lên ngựa, kẻ chia bào.../ Người về chiếc bóng năm canh/ Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi.* Không gian vật lý đã trở thành không gian tâm lý: *Vàng trăng ai xẻ làm đôi/ Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.* Bác Hồ đã tái hiện lại không gian chia ly nhớ nhung luyến tiếc nhưng dĩ nhiên với một tâm lý, hoàn cảnh khác:

*Vàng trăng ai xẻ làm đôi?
Nửa theo bạn cũ, nửa soi lẽ hành*

Trong Kiều có hai câu tràn đầy niềm tin vui của Kiều khi gặp lại Từ Hải: *Đến bây giờ mới thấy đây/ Mà lòng đã chắc những ngày một hai* (câu 2283, 2284) được Bác lấy trong *Lời chào mừng Chủ tịch Lưu Thiếu Kỳ* tại sân bay Gia Lâm ngày 10-5-1963: “Từ lâu, nhân dân chúng tôi mong đợi Lưu Chủ tịch sang thăm Việt Nam. Hôm nay được đón tiếp đồng chí Chủ tịch và các đồng chí, lòng chúng tôi vô cùng sung sướng. Thật là:

*Đến bây giờ mới thấy đây,
Mà lòng đã chắc những ngày một hai.*

Thay mặt nhân dân Việt Nam, Đảng Lao động và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tôi xin nhiệt liệt chào mừng đồng chí Chủ tịch kính mến, một vị lãnh tụ lỗi lạc của nhân dân và Đảng Cộng sản Trung Quốc vĩ đại, một chiến sĩ xuất sắc của phong trào cộng sản quốc tế” (Tập 11, tr 64). Cũng từ hai câu Kiều này, chào mừng Tổng thống Xêcu Turê của nước Cộng hòa Ghinê, do hoàn cảnh không gian khác nhau, quan hệ giữa nước ta và Ghinê còn mới mẻ khác với quan hệ giữa ta và Trung Quốc đã lâu đời lại gần gũi về văn hóa, Bác tập Kiều:

Bây giờ mới gặp nhau đây,

Mà lòng đã chắc những ngày thanh niên! (Tập 10, tr 209)

Kiều cùng Từ Hải “Nửa năm hương lửa đang nồng” thì Từ Hải phải lên đường, Thúy Kiều ở lại ngóng về Từ: *Cánh hồng bay bổng tuyệt vời/ Đã mòn con mắt, phương trời dăm dăm!* (câu 2247, 2248). Hoàn cảnh này, tâm trạng này được Bác Hồ tập trong hoàn cảnh tiễn Tổng thống Xucác-nô tại sân bay Gia Lâm:

“Thưa Tổng thống kính mến,

Thưa các vị và các bạn,

Thời gian Tổng thống lưu lại ở Việt Nam chúng tôi lần này quá ngắn ngủi! Nhưng vì Tổng thống đi vắng đã hơn hai tháng, nhân dân Indônêxia nhớ nhung và chờ đợi lãnh tụ kính mến của họ, một ngày dài như ba thu. Thật là:

Cánh hồng bay bổng tuyệt vời,

Trông mòn con mắt, phương trời dăm dăm!

Vì vậy, nhân dân Việt Nam không tiện yêu cầu Tổng thống ở lại với chúng tôi lâu hơn nữa. Chúng tôi ước ao rằng lần sau đến thăm Việt Nam, Tổng thống sẽ ở lại lâu hơn gấp mấy lần này.

Bây giờ khó mà tả được tình quyến luyến của nhân dân Việt Nam đối với Bung Các-nô:

*“Nhớ nhung trong lúc chia tay,
Tấm lòng lưu luyến cùng bay theo Người.
Người về Tổ quốc xa khơi,
Chúc Người thắng lợi, chúc Người bình an”*

(Tập 9, tr 479). Bác chỉ thay một chữ *Đã* trong Kiều bằng từ *Trông* để diễn tả tấm lòng mong ngóng, trông ngóng từng giờ của nhân dân Indônêxia nhớ nhung và chờ đợi lãnh tụ kính mến của họ. Thật là một sự ca ngợi kín đáo mà tinh tế!

Thúc Sinh tạm biệt Thúy Kiều, họ nâng ly rượu tiễn đưa: *Chén đưa nhớ bữa hôm nay/ Chén mừng xin đợi ngày rày năm sau* (câu 1517,1518). Tập câu Kiều thật hợp với hoàn cảnh Bác tiễn đoàn đại biểu Đảng Cộng sản và chính phủ Tiệp Khắc:

*Tiền đưa nhớ buổi hôm nay,
Mối tình đoàn kết, càng ngày càng sâu,
Xa nhau lòng vẫn gần nhau.
Chén mừng xin đợi ngày rày năm sau* (Tập 11, tr16).

Tuy không nói ra nhưng ai cũng hiểu cái ý vị kín đáo, hóm hỉnh của Bác gửi vào câu Kiều sau: *Chén mừng xin đợi ngày rày năm sau*, mong đợi ngày gặp lại!

Trong màn đoàn viên, Kim Trọng nghe Thúy Kiều đánh đàn. Chàng rằng: *Phổ ấy tay nào/ Xưa sao sâu thảm, nay sao vui vầy?/ Tẻ vui bởi tại lòng này/ Hay là khổ tận đến ngày cam lai?* (câu 3207...3210). Tiếng đàn Kiều khác xưa vì cuộc đời Kiều khác trước, lời nhận xét của Kim Trọng về tiếng đàn được nâng lên thành một nhận định phổ quát về cuộc đời, đầy niềm tin, ấm áp, ân tình. Bác Hồ lại mượn ngay chính lời chàng Kim để tập trong bài thơ gửi nữ sĩ Hằng Phương, chan chứa tình đời, trĩu nặng nghĩa ân:

*Cảm ơn bà biếu gói cam,
Nhận thì không đúng, từ làm sao đây!
Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,
Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai?*

Tháng 1 năm 1946 (Tập 4, tr 168).

Bài thơ Bác làm vào tháng 1 năm 1946 khi Cách mạng tháng Tám vừa thành công, nước cộng hòa non trẻ của chúng ta vừa ra đời, hẳn nhiên còn phải vượt qua biết bao ghềnh thác. Thế mà bài thơ đã mang một không khí lạc quan, dĩ nhiên cả đất nước này còn “khô tận” nhiều nhưng “đến ngày cam lai” là tất yếu. Tình người, niềm tin vào hạnh phúc trong bài thơ của Bác còn toát ra từ lối tập Kiều ý vị, ai cũng biết câu Kiều ấy là ở màn đoàn viên sum họp, Bác chỉ thay hai chữ *Hay là* của Kim Trọng bằng hai chữ *Phải chăng* còn nhiều dự cảm. Đúng thế, vì khi ấy cả đất nước ta đang ngón ngàng trăm mối mối lo đối phó với thù trong giặc ngoài!

Bác Hồ là người giàu tình thương yêu nên không ngẫu nhiên mà Người rất thích tập hoặc lấy câu Kiều: *Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình*, trong câu 3069, 3070: *Những là rày ước mai ao/ Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình* trong màn đoàn viên. Điều này phần nào chứng minh tâm lòng ấm tình yêu thương con người, niềm hy vọng về con người luôn được đoàn tụ hạnh phúc, sum vầy ở Bác Hồ:

- *Quân ta công trạng lớn lao,
Mười năm lịch sử biết bao nhiêu tình! (Tập 7, tr 412)*
- *Phe địch xuống dốc, phe ta lên cao,
Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình. (Tập 10, tr 174)*
- *Đảng như biển cả non cao,
Băm ba năm ấy biết bao nhiêu tình! (Tập 11, tr 21)*
- *Công đức Đảng ta như biển rộng núi cao,
Ba tư năm ấy biết bao nhiêu tình! (Tập 11, tr 202)*
- *Trong mười năm bấy nhiêu tình,
Nước mình mình cứu, dân mình mình yêu (Tập 5, tr 623).*
- *Đảng ta như biển rộng núi cao,
Băm năm năm ấy biết bao nhiêu tình! (Tập 11, tr 371)*

Câu thứ hai mà Người thích lấy là câu mở đầu của Truyện Kiều:
Trăm năm trong cõi người ta:

- *Trăm năm trong cõi người ta,
Cần kiệm xây dựng nước nhà mới ngoan.*
- *Mừng Xuân, Xuân cả thế gian.
Phải đâu lãng phí cổ bàn mới Xuân. (Tập 10, tr 39)*
- *Trăm năm trong cõi người ta
Giàu lòng bác ái, ấy là người Việt Nam! (Tập 10, tr 625)*
- *Trăm năm trong cõi người ta,
Bên chính ắt thắng, bên tà ắt thua (Tập 9, tr 463)...*

Có thể lý giải thế này chăng: là người Việt Nam thì có lẽ ai cũng thuộc cũng nhớ câu mở đầu của thiên truyện bất hủ ấy, Bác Hồ lấy câu ấy để nhắc mọi người nhớ về Truyện Kiều, giàu tình thương yêu như cô Kiều, như Nguyễn Du?!

THÁNG NĂM NHỚ BÁC

LÊ MINH

Một kỷ niệm luôn luôn thức dậy trong tôi, và mỗi lần nghĩ đến lại hiểu sâu thêm những gì đã chứng kiến.

Năm ấy, cơ quan T.Ư Hội LHPNVN cũng đồng thời là cơ quan Ban Phụ vận T.Ư mà chị Hoàng Ngân là bí thư đầu tiên. Chúng tôi được lệnh của T.Ư chuyển về vùng đồng bằng, để phòng giặc Pháp có thể lại tấn công lên Việt Bắc như thu đông năm trước. Vì vậy khi nhận được triệu tập của T.Ư về họp Hội nghị cán bộ toàn quốc năm 1948, chúng tôi phải đi bộ từ đồng bằng lên Việt Bắc, len lỏi qua cả những vùng địch chiếm, vượt sông Hồng để lên An toàn khu. Thời gian đi, gặp nhiều trắc trở nguy hiểm, nên gần một tháng sau chúng tôi mới đến được địa điểm họp. Họp xong Hội nghị cán bộ, ở lại họp tiếp Hội nghị Văn hoá toàn quốc. Giữa hai Hội nghị này có một ngày nghỉ.

Chiều ấy, đồng chí Hoàng Quốc Việt bảo chúng tôi làm thịt con gà vì có khách. Chúng tôi cùng hí húi trong bếp. Vừa xong, tôi ra đứng cửa lán nhìn ngắm núi rừng. Đột nhiên giữa những lùm cây xanh muốt vọng tiếng vó ngựa. Và tôi giật mình, thảng thốt. Bác. Bác Hồ. Tôi không reo lên được vì quá bàng hoàng và bị cuốn hút vào bóng dáng Bác. Bộ quần áo nâu, khoác ngoài là chiếc bôludông chiến lợi phẩm màu xám nhạt. Bác xuống ngựa, thông thả dắt ngựa rẽ vào lùm cây. Tôi không hiểu là mình được nhìn thấy Bác thật, hay là sức tưởng tượng. Nhưng ngay lúc ấy, tôi nghe tiếng đồng chí Hoàng Quốc Việt gọi:

- Nào các chị, khách đến rồi.

Bác bước vào lán.

Chúng tôi trải chiếu xuống đất, dọn mâm bát. Bác bảo chúng tôi ngồi cùng. Bữa cơm, Bác gấp thức ăn cho chúng tôi và hỏi thăm sức khỏe. Mọi điều thưa với Bác đã có chị Hoàng Ngân. Còn tôi, như trong giấc mơ, chỉ biết nhìn mà không nói.

Xong cơm, Bác về bên cơ quan. Nhưng thật không ngờ, đồng chí Hoàng Quốc Việt lại gọi chúng tôi. Một đồng lửa củi gộc thấp sáng giữa nhà cơ quan và Bác đã ngồi đó. Trong ánh lửa bập bùng, các đồng chí trong cơ quan cũng đã quây quần. Và tôi càng không hiểu đây là thật hay mơ.

Bác bảo:

- Nào hát đi cho vui. Cô trẻ tuổi nhất, hát trước. Bác chỉ tôi. Tôi bật ngay lên câu hát. Bởi ở cơ quan, tôi vẫn được các chị gọi là "cây hát".

- *Quay quay, thương nhớ luyến vào thơ. Quay quay, khâu áo ấm cho chàng. Mỗi đường tơ là mỗi dây tình, em dâng người hiên ngang...* Thưa Bác, cháu chỉ nhớ đến đây thôi ạ.

Bác cười:

- Thế cô có biết quay tơ không?

Tôi vụt bừng tỉnh. Tôi đương ngồi cạnh Bác thật.

Sớm hôm sau, tôi đương gập màn thì Bác đã bước vào:

- A, Bác bắt quả tang, cô dậy muộn nhá.

Tôi đã mạnh dạn:

- Thưa Bác, đêm qua cháu mới thật được ngủ. Một tháng đi trên đường, chúng cháu có được ngủ đâu ạ.

- Nhưng trăm nghe không bằng mắt thấy. Nào có muốn chụp ảnh với Bác thì ra đây.

Tôi chạy theo Bác. Bức ảnh chụp với Bác hôm ấy có cả chị Hoàng Ngân, Lê Thu Trà, Hà Giang... cùng trong Ban Phụ vận.

Hội nghị cán bộ cuối năm, Bác lại đến. Bác ngồi trên Đoàn Chủ tịch. Đột nhiên Bác đứng dậy, đi về phía những cán bộ nữ chúng tôi. Bác nhắc:

- Các cô phát biểu đi. Phụ nữ cũng phải biết đấu tranh.

Những câu được nghe Bác nói, sao vang lên mãi trong đời tôi cho đến bây giờ:

- Cán bộ không chỉ biết nói, mà phải thực sự biết làm.

- Phụ nữ cũng phải biết đấu tranh.

Sau này nghiên cứu về Bác, về những ý tưởng của Bác, càng suy ngẫm càng hiểu ra những câu Bác đã bảo chúng tôi năm ấy. *"Giải phóng phụ nữ là một bộ phận của sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp". "Phụ nữ Việt Nam, trước Cách mạng chịu mọi áp bức nặng nề của thực dân phong kiến, khổ nhục, không một chỗ nào người phụ nữ thoát khỏi những hành động bạo ngược". "Từ đầu thế kỷ thứ nhất, Hai Bà Trưng đã phát cờ khởi nghĩa đánh giặc cứu nước, cứu dân. Cho đến nay, mỗi khi nước nhà gặp nguy nan thì phụ nữ ta đều hăng hái đứng lên góp phần xứng đáng của mình vào sự nghiệp giải phóng dân tộc". "Nếu không giải phóng phụ nữ thì xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ có một nửa".*

Sau này, khi chuyển sang làm công tác văn học, đi tìm những nhân vật lịch sử để thể hiện vào tiểu thuyết, tôi càng hiểu thêm những ý tưởng của Bác, về vấn đề đấu tranh để phụ nữ đạt sự bình đẳng. Trong những quyết định triệu tập cán bộ, để bí mật đưa ra cơ quan hải ngoại dự các lớp huấn luyện do Bác phụ trách, Bác đều có quy định chặt chẽ: phải có cán bộ nữ. Từ giành được chính quyền, trong khoá Quốc Hội đầu tiên, có những đại biểu là nữ. Đến làm việc với bất kỳ địa phương nào, cơ quan nào, Bác cũng dành thì giờ hỏi về phụ nữ, và có ý kiến để phụ nữ được tiến bộ và bình đẳng. Bác thường dặn chúng tôi: "Phải biết chăm lo cho giới mình tiến bộ. Không ai làm thay được cho phụ nữ".

Lần ấy, trong một chuyến đi công tác về đến Hà Nội, khi xe vào đến ngoại thành, đúng giờ tan học chiều. Học sinh chạy tăn trên đường, ríu rít, trong đó có nhiều học sinh gái. Bác nhìn theo các em. Bỗng thốt một câu:

- Mẹ mình ngày xưa, không được đi học như thế.

HẢI NHƯ VÀ HƠN BỐN MƯƠI BÀI THƠ VỀ BÁC

MINH TÂM

Tôi có một kỷ niệm nhỏ về ông: Lần đầu tiên trong đời tôi biết đến thơ, chính là qua thơ ông. Độ ấy, tôi học lớp 7 trường làng. Nhân dịp sinh nhật Bác, trường tôi mở cuộc vận động sưu tầm về thơ Bác: Mỗi trò phải sưu tầm và nộp trường một bài thơ mình thích nhất viết về Bác. Vì dốt thơ, tôi phải cầu viện bà chị là sinh viên đại học. Thương em, chị đã chép cho tôi bài *Chúng cháu canh giấc Bác ngủ, Bác Hồ ơi* của Hải Như, với những câu thơ trữ tình, thủ thi, thiết tha:

*Chúng ta hãy bước nhẹ chân nhẹ nữa
Trăng trăng ơi, hãy yên lặng cúi đầu
Trọn cuộc đời Bác có ngủ yên đâu
Nay Bác ngủ chúng ta canh giấc ngủ
Hỡi ai đó không được rời đôi ngủ
Theo hàng hai đi lặng lẽ tiến dần
Đừng khóc oà hãy rón rén bàn chân
Bước nhẹ nữa Bác Hồ vừa chợp mắt...*

Vì thế, tôi cứ hình dung rằng, rồi mình sẽ được gặp một ông lão ngoại bát tuần, râu tóc bạc phơ, có phong tư dáng dấp tựa tựa như những ông bụt trong ca dao cổ tích. Nhưng trí tưởng tượng phong phú của tôi đã lầm. Dù cũng tuổi Quý Hợi (1923) và cùng quê Nam Định với cố nhạc sĩ, thi sĩ Văn Cao, nhưng tóc ông vẫn xanh, mắt vẫn sáng, dáng vẫn trẻ.

Xách ra một chai rượu mơ tiếp khách, nhưng vừa cách ly, hóp một ngụm nhỏ, ông lại đã đặt xuống: "Ngọt quá, mình phải uống rượu mạnh". Đoạn ông vào buồng lôi ra một chai nút lá chuối trong vắt như mắt mèo tấm sủi lặn tặn. Và chỉ đến khi tợp hết 3 ly thứ nước trong vắt ấy ông mới bắt đầu câu chuyện.

- "Trước hết phải nói rằng tôi không làm thơ về lãnh tụ mà viết về một con người Hồ Chí Minh. Như câu thơ trong bài thơ *Viết về Người*, tôi viết: *"Viết về Người, tôi không viết về một nhân vật siêu phàm với những câu thơ chải chuốt. Người không cần. Và trước đó không phải là công việc thơ tôi. Làm thơ về Bác, tôi viết về một con người "Như mỗi chúng ta nhưng lại khác chúng ta", tôi không muốn thần thánh hoá lãnh tụ. Bởi theo tôi, lãnh tụ trước hết cũng là một con người rất gần gũi với số đông quần chúng. Và chẳng, không cần các nhà thơ xưng tụng, Bác đã vĩ đại rồi. Các nhà thơ, hãy coi chừng..."*.

- Nghe đồn rằng, ông chưa một lần được gặp Bác, sao mà thơ về Bác ông làm được nhiều thế, những hơn bốn chục bài.

Nhà thơ cầm ly rượu trên tay cách ly với tôi, nhưng không uống mà cứ nhìn vào cái chất nước trong vắt ấy bằng đôi mắt tư lự. Một lúc sau, ông mới thì thầm: "Trong sổ tang Bác tại Paris hồi tháng 9-1969, tôi đã đọc được những dòng chữ của một cụ bà người Mỹ da đen tên là Xolia Xittorao nhà ở số 1301, đường Marenko New York, cụ bà viết: *"Một lãnh tụ có phẩm chất như Người - Hồ Chí Minh chỉ xuất hiện một lần trong thế kỷ. Tôi tiếc rằng Người không sinh ra ở Mỹ, nơi Người có thể đưa nước Mỹ đến sự vĩ đại mới"*. Tôi cho rằng cụ bà người Mỹ này đã "gặp" Bác Hồ của chúng ta. Nhân loại gặp Bác không chỉ đơn giản là sự tiếp xúc, mà chính là "gặp" tư tưởng nhân văn, "gặp" lòng yêu nước, yêu hoà bình và yêu lẽ công bằng của Bác. Có khi ở gần nhau, nhưng chưa chắc đã "gặp" nhau. Dân tộc ta đã chẳng có câu "Đồng sàng dị mộng" đó sao?

Thấy ông đã mạn chuyện, tôi lại "khảo" tiếp: Một số đồng nghiệp của tôi bảo rằng họ chỉ cần đọc của Hải Như một bài,

ví như bài *Chúng cháu canh giấc Bác ngủ, Bác Hồ ơi* đã là quá đủ rồi, thế mà đằng này ông lại lọ mọ đeo đẳng những hơn 30 năm...

Ông nhìn tôi với đôi mắt lim dim của một nhà hiền triết: "Chỉ cần một bài thơ, nhưng tôi lại nghĩ khác: Tôi không muốn "bắt" được và dừng lại bởi sợ bài sau trùng lặp với bài trước. Tôi quan niệm mỗi nhà thơ phải tự vạch cho mình *một con đường thơ* nếu không phải là *một trường phái* cho suốt đời thơ của chính mình. Với tôi, bên cạnh những mảng sáng tác khác về đất nước, tình yêu, đề tài Hồ Chí Minh là vô tận khi thấy lòng mình còn rung động".

Ông tâm đắc với đề tài Hồ Chí Minh là thế, thế mà đã có tờ báo hỏi khéo ông thế này: Đã nhiều năm làm thơ về Bác vậy mà tại sao không có nhà nghiên cứu phê bình văn học nào nhắc đến thơ về đề tài Bác Hồ của ông, cũng chưa có ai nghiên cứu về phương pháp sáng tác thơ Hải Như? Khi ấy ông trả lời ra sao?

Nhà thơ nở một nụ cười độ lượng, đó là nụ cười chỉ thường thấy ở những người từng trải: "Trả lời phỏng vấn của Báo *Người Lao động* thành phố Hồ Chí Minh tháng 5-2001, tôi đã nói rằng: Tôi không sợ sự im lặng của các nhà nghiên cứu, phê bình văn học của chúng ta. Có lẽ họ cần có thời gian. Tôi chỉ sợ sự quay lưng của bạn đọc cả nước. Về điều này, tôi có hạnh phúc lớn. Đi tới đâu họ cũng nhắc đến thơ Bác của tôi...". Vì thế, có một bài thơ tôi viết: *"Đi trên đất nước hôm nay, Tôi không mang theo giấy thông hành. Tôi chỉ với những bài thơ. Giấy thông hành nhà thơ phải do chính nhà thơ, Tự cấp. Vượt mọi thử thách thời gian. Đi vào vĩnh viễn trái tim người"* (Giấy thông hành).

Trong thơ Bác của ông, người đọc bị bất ngờ vì nhiều lúc ông đã "cho" Bác nói hoặc là "cho" Bác làm những điều rất thú vị, ví như *"Giữa những năm chiến tranh, người đọc thơ Whitman khi tiếp nhà báo Mỹ, lấy kéo cắt gai hồng cho một nữ ca sĩ Ý khỏi xước tay"*, hoặc *"Làm nhà yêu nước đủ rồi. Bác cảm ơn."*

Đừng bắt Bác "công" thêm nhà thơ - Người cười vui - Bác mệt". Hoặc "Trước lúc đi xa Bác Hồ căn dặn, Không đáng sợ kẻ thù trước mặt. Sợ Nhất Kẻ thù ẩn náu trong ta". Xin lỗi được hỏi thật: Ông có... "phịa" ra không?

Trước câu hỏi có vẻ xách mé này, nhà thơ vẫn giữ nguyên một nụ cười độ lượng: "Báo Tuổi trẻ thành phố Hồ Chí Minh cũng đã hỏi tôi một câu hỏi tương tự, và tôi đã trả lời: Văn học khác với báo chí ở câu hỏi về tính chính xác này đây. Người làm báo cũng như người làm sử đòi hỏi tuyệt đối chính xác trong các dữ kiện nêu ra; nhưng ở nhà văn nhà thơ, lại đòi hỏi thật hơn cả thật khi tái tạo nhân vật. Tức phải hư cấu, phải tưởng tượng thêm - phần hư cấu, phần thêm này phải đạt tới sức thuyết phục, khiến mọi người phải thừa nhận. Ví như có ai chết mà lại đứng được, ấy thế mà Nguyễn Du lại cho Từ Hải chết đứng nhưng chẳng làm ai thắc mắc. Và nàng Mạnh Khương khóc đến sạt lở một khúc Vạn lý trường thành trong câu chuyện cổ Trung Hoa, mà chúng ta cứ tin... Có điều phải lưu ý nhà thơ, nhà văn chỉ hư cấu trên cái nền của sự thật trong đời sống. Với ví dụ mà chị vừa hỏi *"Đừng bắt Bác "công" thêm nhà thơ, Bác mệt"*, tôi dựa trên một câu chuyện có thật một nửa. Chẳng là khi nghe đài thấy có nhà phê bình tán tụng những câu không phải thơ của Bác. Xưa nay trong nhân gian kêu là "làm vè" mà Bác thường sử dụng. Bác đã nhấn tác giả trao đổi, đại ý là làm vè cũng cần có nghệ thuật, nhưng từ đó lại coi vè là thơ thì thật là khiên cưỡng, gượng ép... Ở Bác chất uy-mua (humour) xúr Nghệ hoà với chất hài hước người Anh - như nhà phê bình văn học quá cố Việt kiều Phan Nhuận phát hiện - đã giúp tôi tìm ra chữ *công*. Sinh thời Quang Dũng rất khoái chữ "*công*" này và cho là "*rất Bác*" - tức thật hơn cả thật. Chuyện với nhà báo Mỹ hay với cô ca sĩ Ý cũng đều dựa trên cái sườn có thật ấy cả" (*Tuổi trẻ Chủ nhật* 18-5-1997 - Thuý Nga thực hiện).

- Bác có bao nhiêu điều vĩ đại nhưng thơ ông viết về Bác, trong suốt cả hơn bốn chục bài rất là những chuyện đời thường,

thường tới mức giản dị, mộc mạc. Ví như khi đứng Bác giữ ý để khỏi lép người sau, khi ngủ chỉ đắp chăn đơn thôi vì e mình quá ấm, đi dép cao su không chỉ vì thói quen giản dị mà vì thương nhiều đứa trẻ chưa có giày đi, là chiếc áo bông cũ có hai mụn vá, Người vẫn mặc khi tiếp người thân, là việc Bác chọn người cắt băng khánh thành Nhà máy dệt 8-3 Hà Nội không phải quan chức cấp cao mà là người lao động giỏi nhất công trường... là cái sự làm sao?

Người làm thơ - các thi sĩ từ nghìn xưa đều ý thức về quyền lực thơ ca và quyền uy thi sĩ - Tôi viết một con người Hồ Chí Minh như thế là để mọi người liên hệ tự vấn lương tâm soi vào Người mà hoàn thiện chính mình: *"Rất nhiều lúc ta cần. Được thấy Bác nghiêm nhìn ta - tư lự - Và được thấy cả lúc Người giận chứ? Lặng lẽ ngoảnh đi"* (Ta tự hiểu với mình). *"Tôi viết về những tháng năm và cuộc đời. Không chỉ có niềm vui - Mà còn cả nỗi buồn - tôi - đang - sống - Mỗi mỗi công việc nhà thơ: Thức tỉnh con người"* (Viết về Người).

Tôi thắc mắc: "Trong bài *Áo thuở hàn vi* ông viết như là kể chuyện: *"Khi tiếp khách người thân, Bác vẫn khoác chiếc áo bông sờn (...)"* rồi bất ngờ liên tưởng: *"Áo thuở hàn vi", Bác Hồ vẫn quý, Nhiều chúng ta lãng phí cả... con người"*! Có vẻ triết lý quá chăng? Cao đạo quá chăng?

Ông cười: Thơ ca xét đến cùng sở dĩ tồn tại đời này qua đời khác là bởi trong thơ có triết, nhà thơ phải vươn lên là một nhà tư tưởng.

Nhân nói đến triết học, tôi chợt nhận ra rằng con người ông và thơ ông không cùng trong một "cặp phạm trù": con người thì hiền khô, cởi mở, điềm đạm, không ồn ào và rất dễ tiếp xúc, còn thơ ông thì "dấn thân", một mình khai phá một lối đi: gò ghề, gân guốc, góc cạnh và nhất là luôn luôn đòi "tranh cãi" với tất cả. Tôi nhân nhá: "Xin được hỏi một câu ngoài văn chương: Có người nói ông không biết sợ gì vì ông không có... mặt. Sự ấy

đúng hay sai?”. Ông "độp" lại ngay: "Đúng là hiện nay tôi không có mặt vì đã bị cắt từ sau ngày kháng chiến chống Pháp. Không có mặt đúng là không có cái đề mà biết sợ (cười). Nhưng... cũng có thể là sợ đến mất cả mặt đấy!".

Nói rồi, ông lại cười vang. Con người ông là thế, thơ ông là thế và không lẽ vì thế mà cho đến nay vẫn chưa có nhà xuất bản nào phát hiện ra để "gỡ cửa" nhà thơ Hải Như về những bài thơ viết thật nhất về Người, mà theo tôi có ích không chỉ cho hôm nay.

BA LẦN ĐƯỢC GẶP BÁC

NGUYỄN XUÂN SANH

Trước Cách mạng tháng Tám thành công, trong những năm tháng tiền khởi nghĩa dưới thời Pháp - Nhật thuộc, tôi tiếp tục cuộc đời làm thơ trẻ tuổi của mình và là một sinh viên góp phần hăng say của tuổi thanh xuân từ năm 1942-43 trong phong trào sinh viên yêu nước của Trường Đại học Đông Dương. Ở trong Ban Chấp hành Tổng hội sinh viên, tôi đã được phân công làm chủ bút Tuần báo *Tự trị*. Bên cạnh đó, lo việc Ban Văn hoá Tổng hội, tôi đã tích cực cùng một số bạn tổ chức buổi nói chuyện đầy nhiệt tâm tại đại giảng đường Trường Đại học, về yêu tiếng Việt để bảo vệ cái đẹp của tiếng nói quê hương, diễn giả được sinh viên hoan nghênh nồng thắm. Đó là người bạn thơ và người sinh viên Xuân Diệu đã từng cùng một nhà trọ với tôi. Vui vẻ bao nhiêu, là những người sinh viên viết văn cùng tâm huyết và đứng đẵn góp phần sáng lập tờ Tuần báo *Tự trị* và viết bài cho báo có Huy Cận, Xuân Diệu, Hà Văn Lộc (tức Thép Mới sau này) và một số anh em sinh viên bạn thân khác của tôi.

Trong tuần báo giấy đẹp in tại nhà in *Xuân Thu* từ tám nghìn tờ, có số lên tới chín nghìn năm trăm tờ, bán khắp Trung, Nam, Bắc, Hà Nội, cho đến tận đông đảo bà con Việt kiều sinh sống ở Cam-pu-chia lúc bấy giờ. Ở mục *Văn chương tin tưởng*, dưới đầu đề *Lòng tin đất nước*, tôi đã viết:

"... Người dân Việt Nam ngày nay lắng nghe bao nhiêu tiếng đất. Hương đêm của đất nước Việt Nam đã bùng chúng ta lên, để cảm thấy rằng mình là một phần sống của quê hương (...) Người công dân Việt Nam, xin hãy mang Tổ quốc ở trong lòng. Tổ quốc là nơi anh. Tổ quốc là trong anh" (Tự trị, 4-1945).

Với bài *Người Việt tiếng Việt*, tôi ghi đôi nỗi lòng cảm kích của tôi về tiếng nói của đất nước:

"... *Tiếng nói Việt Nam quá đẹp. Trước hết vì đó là tiếng nói của nước tôi (...). Đó là hồn của nước ta, ta chờ đánh rơi để làm phiền lòng lịch sử. Là hồn của nước, tiếng Việt rung động theo nhịp của hồn ta. Ta ngừng yêu một giây là ta sẽ lỗi nhịp đàn của đất nước. Nghĩa là ta sẽ lỗi nhịp sống của Việt Nam*" (Tự trị, 5-1945).

Bài *Trung Nam Bắc một nhà*, tôi bày tỏ một lời kêu đi lên:

"... *Người thanh niên Việt Nam phải gói ghém yêu thương để lên đường nước Việt...*" (Tự trị, 6-1945).

Và cũng trong những ngày tiền khởi nghĩa của dân tộc Việt Nam ta đấu tranh giành tự do, độc lập cho Tổ quốc tôi đã viết bài thơ *Những quyển sách* nói lên cái khát vọng, cái ước mơ chính đáng của nhân dân ta, của tuổi trẻ (đăng tạp chí *Tiên phong*, Hội Văn hoá Cứu quốc, 1946):

... *Ta khát vô biên ngọn sóng vang*
Ta mừng hội gió lúc lên đàng
Ta hát vô biên trên sách mới
Và trên thế giới đường tràng giang

Nhìn thăm thiết lại lòng mình, tôi thấy cái đất yêu thương đó mà tôi đã nói trong sáng tác của tôi những năm đầu phong trào thơ mới dần dần chính là đất nước của trái tim mình.

*

* *

Với người làm thơ ấy, người tuổi trẻ sinh viên ấy, và với đất nước mấy ngàn năm truyền thống của chúng ta, cái khát vọng đã được đáp lời và cái ước mơ đã bắt đầu trở thành hiện thực. Ngày 19 tháng Tám đã được mở ra, trong khí thế anh hùng của toàn dân cả nước.

Cách mạng tháng Tám do Đảng ta và Bác Hồ kính yêu lãnh đạo đã thành công rực rỡ và đưa một ánh sáng mới, đưa những niềm vui mới về cho non sông.

Đêm 21-8-1945, các sinh viên của Phong trào sinh viên yêu nước đã hội họp đông nghịt tầng dưới ngôi nhà toà soạn một tờ báo của Pháp trước đây (Trụ sở báo *Cứu quốc* của Tổng bộ Việt Minh mà chủ bút là anh Xuân Thuỷ sau Tổng khởi nghĩa nay là cơ quan báo *Hà Nội mới*). Chủ trì cuộc họp là anh Dương Đức Hiền đầu những năm 40 là Hội trưởng Tổng hội Sinh viên Trường Đại học Đông Dương và sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công là Bộ trưởng Bộ Thanh niên trong Chính phủ. Các anh chị em sinh viên ấy: đảng viên Đảng Cộng sản có, Thanh niên Cứu quốc có, trí thức trẻ yêu nước có... Họ đều là những người một lòng một dạ đi với cao trào yêu nước của tuổi thanh xuân và nguyện chí tình gắn bó hết mình với sự nghiệp cách mạng.

Tổng hội Sinh viên Cứu quốc ra mắt công khai. Một số chúng tôi được bầu vào Ban Chấp hành Tổng hội. Ở Ban Thường vụ, tôi được phân công làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút tờ tuần báo mới lấy tên là *Gió mới*, xem như tiếng nói yêu nước của sinh viên và trí thức trẻ đoàn kết phát huy những giá trị nhân bản mới của chế độ ta do Đảng Cộng sản và Bác Hồ lãnh đạo.

Khi nghe tin Bác Hồ đã từ căn cứ địa cách mạng về tới Thủ đô Hà Nội, anh chị em sinh viên vô cùng phấn khởi. Ban Thường vụ Tổng hội Sinh viên Cứu quốc viết một bức thư gửi lên chào mừng Chính phủ lâm thời và Hồ Chủ tịch. Chỉ mấy hôm sau, một thư trả lời của Bác đã đến với chúng tôi. Thư Bác nói lên lòng cảm động của Bác nhận được thư của đoàn thể sinh viên và cảm ơn mối tình yêu nước của anh chị em. Bác chúc sinh viên đoàn kết, học giỏi, hoạt động hăng hái và vững vàng đi với sự nghiệp cách mạng của toàn dân. Bác nói: Bác rất muốn một đoàn đại biểu thay mặt anh chị em sinh viên đến gặp Bác.

Chỉ ngay buổi chiều, bốn ngày sau ngày Bác Hồ đọc *Tuyên ngôn Độc lập* tại vườn hoa Ba Đình, Bác đồng ý tiếp đoàn đại biểu Tổng hội Sinh viên Cứu quốc lên thăm Bác. Giờ chúng tôi được gặp Bác tại Bắc Bộ phủ là lúc hai giờ. Tôi sung sướng được có mặt trong năm sinh viên tuổi còn rất trẻ. Không biết sao chúng tôi đều thấy một chiều thu quá trưa ấy rất xanh, rất xanh cây mà cũng rất xanh trời. Chúng tôi bước khe khẽ trên sàn, dưới chân còn vang sỏi nắng.

Vào đến phòng khách lớn của Bắc Bộ phủ, chúng tôi gặp bác sĩ Tôn Thất Tùng vừa vào tiêm thuốc cho Bác đi ra, tay anh cầm chiếc áo khoác trắng. Quặt sang tay phải vào phía sau dẫn đến phòng Bác. Thấy cửa kính đang khép. Tôi đưa tay nhẹ nhàng gõ cửa. Người bước ra bắt tay chào chúng tôi rồi đi ra thẳng là anh Võ Nguyên Giáp. Anh cười nói: "Tôi cũng là một bạn cựu sinh viên đây. Các anh cứ vào. Cụ Chủ tịch đang đợi".

Người hơi gầy xanh, im lặng đi mấy bước chậm ra cầm tay chúng tôi, là Bác.

Trước đây tôi có viết bài thơ tên là *Đất nước* về buổi gặp gỡ thân tình này của Bác: "... Mỗi lời Bác là một lời ánh sáng - Vách tường chiều thu lộng lẫy một trời xuân".

Bác bảo với tuổi trẻ trí thức mà chúng tôi lúc ấy có hạnh phúc được làm đại diện:

- Anh chị em tuổi trẻ của mình có nghe không lời kêu gọi của đất nước? Nó giục giã chúng mình như con thác lũ cuộn sông Hồng, sông Đuống mà hôm ở căn cứ địa trở về thủ đô mắt Bác đã trông thấy được. Đất nước mình thì bao la, mà dân ta đã bị đói nghèo xơ xác không biết bao nhiêu là thế kỷ rồi.

Với nét mặt trầm ngâm, Bác nói tiếp:

- Quê hương chúng ta hùng vĩ, người đông. Chúng ta đứng lên với tất cả loài người. Ta đánh đuổi thực dân, quân phiệt ngay giữa thế kỷ hai mươi, đâu phải dễ. Nhưng ta quyết tâm làm, và ta

có dũng khí của cha ông, thì nhất định được. Giặc cam tâm làm dân ta chết đói hơn hai triệu con người. Ta phải cố gắng làm cho đồng bào ta yêu đời và không còn ai chết đói nữa.

Bác còn ân cần nhắc nhở, với một giọng nói nhẹ nhàng và thân thiết. Chúng tôi tưởng như được lắng nghe lời dạy dỗ của cha ông:

- Tuổi trẻ sinh viên hẳn thấy lòng mình nhức nhối khi nhiều bà con nhân dân còn đói chữ phải quờ quạng như mù. Họ không đọc được sách báo, nên cái gì cũng như đêm tối âm u. Ta phải làm cho đồng bào tìm cho được con đường đi cùng với Cách mạng.

Bài thơ Đất nước của tôi đã từng được mô tả một phút giây thật là cảm động: *"... Lời Bác nói giữa Thủ đô Hà Nội - Trái tim chúng con đập với triệu triệu trái tim - Chúng con ngồi bên Bác trong nhiều phút lặng im - Bác đứng dậy mở cửa sổ bảo chúng con: - Các cháu nhìn Đất nước!"*.

*

* *

Tôi xin kể tiếp về một buổi được vui mừng gặp gỡ trực tiếp lần thứ hai của anh chị em sinh viên với Bác Hồ kính yêu.

Đó là ngày 30 tháng 5 năm 1946. Bác Hồ sắp lên đường sang thăm nước Pháp với tư cách là thượng khách của Chính phủ Pháp. Lễ đài cuộc mít-tinh tại đó Bác Hồ chào tạm biệt nhân dân Thủ đô Hà Nội và nhân dân cả nước được bố trí tại sân Việt Nam học xá của sinh viên ở dưới Bạch Mai.

Bác Hồ xuống xe ô-tô trước các bậc tam cấp đưa lên đại sảnh của nhà A. Bác bảo chúng tôi trong đó có anh em trong Ban Thường vụ Tổng hội Sinh viên Cứu quốc, đưa Bác xuống thăm nhà bếp trước. Chúng tôi mời Bác đi con đường mé sân vận động của học xá dưới nắng mới đầu hè. Nhìn xung quanh, Bác cười nói:

- Đang còn nhiều cây và nhiều chim.

Đến cụm nhà gạch cũ của nhân dân ngày trước để lại, tường màu sơn vôi nâu thẫm, chúng tôi thưa với Bác đây là nhà bếp và kề ngay đó là nhà ăn. Bác Hồ đi thăm nơi nấu bếp. Bác vui hỏi chuyện: "- Nấu cơm cho sinh viên ăn có khó không?". Các anh chị nhà bếp trả lời: " - Thưa Cụ Chủ tịch, khó mà vẫn làm được đó ạ. Các cậu sinh viên ăn khoẻ và họ hiền lắm ạ". Bác Hồ bắt tay bác quản lý và mỉm cười.

Rồi Bác bảo, chưa đến giờ mít-tinh, đưa Bác lên thăm các phòng ngủ của học xá. Chúng tôi mời Bác lên cầu thang gác nhà A, ngôi nhà trong bốn nhà A, B, C, D có vẻ khang trang và sáng sủa nhất lúc bấy giờ. Chúng tôi mở cửa một phòng lớn. Bác bước nhanh vào. Bác tự tay vén chiếc màn một che hai ngăn ở riêng của từng sinh viên nội trú. Bác thấy giường đang còn đệm cỏ, có mùng tuyền trắng, các ngăn tủ chứa đầy sách vở đại học, có ngăn buồng con có hoa ngắt từ giậu quanh khuôn viên học xá, có cả ảnh thiếu nữ mặc áo lơ-nuya. Bác trả: "Có đệm ấm mùa đông, nhưng giờ vào hè rồi nên cất đi kéo nệm. Có sách vở đầy đủ, có hoa chưng như "hoa rừng", có cả ảnh người yêu, thì nên tiếp tục chăm lo học và xây dựng đất nước cho tốt!".

Sau đó Bác được mời xuống lễ đài ở bồn hoa lớn giữa nhà A và nhà B. Đồng bào Hà Nội ăn mặc chỉnh tề, cầm hoa cầm cờ, xếp hàng tập trung đã đầy đủ. Mọi nét mặt đều rạng rỡ mừng vui. Bác Hồ phát biểu lời tạm biệt ra đi vì việc lớn. Mọi tấm lòng của nhân dân thủ đô và của anh chị em sinh viên có mặt trân trọng tiếp thu những lời Bác nói và những câu dặn dò yêu thương của Bác.

Đó cũng là một ngày không thể nào quên không những của nhân dân, đất nước, mà còn là những ghi nhớ sâu sắc của anh chị em sinh viên và trí thức có mặt trong những giờ phút cảm động đó của quê hương.

Ngày mai, 31-5-1945, Bác lên đường sang nước Pháp. Chính phủ Pháp tiếp đón Bác với nghi lễ đối với nguyên thủ của



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm bảo tàng lịch sử Việt Nam
(5/1/1959)

Ảnh: Đinh Đăng Định

một nước. Trong thời gian Hội nghị Việt - Pháp ở Phong-ten-bơ-lô hơp, Bác đã đi thăm nhiều nơi ở nước Pháp và gặp gỡ nhiều người. Vì muốn hoà bình và muốn ngăn trở những khiêu khích của thực dân, tiếp tục chuẩn bị xây dựng lực lượng chuẩn bị cho thời cơ sắp tới, Bác Hồ ký với Chính phủ Pháp Tạm ước 14 tháng 9, hai mươi bốn giờ trước khi Bác rời nước Pháp. Bác đi về trên tàu chiến Duy-mông Đuyéc-vin. Cách đó ba mươi năm, Bác đi Pháp trên một chuyến tàu buôn, nay Bác về nước trên một chiếc tàu chiến.

Tôi vẫn thích ý câu này trong tập *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* nói về lúc ấy:

"Tuy hoàn cảnh khác nhau, nhưng Chủ tịch vẫn luôn luôn là người cách mạng trong sạch và hăng hái. Thái độ đối xử thành thật với mọi người và lòng yêu nhân loại vẫn không thay đổi".

Nên về đến Hải Phòng, Hà Nội, nhân dân đón Bác vô cùng cảm kích và với lòng kính yêu thật là sâu thẳm.

*

* *

Tôi kể đến một cuộc sinh viên gặp Bác Hồ lần thứ ba từ ngày sau Cách mạng tháng Tám trong vòng 14 tháng.

Đó là vào cuối hạ tuần tháng 10 năm 1946, chỉ mấy ngày sau khi Bác từ Pháp về đến Hà Nội, chúng tôi xin phép được vào thăm Bác Hồ sau khi Bác đi xa về và để trình bày với Bác đôi điều về vấn đề sinh viên, về tuổi trẻ. Văn phòng trả lời Bác đồng ý. Tổng hội Sinh viên vui mừng vô kể. Tôi cùng với anh Lê Văn Giang, sinh viên khoa toán - lý - hoá, và anh Điền Văn Hưng, người quê Nam Bộ sinh viên Trường Nông lâm được Bác cho vào gặp Bác.

Theo như lời Văn phòng, bọn chúng tôi đến Bắc Bộ phủ vào sáu giờ tối. Đường phố đèn điện sáng trưng. Vườn hoa sữa toả hương ngào ngạt. Trong bài thơ *Tuổi trẻ* tôi sáng tác trước

đây về cuộc vào thăm Bác lần này, tôi viết: "... *Bác đi xa về nước có mấy ngày - Mang cả sóng gió đại dương và niềm vui thời đại...*".

Bác Hồ vĩ đại của nhân dân ta ra đi vì dân tộc, vì đất nước, vì yêu thương đồng bào, đồng chí. Nay Bác về với chúng ta trong thao thức mới của tâm trạng đầy khí phách nơi quê hương. Tôi có nói trong thơ: "*Cả nước gặp Bác rồi, chúng con xin gặp... - Chúng con bắt đầu tin ở bước mình đi - Tin Đảng cho chúng con một sức gió diệu kỳ - Chúng con xin gặp Bác như những người tuổi trẻ...*".

Vào phòng khách của Bác, dăm bông hoa sen cánh hồng đang nở cánh trong lọ độc bình trắng men. Bác mở cửa nhanh nhẹn đến bắt tay chúng tôi. Bác mặc bộ áo quần tuyết-xi trắng, tay Bác cầm hộp thuốc lá thơm. Ngồi trước mặt ba anh em chúng tôi, sau khi chúng tôi tự giới thiệu, Bác đặt tay lên vai tôi hỏi:

- Trước mắt, anh chị em sinh viên có gì mới mẻ?

Tôi đã thay mặt đoàn nghiêm chỉnh trả lời với Bác như tôi đã viết trong bài thơ Tuổi trẻ: "*Quê hương ta đang nồng nàn này lộc - Có ai hỏi chúng con sẽ đi đâu? - Chúng con nói: phải đứng ở hàng đầu - Và chiến đấu cho tự do, độc lập - Bước chúng con đi không còn ngượng ngập - Đường sáng, vừa quen, việc tốt đang chờ...*".

Bác dạy chúng tôi:

- Hẳn anh chị em sinh viên đều biết: sức mạnh trỗi dậy từ những giấc mơ của nhân dân nước mình có không biết bao nhiêu là truyền thống.

Bác nhắc nhở thêm những bài học mà chúng tôi không bao giờ quên:

- Dân tộc Việt Nam ta đời đời phải sống và làm nên lịch sử lớn của nước mình.

Đối với chúng tôi, cho đến ngày nay gặp nhau, Lê Văn Giang đã từng là Thứ trưởng Bộ Đại học của ta trước đây và tôi,

chúng tôi vẫn còn gọi cho nhau nhớ lại, trong đêm thu ngày ấy đã mọc rạng một bình minh, từ con đường, ý chí, tâm hồn thanh cao của Bác Hồ, của Đảng.

Sau lần gặp thứ ba trong 14 tháng đầu tiên từ Cách mạng tháng Tám thành công, chúng tôi cảm nhận được trong tâm lòng chúng tôi một điều đậm đà mà chúng tôi còn ghi nhớ mãi. Đó là trên vầng trán cao của Bác Hồ, tóc vừa chớm bạc lúc bấy giờ chúng tôi thấy rộng rãi ánh nắng bầu trời. Bầu trời của đất nước ta, và của loài người, của thời đại. Ngày ấy chúng tôi thanh xuân nên tâm hồn chúng tôi tự cho là rất tươi tắn, vào cuộc đời thấy mình luôn luôn có Đảng Cộng sản và Bác Hồ dẫn đường đi về phía trước.

Nên kết luận ba cuộc gặp gỡ Bác Hồ trong 14 tháng thời gian 1945-1946, tôi đã tâm sự với tâm lòng của một người dân và của một người làm thơ:

*"Chúng con đi, trước mắt: lá cờ của Đảng
Vẫy tay chúng con: đầm thắm Bác Hồ..."*

Hà Nội, thượng tuần tháng 5-91

NHỮNG NGÀY RUNG CHUYỀN

HỒ PHƯƠNG

... Ngày 12 tháng 8 năm 1969

Sáng hôm ấy không có mưa rào nhưng lay bay và có gió. Các hàng cây xào xạc. Trời hơi lạnh. Thời tiết khá khác thường. Từ tối hôm trước, Bác được báo là đoàn cán bộ họp ở Paris vừa về, có cả đồng chí Lê Đức Thọ, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Tổ chức Trung ương, nay đang là cố vấn tối cao của đoàn ngoại giao ta.

Bác bảo đồng chí Kỳ chuẩn bị đưa Bác lên Nhà khách của Trung ương trên Hồ Tây để gặp phái đoàn.

Đồng chí Kỳ không giấu được vẻ e ngại, xin Bác cho mời đồng chí Thọ về đây thì hơn, vì thời tiết đang không tốt cho lắm. Bác lắc đầu nói là đoàn mới về chắc còn mệt, Bác lên đó tốt hơn, vả lại từ Hồ Tây quay về Bác còn muốn tranh thủ xem nước lũ sông Hồng thế nào. Nghe nói năm nay mênh mông, dân ngoài bãi khổ lắm đã phải chạy hết lên đê... Bác đã chỉ thị như thế, và nhìn thấy vẻ thoáng buồn của Bác, đồng chí Kỳ chỉ còn biết vâng lời. Nhưng ông đã khéo léo bí mật gọi điện cho đồng chí Lê Văn Lương thông báo là Bác muốn đi gặp đoàn đồng chí Lê Đức Thọ. Nghe đồng chí Kỳ báo cáo và xin ý kiến, cân nhắc một chút, đồng chí Lương trả lời: Phải tuân theo yêu cầu của Bác, nhưng cần đem theo áo ấm cho Bác.

Thế là chỉ một lúc sau đồng chí Kỳ đã kiếm được một chiếc áo bông khá dày đem theo...

Khi Bác và các đồng chí cùng đi đến nơi, đồng chí Lê Đức Thọ và đoàn ngoại giao đều ủa ra đón. Ai cũng ngạc nhiên và trách đồng chí Kỳ sao lại để Bác ra ngoài khi thời tiết thế này. Đồng chí Kỳ phải báo cáo lại mọi chuyện. Cả đoàn ngoại giao đều vô cùng cảm động trước tấm lòng của Bác.

Bác ngồi xuống ghế, đồng chí Kỳ cẩn thận cầm chiếc áo bông rón rén đến khoác lên vai Bác. Trước khi nghe đồng chí Lê Đức Thọ báo cáo, Bác tươi cười hỏi anh em ngoại giao mới về có chuyện gì vui bên lề hội nghị kể Bác nghe.

Thế là không khí trong phòng khách vui vẻ hẳn lên. Anh em cán bộ ngoại giao hào hứng thay nhau xin nói. Theo họ, Hội nghị Paris y như một cuộc "chạy việt dã" của các nhà ngoại giao. Ngay việc đầu tiên là địa điểm họp ở đâu, hai bên đã liên tục thi nhau "cò cưa" rất lâu. Đầu tiên Mỹ đề ra họp ở Giơ-ne-vơ (Thụy Sĩ), Việt Nam đề ra Phnom Pênh (Cam-pu-chia). Mỹ lại đưa ra: Niu Đê-li (Ấn Độ), Ja-kac-ta (In-đô-nê-xi-a), hoặc Yan-gôn (Miến Điện). Hà Nội lại đề ra Vac-sa-va (Ba Lan). Mỹ tiếp tục đưa ra danh sách khác: Ka-bun (Áp-ga-nix-tan), Cô-lôm-bô (Xu Lan-ka), Tô-ky-ô (Nhật), Bru xen (Bỉ)... Cuối cùng, sau một tháng, hai bên mới nhất trí chọn Paris. Địa điểm xong lại đến hình dáng bàn họp: vuông hay bầu dục, hay tròn. Cũng mãi sau mới thống nhất được bàn tròn. Rồi lại đến thành phần hội nghị. Càng gay hơn. Mỹ yêu cầu phải có đoàn của Chính phủ Thiệu ở Sài Gòn tham gia. Tới đây có chuyện vui: Đồng chí Xuân Thuỷ của ta vốn luôn luôn có nụ cười tươi tắn và nhã nhặn trên môi, các nhà báo quốc tế đều gọi là "Ông Trưởng đoàn có nụ cười thường trực". Nhưng hôm ấy nụ cười ấy như biến mất. Khi Xia-rót Ven (Cyrus Vance) - Trưởng phái đoàn Mỹ nêu lên ý kiến phải có phái đoàn của Sài Gòn (Thiệu), đồng chí Xuân Thuỷ đã nghiêm nghị bác bỏ luôn ý kiến này. Ha-ri-men (Harriman) - Thứ trưởng Ngoại giao tham gia phái đoàn Mỹ tuyên bố liền: "Nếu thế, bom sẽ lại rơi trên đầu các ông". Mặt lạnh như tiền, đồng chí Xuân Thuỷ nói: "Ông dọa đấy hả? Ném bom trở lại?"

Chúng tôi sẵn sàng bắn gục các ông ngay". Cố vấn Lê Đức Thọ đóng vai trò mềm mại hơn:

"Các ông dọa chúng tôi bằng chiến tranh không được đâu! Chúng ta đánh nhau mãi rồi, còn lạ gì nhau? Chúng ta đã đến đây để hoà đàm mà!". Ha-ri-men ngồi im một lúc rồi tuyên bố: "Thôi được, tôi rút lại câu nói bom sẽ lại rơi trên đầu các ông"... Mọi người cười oà. Một chuyện khác: cũng trong một cuộc họp, Ngoại trưởng Mỹ Kit-xing-gơ đã phản bác lại một số điều thoả thuận đã nhất trí trong cuộc họp trước. Đến lượt đồng chí Lê Đức Thọ nói, nhưng lần này ông không mềm mại nữa mà cáu và dùng cả những từ như: "ngu xuẩn", "lật lọng"... Kit-xing-gơ đã đáp lại: "Ông cố vấn (đồng chí Lê Đức Thọ) đàm phán mà nói như mắng chúng tôi, ít nữa nếu chúng ta có hoà bình thì ông mắng ai nhi? Ông có mắng cán bộ của ông như thế bao giờ không?". Cố vấn Lê Đức Thọ điềm nhiên trả lời: "Cán bộ của tôi chẳng ai quay quắt, lật lọng mà phải mắng!".

Lại cười ồ cả lên. Vui quá. Nhưng đồng chí Kỳ cho biết là, Bác còn muốn ra xem sông Hồng nước lụt. Đồng chí Thọ bèn xin phép Bác được bắt đầu báo cáo công việc rồi xin chỉ thị của Bác.

Hơn một giờ nghe báo cáo xong, trước khi ra về, Bác khen các đồng chí trong phái đoàn đã "chiến đấu rất tốt", rồi Bác căn dặn thêm và nhấn mạnh về tính chiến lược hiện nay của công tác ngoại giao cần phải có nhiều sáng tạo hơn nữa cũng như kiên trì hơn nữa, lúc cương lúc nhu... để làm cho công tác ngoại giao thắng lợi. Đây cũng là một mặt trận góp phần không nhỏ vào chiến thắng.

Ta phải đẩy mạnh ngoại giao để hỗ trợ quân sự. Đó là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa các phương thức đấu tranh để giành lấy toàn thắng.

Rồi như ý muốn của Bác, khi ra về, xe rẽ tới một chỗ sát bên đê không xa đầu cầu Long Biên, để Bác lên coi tình hình

sông nước. Đồng chí Kỳ luôn đi sau đỡ Bác leo lên đê. Ông cứ cuống lên, hết đỡ sau lưng lại như xóc nách, rồi chỉ còn thiếu công Bác lên lưng. Nhưng Bác luôn nhẹ nhàng gạt lại, và gắng một mình leo lên từng bước một. Mưa đã tạnh, nhưng gió vẫn thổi dào dạt khá mạnh. Ông Kỳ lo thất ruột, vẫn bám sát, hai tay luôn đỡ hờ sau lưng Bác.

Bác đã lên tới mặt đê. Bác đứng đó, hai bàn tay úp lên nhau đặt trên đốc chiếc can cắm thẳng trước mặt. Bác lặng ngắm nhìn dòng sông lũ đỏ nặng phù sa đang cuộn cuộn chảy xiết. Ngập lụt mênh mang như biển. Bờ bên kia xa tít chỉ còn là những vệt cây xanh úa kéo dài mờ mờ sau khói sóng. Gió kéo dài hun hút. Bác vẫn đứng đó, lúc trông dân bãi chạy lụt nhếch nhác trên đê, lúc ngược nhìn lên bầu trời vẫn đầy mây xám, lúc lại đắm đắm trông ra dòng sông lũ vẫn đang như điên cuồng phô diễn tất cả sức mạnh tàn bạo, hung dữ của mình. Đôi mắt Bác vốn đã sáng, lúc này càng như sáng ngời với những suy tư tràn ngập và cả bao niềm thương đau vò xé. Tuy nhiên trong đôi mắt sáng lóng đến kỳ lạ ấy cũng như đang có cả một sức mạnh vô song của tinh thần sáng suốt và lòng quả cảm. Đồng chí Kỳ và các cán bộ đi theo chăm chú ngắm nhìn Bác, bỗng như cùng có cảm tưởng Bác không phải chỉ đang đau lòng trước cảnh lụt lội làm than cụ thể ở nơi đây, mà còn như đang đầy tâm trạng lặng nhìn cả đất nước, cả giang sơn này đang còn phải chịu đựng biết bao gian nan để rồi mới có thể đi tới ngày toàn thắng.

Rồi Bác chậm rãi bước đi, không cho ai điu đỡ. Tự mình xắn quần, với chiếc can, Bác đi dọc trên mặt đê lầy lội để tới thăm một số gia đình chạy lụt. Bác luôn luôn dừng lại trước những túp lều lụp tụp rách rưới, xiêu vẹo. Bác thăm hỏi và an ủi các cụ già, vỗ về các trẻ nhỏ. Bác đến gặp cả một số thanh niên, trong đó có cán bộ bộ đội và cả bộ đội phục viên. Họ đang liên tục bơi tay vo, hoặc chống, đẩy những chiếc bè làm bằng nửa ghép, hoặc các phản gỗ tháo ra, hoặc chỉ là các thân chuối buộc lại. Với những chiếc bè "ứng dụng" ấy họ lao ra các xóm ngoài

bãi đã chìm ngập để mò vớt những gì còn có thể vớt, từ chiếc nồi nhôm méo mó cho tới những chiếc bu gà, dù gà đã chết cả trong bu vì không kịp chạy... Hầu hết đều mình trần, đầu tóc rũ rượi nước mưa, nước sông và mệt lử lả.

Bác chủ động tới gặp họ, hỏi thăm và động viên. Hết sức bất ngờ và sững sốt họ chỉ còn biết gằn như khóc và thốt lên vì quá xúc động: "Ôi, Cha già!". Tuy nhiên, gió lại như mạnh lên, mưa cũng lại lay bay. Ông Kỳ và những người đi theo vội xin Bác quay trở về. Biết là không thể cưỡng lại mãi ý kiến của những người bảo vệ và phục vụ mình, Bác lại chống can tự mình trở xuống chân đê. Từ lúc lên xe, Bác gằn như hoàn toàn im lặng. Chỉ có một lần, Bác quay lại khẽ hỏi đồng chí Kỳ, mà có lẽ như muốn tự hỏi chính mình: "Bao giờ thì ta có thể chống lại được lũ lụt? Bao giờ có thể làm cho nhân dân ta hết khổ?".

Buổi chiều hôm đó, trên nhà sàn, Bác vẫn làm việc như thường lệ, nhưng đồng chí Kỳ thấy sắc thái Bác có vẻ kém đi và vẻ mệt nhọc dù có đỡ hơn nhưng lại như ẩn giấu một nỗi đau buồn mênh mông nào đó. Phải chăng quang cảnh lụt lội ngoài sông, bãi vẫn còn ám ảnh Bác chưa nguôi. Và rất có thể cả những cơn gió lạnh tẻ hại kia cũng đã làm Bác mệt mỏi nhiều...

Trời ngả chiều. Đang ngồi ở nhà dưới, ông Kỳ bỗng thấy có tiếng ho. Gằn như giật mình, ông chăm chú nghe, ông đã nhận ra ngay tiếng ho của Bác. Lại nghe mấy tiếng ho tiếp. Rồi cứ thế chốc chốc lại thấy những tiếng ho liên, mà ho khá mệt. Không thể kiên trì được nữa, đồng chí Kỳ vội chạy lên nhà sàn. Bác nhìn ra, khẽ hỏi:

- Chú lên làm gì?

- Thưa Bác... Thưa Bác...

Miệng đáp chưa hết câu, ông Kỳ đã bước vội vào phòng, lấy một cốc nước ấm đưa tới mời Bác chiêu cho dịu họng, và hỏi Bác liệu có cần gọi bác sĩ không? Ngược đôi mắt sáng long lanh,

không giấu được vẻ mệt và thoáng buồn, Bác nói là chỉ ho qua loa thôi, đừng làm phiền anh em.

Và Bác giục đồng chí Kỳ xuống nhà.

Vâng lời, ông Kỳ trở xuống. Nhưng từ lúc đó cho tới gần hết buổi chiều, lòng ông không sao yên được nữa. Bác vẫn chốc chốc lại khúc khắc ho, thậm chí có lúc Bác ho khá dài. Với sự nhạy cảm của mình, không thể chờ xin ý kiến Bác nữa, ông Kỳ gọi điện ngay cho bác sĩ Nhữ Thế Bảo (Chủ nhiệm Khoa Tim mạch Viện 108 và đang là Tổ trưởng Tổ y tế đặc trách trông nom sức khoẻ Bác).

Chỉ khoảng gần một giờ sau, bác sĩ Nhữ Thế Bảo cùng bác sĩ Lê Ngọc Mẫn đã đạp xe học tốc tới. Cả hai ông Bảo và Mẫn chỉ kịp ném xe vào gốc cây, chạy bổ lên nhà sàn và thực hiện ngay mọi việc thăm khám hết sức tỉ mỉ. Cuối cùng cả hai bác sĩ đều kết luận, không hoặc chưa có triệu chứng gì thật khác lạ cho lắm; trước mắt chỉ thấy Bác bị viêm phế quản dẫn đến ho, do cảm lạnh. Ông Kỳ thăm "Nam mô A Di Đà Phật", cầu mong mọi sự đúng là chỉ nhẹ nhàng như thế.

Sau khi đưa thuốc và tận mắt thấy Bác uống xong, hai bác sĩ xin phép Bác ra về. Trời bắt đầu tối.

Khoảng 21 giờ, thấy trên nhà sàn vẫn còn sáng đèn, dù các bác sĩ đã yêu cầu Bác cần ngủ sớm, ông Kỳ lại leo nhanh hai bậc thang một lên nhà. Quả nhiên, Bác vẫn thức, không những thế lại đang ngồi trước bàn làm việc như thường lệ tuy vẫn khúc khắc ho.

Ông Kỳ lại đem một cốc nước nóng tới đưa Bác, và bỗng nhiên nhìn thấy gương mặt Bác thoáng như có vẻ bưng bưng. Ông Kỳ không kịp xin phép, đặt nhanh bàn tay mình lên bàn tay Bác. Và giật mình, ông muốn bật kêu lên: "Ôi, Bác sốt rồi!". Thật vậy, bàn tay Bác khá nóng. Ông Kỳ vội xin phép Bác cho được tạm đo nhiệt độ bằng chiếc máy đo cá nhân vẫn luôn để sẵn trên nhà. Chỉ mấy phút sau, gỡ bao quần tay Bác ra, nhìn lại đồng hồ ông Kỳ lại đo lần nữa cho khỏi nhầm: Chưa phải là cao

lắm, nhưng đúng là Bác đang sốt. Lần này thì ông không dám nhân nhượng nữa. Ông nhất quyết đề nghị Bác phải uống tiếp thuốc của bác sĩ Bảo để lại, rồi đi nằm nghỉ. Nhìn ông Kỳ, có lẽ không muốn làm cho người thư ký hết mức tin yêu của mình quá lo lắng, Bác im lặng thu tài liệu, uống thuốc, rồi thông thả sang phòng ngủ của mình. Bây giờ ông Kỳ mới trở xuống nhà quay máy gọi bác sĩ Bảo...

Sáng hôm sau, không phải chỉ có bác sĩ Bảo mà cả Hội đồng bác sĩ y khoa chuyên lo sức khỏe cho Trung ương do chính bác sĩ Bảo phụ trách đã có mặt ở nhà sàn từ khá sớm với đầy đủ thuốc men và các máy móc y tế cần thiết. Đêm qua là một đêm đầy mộng mị đáng sợ, luôn bị thức giấc không yên của ông Kỳ. Bác đã gần như ho suốt. Sáng nay ông Kỳ mới tạm bình tĩnh khi thấy cả đồng chí Trường Chinh, đồng chí Sao Đỏ (Nguyễn Lương Bằng) cùng Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng đến.

Bác không khỏi lộ rõ vẻ cảm động khi thấy những đồng chí quá đổi thân yêu, tin cậy đã đến khá đầy đủ.

- Các chú đến sớm vậy? Mà sao đông thế? Bác chỉ ốm sơ sơ thôi mà. Các chú chớ có quá bận tâm !

Các bác sĩ xin được thăm khám cho Bác ngay. Tất cả mọi người đều im lặng chăm chú theo dõi mọi hoạt động của Hội đồng bác sĩ. Không khí trong căn phòng ngủ của Bác trên nhà sàn tuy chưa phải quá nghiêm trọng nhưng cũng đã có phần chẳng bình thường. Người muốn giải toả không khí ấy không phải ai khác lại chính là Bác. Tranh thủ giữa các việc làm điện tim, đo mạch, kiểm tra huyết áp... Bác thường mỉm cười và hỏi chuyện mọi người rất ân cần.

Sau một hồi khám và xét nghiệm, Hội đồng bác sĩ y khoa đã đi tới kết luận ban đầu: Bác bị viêm phế quản trên nền viêm phế quản mãn tính nên sốt cao và bạch cầu tăng. Hội đồng quyết định dùng thuốc kháng sinh Tatopen (giống như Ampicilin) của Pháp để điều trị cho Bác.

Tất cả mọi người đều như thăm thờ trút được một chút lo lắng. Gương mặt các đồng chí Trường Chinh, Nguyễn Lương Bằng, Võ Nguyên Giáp đỡ bớt căng thẳng. Các đồng chí đều bắt tay các bác sĩ rất chặt - những cái bắt tay gửi gắm vô cùng sâu nặng. Tất cả mọi cán bộ, nhân viên khác cùng có mặt trong thời khắc khá căng thẳng vừa qua, trước khi ra về đều chúc Bác mau bình phục cho con cháu được nhờ, cho Tổ quốc được mau thống nhất, cho đất nước sớm được yên bình, và hết lời đề nghị các bác sĩ gắng trông nom Bác.

Tuy nhiên, mấy ngày sau đó huyết áp Bác vẫn chưa được thật ổn định, khi lên khi xuống thất thường. Bộ Chính trị lại hội ý. Một quyết định đã được đưa ra theo đề nghị của các bác sĩ: mời Bác xuống ở căn nhà mới xây năm 1967 khi Bác đi Trung Quốc vắng. Ngôi nhà nhỏ này rất kiên cố, có thể chống bom. Nếu Bác chịu xuống ở căn nhà mới xây này (mang ký hiệu H67) Bác sẽ không phải leo cầu thang vất vả nữa. Sau khi nghe đề nghị Bác trầm ngâm hồi lâu rồi đáp:

- Các đồng chí Bộ Chính trị đã có ý kiến như vậy, Bác chấp hành.

Thế là lần đầu tiên Bác phải xa ngôi nhà sàn thân yêu mà Bác đã ở đó gần trong 15 năm với biết bao niềm vui và hạnh phúc. Ở đó Bác đã được cống hiến hết mình cho cách mạng, cho nhân dân, cho Tổ quốc.

Khi các đồng chí trong Bộ Chính trị cùng đồng chí Kỳ đồ Bác xuống hết cầu thang, Bác không khỏi ngoái nhìn lại ngôi nhà sàn với cặp mắt thật xa vắng...

Xuống nhà H67, không chịu hoàn toàn nằm nghỉ, Bác vẫn làm việc. Tất nhiên, Bác nói: "Nhẹ nhàng thôi mà". Bác còn cười: "Bác nằm suốt ngày thì sẽ càng ốm to?".

- Ngày 18 tháng 8 năm 1969, Bác đã ký Sắc lệnh số 123-LTC bổ nhiệm đồng chí Đỗ Mười giữ chức Phó Thủ tướng kiêm Chủ tịch Văn phòng Phủ Thủ tướng.

- Ngày 21 tháng 8 năm 1969, Bác đã ký 2 sắc lệnh: Lệnh số 124-LCT thưởng hai Huân chương Chiến công hạng Nhì cho hai chuyên gia Liên Xô: Pa-ven Nô-xô-ca-ri-ôp và Bô-rít Xu-mi-ri-côp đã có công giúp nhân dân ta trong kháng chiến chống Mỹ. Lệnh số 125-LTC công bố tha cho những phạm nhân cải tạo tốt và giảm hạn tù cho những phạm nhân thật thà và cố gắng sửa chữa khuyết điểm trong thời kỳ ở trại.

- Ngày 22 tháng 8 năm 1969, Bác ký Điện chào mừng gửi các đại biểu dự "Cuộc gặp gỡ thế giới của thanh niên và sinh viên vì sự thắng lợi cuối cùng của nhân dân Việt Nam", họp ở Hen-xin-ki (Phân Lan).

- Ngày 23 tháng 8 năm 1969, Bác thưởng huy hiệu của Người cho 7 thiếu niên dũng cảm, thật thà nhất được của rơi đem trả người đánh mất, và dũng cảm lao xuống sông (trong đó cháu bé nhất 7 tuổi) cứu người bị nạn.

Cũng trong ngày 23 tháng 8 năm 1969 ấy Bác trao huy hiệu của Người cho Bộ Quốc phòng để thưởng cho các phi công ta bắn rơi máy bay Mỹ và cứu dân khỏi nước lụt.

Ai ai cũng hiểu tất cả những việc đó không phải chỉ là sự sáng suốt và sức làm việc phi thường của Bác, mà trước hết là tinh thần, ý chí, cùng tấm lòng bao la của Bác.

Nhưng rồi sự lo xa của tập thể lãnh đạo đã không phải là quá, bởi sau đó bệnh của Bác lại bột phát. Tối 24 tháng 8 năm 1969 Bác đang nằm ngủ; khoảng 20 giờ 30 phút, ông Kỳ vẫn còn đang ngồi ở ngoài nhà bỗng nghe Bác thở khá mạnh và gấp. Gần như giật bắn người, ông lao vào. Trên giường, Bác đang nằm, hai tay ôm lấy ngực day day, xoa xoa.

"Bác ơi!". Như la to lên rồi ông Kỳ vội lấy chiếc máy nói thường trực gọi như nghẹn ngào: "Bác sĩ Nhữ Thế Bảo! Bác sĩ đến mau, đến mau...?".

Rất nhanh, chỉ một lúc sau, không phải chỉ có ông Bảo mà cả Hội đồng y khoa đã có mặt đầy đủ cùng máy điện tim, điện

não đồ... và các loại kim tiêm đặc biệt, thuốc men đặc biệt... Cũng liền ngay sau đó là sự có mặt của các đồng chí: Nguyễn Lương Bằng, Lê Văn Lương, Võ Nguyên Giáp, Song Hào...

Các bác sĩ ai vào việc nấy. Người khám sơ bộ lâm sàng cho Bác, người bắt đầu mở các máy y tế chuyên dụng. Không khí hết sức khẩn trương.

Một lúc sau, rời máy quay ra, bác sĩ Tổ trưởng Nhữ Thế Bảo cất tiếng nói chỉ vừa đủ nghe. Phải chăng vì tình hình đã quá nguy cấp?

- Thừa các đồng chí... Bác bị nhồi máu cơ tim thành sau...

Ông Kỳ và tất cả các đồng chí lãnh đạo thoát như choáng cả đi. Bác sĩ Bảo cố gắng nói tiếp trong nghẹn ngào, không nói được nữa:

- Báo cáo các đồng chí, nhưng dấu sao cũng còn... hy vọng. Chúng tôi xin hứa sẽ cố gắng hết sức mình...

*Trích ký sự LẮNG CHỦ TỊCH
HỒ CHÍ MINH - ĐÀI HOA VĨNH CỬU*

PHÚT THIÊNG LIÊNG LỄ VIÊNG BÁC HỒ

NGUYỄN KIÊN

Trong tuần lễ tang Bác Hồ, trên hai mươi vạn quần chúng đã về hội trường Ba Đình viếng Bác. Từ khắp các ngã dồn tới vườn hoa Hàng Đậu, dọc đại lộ Phan Đình Phùng, Hoàng Diệu, Hoàng Văn Thụ, qua Cầu lạc bộ Ba Đình, dòng người đeo băng tang nối dài, chật nê lòng đường và hè phố, đứng chờ im lặng, suốt ngày đêm, trong nắng và trong mưa. Sớm 4-9, đài Tiếng nói Việt Nam đã báo tin Bác từ trần. Tin vô cùng đau đớn này truyền đi khắp cả nước trong một cơn mưa lớn. Nghe tin, cả nước oà lên khóc Bác Hồ, mà cả nước vẫn ngờ không phải. Giờ đây các cháu Bác, thuộc đủ mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi, mọi dân tộc đã đứng bên nhau, kết đầu thương thành khối, chờ lượt mình được đến bên Bác, nhìn Bác lần cuối cùng mà vẫn ngờ không thể có khoảng khắc 9 giờ 47 phút, tháng chín ngày mồng ba...

Dòng người đi viếng Bác lần lượt vào cửa phải hội trường và ra theo cửa trái. Trên cao, cờ Nước và cờ Đảng đeo băng tang rủ ngọn. Nhân dân đứng dưới cờ. Người chờ lượt vào lặng lẽ và trang nghiêm nhìn người vừa ra đang nức nở... Trong lễ trường kia, mỗi người dân Việt Nam đi viếng Bác sẽ được sống qua giây phút thiêng liêng mãi mãi còn in sâu trong lịch sử, trong trí nhớ nhân dân, trong trí nhớ các thế hệ hôm nay và ngày mai. Hôm qua, chúng ta có Bác Hồ. Hôm nay, chúng ta đến bên Bác, cất tiếng gọi “Bác ơi!” lòng quặn đau mà thấu hiểu bảy mươi chín năm đời Bác và tự nâng mình lên một cuộc sống tinh thần cao cả, đẹp đẽ và trong sáng nhất, sao cho xứng đáng là con cháu Bác Hồ.

* * *

Phía xa, dọc quảng trường Ba Đình lịch sử, những người không có dịp được vào lễ trường viếng Bác họp thành một dòng sông bất tận, cuộn cuộn qua lễ đài quảng trường và qua cửa Phủ

Chủ tịch. Ảnh Bác viền tang treo giữa lễ đài quảng trường, nơi Bác hằng đứng trước nhân dân và bắt nhịp cho nhân dân hát “Kết đoàn”. Nơi đây, thuở đầu dựng nước, nhân dân đau khổ vừa trôi dạt, ngẩng đầu lên liền được nghe tiếng ấm của Bác Hồ: “Tôi nói đồng bào nghe rõ không?”. Suốt tuần tang lễ, tiếng Bác được liên tiếp truyền qua các loa phóng thanh. Bác đọc Tuyên ngôn Độc lập. Bác kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống Pháp. Bác kêu gọi kháng chiến chống Mỹ. Bác nói chuyện nhân ngày 20-7 Bác chúc Tết đêm giao thừa... Dòng sông người bắt tận cuộn cuộn ngày đêm trong tiếng nói Bác Hồ.

Hình Bác đã quen. Tiếng Bác đã quen. Nhưng ai ai cũng muốn nhìn lại, nghe lại. Nam nữ thanh niên đi từng đoàn. Có bà mẹ đặt con nhỏ trong ghế mây đeo sau xe đạp, vừa dắt xe đi vừa nhìn con, như thăm nhủ: “con ơi, lớn lên con hãy nhớ...” Các cụ già ở những đầu xa đã cơm nắm gạo gói, chống gậy về, thấp hương làm lễ viếng vọng ngay trên quảng trường. Nhiều đồng chí bộ đội đeo ba-lô nặng, mũ gấn sao nhưng vai không đeo súng, về như trên đường đi phép mà chưa chịu đi. Nhiều đồng chí thương binh, có đồng chí thương binh hỏng mắt, qua lễ đài đã bỏ kính râm ra, ngẩng nhìn. Nhiều đồng bào miền núi, mặc quần áo dân tộc, lần đầu về thủ đô, qua mỗi phố lại phải hỏi thăm đường. Cả các nhà sư đeo tràng hạt, tay bưng hoa cúng. Nửa đêm, mưa tầm tã, còn một bác công nhân tan tầm đi vội, tay bác vuốt nước mưa trên mặt, nước mưa còn lẫn với dầu máy. Về sáng, sương còn mù mịt, đã có người đứng nghiêm trước Phủ Chủ tịch, đối diện đồng chí cảnh vệ đang phiên gác, lễ phục trắng, cũng đứng nghiêm như pho tượng... Những biểu hiện thành kính mộc mạc, trăm ngàn cách khác nhau, từ dáng đứng vái vọng của một bộ lão áo nâu cài cúc nách, tóc búi củ hành, đến bàn tay chào ngang đầu của em bé quàng khăn đỏ cách biệt nhau hàng thế kỷ, đã tụ họp trên quảng trường và diễn ra trong vòng trật tự, trang nghiêm hoàn toàn tự giác. Không cần ai chỉ dẫn, nhắc nhở, nhân dân tự tìm đúng đường vào, đường ra, ngả

đường nào ngăn, nhân dân tự dừng lại. Nhân dân thực hiện mọi nghi thức tang lễ, bởi lòng mình. Không có dịp được vào hội trường Ba Đình dự lễ viếng Bác, trước thi hài Bác kính yêu, mấy chục vạn người đã họp thành dòng sông người bất tận, suốt ngày đêm cuộn cuộn đường quảng trường.

* * *

Lễ viếng Bác bắt đầu từ 7 giờ sáng ngày 6-9 tại hội trường Ba Đình. Các đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước đứng túc trực bên linh cữu Bác. Các đoàn đại biểu của miền Nam anh hùng đặt vòng hoa, khóc thương Bác và bày tỏ ý chí với Bác bằng tin thắng trận đầu tiên, chỉ một đêm mỏng 4 rạng ngày 5-9 đã tiến công trên 140 căn cứ và vị trí Mỹ, nguy. Các đoàn đại biểu quốc tế từ tất cả các nước anh em và từ khắp năm châu đã lần lượt đến tưởng niệm Bác tại lễ trường.

Tang lễ Bác Hồ giản dị mà trọng thể, lớn lao chính vì trong nỗi đau không cùng, sức mạnh vĩ đại của toàn khối nhân dân ta đoàn kết chung quanh Đảng ta đã được biểu dương nổi bật nhất và cảm động nhất trước cả loài người.

Những đoàn quần chúng xen lẫn các đoàn đại biểu chính thức trong nước và ngoài nước đến lễ trường viếng Bác, suốt ngày đêm không phút nào ngừng đã tạo thành một nền tình cảm cao dày không sao lường hết được. Quần chúng đã bước lên lễ đài, đi sát bên linh cữu, tận mắt nhìn di hài Bác trong bộ quần áo ka-ki, đầu đặt trên gối trắng, với đôi dép cao su để phía dưới chân.

- Bác ơi! Cháu đã về với Bác. Bác ơi, Bác dậy đi!

Trước di hài Bác, ai vừa khóc đó, ai vừa kêu lên đó? Nào còn phân biệt được ai! Ai cũng một nỗi lòng, chỉ chăm chú sống sao cho đầy, cho trọn một giây phút ngắn ngủi mà thiêng liêng được đi trước lễ đài. Phút thiêng liêng là một phút nhìn. Không gian bao la thu lại trên hình hài Bác. Một tiếng khóc nức nghẹn, một tiếng kêu đau xé của bất kỳ ai lập tức vang dội vào lòng mọi người; mọi người oà khóc theo, bật kêu theo. Các cụ bà và chị

em phụ nữ khóc nhiều nhất. Các cháu thiếu nhi khóc tất thảy. Hàng trăm “cháu ngoan Bác Hồ” đã khóc ngập lễ trường. Lúc ra về, các cháu đòi quay lại, đứng xúm đông nhìn vọng mãi lễ đài. Làm sao các cháu quên được, cháu nào ngoan Bác Hồ đã chia kẹo cho... Còn tiếng khóc đàn ông, mỗi khi cất lên nghe sao gấp ghềnh, cứng nặng, chứng tỏ biết bao nhiêu nước mắt đàn ông đã nuốt vội trong lòng. Phải nuốt nước mắt đi, để nhìn Bác cho sáng tỏ. Bác đã gầy đi. Nhưng dáng hình Bác vẫn nguyên vẹn như nhân dân hằng thân thuộc. Cho đến phút cuối cùng, Bác nằm yên nghỉ, vẫn tuyệt vời giản dị, thanh cao và nhân dân vẫn tìm thấy lại nguyên vẹn một dáng Việt Nam điềm tĩnh, thuần phác và đôn hậu.

Các đội viên thanh niên xung phong họp thành từng đoàn đông đảo về viếng Bác. Trong hàng, một cô gái trẻ nhất bỗng tách ra, nói rành rọt:

- Cháu không khóc nữa... Bây giờ cháu mới được thấy Bác, đau lòng cháu quá, Bác ơi!

Cô gái giọng Nghệ, đã bốn năm thanh niên xung phong. Lần trước, mới thoát nhìn Bác cô đã khóc ngất. Ở trạm cấp cứu, cô tỉnh lại và nhất định đòi vào cùng đoàn sau. Cô không khóc nữa. Bốn năm thử thách bom đạn dọc các tuyến đường khu Bốn, cô hiểu rằng khóc Bác, Bác không vui.

Dường như mọi người đều đã hiểu rằng khóc Bác, Bác không vui. Những đoàn người nối tiếp nhau vào lễ trường đều im lặng. Lễ trường im trong hương trầm, trong màu hoa ngàn vòng phủ kín, trong nhịp chiêu hồn quân nhạc. Phút im sâu xa mà rần rỏi. Phút im cô đúc cả thời gian. Không ai cần biết ngoài kia đang sớm hay khuya, trời đang xanh hay mưa giăng mù mịt. Phút im càng kéo dài càng nổi bật sức chịu đựng phi thường và nghị lực phi thường của nhân dân.

Từng đoàn dài bộ đội đã bước vào lễ trường. Trong đoàn, người chiến sĩ cạnh người chỉ huy, những gương mặt trẻ măng người binh nhì nghĩa vụ bên những gương mặt Vệ quốc quân tóc đã hai màu; tất cả cùng một nước da từng trải, một dáng đi vững

chắc, một bàn tay cứng cáp đặt trên vành mũ. Các đồng chí bộ đội nghiêm trang nhìn thẳng, nên giây phút được nhìn Bác gần nhất. Nhưng cái nhìn gần nhất biểu hiện một ý chí sắt thép nhất... Tiếp theo đoàn bộ đội, lại đến các đoàn quần chúng đủ mọi màu sắc. Nhiều ông già, bà mẹ Tây, Nùng, Mán đại biểu các tỉnh xa về. Họ đã từng đùm cơm, gói muối vào rừng nuôi Bác, nuôi cách mạng. Xen lẫn những vai áo công nhân và nông dân, những vai áo bà con lao động các khu phố có nhiều Việt kiều còn giữ bộ quần áo lạ, những dáng dấp lạ; lại có nhiều ngoại kiều đã quen nếp sinh hoạt Việt Nam và cả những ngoại kiều về còn bỡ ngỡ. Lúc này, không gì đau đớn bằng nỗi đau của mỗi người công dân Việt Nam, cũng không gì cao quý và đáng tự hào bằng được làm người công dân Việt Nam. Trên lễ đài viếng Bác, mọi gương mặt khác nhau mà giống nhau bởi một phút nhìn cháy sáng đã chung đúc lại thành gương mặt nhân dân, đau đớn, trầm lặng nhưng bình tĩnh, vẻ như muốn nói: “Chúng con đã về quanh Bác. Xin Bác hãy nghỉ yên!”. Gương mặt nhân dân phản chiếu trên gương mặt Bác Hồ. Bác nằm bình yên như trong một giấc ngủ bình yên. Mái tóc bạc. Chòm râu bạc. Và vầng trán mệnh mờ... Trí tuệ Bác, tinh túy Việt Nam, rực rỡ một trang sử Việt Nam dựng nước và giữ nước còn biểu hiện trên gương mặt thanh thản, gương mặt Việt Nam, gương mặt Bác Hồ, dù Bác đã từ già cõi đời này.

Có rất nhiều đồng bào chiến sĩ miền Nam đi trong các đoàn quần chúng. Giọng miền Nam mỗi lúc cất lên gọi Bác lại xúc động toàn lễ trường, tận đáy sâu, như đợt sóng ngầm dữ dội. Nghe miền Nam gọi Bác, mọi người không thể giữ im lặng, mà khóc lên càng không đủ, chỉ còn biết cùng cất lên tiếng gọi: “Bác ơi!” Một tiếng gọi “Bác ơi!” giọng Nam xen Bắc, mau mãi, nhiều mãi, tràn lan mãi, trùng điệp mãi; tiếng gọi thường ngày nghe giản dị sao bây giờ lớn lao, lịch sử chưa từng có bao giờ. Bác mất đi, không một chút buồn riêng tư, chỉ một nỗi đau non nước. Nghĩa nước non đối với Bác cũng là nghĩa ruột thịt gia đình. Cuộc đời Bác, thấm thiết một tấm lòng Việt Nam, sáng trong một cách sống Việt Nam đã tụ họp cả dân tộc dưới một

mái gia đình. Mọi quan hệ giữa Bác và nhân dân đã nhuần nhị thành phong tục. Ở góc trái lễ đài, đồng bào và chiến sĩ miền Nam thường nán lại lâu hơn, kéo dài thêm giây phút quay nhìn Bác, trước khi rời chân đi. Nhiều người đã muờng tượng trước một ngày mai mà lòng tin chắc, vội bước lên, như muốn ôm linh cữu, ôm bàn tay Bác, thì thầm giọng con nói cùng cha:

- Cháu nguyện theo lời Bác. Ngày về Nam, cháu sẽ rước Bác vào thăm!

* * *

Vĩnh biệt Bác Hồ, dòng người đi dọc hành lang trái, ra cửa hội trường. Hành lang trái thảm đỏ, hun hút sâu. Mỗi bước một xa, một dằng dặc; dấu chân người đi sau lùi thấp hơn dấu chân người đi trước. Dấu chân nhân dân in mãi thành vết dài trên nền thảm đỏ. Những dấu chân dày chai sọ, đã từng vượt qua bao khúc gian truân và đạt tới bao đỉnh cao chiến thắng. Những dấu chân mang dép cao su. Đôi dép cao-su của Bác Hồ. Bác đã đi rồi, dấu chân Bác còn để lại giữa đời, trong những dấu chân người lao động mang dép cao su...

Với đôi dép cao-su, những người dân đi viếng Bác Hồ lại trở về trong khối nhân dân đông đảo. Họ là những người bình thường ở khắp các làng mạc, các khu phố, các trường học, cơ quan, nhà máy, các đơn vị thanh niên xung phong và bộ đội. Họ lại trở về những công việc bình thường của người công dân, người lao động, người chiến sĩ. Nhưng ngày hôm nay khác ngày hôm qua. Tang lễ Bác Hồ đã khơi dậy trong nhân dân một ý thức trách nhiệm cao hơn và một niềm tự hào lớn hơn trước sứ mệnh lịch sử của mình. Phút thiêng liêng nhân dân đứng vĩnh biệt Bác Hồ cũng là phút thiêng liêng nhân dân bắt đầu sống trọn với những lời căn dặn cuối cùng của Bác, với hoài bão, niềm tin và tình cảm Bác để lại. Vì Bác Hồ là tất cả những gì chúng ta có hôm nay và sẽ có ngày mai - là *Độc lập, Tự do, là Tổ quốc và Chủ nghĩa xã hội, là đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, Bắc Nam sum họp một nhà*.

BÁC CÒN SỐNG MÃI

NGUYỄN HỒNG

Những tiếng hát ru đã nuôi nấng tâm hồn và tuổi thơ tôi.

Tuổi thơ và tâm hồn tôi lại còn được nuôi nấng bằng bao nhiêu hình ảnh của những trời mây sông nước lồng lộng cùng với những anh hùng, liệt sĩ, chiến sĩ anh dũng hy sinh, anh dũng chiến thắng, mà tên và tuổi đã thành sử xanh, hay chỉ là những tên và tuổi rất xa lạ, trí tưởng mằng sữa của tôi đã chiêu gọi, phác hoạ ra rất là đặc biệt.

Trong những hình ảnh và tên tuổi tươi sáng chói dọi kỳ diệu này có một người: Nguyễn Ái Quốc.

Nguyễn Ái Quốc, Người đã đến giữa tuổi thơ tôi.

Tuổi thơ tôi, một đứa bé bơ vơ của một dân mất nước; một đôi mắt nhìn đâu cũng thấy những áp bức bất công; một đôi tai nghe đâu cũng thấy những tiếng thở than rên xiết; một da thịt từng phút từng phút thấy không phải chỉ có những roi vọt quất lên người mình, mà quất lên tất cả mọi người nghèo khổ ở chung quanh mình, làm mình thấy đau, còn đau hơn chính mình bị đánh; một não cân bị ngột ngạt vô cùng vì cái bầu không khí đen tối hầm hập đè lên đầu mình; một trái tim luôn luôn như bị xẻo...

... Tôi lớn lên phải làm việc để sống, phải sống để làm người, phải làm người thật là người. Và để thật được làm người thì phải có một xã hội chân chính, một chế độ chân chính, một đời sống chân chính. Nhất là tôi làm công việc viết văn, làm nghề viết văn, làm một người viết văn.

Tôi đã tìm Cách mạng, tìm Đảng, đi theo Cách mạng đi theo Đảng.

Đảng đã lãnh đạo và tổ chức những con người Việt Nam bị hút gần hết khí lực và bị lãng nhục đến mức tận cùng, những vong quốc nô của một đất nước có hơn bốn ngàn năm lịch sử ấy vùng lên tự giải phóng, kéo sập cả một nhà tù và đập tan những gông xiềng định ngàn đời giam trói.

Khởi nghĩa tháng Tám 1945 thành công.

Ngày 2-9 năm 1945 tuyên ngôn độc lập, nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời.

Từ đây tôi mới được thật có Tổ quốc, thật được sống có Tổ quốc. Thật có Tổ quốc để sống và yêu thương.

Rồi kháng chiến chống Pháp, kháng chiến chống Mỹ. Tôi càng thấy yêu thương thêm dân tộc, yêu thương thêm đất nước, và càng biết căm giận quân thù dã man tàn bạo, và cũng càng thấy phải làm việc nhiều nữa, việc tốt hơn nữa để phục vụ.

Và thêm mỗi ngày được làm việc, được viết, là thêm một ngày tin tưởng và tự hào vì được sống trên một đất nước, trong lòng một dân tộc, trong đội ngũ một Đảng có một Người mãi mãi tiêu biểu cho một đạo đức, một ý chí, một tinh thần, một sức mạnh thuyết phục của sự chân chính: HỒ CHÍ MINH. HỒ CHÍ MINH: gương mẫu của tình yêu nước chân chính, yêu thương dân tộc, yêu thương con người, yêu thương nhân loại chân chính.

Chín giờ bốn mươi bảy phút ngày mùng ba tháng chín năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín không thể nào quên được kia, HỒ CHỦ TỊCH đã nhắm mắt.

Mờ sáng đang mưa, bốn trời mây đen và gió lạnh vùn vụt, trên sân một tầng gác hiệu cao, tôi đã bàng hoàng chạy ra nghe nhạc Quốc ca bất thường nổi lên. Không đợi báo tin, cả người tôi đã tê lạng... Phải! Hồ Chủ tịch đã nhắm mắt! Phải! Nguyễn Ái Quốc, hình tượng và sức mạnh kỳ diệu của tâm hồn và tư tưởng

của tôi cho đến năm 1945 tôi mới được thấy mặt Người kia, nay Người vừa nhắm mắt.

Phải! Hồ Chủ tịch đã nhắm mắt, nhưng sao tôi vẫn cứ thấy y nguyên Người ở trước mắt tôi, ung dung kiên quyết, và lòng rộng giữa trời mây đất nước tôi đang thở hít không khí, ánh sáng mà làm việc. Nghĩa là Người vẫn sống, sống mãi mãi, như bao hình ảnh và tên tuổi mà trí tưởng, lòng kính yêu và biết ơn của những con người lao khổ của lịch sử, của nhân loại đã ấp ủ, giữ gìn đời đời.

NHỚ ƠN BÁC HỒ

BÙI HUY PHÒN

Giờ làm việc đã hết. Chúng tôi vẫn còn quây quần bên chiếc bàn toà soạn tạp chí Tác phẩm Mới ở trụ sở Hội Nhà văn để chờ đón thêm những tin tức về bệnh tình của Hồ Chủ tịch. Chợt thấy anh Nguyễn Công Hoan đi ngang qua, chúng tôi liền mời vào. Tất cả chúng tôi hầu như hỏi cùng một lúc:

- Thế nào, anh?

Không trả lời chúng tôi, anh đưa tay bưng mặt, gục xuống thành bàn, khóc nức nở, rũ rượi, tiếng khóc mà riêng tôi, được biết nhau từ mấy chục năm trời, chưa bao giờ tôi thấy ở Nguyễn Công Hoan cả.

Tôi bàng hoàng, nghẹn thở, lặng lẽ không nhìn ai, nhưng biết rằng ai ai cũng đều như mình đang rung rung nước mắt: Thế là Hồ Chủ tịch, Bác Hồ muôn vàn kính mến mãi mãi xa chúng ta rồi!

Tôi đã từng nghe mẹ tôi thuật lại, những giờ phút cuối cùng của cha tôi, đã từng nghe tin báo về cái chết của mẹ tôi, của một số những người thân thiết nhất đời mình. Mỗi lần mất đi một người thân, tôi đau đớn cơ hồ mất đi phần nửa cơ thể của mình. Nhưng giờ đây, mặc dù mình đã tự chuẩn bị tư tưởng cho mình từ trước, mình đã tự xác định thái độ mình từ trước, cái tin Bác Hồ mất đã khiến cho tôi, bên cạnh thứ đau đớn được nhân lên gấp bội, còn có một nỗi niềm băng khuâng, trống trải, một cái gì như thiếu hẳn một tiếng nói gần gũi trong tiếng nói thân thuộc hàng ngày, thiếu hẳn một hơi thở ấm áp trong nhịp thở của tôi hàng ngày.

Đếm làm sao cho xuể những công ơn của Bác đem lại cho dân tộc, đem lại cho loài người cùng khổ trên thế giới, đem lại cho mỗi người viết văn chúng tôi nói riêng đã từng sống dưới chế độ cũ trong đó có tôi! Năm nay, để kỷ niệm ngày sinh của Bác, theo lệ quen, tôi có làm một đôi câu đối tưởng nhớ công ơn của Đảng của Bác nhưng thấy rằng từ chưa đạt ý, nên tôi chưa thật sự hài lòng:

Nhờ Đảng tiền phong: có nước, có nhà, có cả!

Ơn Hồ Chủ tịch: no cơm, no chữ, no chung!

Chưa hài lòng, vì tôi nghĩ rằng tất cả chúng ta cũng như mỗi người chúng ta trong đó có cả bản thân tôi đều mang ơn Bác rất nhiều, nhờ Bác mà tôi có được những hạnh phúc và vinh dự lớn nhất làm cho không ít những bè bạn khắp năm châu đang khao khát được ở địa vị của tôi, của chúng ta, chứ đâu phải chỉ có “no cơm, no chữ”!

Bác Hồ không còn nữa. Đối với mỗi người thân mật đi thường thường tôi thấy ân hận trong lòng rằng mình đã ăn ở có điều gì không phải khi còn sinh thời người đó. Đối với Bác Hồ, cái điều làm tôi ân hận đến day dứt, đó là chưa làm theo được những điều dạy bảo của Bác, chưa noi theo được tấm gương trong sáng về cuộc đời của Bác, chưa học theo được bao lần những cách nhìn, nếp nghĩ, lời văn, tiếng nói... của Bác, để cho lúc sống Bác được vui lòng. Vậy phải làm gì từ ngày hôm nay, khi Bác đã mất đi?

Dưới sự dìu dắt của Trung ương Đảng, một tập thể trí tuệ sáng suốt được Hồ Chủ tịch tin cậy và bồi dưỡng mấy lâu, tôi tự hứa với lòng sẽ đem toàn tâm toàn ý ra hoàn thành những nhiệm vụ thuộc phạm vi trách nhiệm của mình, mong sao góp phần thực hiện những ước mơ cao cả của Bác được trong muôn một.

LỜI HỨA VỚI BÁC

ĐOÀN GIỎI

Mười lăm năm tập kết ra miền Bắc, sống trong lòng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, tôi như đứa con đi xa về tới gia đình, và trong đại tang này, được có mặt bên di hài Bác, tôi càng xót thương cho bà con anh em mình còn chưa được một lần gặp Bác. Đứng giữa Hà Nội rũ cờ tang trang nghiêm trên đầu, và những dòng người đeo băng tang cuộn cuộn trôi dưới phố, mà có lúc tôi thấy mình như đang đứng giữa Sài Gòn đầm đìa nước mắt, có lúc tôi thấy mình đang đứng bên những bà má, những em nhỏ lẫn lộn kêu khóc gọi Bác Hồ, bên những dòng sông đen ngòm bóng nước, mãi tận cùng chót mũi Cà Mau. Còn thương đau nào to lớn hơn thương đau đang bóp thắt 14 triệu quả tim của cha mẹ, anh em đồng bào tôi ở miền Nam bao nhiêu năm hoài vọng Bác Hồ.

*Ôi! Trên mảnh đất phương Nam này
Ngày niên thiếu Bác đã ra đi
Đến nay, cội cây xưa đã cao hình cổ thụ
Mà Bác vẫn chưa về,
Nên lòng miền Nam càng mong nhớ!*

Miền Nam ngày đêm mong ngóng Bác Hồ và Bác Hồ lúc nào cũng đau đầu lo nghĩ, nhắc nhở, theo dõi từng bước đi của cách mạng giải phóng miền Nam. “Miền Nam luôn luôn ở trong trái tim tôi!”. Tấm lòng của Bác, câu nói đó của Bác đã khắc sâu vào tâm não của 14 triệu đồng bào miền Nam luôn hướng về Bác.

Khi chúng tôi mới tập kết ra Bắc, học ở trường chính huấn miền Nam khoá I, một hôm Bác vào thăm. Bác xuống tận bếp

xem nấu nướng thế nào, Bác giờ lồng bàn ra xem thức ăn, xem rá cơm và hỏi: “Các chú ăn cơm có đủ không, có no không?” rồi Bác dặn nhà bếp “phải kiểm nước mắm ngon, các cô các chú trong Nam ta vốn thích nước mắm”. Từ những vấn đề to lớn đến một việc hết sức nhỏ bé, Bác Hồ lúc nào cũng lo nghĩ, chăm sóc đến những đứa con xa. Ước nguyện của Bác là đến ngày Tổ quốc thống nhất, trước hết Bác sẽ vào Nam gặp gỡ chúc mừng đồng bào... thế mà giờ đây, sắp đến ngày thắng lợi, ngày thắng lợi tới rồi, Bác phải vĩnh biệt chúng ta.

Chưa bao giờ hai chữ Vĩnh biệt lại tác động dữ dội trong tôi như những giờ phút này. Đời đời vĩnh biệt! Hồ Chủ tịch từ nay vĩnh biệt chúng ta rồi!

Ôi, cứ mỗi lúc tự bảo mình nén khóc là mỗi lần nước mắt thương đau lại cuộn cuộn trào ra.

Người nằm đó, giữa khóc thương của ba mươi một triệu đồng bào, vẫn mặc bộ quần áo ka-ki đã bạc vá mạng mấy chỗ, vẫn đi đôi bít-tát trắng sợi thô, và bên chân Người còn lại đôi dép cao-su đã vệt mòn. Suốt đời vì Cha già dân tộc chúng ta chỉ phấn đấu vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân ta, vì hạnh phúc của cả loài người, của giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Từ quốc tổ Hùng Vương dựng nước đến nay ở ta, và rộng khắp năm châu thế giới, hỏi đã có một vị nguyên thủ quốc gia nào vì nhân dân đồng bào mà tận tụy hy sinh, giản dị khiêm tốn quên mình đến vậy?

Nước sông Hồng năm nay cuộn cuộn dâng to hơn bao giờ hết. Trời lúc nào cũng vùn vụt mây đen. Bão lại đang gầm gào thổi tới, đổ bộ lên miền Bắc. Nhưng cơn bão số 3 từ biển khơi ầm ầm thốc vào vấp muôn ngọn núi Trường Sơn đã tan. Chúng ta đã dựng đê cao lên, ngăn được lũ lụt. Nước dữ đã phải rút xuống. Đe dọa của thiên nhiên, sức người chúng ta đã dẹp rồi. Mà cơn đau của Bác, chúng ta không cứu chữa khỏi. Miền Nam ta ơi! Hướng về trời Bắc thu này, miền Nam có thấy trên trời thu

xanh biếc, đám mây trắng nào cũng kết hình chim hạc bay đưa một anh linh lãnh tụ vĩ đại lên chốn không cùng.

Bác đã vĩnh biệt chúng ta rồi! Bác Hồ muôn vàn kính yêu của chúng ta đã mất rồi. Nhưng Bác vẫn đời đời ở bên cạnh chúng ta. Chưa bao giờ tôi thấy gắn bó thân thương với khắp chung quanh bằng những giờ phút này. Băng tang trên ngực áo đủ mọi lứa tuổi, đủ mọi lớp người là biểu hiện tập trung của mọi tấm lòng đau, thương nhớ Bác. Bác đang sống trong tim mọi người. Bác đã hoá thân vào tất cả mọi công dân Việt Nam rồi! Trong màu xanh cây lá Bác bảo trồng, trong giọt nước con mương thuỷ lợi Bác hằng quan tâm, trong tiếng chim ca trên cánh đồng hợp tác, trong giọng cười thơ ngây con trẻ, trong màu trắng hạt cơm từng bữa tôi ăn, trong trang giấy trên bàn viết tôi đây... trong tất cả những gì là vật chất là tinh thần của Tổ quốc ta đang có được, thấy thấy đều hiện lên hình ảnh Bác! Bác đã hiện ra trong ngôi sao vàng năm cánh, trong tuyên ngôn độc lập ở Quảng trường Ba Đình ngày 2 tháng 9 năm 1945, dù từ già cỗi đời, mãi mãi Bác vẫn sống giữa ánh sao chói lọi của ngọn cờ Tổ quốc, mãi mãi Bác vẫn sống bên cạnh dắt dẫn Đảng ta, dắt dẫn đồng bào hai miền Nam Bắc chúng ta đi tới, nối tiếp con đường của Người, trong những lời di chúc cuối cùng mà đồng chí Lê Duẩn Bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng đã nghẹn ngào tuyên đọc cũng tại quảng trường Ba Đình, buổi lễ tang truy điệu Người ngày 9 tháng 9 năm nay.

* * *

Oi bà má Năm Căn, hồi hoà bình lập lại vẫn ước ao thấy ngày Tổ quốc độc lập thống nhất, để má sẽ được ra tận thủ đô Hà Nội viếng thăm và biếu một lọ mắm tép cho Cụ Hồ, để má được tự tay trồng một cây đước Cà Mau bên hồ Hoàn Kiếm, tiêu biểu cho tấm lòng những người thợ rừng, thợ biển ở nơi tận cùng đất phương Nam muốn được luôn luôn gần gũi Bác Hồ! Vì sao đến nay đất nước ta còn bị chia cắt? Vì sao đến nay đồng bào Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn còn chưa được đón Bác vào Nam? Thành phố

mang tên HỒ CHÍ MINH, Cha già yêu quý lãnh tụ vĩ đại của dân tộc ta bấy lâu vì Người phấn đấu không ngừng nghỉ, trong đau thương này, sẽ vì Người giáng cho bè lũ Mỹ nguy những đòn sấm sét gấp trăm nghìn trước. Một thằng đế quốc Mỹ chứ mười thằng đế quốc Mỹ và tay sai, chúng ta cũng quyết đánh cho kỳ sạch, quét không sót một tên trên đất nước chúng ta.

Bác ơi! Dù có khó khăn gian khổ đến mấy, trước anh linh Bác cháu xin thề sẽ vươn thẳng ngọn bút, phấn đấu bên gươm trần, súng tuốt của đồng bào miền Nam, của đồng bào hai miền Nam Bắc, tiến sát ngọn cờ bách chiến bách thắng của Bác đã trao lại cho Tổ quốc và Đảng hôm nay.

THƯƠNG NHỚ BÁC HỒ

HÀNG PHƯƠNG

Những anh chị em được cử đi dự cuộc mít-ting tại Quảng trường Ba-dình ngày 2-9 năm 1945 đều đã khắc sâu lời Bác: “Tôi nói đồng bào nghe rõ không”? Lời Bác hỏi chứa đựng biết bao tình yêu thương! Tình yêu thương của Bác đối với đồng bào, lòng kính mến của đồng bào đối với Bác, cùng với năm tháng càng nặng, càng sâu. Hôm nay thì Bác đã vĩnh biệt chúng ta rồi!

Bác suốt đời tận tụy vì Tổ quốc, vì dân tộc:

*“Cảnh khuya như vẽ Người chưa ngủ
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”⁽¹⁾*

Bác là người chiến sĩ kiên cường luôn luôn chiến đấu vì hạnh phúc của dân tộc, của giai cấp, quên cả bản thân. Nghĩ đến những điều đó, chúng ta càng thêm kính yêu, thương tiếc Bác vô hạn!

Nhớ hồi Cách mạng tháng Tám mới thành công, Tết Nguyên đán năm ấy (1946), tôi được vinh dự lên Bắc-bộ phủ chúc Tết Hồ Chủ tịch.

Nhờ cách mạng giải phóng ách nô lệ của toàn dân tộc, tôi mới được đặt chân đến cái tòa nhà trước kia là nơi tên Thống sứ Bắc-kỳ ở: thăm đồ trải trong các phòng, bàn ghế tranh tượng đủ thứ; giữa các nơi lộng lẫy đó Hồ Chủ tịch mặc bộ quần áo ka-ki đã bạc màu, chân đi giày vải. Bác bắt tay tôi và chỉ ghế cho ngồi. Bác gọi rót nước, đồng chí tiếp tân rót chén nước chè nhạt hơi nguội, Bác bảo rót chén khác, tôi sợ làm phiền lòng Bác, vội

⁽¹⁾ Thơ Hồ Chủ tịch.

bưng chén nước uống hết một cách ngon lành, rồi xin phép Bác đọc bài thơ chúc mừng Bác ngày Tết.

Tôi nhớ mãi những phút giây đầm ấm thân mật đó. Tôi nhớ mãi từng cử chỉ nhanh nhẹn hoạt bát, từng lời nói giản dị thấm thiết của Bác. Sau này còn được gặp Bác trong nhiều cuộc họp Văn nghệ nhưng hình ảnh lần đầu gặp Bác mãi mãi ghi sâu vào trí nhớ, vào tâm hồn của tôi.

Lòng nhân ái của Bác bao trùm sông núi, ý chí cách mạng của Bác ngời sáng muôn đời. Lời dạy của Bác rung động hàng trăm triệu trái tim người.

Bác lo cho chúng ta trăm việc. Cả cuộc đời của Bác chỉ vì chúng ta, vì con cháu chúng ta mãi mãi sau này.

Bác mất, chúng ta mất một người cha có lòng thương con không bờ bến! Dân tộc ta thương nhớ Bác biết lúc nào nguôi! Nhưng chúng ta biến đau thương thành sức mạnh, thành hành động cách mạng, quyết tâm đóng góp phần của mình, thực hiện cho được lời dạy của Bác: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, nhất định chiến thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược.



Chủ tịch Hồ Chí Minh chụp ảnh với anh chị em làm báo
và văn nghệ sĩ ở Việt Bắc (4/1950)

Nguồn: Bảo tàng Hồ Chí Minh

CỤ HỒ CỦA NHÂN DÂN

VŨ THỊ THƯỜNG

Tôi đã đi trong những dòng người vào viếng Bác nửa đêm về sáng ngày 8-9. Hàng nghìn, hàng nghìn người lặng lẽ, xếp hàng đôi, đi qua linh cữu Bác. Tất cả những cặp mắt nhoà đi, những cặp mắt rung rung đều cố nhìn mãi Bác. Bác ơi! Bác kia, hai bàn chân Bác đi trong đôi tất trắng! Bộ quần áo ka-ki Bác mặc mọi khi; và đôi dép, vẫn chỉ là đôi dép cao su đen cũ Bác đi thường ngày.

Bác mất đi, cả nước đau chung nỗi đau mất Bác. Nhưng trong những ngày này, tôi cứ nghĩ đến bà con nông dân, những người ở những làng xóm xa đã phải chịu thiệt thòi không được về đây viếng Bác, vĩnh biệt Bác.

Trong những ngày được sống cạnh họ, tôi đã thấy họ yêu Bác như thế nào. Có lẽ họ nghĩ về Bác như nghĩ về một người cha, nghĩ về một ông cụ cũng nâu sồng, cũng trải nửa đời người chân lấm tay bùn, cũng ăn cơm gạo đỏ với cà với tương như họ. Họ tin chắc trên đời này, ông Cụ mới là người hiểu hết mọi nỗi vất vả gian nan của họ. Có biết bao nhiêu người cả một đời chưa đặt chân lên tỉnh lán nào, chưa bao giờ được nhìn thấy Bác, nhưng họ tin một cách hồn nhiên và mãnh liệt, rằng mọi việc họ làm hay hay dở, Bác ở xa, Bác đều biết hết. Từ lòng tin đó, mà họ đã ngày đêm gắng sức chống hạn, chống lụt, chống mọi thứ thiên tai địch họa để làm nên năm tấn thóc. Những người nông dân ấy, những người yêu Bác bằng tấm lòng chân thành và mộc mạc ấy, họ sẽ đau đớn biết chừng nào khi đời họ từ nay thiếu Bác!

* * *

Mấy ngày nay, trong mỗi nhà hay trong những cuộc lễ viếng Bác, những người khóc nhiều nhất vẫn là phụ nữ. Không ai nghĩ một cách thông thường rằng phụ nữ xưa nay vẫn mau nước mắt. Bởi vì ai cũng biết Bác mất đi thì phụ nữ chúng tôi là những người đau hơn hết, xót xa hơn hết.

Ngay từ đầu năm 1922, khi Bác còn hoạt động ngay trên đất Pháp, bằng những bài báo, Bác đã nhiều lần lớn tiếng bênh vực chị em và lên án chủ nghĩa thực dân một cách kịch liệt.

Ngày 3-9-1945 (đau đớn quá! Ai có ngờ đâu cũng đúng ngày này 24 năm sau Bác mất!) Hội đồng Chính phủ lần đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đã họp dưới quyền chủ tọa của Hồ Chủ tịch - của Bác. Một trong sáu vấn đề Bác đưa ra để hội đồng Chính phủ thảo luận có vấn đề “Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tất cả công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử...”

Như vậy là suốt trong lịch sử mấy nghìn năm, lần đầu tiên người phụ nữ Việt Nam được công nhận quyền bình đẳng trong xã hội, trước hết là quyền ứng cử và bầu cử.

Không phải Bác chỉ lo cho chị em những chuyện lớn lao. Bác lo cho chị em cả từ những việc nhỏ, rất nhỏ. Cuối năm 1966, Bác về thăm Thái Bình. Lần ấy, Bác căn dặn các cán bộ lãnh đạo: “Phải giữ gìn sức khoẻ cho phụ nữ để chị em tham gia sản xuất được tốt. Ví dụ: khi phụ nữ có kinh thì hợp tác xã chớ phân công cho họ đi làm ở chỗ ruộng sâu, nước rét”... Đặc biệt, Bác rất buồn về chuyện cho đến nay vẫn còn có người đánh vợ. Bác nói: “Chúng ta làm cách mạng là để tranh lấy quyền bình đẳng, trai gái đều ngang quyền như nhau... Nhưng Bác nghe nói vẫn có người đánh chửi vợ! Đó là một điều đáng xấu hổ! Như thế là phạm pháp, đầu năm 1967, Bác về thăm Hà Tây, trong khi nói chuyện với cán bộ tỉnh, Bác cũng lại nói về vấn đề này: “Đánh

vợ là rất xấu! Sao khi thì anh anh em em, mà khi thì lại thúi người ta? Nếu có đánh vợ thì phải sửa vì như vậy là dã man, là phạm pháp luật"... Ôi! Bác đúng y như một ông bố nhân từ, rất mực thương con gái, nay thấy con mình chẳng may lấy phải chồng vũ phu thì tìm cách chở che cho nó!

* * *

Những ngày đầu Bác vừa mới mất, nỗi đau không nén được, nỗi đau phải oà lên thành tiếng khóc. Nhưng những ngày sau nỗi đau mới thật thấm vào trong - nỗi đau nó làm cho mỗi người đều trở nên nghiêm trang hơn, trầm lặng hơn, và từ trong tâm trạng ấy mà dường như mỗi người đều tự kiểm điểm lại mình, xem lâu nay mình đã học tập và làm theo được những gì, có gì sai sót, đối chiếu với đạo đức, tác phong của Bác.

Đứng ở góc độ của một người viết văn, tôi đã ngẫm nghĩ về những điều này: Bác xa nước ba mươi năm, khi ra đi Bác còn rất trẻ, nhưng khi trở về nước, Bác lại nói năng sinh hoạt hoàn toàn như một người ở sâu suốt đời nơi thôn xóm. Bác hiểu căn kẽ và tôn trọng từng phong tục tập quán của dân. Bác rất thuộc ca dao, tục ngữ, thuộc truyện và các bài thơ hay khác của dân tộc. Tất cả các văn kiện, các lời kêu gọi, các bài báo Bác viết ra trong nước, Bác đều viết hết sức nôm na, hết sức giản dị - giản dị đến cái mức từ những người thật chậm hiểu, đến những ông già bà cả, những em bé mới học vỡ lòng, cũng đều hiểu hết. Thì ra Bác làm văn, mà chính vì mục đích cao hơn: Bác làm là làm cho cách mạng.

Thưa Bác! Trước anh linh Bác, cháu nguyện sẽ gắng sức noi theo để xứng đáng với những ngày trên đời này cháu còn có Bác.

BA LẦN BÁC ĐẾN VỚI SÂN KHẤU

PHAN KẾ HOÀNH

Khó có thể nói hết được tấm lòng quý trọng và yêu thương của Bác đối với văn học nghệ thuật và văn nghệ sĩ chúng ta.

Riêng đối với sân khấu, Bác cũng để lại cho chúng ta một di sản hết sức quý báu cùng với muôn vàn tình thương yêu.

Bác đến với sân khấu nhiều lần, trong nhiều trường hợp khác nhau và ở nhiều cương vị khác nhau. Trong bài viết nhỏ này và trong phạm vi tư liệu hiện nay, chúng tôi chỉ xin phép được nêu lên ba lần Bác đến với sân khấu, tiêu biểu cho ba vị trí khác nhau của môn nghệ thuật này.

Lần thứ nhất, vào năm 1922, lúc đất nước ta còn là một nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến. Khi tên vua bù nhìn Khải Định được thực dân đưa sang Pháp dự cuộc "đấu xảo thuộc địa" ở Mác-xây, Bác của chúng ta, lúc đó đang hoạt động cách mạng tại Pháp, liền viết ngay vở kịch bằng tiếng Pháp nhan đề *Con rồng tre (Le dragon de bambou)*. Mục đích Bác viết vở kịch này là để vạch trần âm mưu lừa bịp nhân dân của đế quốc và sự đê tiện, bất lực của vua chúa bù nhìn. Kịch một màn, nội dung đại thể là "Có những cây tre thân hình quằn quẹo. Những người chơi đồ cổ lấy về để gọt thành con rồng. Nó là đồ chơi, là một khúc tre. Là một khúc tre nhưng lại hãnh diện có tên và hình dáng con rồng. Tuy vậy chỉ là một quái vật vô dụng^(*)."

^(*) Theo Trần Dân Tiên - "Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch".

Vở kịch được Lêôi Pônđê, chủ tịch *Câu lạc bộ ngoại ô* (Pari) giới thiệu với ban tổ chức ngày hội lớn hằng năm của báo *Nhân đạo* ở Gác-sơ. Đến ngày chủ nhật 18-6-1922, vở kịch đã ra mắt công chúng, do *Câu lạc bộ ngoại ô* trình diễn giữa trời.

Rất tiếc là cho đến nay chúng ta chưa sưu tầm, nghiên cứu được gì hơn về vở kịch có ý nghĩa lịch sử này của Hồ Chủ tịch, khi Người còn hoạt động ở nước ngoài^(*).

Tuy nhiên bằng vở *Con rồng tre*, Bác đã đến với sân khấu với tư cách là một người *sáng tác kịch bản*. Và Người sáng tác kịch bản đó đã sử dụng ngòi bút viết kịch của mình như một vũ khí sắc bén chĩa thẳng vào tim đen của kẻ thù tàn bạo và dối trá là bọn đế quốc xâm lược và bọn phong kiến bán nước. Phương tiện nghệ thuật sân khấu khi đã ở trong tay người chiến sĩ cách mạng kiên cường, lập tức trở thành vũ khí sắc bén chống lại cường quyền áp bức, chống lại bọn phản động, bán nước buôn dân.

Lần thứ hai, Bác đến với sân khấu - trong phạm vi tư liệu hiện nay mà chúng tôi được biết - là vào những ngày trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, ở chiến khu Tân Trào. Chúng ta hãy nghe đồng chí Trần Trọng Trung, lúc đó là học sinh Trường Quân chính đang dự một lớp huấn luyện chuyên môn tại một cơ quan ở Tân Trào (Tuyên Quang) kể:

"Ngoài việc học, chúng tôi còn phải luôn luôn tiếp xúc với dân làng ở đấy để tuyên truyền giúp đỡ họ. Cái mà dân chúng Tân Trào thích nhất là kịch, biết thế nên chúng tôi tổ chức luôn. Mỗi lần sắp diễn, Cụ hỏi xem kịch có hợp với tình thế và trình độ dân chúng không, rồi mới cho diễn. Ai có thể không cảm động khi thấy trước ngày diễn kịch, dù khuya Cụ cũng ngồi gốc cây xem chúng tôi tập kịch và sửa chữa cho chúng tôi, không biết mệt mỏi, không biết đau lưng là gì. Chúng tôi diễn một vở kịch

(*) Đồng chí Hà Huy Giáp cho biết là khi đồng chí hỏi Hồ Chủ tịch về kịch bản vở này, Người đã nói: *bản thảo của Bác, một đồng chí người da đen ở khu Hác-lem (Niuóc, Hoa Kỳ) đã xin đem về quê hương.*

về đời Trần đánh quân Nguyên, Cụ ngồi viết cho chúng tôi hai chữ Nho rất lớn trên hai tờ giấy dùng làm cờ!

- Các chú nói "liệt vị" không được. Quân chúng không hiểu đâu. Nói nôm na là "các ông" còn hơn...

- Chú này nói nhanh quá, chú kia nói nhỏ quá. Quân chúng nghe không được rõ đâu...

Sau một tối kịch, chúng tôi về, Cụ lại hỏi xem kết quả ra sao, quân chúng có vui vẻ không? Có hoan nghênh và nhất là có hiểu ý nghĩa vở kịch không?"^(*).

Như vậy, lần thứ hai Bác đến với sân khấu như là với tư cách của một người đạo diễn kịch. Hãy nhớ lại thời gian lịch sử này! Lúc đó sắp nổ ra cuộc Cách mạng tháng Tám, Bác bận trăm công nghìn việc và thời gian này Bác lại không được khoẻ. Thế mà "Người đạo diễn" ấy mặc dù trời khuya vẫn ngồi gốc cây xem anh em tập kịch và sửa chữa cho họ không biết mệt mỏi, không biết đau lưng là gì. Chúng ta mong rằng lịch sử sân khấu Việt Nam hãy ghi lấy hình ảnh cao đẹp này! "Người đạo diễn" ấy đã đặc biệt chú ý đến người xem. Mục đích cao nhất của hoạt động nghệ thuật là vì đối tượng cảm thụ nghệ thuật. Từ mục đích đó, đối tượng đó mà xem xét những phương thức biểu hiện và thủ pháp nghệ thuật. Diễn một vở kịch lịch sử đời Trần cho công chúng là người dân tộc Tày ở Tân Trào, để gây không khí lịch sử, Bác sẵn sàng viết cho các đồng chí diễn kịch hai chữ Nho rất lớn trên hai tờ giấy làm cờ; vì đó là biểu tượng sân khấu. Nhưng trong đài từ là phương tiện thông tin trực tiếp của sân khấu thì Bác rất cân nhắc. Một đằng dùng từ "liệt vị" với mục đích tiếp cận với hiện thực lịch sử, nhưng người xem không hiểu nghĩa, một đằng tạm dùng từ "các ông" để công chúng hiểu, nên Bác chọn cách thứ hai. Và điều quan tâm lớn nhất của Bác đối với

^(*) Trích bài hồi ký nhan đề: "Ông già làm ruộng Tân Trào hay những ngày chung sống với Cụ Hồ ở chiến khu" của Trần Trọng Trung đăng trên báo Cứu quốc số 327 ra ngày 24-8-1946.

kết quả của một tối kịch là quần chúng có hiểu ý nghĩa vở kịch không? Có vui vẻ và hoan nghênh hay không? Điểm xuất phát vẫn là đối tượng cảm thụ nghệ thuật, là tác dụng của nghệ thuật đối với người thưởng thức v.v.

Còn *lần thứ ba*, thì không phải chỉ có một lần, mà từ Cách mạng tháng Tám đến trước ngày Bác qua đời, Bác đã nhiều lần đến với những buổi biểu diễn của các đoàn nghệ thuật sân khấu thuộc hầu hết các kịch chủng. Ngay từ những ngày đầu cách mạng, với cương vị Chủ tịch nước, mặc dù bận trăm công nghìn việc phức tạp, khó khăn, Bác vẫn vui lòng dành thời giờ rất eo hẹp và quý báu của Bác để đến "chủ tọa danh dự" những buổi diễn kịch của các cháu nhi đồng, thanh niên, phụ nữ ở Nhà hát lớn Hà Nội, nhằm khích lệ phong trào hoạt động yêu nước của đồng bào. Trong kháng chiến lần thứ nhất, ở chiến khu Việt Bắc, Bác cũng đã nhiều lần tiếp xúc với sân khấu, xem anh chị em ta biểu diễn và trao đổi thân mật với diễn viên. Hoà bình lập lại, chúng ta tổ chức Đại hội liên hoan văn công toàn quốc, Bác khích lệ ngành sân khấu: *"Chúng ta không quên những ngày khắc khổ trong mấy năm qua, đêm sương gió lạnh, áo vá quần manh. Có người miệng nhai ngô, tay viết kịch trong hầm tối hoặc dưới những lều tranh"*^(**). Cho đến những ngày Bác sắp từ biệt nhân dân ta, mặc dù tuổi già sức yếu, Bác vẫn quan tâm xem những buổi biểu diễn sân khấu.

Với tư cách là một *công chúng* của sân khấu, bao giờ Bác cũng đến với thái độ ân cần, đầy lòng thương yêu, chăm sóc, cảm thông... với chị em làm công tác sân khấu. Chúng ta còn nhớ hình ảnh Bác giản dị trong bộ quần áo ka-ki bạc màu và đôi dép cao su đã cũ, Bác ngồi quay quần quanh anh chị em diễn viên sau khi đã kết thúc đêm diễn (vở *Chị Trâm*) tại Đại hội liên hoan chiến sĩ thi đua nông nghiệp toàn quốc đầu xuân 1954. Bác

(**) Dẫn theo Huỳnh Lý và Trần Văn Hối trong Giáo trình lịch sử Văn học Việt Nam tập VI 1945 - 1960, Nhà xuất bản Giáo Dục, Hà Nội, 1962, trang 399.

ân cần hỏi thăm tên tuổi, sức khỏe và thành tích kháng chiến của từng anh chị em trong Đoàn văn công nhân dân Trung ương, Bác chia kẹo cho nữ và thuốc lá cho nam.

Song không phải chỉ có thế! Với tư cách là người xem, Bác còn đóng góp nhiều ý kiến quý sau mỗi lần biểu diễn về các vấn đề, từ viết kịch bản đến biểu diễn, khai thác vốn cũ dân tộc đến vốn sống của người làm công tác sân khấu. Vào khoảng tháng 3-1954, tại chiến khu Việt Bắc Bác xem Đoàn văn công nhân dân Trung ương biểu diễn vở *Chị Tám anh Diên*. Xem xong, Bác ân cần nhắc nhở anh chị em cố gắng học hỏi nhiều tích chèo, cố gắng khai thác vốn cũ của dân tộc để sáng tác biểu diễn thêm nhiều vở mới, làn điệu mới. Qua câu chuyện, chúng ta thấy Bác rất am hiểu và yêu các vở chèo. Bác cũng còn thân mật khuyên nhủ anh chị em trong đoàn cần nắm vững lập trường và quan điểm cách mạng trong việc khai thác vốn cũ dân tộc. Qua đó, Bác hàm ý chưa hài lòng về cách cải biên câu chuyện *Tám Cám* của vở chèo này. Thật là "khó khăn" nhưng cũng sung sướng biết bao cho người làm công tác sân khấu được biểu diễn trước một Công Chúng lý tưởng như vậy.

Và còn biết bao lần khác, Bác xem biểu diễn văn nghệ và đã phát biểu những ý kiến quý báu đối với những người làm công tác sân khấu. Sưu tầm, tập hợp và tìm hiểu kỹ tất cả những ý kiến của Bác, chúng ta sẽ hiểu được sâu sắc hơn tấm lòng của Bác đối với sân khấu, cũng sẽ thấy rõ hơn quan điểm nghệ thuật của Bác về sân khấu.

"NHỮNG VẦN THƠ THÉP" SỰ THỂ NGHIỆM THÀNH CÔNG CỦA SÂN KHẤU CHÈO!

(Phỏng vấn đạo diễn, NSUT BÙI ĐẮC SỪ)

Giới hoạt động sân khấu Thủ đô cũng như đông đảo khán giả đã dành nhiều sự quan tâm cho vở diễn "Những vần thơ thép" (kịch bản: Trần Đình Ngôn) của Nhà hát chèo Việt Nam. Đây không chỉ là vở diễn đầu tiên của sân khấu chèo về đề tài Bác Hồ mà nó còn được dư luận đánh giá cao về sự thành công trong việc tìm tòi và sáng tạo của sân khấu chèo hiện đại từ đề tài, cách dàn dựng, dàn diễn viên tham gia diễn xuất, âm nhạc, ánh sáng... Nhân dịp Hội diễn Sân khấu Chèo chuyên nghiệp toàn quốc năm 2005 đang diễn ra tại Quảng Ninh (từ ngày 7-17/9/2005) xin trích giới thiệu với độc giả cuộc trò chuyện với đạo diễn NSUT Bùi Đắc Sừ - GD Nhà hát Chèo, đồng thời cũng là người đảm nhận vai trò đạo diễn vở diễn mới này.

PV: Ông có thể nói một chút về ý tưởng của mình khi thực hiện vở diễn này?

Mong muốn được đưa đề tài hiện đại lên sân khấu luôn là một thách thức đối với các loại hình sân khấu kịch hát dân tộc nói chung và sân khấu chèo nói riêng. Tuy nhiên trong các kỳ Hội diễn sân khấu gần đây, Cục nghệ thuật biểu diễn luôn khuyến khích các vở diễn về đề tài này khiến cho các đoàn nghệ thuật rất trăn trở trong việc tìm kiếm kịch bản. Với bản thân tôi, ý tưởng thực hiện một vở diễn về đề tài Bác Hồ trên sân khấu

chèo đã được tôi ấp ủ từ khi tôi thực hiện thành công vở "Hồ Xuân Hương" - Một vở diễn mà cốt truyện được xây dựng trên cơ sở một số bài thơ của nữ sĩ tài ba này. Khi đó đọc "Nhật ký trong tù" tôi đã nghĩ rằng, tại sao mình có thể làm được Hồ Xuân Hương mà lại không thể làm được một vở diễn về Bác dựa trên một số bài thơ tiêu biểu của Người. Lúc tôi đem ý tưởng đó chia sẻ với TS. Trần Đình Ngôn và được ông rất ủng hộ. Thế là chúng tôi cùng bắt tay vào thực hiện.

PV: Khi quyết định dàn dựng "Những vần thơ thép" ông có nghĩ mình đã quá mạo hiểm, nhất là với một vở được dàn dựng để tham gia Hội diễn?

Xưa nay những vở diễn về đề tài Bác Hồ trên sân khấu kịch hay phim ảnh thì đã có nhiều nhưng riêng với sân khấu chèo thì đây là vở diễn đầu tiên. Hơn nữa đây lại là một vở diễn mà Bác Hồ là nhân vật chính xuyên suốt toàn bộ vở diễn nên chắc chắn sẽ có nhiều khó khăn. Do đó khi quyết định dàn dựng "Những vần thơ thép", có không ít bạn nghề rất lấy làm ái ngại cho tôi. Thậm chí có người còn cho rằng tôi đang thách thức với làng chèo, thế nhưng bản thân tôi luôn coi đó là một sự tìm tòi, thử nghiệm riêng. Tôi luôn xác định rằng mình như đang đánh cược với chính mình: một được một thua.

PV: Nhưng cuối cùng ông đã thành công với sự mạo hiểm của chính mình?

Có thể tạm coi là như vậy. Ngay khi vở diễn mới đưa lên sân tập, dư luận đã rất quan tâm và chờ đợi xem Bác Hồ sẽ hát chèo như thế nào? Vì vậy ngay từ những buổi ra mắt đầu tiên, vở diễn đã thu hút được đông đảo người xem. Điều tôi vui nhất là đa số khán giả đều tỏ ra thích thú và không ngớt lời khen ngợi, thậm chí nhiều khi chúng tôi còn thấy "ngượng" khi nhận được nhiều lời khen quá! Vui hơn cả là đa số những ai đã đến xem vở diễn đều không ngờ Bác Hồ có thể hát chèo, thậm chí hát chèo rất hay và ngọt ngào nữa là đằng khác.

PV: Để có được "Những vần thơ thép" thành công như hôm nay, ông cũng như toàn bộ êkíp sáng tạo đã gặp phải không ít khó khăn, ông có thể chia sẻ một chút về những khó khăn đó?

Thứ nhất là về khâu kịch bản, lần đầu tiên tác giả Trần Đình Ngôn viết, nó chỉ là một hoạt cảnh. Nhưng sau chuyến đi thực tế ở Trung Quốc, cộng với những bàn bạc thống nhất, chúng tôi đã bổ sung thành một kịch bản hoàn chỉnh với cốt truyện hoàn toàn hợp lý. Có kịch bản rồi, việc bắt tay vào dàn dựng với tôi cũng không hề đơn giản chút nào. Đặc trưng của sân khấu chèo là "có tích mới dịch nên trò", vì thế tôi đã rất trăn trở khi lựa chọn những chi tiết để đưa vào vở diễn. Một yêu cầu đặt ra là những chi tiết đó phải phù hợp với hoàn cảnh dẫn đến sự ra đời của các bài thơ của Bác, vì vậy nó đòi hỏi cao về sự xử lý của đạo diễn, của âm nhạc, của ánh sáng và vai trò diễn xuất của diễn viên... Những yếu tố đó phải được phối hợp với nhau một cách hài hoà và ăn ý. Sau gần 3 tháng trời trăn trở và tập luyện, cuối tháng 8 vừa qua "Những vần thơ thép" đã ra mắt khán giả với năm màn diễn phác họa rõ nét về hình tượng Bác Hồ trong suốt thời gian Người bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giữ và giam cầm tại hơn 30 nhà lao của tỉnh Quảng Tây - Trung Quốc. Mỗi một màn diễn tôi luôn chọn một cái kết. Chẳng hạn như kết của màn một là hình ảnh Bác bị dẫn giải từ nhà lao này đến nhà lao khác để minh họa cho bài thơ "Đi khắp đèo cao, khắp núi cao"; kết của màn hai là bài hát ru con với bài thơ về cháu bé trong nhà lao; màn ba là những hồi tưởng về quê hương Nghệ An của Bác với hình ảnh cao trào Xô Viết Nghệ Tĩnh 30-31 hay hình ảnh cả dân tộc đón Bác trong sắc đỏ của lá cờ Tổ quốc ở màn cuối cùng của vở diễn... Không chỉ vậy, trong quá trình dàn dựng, tôi đã cố gắng thể hiện mỗi nhân vật với các tính cách khác nhau mà không một vai nào giống vai nào mà vẫn đảm bảo được chất chèo trong từng vai diễn... Anh lính dẫn giải tù nhân đến Cục trưởng, cảnh binh hay nữ điệp viên Quế Hoa... đều có được những nét riêng biệt của mình, tạo điều kiện cho

diễn viên có thể phát huy được sự sáng tạo trong diễn xuất của mình. Điều đáng nói hơn cả là việc làm sao để nhân vật Bác Hồ vừa có cách nói, cách diễn đúng với phong thái của một con người vĩ đại nhưng vẫn có thể hát được chèo mà không bị khô cứng và lên gân. Hơn nữa Bác Hồ vốn là người Nghệ An nên có nhiều ý kiến cho rằng Bác Hồ phải nói giọng miền Trung. Thế nhưng nếu nói giọng miền Trung mà hát chèo thì hơi khó coi. Vì vậy mà tôi quyết định để diễn viên nói giọng Bắc bình thường, tuy nhiên trong các câu nói cần phải được nhấn nhá câu chữ sao cho hài hoà khi vào hát. Rất may là diễn viên Phú Kiên, người đảm nhận vai Bác đã hoàn thành xuất sắc vai diễn này. Do đó không chỉ khán giả, bạn bè đồng nghiệp mà ngay cả nhiều đồng chí lãnh đạo của Nhà nước sau khi xem xong đều nói rằng vở diễn rất thành công và "Bác Hồ hát chèo ngọt ngào quá!".

PV: Nhiều người dự đoán rằng "Những vần thơ thép" sẽ là vở diễn xuất sắc nhất tại Hội diễn Chèo lần này?

Tôi cũng hy vọng là như vậy. Nhiều đồng chí của Cục nghệ thuật biểu diễn sau khi xem tổng duyệt đã chọn vở "Những vần thơ thép" của chúng tôi làm vở biểu diễn mở màn tại Hội diễn lần này ở Quảng Ninh. Đây là một lợi thế và tôi hy vọng vở diễn của chúng tôi cũng sẽ được khán giả yêu thích như những buổi diễn đầu tiên tại Hà Nội.

PV: Được biết hiện nay ông là một trong số những đạo diễn sân khấu chèo rất có nghề và Hội diễn lần nào cũng có giải. Vì vậy mà nhiều đoàn nghệ thuật luôn tin nhiệm ông trong việc dàn dựng vở?

Tôi có may mắn là trước khi trở thành đạo diễn, tôi là một diễn viên chèo, vì vậy nó đã giúp tôi rất nhiều trong công việc đạo diễn. Cho đến nay tôi đã có hơn hai mươi năm trong vai trò dàn dựng với 12 HCV trong các kỳ Hội diễn sân khấu. Có lẽ vì vậy mà tôi luôn nhận được lời mời tham gia dựng vở của nhiều đoàn nghệ thuật khác nhau, nhất là vào các kỳ Hội diễn và Liên

hoan sân khấu. Hội diễn này tôi có ba vở: *Những vần thơ thép* - Nhà hát Chèo Việt Nam; *Nam được Thánh nhân* - Chèo Hải Dương; *Phò mã áo chàm* - Chèo Thái Nguyên.

PV: "Những vần thơ thép" được đánh giá là một vở chèo hiện đại rất thành công, thậm chí là thành công ngoài tưởng tượng. Phải chăng đề tài hiện đại là một hướng đi mới của Nhà hát Chèo Việt Nam.

Như đã nói ở trên, vở diễn này là một sự tìm tòi khám phá và một thử nghiệm mới của Nhà hát Chèo Việt Nam trong việc tiếp cận với những đề tài hiện đại. Tuy nhiên đây không phải là một việc làm mới bởi trước đây Nhà hát đã từng có nhiều vở diễn thành công thuộc đề tài này như: *Con trâu hai nhà*, *Đường về trận địa*, *Chị Tám anh Điền...* Với sự thành công của vở diễn mới lần này, chúng tôi hy vọng đó sẽ là một mốc quan trọng mở ra một hướng đi mới cho sân khấu chèo hiện đại hôm nay. Sắp tới chúng tôi cố gắng tìm tòi, khai thác nhiều hơn những kịch bản về đề tài hiện đại để đưa vào dàn dựng và tôi tin là chúng tôi sẽ làm được điều đó bởi "Bác Hồ còn hát chèo, lại được khán giả chấp nhận thì không có lý do gì mà những danh nhân lớn, những nhân vật đời thường hôm nay như giám đốc, kỹ sư lại không có mặt trên sân khấu chèo được!". Trước mắt, sau Hội diễn, chúng tôi đang có kế hoạch sẽ đưa "Những vần thơ thép" đi phục vụ rộng rãi khán giả cả nước.

HUYỀN CHI thực hiện

TỪ NHÂN VẬT LỊCH SỬ ĐẾN HÌNH TƯỢNG BÁC TRÊN SÂN KHẤU TUỒNG

VÕ SĨ THỪA

Trên 50 năm diễn tuồng, tôi đóng vai nhiều nhân vật lịch sử nhưng khó nhất là các vai Quang Trung, Nguyễn Trãi và hơn nữa là vai Bác Hồ. Với chủ trương của tỉnh Nghĩa Bình và cũng là ý nguyện của Nhà hát Đào Tấn, con cháu Tây Sơn Nguyễn Huệ phải cố gắng làm sống lại hình tượng người anh hùng kiệt xuất Quang Trung trên sân khấu tuồng. Tôi đã đóng vai Quang Trung - Nguyễn Huệ suốt 9 năm liền trong ba tác phẩm, ba tác giả khác nhau: Mịch Quang, Trúc Đường, Lê Duy Hạnh. Đây là một mô hình nhân vật anh hùng hoàn toàn mới. Khi xác định hoàn cảnh lịch sử của nhân vật - tính cách của nhân vật, tuyến hành động của nhân vật, quá trình sáng tạo hành động nhân vật, tôi phải chọn lọc trong các mô hình nhân vật tuồng truyền thống như Cao Hoài Đức - Đồng Kim Lân. Tuồng lịch sử tôi chọn các mô típ trong Trần Bình Trọng. Hoặc tiếp thu những hành động sắc nét trong vai Bao Công v.v... Nói chung, khi đóng các tác phẩm trước tôi rút tĩa, bồi bổ cho tác phẩm sau. Đến khi đóng vai anh hùng Nguyễn Trãi, một nhân vật hoàn toàn mới tôi phải ôn lại cả chặng đường dài sáng tạo nghệ thuật tuồng để rút ra các mô hình nhân vật kép võ, kép văn, pha võ như Đào Phi Phụng - Đồng Kim Lân.

Nhưng nói chung, các mô hình nhân vật mà tôi đã một thời chiếm lĩnh sân khấu, thì giờ đây đành gác lại vì Nguyễn Trãi một nhà thơ, nhà mưu sĩ, tác phong không giống quan võ, đâu có lắm

liệt oai phong, mà đôn hậu nho nhã. Tính chuẩn xác của động tác ngồi, bước đi, thế đứng, lời văn phải được diễn tả đúng, giọng hát phải mát, nhất là phong cách thật chuẩn mực. Đứng trước Lê Lợi thì phong độ ra sao? Hoặc trước tướng Vương Thông thì ứng xử thế nào. Đặc biệt là lớp dân Bình Ngô sách và đọc Bình Ngô sách vẫn là khó nhất khi diễn nhân vật này.

Kết quả, vai Nguyễn Trãi của tôi được thưởng huy chương vàng Hội diễn toàn quốc năm 1985. Nghệ thuật là sáng tạo, là khổ luyện để đi tới thành công.

Trên cơ sở sáng tạo thành công một số nhân vật anh hùng lịch sử, năm 1990, tôi mạnh dạn nhận đóng vai Hồ Chủ tịch trong vở "Sáng mãi niềm tin". Đây là thử thách lớn nhất trong cuộc đời làm nghệ thuật của tôi.

Thể hiện hình tượng Hồ Chủ tịch trên sân khấu Nhà hát tuồng Đào Tấn là khát vọng lớn lao của tôi từ nhiều năm tháng qua. Chúng tôi quyết tâm và thành kính mời Bác vào sân khấu tuồng. Tôi nghĩ Bác đã đến với sân khấu cải lương, kịch nói, với phim, vậy không có lý do nào Bác từ chối vào sân khấu tuồng, nơi mà sinh thời Bác đã đến, đã quan tâm, chăm sóc nó.

Là chỉ đạo nghệ thuật của Nhà hát, khi đọc vở "Sáng mãi niềm tin" của Lê Duy Hạnh, tôi thấy các nhân vật Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai hát tuồng được, thì có thể Bác Hồ cũng hát tuồng được.

Với tư tưởng dám nghĩ, dám làm, tôi quyết định dựng vở này nhằm mục đích thể nghiệm thêm một bước nữa trong việc tuồng với đề tài hiện đại. Tác giả Lê Duy Hạnh hỏi: anh đã nhận chuyển vở của tôi ra tuồng, vậy có dám đóng vai Bác Hồ không? Ban giám đốc Nhà hát và đạo diễn Hoàng Ngọc Bình cũng hỏi tôi có dám nhận đóng vai Bác Hồ không? Trước tình thế nếu tôi không nhận đóng vai thì không còn diễn viên nào của nhà hát dám nhận đóng vai tuồng đặc biệt này, tôi mạnh dạn nhận đóng vai Bác Hồ.

Từ lúc nhận kịch bản gốc đem chuyển thể đến khi dàn dựng xong phải mất một năm.

Một năm dựng vở "Sáng mãi niềm tin" và tôi tập vai Hồ Chủ tịch là một năm cả nhà tôi cũng rất bận khoăn lo ngại tuy có tin vào năng lực của tôi. Cả gia đình tôi làm nghệ thuật (hai vợ chồng con trai tôi làm ca sĩ, vợ chồng con gái út là nhạc sĩ và diễn viên vũ ba lê. Vợ chồng con gái giữa là diễn viên tuồng, vợ tôi là nghệ sĩ ưu tú ngành tuồng), tất cả đều lo lắng cho tôi trong việc đóng vai Bác Hồ, nhất là Bác Hồ hát tuồng thì càng khó vô cùng. Nói chung không tin là tôi có thể thành công.

Tôi bắt đầu nghiên cứu vai Bác Hồ bằng cách ôn lại những kỷ niệm tôi được gặp Bác. Khi Bác đến thăm Đoàn tuồng Liên khu V, những lần được phục vụ Bác và khách của Bác ở Chủ tịch phủ. Nhất là lần cuối cùng, sau đêm diễn phục vụ Bác, tôi chia tay Bác đi vào chiến trường B. Ngày trong nhà tù Mỹ - Nguy khi nghe tin Bác mất, tôi đã khóc, đã đau đớn xót xa ra sao. Có nhiều đêm trong tù, tôi nằm mơ được diễn trong Chủ tịch phủ với vai Đồng Kim Lân biệt mẹ. Tất cả những kỷ niệm ấy làm sống lại hình ảnh Bác trong tâm hồn tôi. Hình ảnh Bác đến với tôi ngày càng đậm nét, đã giúp tôi sáng tạo hình tượng Bác trong vở "Sáng mãi niềm tin". Tôi tập từ động tác như cách đi, dáng ngồi, đôi mắt, giọng nói... tập cách phát âm, âm sắc sao nghe hơi giống tiếng của Bác mà lại phải theo giai điệu tuồng. Cũng hát tuồng, nhưng Bác Hồ hát cách khác, không thể giống những nhân vật khác. Tôi nghĩ như vậy và gắng công tập cho được. Tiếp theo là phải gắn nhân vật Bác Hồ theo tình huống kịch. Chị Nguyễn Thị Minh Khai bị Pháp bắn tại pháp trường. Trước khi ngã xuống Nguyễn Thị Minh Khai gọi to "Anh Nguyễn...". Bác Hồ từ hậu trường đáp lại: "Minh Khai..." và Bác xuất hiện trong tình huống ấy. Câu hát đầu tiên của Bác:

*(Thế là giặc Pháp cướp mất em rồi. Ôi)
Quê hương mất một con người*

*Ra đi để lại cho đời tiếc thương
Tin về Pác Bó đêm sương
Phải chăng người đã trên đường về đây!*

Không gian kịch chuyển, Bác Hồ bên bờ suối Lenin. Để tập dáng ngồi sao cho giống Bác, tôi nghiên cứu những ảnh Bác ngồi đánh máy chữ, Bác ngồi viết, Bác ngồi tiếp khách v.v... Tôi chọn một động tác ngồi sao cho giống. Đến đoạn Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai về trong giấc mơ của Bác, hai người nhắc tới Lenin trong hiện thực, nhưng giờ đây trong mơ, đôi mắt Bác nhìn xa xăm. Bác Hồ lại hát:

*Đây là cảnh thật hay mơ
Đón đau xin gửi hồn thơ tới người*

Đến hết kịch, Bác Hồ đưa tay chào. Ở chỗ này, tôi tập theo ảnh Bác giơ tay chào đồng bào, nên cũng gây được hiệu quả cao.

Một điểm khá quan trọng là hoá trang vai Bác Hồ. Tôi thấy mình hơi béo và chiều cao còn thiếu nên phải nhờ vào tài năng của họa sĩ hoá trang nhưng không thể mời họa sĩ Nhữ Đình Nguyên được, đành phải mời họa sĩ địa phương. Anh là họa sĩ chuyên vẽ ảnh Bác Hồ nên đã giúp tôi thành công một phần về hình dáng bên ngoài. Đã có nhà báo viết: "Hoá trang 5 giờ, diễn 15 phút, đó là nghệ sĩ nhân dân Võ Sĩ Thừa đóng vai Hồ Chủ tịch".

Đêm sơ duyệt vở "Sáng mãi niềm tin", tất cả Nhà hát và khán giả đều hồi hộp chờ đợi cảnh Bác Hồ xuất hiện.

Phần tôi, tuy đã 50 năm trên sân khấu tuồng, đóng hàng trăm vai, chưa có vai nào trước lúc xuất hiện lại hồi hộp dồn dập như vai Bác Hồ. Tôi cố lấy lại bình tĩnh để ra sân khấu. Khi tôi vừa xuất hiện thì cả hội trường như không còn nghe một tiếng động nhỏ. Vở diễn kết thúc, người xem ồ lên sân khấu. Các cán bộ lãnh đạo địa phương và ê kíp sáng tạo ôm chặt tôi xúc động, có người rơi nước mắt. Anh Tô Đình Cơ - người có tâm huyết với nghệ thuật tuồng nói: "Thành công rồi, thành công rồi!".

Tuy vậy, vở mới sơ duyệt, hãy còn nhiều ý kiến đề nghị thêm chỗ này, bớt chỗ kia. Tôi và gia đình tôi suốt đêm hôm đó không ngủ. Con gái tôi nói: "Ba cứ làm những việc mà cả nhà cực khổ với ba. 15 phút diễn của ba là 15 phút cả nhà chết lặng. Nếu khán giả bảo không giống, không đạt thì quả là chết cả nhà. May mà vai Bác Hồ của ba được khán giả chấp nhận, đó là kết quả của cả năm trời lao động cực nhọc..."

Sơ duyệt rồi tổng duyệt. Cố vấn giáo sư tiến sĩ Đinh Quang trực tiếp nâng cao vở để tham gia liên hoan sân khấu chuyên nghiệp. Tại Nha Trang trước giờ biểu diễn, có nhà nghiên cứu thân mật nói với tôi: "Ông làm một việc tày trời, nếu thành công thì dậy trời, còn thảm bại thì việc cũng không nhỏ".

Nhưng vở diễn kết thúc, khán giả nồng nhiệt vỗ tay. Đạo diễn, nghệ sĩ ưu tú Tiến Thọ đã từng đóng vai Bác Hồ trong tuồng, xúc động nói: "Em phục thầy và cũng chỉ có thầy". Nghệ sĩ ưu tú Đàm Liên gục đầu vào người tôi nói khẽ: "Em lo quá. Ôi sợ quá, nếu anh đóng vai Bác Hồ không thành công thì danh tiếng của anh sẽ sa sút. Giờ thành công rồi em mừng không ngăn được nước mắt". Nghệ sĩ nhân dân Nguyễn Đình Nghi nói: "Bác Hồ hát tuồng rất ngọt, rất vào..."

Tôi nhận tám huy chương vàng với vai Bác Hồ. Đây là phần thưởng đặc biệt nhất trong cuộc đời làm nghệ thuật của tôi.

Tôi lại xác định: "Làm nghệ thuật thì phải sáng tạo và sáng tạo, khổ luyện và khổ luyện. Mà phải lao tâm càng nhiều, mồ hôi càng nhiều, thành công càng lớn. Nếu không lao động sáng tạo, không kiên trì, vượt khó khăn thì làm sao hoàn thành được nhiệm vụ lớn lao là thể hiện hình tượng Bác Hồ trên sân khấu".

HOÀI GIAO VÀ HÌNH TƯỢNG BÁC HỒ TRÊN SÂN KHẤU

ĐỨC TRUNG

Đi gần hết ngõ dài bên số nhà 47 phố Lãn Ông, bước vài chục bước trên cái cầu thang màu đen kêu cọt két, rung rinh, tôi mới đến được nơi ở của một trong những bậc “cao niên” của ngành sân khấu: nhà viết kịch quân đội Hoài Giao. Ông ở trong căn phòng hơi tối, đồ đạc giường tủ bàn ghế thì “tân cổ giao duyên” phản chiếu cuộc sống đậm bạc của nhà văn đã qua tuổi 78 mùa xuân với hơn 60 năm khoác áo lính. Mình “hạc” nhưng đầu óc ông vẫn minh mẫn, trí nhớ vẫn tuyệt vời, nói nhanh, nói khỏe như thời trẻ...

Tôi kính nể và gọi ông bằng cái tên ngưỡng mộ: “Pôgôđin Việt Nam” bởi nếu như nhà văn Xô Viết nọ đã có bộ ba vở kịch viết về lãnh tụ kính yêu V.I.Lênin, đã từng được nhà hát kịch Việt Nam dàn dựng và công diễn là các vở: *Chuông đồng hồ điện Kremlin*; *Người cầm súng*; *Khúc thứ ba bi tráng* thì nhà văn Hoài Giao cũng có 3 vở kịch xuất sắc viết về Bác Hồ. Đó là các vở *Lịch sử và nhân chứng*; *Khi lửa cháy trong tim* và nhạc kịch *Giai điệu tháng năm*. Ở ba vở kịch này, ông đã khắc họa khá phong phú, sinh động, chân thực về Bác Hồ kính yêu, nhà văn hóa lớn của dân tộc Việt Nam - những nét tiêu biểu ở một con người vừa vĩ đại, vừa bình dị, lãnh tụ đầy mà gần gũi với mỗi chúng ta biết bao...

Thật ra, trước ông cũng đã có người viết kịch về Bác Hồ, và cũng là “đại gia” của làng chèo. Đó là ông Hà Văn Cầu với vở *Người công dân số 1* (viết chung với ông Vũ Đình Phòng) được

dựng vào năm 1976 khi nước nhà vừa thống nhất, chào mừng đại hội Đảng IV. Sau đó là vở *Bài ca Điện Biên* của ông Tất Đạt... Nhưng với Hoài Giao, ông đã tìm cho mình một lối đi riêng trong việc xây dựng hình tượng Bác Hồ trên sân khấu.

Khi được hỏi rằng tình cảm suy nghĩ nào đã thôi thúc ông viết kịch về Bác, ông trả lời: Bác vĩ đại thì ai cũng biết, tình cảm của mỗi người dân Việt Nam đối với Bác lớn vô cùng, người cầm bút không dễ gì khi đưa hình ảnh Bác lên sân khấu. Việc đưa hình ảnh Bác lên sân khấu phải làm sao để mọi người chấp nhận, hiểu Bác hơn, tôn kính yêu thương Bác hơn, để lòng ta trong sáng hơn về một con người đã đi vào lịch sử mà mới như hôm qua còn sống bên ta như một người cha thân yêu, khó lắm chứ, nếu như không có tia lửa nào lóe sáng cho ta bắt đầu, thì tác phẩm chỉ là sự minh họa lịch sử khô khan và nông cạn.

Ta hãy dừng lại ở vở kịch *Lịch sử và nhân chứng*. Khai từ của vở kịch thật ấn tượng, trên nền nhạc *Bác Hồ một tình yêu bao la*, nắng ban mai trong vườn Phủ Chủ tịch, Người đang tưới hoa cây cảnh, rồi thanh thản ngồi xuống chiếc ghế mây viết *Di chúc* khi biết mình sắp phải đi xa. Tiếng Người vang lên âm áp: “Năm nay tôi 79 tuổi, là lớp người xưa nay hiếm, nhưng tinh thần đầu óc vẫn sáng suốt, tuy sức khỏe có kém so với vài năm trước đây. Nhưng ai đoán biết tôi còn phục vụ cách mạng, phục vụ Tổ quốc được bao lâu nữa. Vì vậy, tôi đề sẵn mấy lời này phòng khi có đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê-nin hay các bậc đàn anh khác thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bạn bè khắp năm châu khỏi cảm thấy đột ngột...” Giữa lúc ấy một nhà báo Pháp - Madelen Riffaud đến gặp Người. Đó chính là nhân chứng sống, quả cảm, thiện tâm và trung thực đi theo suốt câu chuyện kịch. Cảnh một là đêm giao thừa của Tết Độc lập đầu tiên, Bác đến thăm gia đình một ông già mù ở xóm lao động, thật ấn tượng và cảm động khi Bác ôm em bé đánh giày và ông già nói những lời

giản dị nhất: “Tết độc lập đầu tiên chính phủ còn nghèo, Bác chẳng có gì tặng các cô, các chú và các cháu ăn Tết, chỉ có mấy quả cam biếu cô chú để cúng giao thừa”... Mọi người trong gia đình và hàng xóm sang chơi vì nghe tin Bác đến, ai cũng cảm động mắt đỏ hoe... Tiếp đó những cảnh về sau tái hiện một cách chân thực bối cảnh của những ngày đầu cách mạng và hình ảnh Bác Hồ trong những thời khắc khó khăn đó. Trước những sóng gió như “trứng để đầu đặng”, phải cực kì sáng suốt khôn khéo, Hồ Chủ Tịch kính yêu của chúng ta mới lái con thuyền cách mạng ra khỏi thác ghềnh, giông tố tưởng chừng như không thể vượt qua nổi. Vở kịch có những cảnh hay và cảm động như cảnh Bác nói với đồng bào rằng: Hồ Chí Minh tôi không bao giờ là kẻ bán nước, xin đồng bào hãy tin vào chính phủ, cảnh Bác dặn dò anh lính công vụ... Để rồi kết thúc vở kịch là cảnh Bác Hồ với các cháu thiếu nhi Việt Kiều ở Pari. Bác nói với các cháu rằng: “Các cháu đang sống trên đất nước hoà bình, ấm no, hạnh phúc, đây là tổ quốc thứ hai của các cháu, rồi sẽ đến ngày Việt Nam cũng sẽ được sung sướng, ấm no như nước Pháp. Nào, chúng ta cùng hát bài Quốc ca của nước Pháp nhé”. Bác bắt nhịp cho các cháu hát theo Bác. Tiếng hát vang xa. Một kết thúc bộc lộ khát vọng lớn lao luôn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt cả cuộc đời Người. Đó là Độc lập, Tự do và Hạnh phúc cho nhân dân.

Giai điệu tháng Năm là vở nhạc kịch viết về quá trình chọn Quốc ca chính thức của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng Hoà. Khi ấy sắp đến ngày khai mạc quốc dân đại hội, đang ốm nặng nên Người cho mời nhạc sĩ Nguyễn Đình Thi đến để cùng Người chọn Quốc ca ngay bên giường bệnh. Điều lý thú ở đây là những đoạn đối thoại chứng tỏ tác giả hiểu rõ về Bác, sáng tạo ngôn ngữ biểu hiện rất đúng tính cách, tình cảm của Bác với nhân dân, với văn nghệ sĩ. Ví như khi nhận xét về bài hát *Tiến quân ca*, Bác nói: “Bài này rất hay, nghe rất khí thế, hào hùng, người viết

bài này rất hiểu lòng dân, lời bài hát lại ngắn gọn, dễ thuộc... Nhưng trong một bài Quốc ca có nên để những câu như “Thề phanhtây uống máu quân thù”?”. Nhạc sĩ Nguyễn Đình Thi vội nói: “Đề cháu cho sửa ngay ạ”. Bác vội ngăn lại: “Áy chớ! Ta không được tự động sửa, phải hỏi lại tác giả xem sao, rồi sẽ đem ra trình quốc dân đại hội...” Chỉ cần một chi tiết ấy thôi ta đã thấy ở Người những tình cảm cao đẹp mà gần gũi biết bao, trân trọng sáng tạo của nghệ sĩ, có thẩm mỹ cao và giàu tính nhân văn trong cảm tác nghệ thuật.

Một điểm nhấn quan trọng rất thiết thực với cuộc sống hôm nay cũng được tác giả Hoài Giao đề cập tới trong sáng tác của mình là nỗi lo lắng của Bác về việc phát hiện, bồi dưỡng và sử dụng nhân tài của đất nước. *Lửa cháy trong tim* và vở kịch nói về Bác Hồ với một trí thức Việt Nam tu nghiệp ở Pháp, ông Trần Đại Nghĩa. Bằng tài năng của mình, ông hoàn toàn có thể mưu cầu một cuộc sống phong lưu, một sự nghiệp danh tiếng ở nước Pháp hoa lệ. Vậy mà Bác đã thuyết phục được ông trở về nước, đóng góp sức mình cho công cuộc kháng chiến trường kỳ đầy gian khổ, khó khăn, thiếu thốn. Vở kịch đã toát lên được cái đức, cái tâm, cái tài của Bác trong công cuộc xây dựng thu phục nhân tâm và trọng dụng nhân tài - một vấn đề hiện đã trở thành bức thiết đối với quá trình phát triển của nước ta hiện nay. Và qua đó thêm một lần nữa chúng ta thấy được trí tuệ, tầm nhìn xa trông rộng của Người.

Nếu nói rằng nhà viết kịch lão làng Việt Nam - thiếu tá Hoài Giao đã thể hiện đầy đủ tính cách, tâm hồn, trí tuệ của Bác qua các tác phẩm của ông, e rằng hơi quá lời, nhưng với thái độ lao động nghiêm túc với lòng chân thành kính yêu lãnh tụ của dân tộc, bằng những tác phẩm của mình, ông đã giúp người xem cảm nhận được những vẻ đẹp lấp lánh trong tâm hồn Bác. Và đó chính là sự thành công, là niềm hạnh phúc người nghệ sĩ.

Giờ đây, khi cả nước đang tích cực hưởng ứng cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tôi đang tự hỏi không biết sẽ có bao nhiêu nhà viết kịch trẻ tiếp nối các cây bút lão thành, lịch lãm như: Hoài Giao, Tất Đạt, Hà Văn Cầu, Lưu Quang Hà,... đã ở tuổi xế chiều để hình ảnh vị lãnh tụ kính yêu mãi mãi trường tồn trên sân khấu.